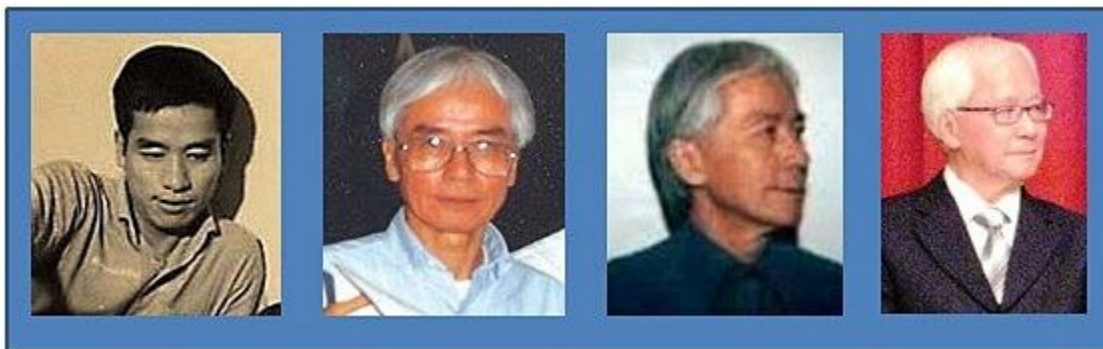


Tưởng Niệm Thi Sĩ CUNG TRẦM TƯỜNG (1932-2022)



Biên soạn:

Phan Anh Dũng

(Rockville, Maryland USA)

Thực hiện: 20 tháng 10 năm 2022

Vui lòng gửi thêm tài liệu và ý kiến xây dựng về: dathphan1@gmail.com



**Xin Báo Tin Cho Quý Chiến Hữu Không Quân VNCH
& Quý Thân Chiến Hữu Ái Mộ Thi Sĩ CUNG TRẦM TƯỜNG**

Thi sĩ Cung Trầm Tường, tác giả “Một Hành Trình Thơ – 1948-2018”, đã từ biệt dương thế hôm nay, Chủ Nhật, ngày 9 tháng 10 năm 2022 lúc 4:27 PM, giờ địa phương (tiểu bang Minnesota, USA)

Được biết, cách đây hơn tháng, Ông bị té sưng mặt mày, phải nhập viện. Hơn tuần qua, Ông phải mổ bàng quang. Ca mổ bình an. Nhưng sau đó, Ông bị viêm phế quản, phải mang ống thở. Sáng nay, rút ống, gia đình và bạn bè tiễn Thi Sĩ lên xe về...Trời.

*Lên xe tiễn Thi Sĩ đi xa
Trời mùa thu Minnesota,
Chưa bao giờ buồn thế...*

Có tin tức gì thêm, chúng tôi sẽ cập nhật.
Xin Kính Báo,
KQ Võ Ý

(LTS: KQ Võ Ý là một người bạn thân của Cung Trầm Tường, từng ở chung trong tù cộng sản sau 1975)

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin



in loving memory of

Nhà Thơ Cung Trầm Tưởng

February 28, 1932 - October 9, 2022

Thê danh: Cung Thức Căn

Hưởng thọ: 90 tuổi

CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ - SERVICE INFORMATION

Linh cữu được quản tại **Joseph S. Klecatsky & Sons Funeral Home**
1580 Century Point, Eagan, MN 55121

Thứ sáu, ngày 14 tháng 10 năm 2022 - Friday, October 14, 2022

- 9:00AM - 11:00AM: Lễ phát tang, cầu siêu - Blessing of the remain ceremony
- 11:00AM - 4:00PM: Thăm viếng - Visitation
- 4:00PM: Tụng kinh - Blessing
- 4:30PM - 6:30PM: Phát biểu cảm tưởng - Moments of sharing
- 6:30PM - 9PM: Thăm viếng - Visitation

Thứ bảy, ngày 15 tháng 10, năm 2022 - Saturday, October 15, 2022

- 9:00AM - 11:00AM: Thăm viếng - Visitation
- 11:00AM - 11:30AM: Lễ phủ cờ - Flag etiquette
- 11:30AM - 12:00AM: Lễ di quan, hỏa táng - Cremation

TANG GIA ĐỒNG KÍNH BÁO

Trưởng nam: Cung Thức Hồng Lai

Trưởng nữ: Cung Xuân Hằng, Cung Xuân Nga

Thứ nam: Cung Thức Hồng Triết, vợ: Nguyễn Ngọc Chiêu, và các con: Jimmy Nam Cung, Annie Rose Cung

Thứ nữ: Cung Xuân Ảnh

Thứ nam: Cung Hồng Lý, vợ Trương Nguyễn Ngân Giang, và các con: Nancy Lee Cung, Randy Cung

Thứ nam: Cung Hồng Tú, vợ Trần Thị Hồng Phúc, và các con: Sammy Cung, Amy Cung

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng, tác giả ‘Mùa Thu Paris,’ qua đời ở tuổi 90

**** Khôi Nguyên/Người Việt ****

EAGAN, Minnesota (NV) – Nhà thơ Cung Trầm Tưởng, tác giả của nhiều bài thơ nổi tiếng được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc như “Mùa Thu Paris,” “Chưa Bao Giờ Buồn Thế,”... vừa qua đời lúc 4 giờ 27 phút, chiều 9 Tháng Mười, tại bệnh viện United Hospital, thành phố Saint Paul, tiểu bang Minnesota.

“Bố tôi mất vì viêm phổi nặng và nhịp tim yếu quá!” Bà Hằng Cung, người con gái lớn trong bảy người con (bốn trai, ba gái) của nhà thơ, xác nhận với Nhật báo Người Việt. Bà Hằng Cung nói thêm: “Chúng tôi rất buồn, rất sốc về sự ra đi của bố. Nhưng cũng rất tự hào về bố, về các bài thơ nổi tiếng của bố được bác Phạm Duy phổ nhạc quen thuộc mà nhiều người biết.” Theo bà Hằng Cung, nhà thơ Cung Trầm Tưởng “tên thật là Cung Thức Cần, sinh ngày 28 Tháng Hai, 1932, tại Hà Nội, sau đó di cư vào Nam và sống tại Sài Gòn. Sau 1975 ông bị tù cộng sản, gia đình mất nhà và về sống với nhà bà nội tại đường Trần Hưng Đạo, Quận 1. Năm 1993 gia đình sang Mỹ theo diện HO, định cư tại thành phố Eagan, tiểu bang Minnesota, với sự giúp đỡ của nhạc sĩ Cung Tiến.”

Còn theo một người bạn của nhà thơ, cựu Trung Tá Không Quân VNCH Võ Ý: “Cung Trầm Tưởng là trung tá Không Quân VNCH, trưởng Phòng Kế Hoạch, Bộ Tư Lệnh Không Quân cho đến 30 Tháng Tư, 1975. Sau đó ông đi tù Cộng Sản 10 năm và qua Mỹ năm 1993.”

“Tôi cũng ở tù Cộng Sản 13 năm, ra tù sau Cung Trầm Tưởng, nhưng ở cùng ông trong các trại tù như Long Giao, hay Hà Tây ngoài Bắc,” ông Võ Ý cho hay.

Theo trang Wikipedia, Cung Trầm Tưởng bắt đầu làm thơ năm 15 tuổi (1947) và có tập thơ đầu tay tên là “Sóng đầu dòng” (chưa in). “Năm 1949, ông rời Hà Nội vào Sài Gòn, học tiếp trung học tại trường Chasseloup Laubat (nay là Trung Học Lê Quý Đôn). Năm 1952, sau một năm học đại học, ông sang Pháp du học tại Trường Kỹ Sư Không Quân ở Salon-de-Provence. Năm 1957, ông tốt nghiệp trở về nước làm trong ngành không quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.”

“Trong năm này, hai bài thơ của ông là “Mùa Thu Paris” và “Vô Đê” (thơ trường thiên) xuất hiện trong tuyển tập Đất Đứng của nhóm Quan Điểm (gồm Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng), và đã làm người đọc chú ý.

Năm 1958, ông đứng ra chủ trương tờ Văn Nghệ Mới và cộng tác thường xuyên cho các tạp chí Sáng Tạo, Hiện Đại, Nghệ Thuật, Văn, Khởi Hành...” “Trong khoảng thời gian này, nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc một số bài thơ của ông, đó là những bài “Mùa Thu Paris”, “Chưa Bao Giờ Buồn Thế” (Phạm Duy lấy tên bản nhạc là “Tiễn Em”), “Bên Ni Bên Nó”, “Khoác Kín” (Phạm Duy lấy tên “Chiều Đông”), “Kiếp Sau”, “Về đây”.... Tổng cộng trong 13 bài thơ trong tập Tình Ca của ông thì sáu bài Phạm Duy chọn phổ nhạc.”

Vẫn theo Wikipedia, “Năm 1962, ông sang Hoa Kỳ học về khí tượng, đậu Cao Học (Master) Khí tượng học tại Đại Học Saint Louis, Missouri. Sau đó, ông trở về Sài Gòn tiếp tục làm trong binh chủng Không Quân Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc cuối cùng là trung tá (1975).”

“Các tác phẩm của Cung Trầm Tưởng đã in: Tình Ca (Nhà xuất bản Công Đàn, Sài Gòn, 1959); Lục bát Cung Trầm Tưởng (Nhà xuất bản Con Đường, Sài Gòn, 1970); Lời Viết Hai Tay (Nhà xuất bản Imn, Bonn, 1994; thơ tù cải tạo); Bài Ca Níu Quan Tài (tác giả tự xuất bản, Minnesota, Hoa Kỳ, 2001 - thơ tù cải tạo); Một hành trình thơ (Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương, Falls Church, Virginia, Hoa Kỳ, 2012).”

Nhưng có lẽ, một trong những đoạn thơ của Cung Trầm Tưởng được người đời nhớ nhất là “Lên xe tiễn em đi/Chưa bao giờ buồn thế/Trời mùa đông Paris/Suốt đời làm chia ly...” trong bài “Chưa Bao Giờ Buồn Thế” được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc.

Khôi Nguyên/Người Việt



Từ trái: Giáo Sư Quyên Di, nữ tài tử Kiều Chinh và nhà thơ Cung Trầm Tưởng trong buổi ra mắt sách “Cung Trầm Tưởng Một Hành Trình Thơ 1948-2018” do Tủ Sách Tiếng Quê Hương, Diễn Đàn Giáo Dân, và Bạn Già Không Quân Nam California tổ chức ngày 17 Tháng Mười Một, 2019, tại nhà hàng Golden Sea, Anaheim. (Hình: Lâm Hoài Thạch/Người Việt)



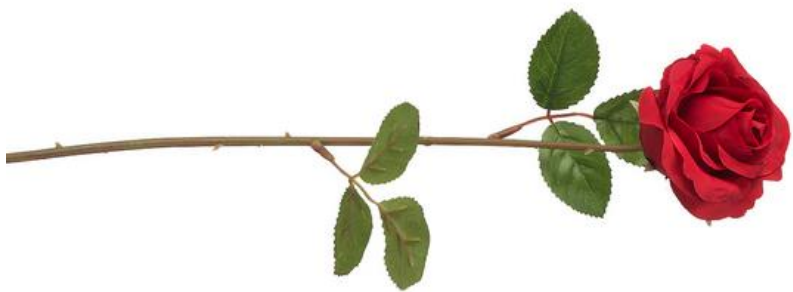
Cung Trầm Tưởng – Mùa Thu 2021 – Minnesota, USA

MỘT SỐ BÀI THƠ CỦA CUNG TRẦM TƯỜNG:

<https://www.thivien.net/Cung-Trầm-Tưởng/author-ke2uR9oul9ZzRvgwJTVDbQ>



Từ trái: Cung Trầm Tưởng, Thanh Tâm Tuyên, Tô Thùy Yên, Cung Tiến



Lễ tang nhà thơ Cung Trầm Tưởng

14 và 15 tháng 10, 2022



https://photos.google.com/share/AF1QipM516n2BhnBYCnqPmIoY3uWJ-g_H8GH8t2i92DiV3grPZaEE7N9rqW-g_i4bmVffJw?key=RGFWclZpd25YbGYwNnZkQXNoeC00WmxiMnFiWmhR























Minneapolis, MN 55113. Tel. (651) 482-7990 - Web: www.PhatAn.org. Email: chua_phatan@yahoo.com. Chùa Phật Ân 475 Minnesota Avenue Roseville, MN 55113. Tel. (651) 482-7990 - Web: www.

<https://www.phatan.org>



Vài Cảm Nhận Về Lễ Tang Thi Sĩ Cung Trầm Tường

Gia đình tổ chức tang lễ 2 ngày, thứ sáu 14/10/22 và thứ bảy 15/10/22, tại nhà quán Joseph S. Klecatsky & Son, Eagan, MN. Sau khi hỏa thiêu, di ảnh và bài vị Thi sĩ được đưa về thờ tại chùa Phật Ân, Minnesota.

Vào chiều thứ năm, trời mưa nhẹ và đổ tuyết từ khuya cho đến sáng thứ sáu. Nhìn tuyết rơi, tôi không thể không nghĩ đến câu ca trong bài Tiễn Em ‘*tuyết rơi phủ con tàu, trong toa em lạnh buồn...*’

Tham dự tang lễ, ngoài gia đình gồm 4 trai 3 gái, 3 con dâu và 6 cháu nội, còn có các nhân sĩ, đại diện Cộng Đồng và Hội Quân Nhân tại Saint Paul, Minneapolis.

Cung Trầm Tường là một Thi sĩ lớn của Miền Nam. Ông ra đi để lại nhiều thương tiếc cho gia đình, đồng đội, đồng hương. Nhiều vị gửi một nén tâm hương theo tôi qua Minnesota để tưởng niệm Thi sĩ. Cụ thể, các KQ ND Lê, NS TD Đức, Đặng Q, HD Ngoạn, các lão trượng TP Vũ, GS TH Bích, Vi Khiêm NV Liêm, TV Hải và NVNT & TTG, cô Diễm Nga, (phát biểu “Con Tắc Kè Trong Thơ CTT” dịp RM Một Hành Trình Thơ tại Cali, 2018), quả phụ GS NX Vinh, XNV đài Little Saigon Nhã Lan, NS BQ, BS PD Vượng, Cô TNTT, các kỳ nữ Phố Núi...



(Các con, dâu và cháu nội của Thi Sĩ CTT)

Ngày lễ tang đầu, thứ sáu, gồm Lễ Phát tang, Cầu siêu và Thăm viếng từ 11AM đến 4PM.

Phản Tưởng Niệm từ 4:30PM đến 6:30PM. Có 8 vị được mời phát biểu, gồm 2 chiến hữu KQ (trong đó có chúng tôi), 1 Hải Quân, 1 đại diện Cộng Đồng, 1 vị Chủ Tịch Hội Cựu Quân Nhân, 1 cháu trong BTC Lễ Tang, một nhân sĩ không thể tham dự, nhờ MC đọc bài viết sẵn và 1 cô trong tang quyến.

Hầu hết lời phát biểu đều thương tiếc một Thi Sĩ tài hoa qua những vần thơ mới lạ và lãng mạn. Hai vị nữ lưu đã nghẹn ngào khi nhắc đến người vừa năm xuống, đó là cháu Bambi Huyền Trân (Ban Lễ Tang, từng tổ chức Hội Ngộ vinh danh Thi Sĩ CTT tại Từ Bi Tự của cô vào năm 2021) và cô Oanh Lý, bà con với gia đình Cung tiên sinh.



KQ Võ Ý



Cháu Bambi Huyền Trân

Bài Phát Biểu của KQ Võ Ý (pdf):

<https://cothommagazine.com/CoThompdf/BaiPhatBieu-VoY-TangLeCTT.pdf>

Bài viết của vị nhân sĩ, bạn của thi sĩ tại địa phương, có những ghi nhận đặc biệt như sau: “...Trong lãnh vực văn hóa, ông (CTT) còn là một học giả nghiên cứu về triết lý và ngôn ngữ Tây Phương và Trung Hoa Cổ.../ Nói như Cao Hành Kiện – nhà văn Trung Hoa được giải Nobel Hòa Bình năm 2000 – thì người viết chính là một người bình thường nhưng mẫn cảm. Người viết không cần phải là phát ngôn viên của quần chúng, cũng không cần gồng mình lên để bảo vệ một chủ nghĩa nào, mà chỉ cần mang tiếng nói nhỏ nhoi của chính mình, nói lên cái hay, cái đẹp, cái khổ của cuộc đời và cùng mô tả thân phận con người. Đó cũng là trường hợp **Cung Trầm Tường: Một ‘ainsi parlait le poe’te’ (Thi Sĩ đã cất lời như vậy) gửi lại ngàn sau**” (1)

(1) “Ainsi Parlait Le Poète” là tựa của tập thơ Lời Viết Hai Tay do chính tác giả CTT viết:

...

“Lời Viết Hai Tay hình thành từ và muốn thể hiện quan điểm này qua thơ. Khi hai tay bị còng khóa số 8, khi hai chân bị cùm gong thiết diệp, khi thân xác bị trói gù lưng tôm, cái tâm của người thơ cũng trực tiếp bị xúc phạm, nhức nhối và khốn khổ. Tâm chập vào thể, ra một nhất nguyên. Người thơ tù biệt giam – tù của tù – lấy cái đầu viết hộ cho hai tay bị còng, làm thơ như chơi cờ tướng.

Thật là hạnh phúc!”

(Lời Viết Hai Tay – Một Hành Trình Thơ, trg 130)

...

Tôi đồng cảm với nhận xét sâu sắc trên đây của vị Cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, nhân sĩ Nguyễn Cao Đàm, thủ khoa Khóa 14, Niên trưởng của tôi. Bởi lẽ, trước khi vào cũi thiên thu, CTT gọi cho nhiều người thân, trong đó có tôi để bày tỏ một ý tưởng siêu hình:

*Một Tiếng Nói khai tâm từ Tĩnh Lự/ Hóa điệu đờ một thể ngữ tình anh.
Khúc giao thoa âm sắc đượm ân tình/ Hồn thi lữ cất lên lời hiếu tử (1)*

(1) “Thi nhân là con cách riêng của Thượng Đế. Thi nhân báo hiếu Thượng Đế bằng những vần linh thi ưu lương, diễm lệ, uyên áo và huyền vĩ mình sáng tác để ngợi ca Chúa Cha vinh hiển”

(Một Tiếng Hát Ưu Lương – Một Hành Trình Thơ, trg 643)

Từ ý tưởng này, tôi mạo muội viết 4 câu thơ tiễn, kính phúng Thi nhân:

*Cung Trầm Tường, con cách riêng Thượng Đế
Tô đẹp đời, bằng chữ nghĩa thi ca
Một Hành Trình Thơ, món quà hiếu tử
Anh mang theo, dâng kính đấng Cha Già*

Ngày lễ tang hôm sau, thứ bảy, từ 9AM đến 12AM là Thăm viếng, Cầu siêu, Phủ cờ, Di quan, Hỏa táng và đưa di ảnh về chùa.

Vì lý do kỹ thuật, Lễ Phủ Cờ không thực hiện được, thay vào đó, các cựu chiến sĩ của QLVNCH, lặng lẽ trong thành kính, chuyển quan tài cổ Trung Tá Không Quân Cung Thức Cần từ nhà quan lên xe tang để về lò thiêu.



(Cựu quân nhân viếng linh cửu CTT)



(Cựu quân nhân chuyển quan tài ra xe tang)

Đoàn xe trên 20 chiếc theo sau xe tang với hai mô tô cảnh sát dẫn đường, thật trang trọng.

Trước khi người con út bấm nút kích lửa, các cựu quân nhân xếp hai hàng trước lò thiêu, nghiêm chào vĩnh biệt một Niên trưởng tài hoa và khả kính, từng sát cánh với mình trong cuộc chiến bảo vệ Tự Do Dân Chủ của miền Nam dưới bóng cờ vàng ba sọc đỏ.

Sau đó, di ảnh của cố Thi sĩ được đưa về an vị tại chùa Phật An, Minnesota. Di ảnh hiền thể của Anh cũng được thờ tại đây, cách đây ba năm. Chắc hẳn, Anh rất vui khi gặp lại cố nhân mà một thời trong tù, Anh quay quắt thiết tha:

*Nhớ em trông ngóng hằng đêm/ Màn lay tường tóc, gối mềm tường da
Đội nghìn nắng, gội nghìn mưa/ Gương em tiết phụ thời xưa chờ chồng ...*
(Đường Vào Thiên Thu – Một Hành Trình Thơ)

*Đứng thế làm cha nuôi con dại/ Để nhà có nóc lúc chồng xa
Em đứng thay nam tròn chữ hiếu/ Thờ cha phải đạo, dưỡng mẹ già*

...
*Mỗi chữ thư em gầy nét liễu/ Anh ôm trên núi, ấp trong khe
Em là lửa ấm đêm đông rét/ Trận gió đem mưa đến hạn hè*
(Vô Vàn – Một Hành Trình Thơ)



(Thượng tọa Thích Hạnh Kiên)

Một sự kiện bất ngờ gây cho tôi niềm hân hoan. Trong Lễ Cầu Siêu, vị sư chủ trì buổi lễ, Thượng Tọa Thích Hạnh Kiên, (con của một Sĩ Quan Quân Y thuộc Sư Đoàn 22 BB của QLVNCH, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất), xướng Pháp Danh của cố Thi sĩ CTT là **Quảng Văn** (Pháp Danh của tôi là Quảng Kiến từ thời trung học).

Tôi nghĩ, đây là điều hệ trọng. Và tôi hân hoan không phải vì chúng tôi cùng chung một chữ Quảng mà vì CTT đã chọn nương theo Ánh Đạo Vàng.

Lễ tang của một người thân, nếu được cử hành theo nghi thức tôn giáo thì linh hồn người vừa nằm xuống sẽ được an ủi và ẩm cúng với chỗ dựa tâm linh.

Xin chân thành cầu nguyện hương linh Phật tử Quảng Văn nương theo lời kinh tiếng kệ mà yên nghỉ đời đời trong Cõi Tịnh Độ. Dù Thi sĩ đã quy y, tôi vẫn nhớ bài thơ Vạn Vạn Lý anh viết để “*tưởng nhớ những tù hùm đã tuần tử*”:

*Gió lên như địch thổi/ Đưa ai qua trường giang
Nay cô liêu bạt ngàn/ Tiến ta vào bất tử*

...
*Đã đi trăm hùm vĩ/ Xông pha lắm đoạn trường
Về làm đá hoa cương/ Gửi đời sau tạc tượng*
(Vạn Vạn Lý- Một Hành Trình Thơ).

Vâng, Thi Sĩ đã ra đi, di sản để lại cho đời, rất xứng đáng được đời sau tạc tượng. Mong thay!

Nhân lễ tang CTT, lòng tôi vui khi gặp lại Chiến Hữu ND Tuy và KQ NQ Thái, từng phục vụ tại Pleiku trước kia. Tôi cũng vinh hạnh gặp thêm một số bạn mới tại **xứ lạnh tình nồng** như các KQ Nhuệ Dương, Học Nguyễn, cháu Bambi và AC Thomas Cao.



(KQ Võ Ý, CH Tuy Nguyễn (Pleiku); KQ Thái Nguyễn (Pleiku); KQ Nhuệ Dương)

Chúng tôi đều nghĩ về sự vô thường của cuộc đời, *buông xuôi tay rộng sọ đầu*. Tất cả rồi cũng huyền. Còn chăng, sự tử tế và thân thiện lúc còn sống...

KQ Võ Ý
19/10/2022

CẢM Ạ *With Sincere Gratitude*

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân

- Thượng tọa Thích Hạnh Kiên, ĐĐ Thích Khánh Nhân, ĐĐ Thích Đồng Thắng và ban hộ niệm chùa Phật Ân
- Cô chú Nguyễn Tấn Đốc & Lý Hoàng Oanh - đại diện gia đình
- Ông Nguyễn Cao Đàm
- Ông Võ Ý - cựu PĐT 118 Bắc Đẩu
- Cựu Trung Ủy Nguyễn Học & Hội Cựu Chiến Sĩ QLVNCH Minnesota
- Ông bà Nguyễn Quốc Thịnh & Trần Thị Minh Phước
- Bambi Huyền Trân và nhóm Từ Bi
- Anh Nghĩa Nguyễn
- Thân bằng quyến thuộc, quý bạn bè thân hữu gần xa đã gửi hoa, lời chia buồn, phúng điếu và tiễn đưa thân phụ, ông nội chúng tôi:

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng

Thế danh: Cung Thức Cần - Pháp danh: Quảng Văn

February 28, 1932 - October 9, 2022

Hưởng thọ: 90 tuổi

đến nơi an nghỉ cuối cùng

Có vắng ta đi đời có quên?

Âm ti chôn lấp mấy năm liền

Một hồn còn vẫn vương đời lữ,

Còn ngóng nghe về lợi nẻo trên.

Đời ngoài mỗi lúc một cao thêm

Khi ta mỗi lúc mục xương mềm,

Ta sợ rồi đây đời xa tấp

Bỏ lại mình ta vầy giữa đêm.

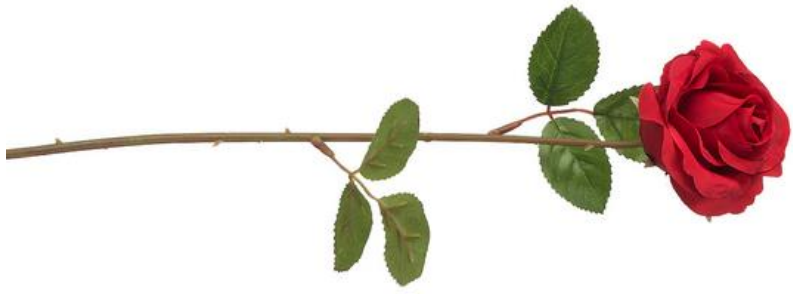
Có vắng ta đời đừng nên quên!

(Có Vắng Ta Đi-MHTT, 260)

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ suất, kính xin Quý vị niệm tình tha thứ.

Thank you for your flowers, warm sympathies, and contributions. Your presence and condolences are greatly appreciated.

Tang Gia Nhà Thơ CUNG TRẦM TƯỞNG ĐỒNG BÁI TẠ



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thi sĩ **CUNG TRÂM TƯỜNG**



Tên thật: **Cung Thức Căn**

Pháp danh: **Quảng Văn**

Sinh ngày 28 tháng 2 năm 1932 tại Hà Nội, Việt Nam
Đã từ trần vào ngày 9 tháng 10 năm 2022
tại thành phố Eagan, tiểu bang Minnesota, Hoa Kỳ

Hương thọ: 90 tuổi

*Thành tâm cầu nguyện hương linh Phật tử Quảng Văn Cung Thức Căn
sớm vẫn sanh Cực Lạc Quốc.
Xin thành kính phân ưu cùng toàn tang quyến.*

Ban Điều Hành & Biên Tập Cơ Sở Cỏ Thơm và một số thân hữu:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn, Tuệ Nga, Nguyễn Lân & Diễm Hoa, Hoàng Song Liêm, Uyên Thao, Nguyễn Văn Thành 23, Trương Anh Thụy, Hồng Thủy & Bùi Cửu Viên, Phạm Gia Hưng, Trần Quốc Phiệt, Lý Hiếu, Ý Nguyên & Phạm Bá, Trần Quốc Bảo, Nguyễn Phú Long, Ngô Văn Hòa, Đặng Nguyên, Diễm Châu, Nguyễn Mậu Trinh, Đỗ Bình, Phạm Thị Nhung, Trương Đình, Lê Minh Thiệp, Trịnh Bình An, Lê Thị Nhị, Lê Thị Ý, Việt Hải LA, Trần Chí Phúc ...





Chia Buồn

Nhận được tin buồn

Thi Sĩ CUNG TRẦM TƯỜNG

Đã từ giã cõi Trần
ngày 9 tháng 10 năm 2022
tại Minnesota, Hoa Kỳ.

Hưởng Đại Thọ 90 Tuổi

Chúng tôi, những thân hữu của Nhà Thơ
thành kính chia buồn cùng tang quyến.

Nguyên cầu hương linh Thi Sĩ
sớm về cõi Vĩnh Hằng.

- Trần Phong Vũ
- Trần Huy Bích
- Vô Ý
- Bà quả phụ Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh
- Trần Quang Tuyến
- Vi Khiêm Nguyễn Văn Liêm
- Việt Hải
- và nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật & Tiếng Thời Gian
- Nhà Lan

Chia Buồn

Nhận được tin buồn

THI SĨ CUNG TRẦM TƯỜNG KQ Trung Tá CUNG THỨC CÂN

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH BTLKQ

Vừa vút bay về Cõi Trời Thành Thang
Hưởng Đại Thọ 90 Tuổi

Chân thành chia buồn cùng các cháu.
Cầu nguyện hương linh Thi Sĩ Cung Trầm Tường
sớm Vãng Sanh Cực Lạc Quốc.

Một số KQ Nam Cali

QP KQ Nguyễn Xuân Vinh, QP KQ Phạm Ngọc Sang, các KQ
Bồ Đại Kỳ, Nguyễn Văn Úc, Nguyễn Duy Diễm, Hoàng Đình
Ngoạn, Nguyễn Đức Gia, Nguyễn Phụng, Võ Ý, Trần Duy
Đức, Phạm Đình Khuông, Lê Văn Sùng, Long Võ, Nguyễn
Hữu Phúc, Nguyễn Ngọc, Sơn Đặng, Trần Dật, Nguyễn Văn
Luyện, Lương Thế Hùng, Trần Đường, Nguyễn Việt Hùng,
Lâm Vĩnh Hiên, Nguyễn Hữu Toàn, Nguyễn Chấn Hải,
Nguyễn Diễm Nga, Đinh Đức Bản, Huỳnh Muội, Hiền Trần,
Trần Vê, Đỗ Văn Khanh, Lê Văn Sáu, Dương Việt Đăng,
Đặng Quỳnh, Nghê Minh Hiệp, Trần Văn Dung, Nguyễn
Thanh Tông, Dương Ngọc Như, Trần Ngọc Thạnh, Phạm
Văn Thiện, Lê Phước Quý, Trương Văn Huệ, Nguyễn Thành
Trung, Nguyễn Xuân Bách, Nguyễn Việt Trường, Tôn Thất
Kim, Huỳnh Xuân Thu, Châu Lương Cang, Nguyễn Quốc
Cân, Nguyễn Việt Sáng, Trần Văn Thanh, Huỳnh Văn Giàu,
Trần Việt Hưng, Nguyễn Thế Tông
và BDH Diễn Đàn KQVN - kqvietnam@googlegroups.com



PHÂN ƯU

Được tin buồn

Nhà Thơ

CUNG TRẨM TƯỜNG

Tác giả của bài thơ “Mùa Thu Paris”

Đã ra đi ngày 09 tháng 10 năm 2022


Tại Minnesota, Hoa Kỳ.

Hưởng Thọ 90 tuổi

Những người bạn cũ và cũng là bạn Từ Cải Tạo
xin chia buồn cùng Bà **Cung Trầm Tường**
và tang quyến.


Nguyện cầu **Hương Linh Thi Sĩ**
Cung Trầm Tường được sớm về cõi **Vĩnh Hằng**.

Gia đình bà Nguyễn Sỹ Tế





Nhận hung tin
Thi sĩ CUNG TRÂM TƯỜNG
Tức Ông Cung Thức Cần
Trung Tá HQ/VNCH
Sinh ngày 28-2-1932 tại Hà Nội Việt Nam
Vừa lên tàu miên viễn già từ thơ nhạc
ngày 9-10-2022 Tại Minnesota Hoa Kỳ

Toàn thể thành viên
TRUNG TÂM VĂN BÚT NAM HOA KỲ
ĐỒNG HƯƠNG TÂM CẦU NGUYỆN CHO HƯƠNG LINH
NGƯỜI QUÁ VANG HƯỞNG PHƯỚC VINH HẰNG.
Và đồng THÁNH KÍNH PHÂN ƯU cùng tang quyến.
Đại diện BCH/ TTUVBNHK
Vĩnh Tuấn



Phân Ưu


THƠ TIỄN BIỆT

*Cõi trần gian sống tạm thác gửi nhờ
Ta tiễn người bằng những ân tình thơ!*

*Tin Saint Paul thương tiếc buồn
Đời phù vân kiếp sống luôn vô thường!*

*Tiến anh về xứ an bình
Lệ lòng thương tiếc kính xin tạ từ!*

*Nay rồi xa cách âm dương
Chia tay vĩnh biệt khói hương chạnh lòng!*

VHLA xin tiễn đưa Cung Trầm Tưởng



Au grand poète qui vient de s'éteindre...

*A partir de maintenant, vous retournerez dans un beau paradis
Mais vous avez laissé des souvenirs si heureux pour beaucoup de vos amis
Alors je vous souhaite une paix éternelle
S'il vous plaît, dormez bien, mon grand poète comme vous.
Il existe de nombreux poètes célèbres de tous les temps, ...talentueux, mémorables,..
Prévert, Lamartine, Hugo, Baudelaire, Nguyễn Sa et Cung Trầm Tưởng.*

Une profonde tristesse pour moi et des sentiments de nostalgie pour celui qui s'est couché

Repose en paix mon cher poète

Les souvenirs me rendent fier de vous.

Bien cher grand ami, combien de poèmes vous allez me manquer...

Maintenant la vie avance sans vous

J'apprends à vivre sans votre image

J'apprends à vivre sans tes rires et tes joies

Et le son de tes voix familières

Vivons paisiblement dans le nouveau paradis

Dormez profondément, rêvez bien comme vous le feriez

Nous ne vous oublierons pas...

VHLA



TIN BUỒN

Nhà thơ

CUNG TRẦM TƯỜNG

vừa qua đời vào ngày 9 tháng 10 năm 2022
tại Minnesota (Hoa Kỳ), hưởng thọ 90 tuổi

Trang VHNT Phạm Cao Hoàng xin chia buồn
cùng gia đình nhà thơ. Nguyện cầu linh hồn
người quá cố sớm yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng

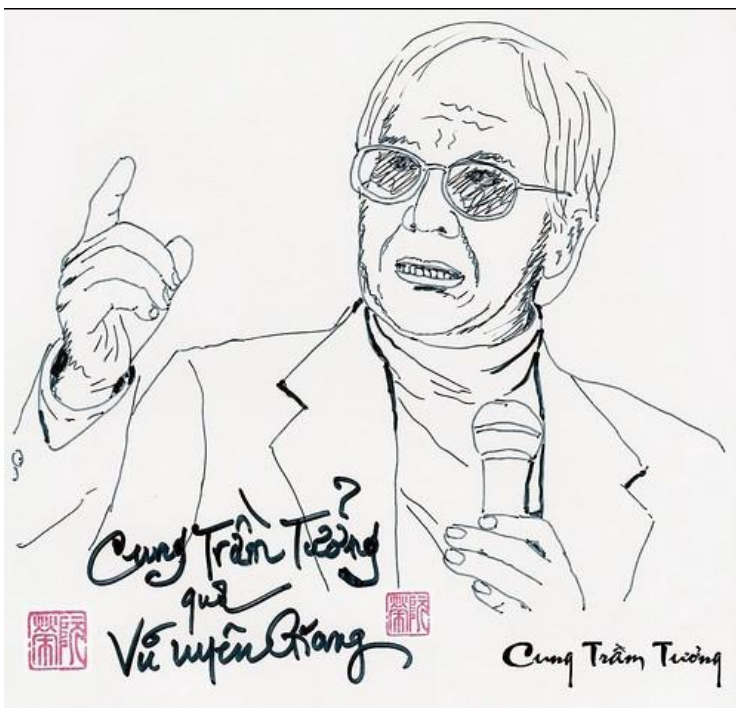


Vĩnh Biệt Cung Trầm Tường - Trần Văn Lệ

Cung Trầm Tường đã không còn! Anh nằm đó, cái xác đó, cái hồn bay đâu?
Người thân anh đến, cúi đầu, bạn bè anh đến, nói câu kính chào!
Phản tôi, tôi biết làm sao? cách ngăn sông, suối, cách nào mà thăm?
Ngày xưa, đã rất xa xăm, chúng ta hai đứa hành quân khác miền...
Mỗi người một nhiệm vụ riêng, tròn trăng khuyết nguyệt ngọn đèn Lyon!
Không chia tay đã nỡ nùng, giờ, chia tay nói không cùng... tiễn đưa!
Cung Trầm Tường đi vào thơ... từ ngày xưa với bây giờ, thế thôi!
Núi sông cách trở nhau hoài, tù chung một chữ, tình hai hướng buồn...
Anh đã mất! Anh không còn! Câu Kinh khời quyện vô thường có, không!
Phạm Duy nắm bắt ngũ cung / vẽ ra âm nhạc đau lòng anh chưa?
Nói là chưa là chưa, chưa... núi sông chất chật con đò mình bơi...
Trời của anh vẫn bầu trời, có mây trắng, có ngọc xuôi, có tình!
... có Los Angeles, có Paris, có hình / anh bay trong khói, anh nhìn như sương!

GIÃ BIỆT THI SĨ CUNG TRẦM TƯỜNG- THƠ TÌNH THƠ TỰ ĐẸP THẨM

**** Trần Chí Phúc ****



Chiều chủ nhật 9 tháng 10 năm 2022, tại tiểu bang Minnesota, Hoa Kỳ, thi sĩ Cung Trầm Tường vẫy tay giã từ giới yêu thơ ông sau 90 năm rong chơi cõi đời (1932-2022); để lại những câu thơ đặc biệt trong vườn thơ Việt Nam. Tên thật của ông Cung Thúc Cần, họ Cung là họ hiếm thấy ở quê hương và bút hiệu là Cung Trầm Tường nghe hay hay.

Danh tiếng ông vang xa khi 2 bài hát Tiễn Em và Mùa Thu Paris do nhạc sĩ Phạm Duy phổ từ thơ Cung Trầm Tường do một số ca sĩ hát đầu thập niên 1960 được giới yêu thơ nhạc Miền Nam thời đó yêu thích. Năm 1952, lúc đó 20 tuổi, thanh niên họ Cung du học nước Pháp ở Paris và có tình với người con gái bản xứ. Những cảm xúc thời sinh viên đó trải vào bài thơ Mùa Thu Paris và Chưa Bao Giờ Buồn Thế (Phạm Duy đổi thành Tiễn Em khi phổ nhạc).

Cũng là thơ tình chia ly nhưng bối cảnh là kinh đô hoa lệ Paris và người yêu là cô gái Pháp tóc vàng mắt nâu là nét mới mẻ trong dòng thi ca của Sài Gòn đầu thập niên

1960. Cho nên khi 2 nhạc phẩm này xuất hiện được nhiều người yêu thích, nhờ tài phổ nhạc của Phạm Duy và những ca sĩ nổi tiếng thời đó trình diễn. Thử nghe và đọc lại mấy vần thơ “*Lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế, trời mùa đông Paris suốt đời làm chia ly*”; “*Mùa thu Paris, trời buốt ra đi, hẹn em quán nhỏ, rừng rưng rượi đổ tràn ly... Mùa thu nơi đâu, người em mắt nâu, tóc vàng sợi nhỏ, mong em chín đỏ trái sầu.*”

Mùa thu lá vàng Paris đẹp, mùa đông tuyết phủ ga tàu Lyon ở ngoại quốc nhưng qua dòng thơ Cung Trầm Tưởng, câu nhạc Phạm Duy và những tiếng hát ngọt ngào thủ đô Sài Gòn thì trở thành bài hát rất tình tự, gần gũi với người nghe ở quê nhà. Sau gần 70 năm, 2 ca khúc này vẫn còn rung động thính giả.

Nhạc sĩ Phạm Duy không phổ nguyên bài thơ, ông sửa đổi, cắt xén và đôi lúc đặt thêm ca từ cho thích hợp với câu nhạc của bài hát. Bài hát phổ thơ phải có giai điệu, phải có câu nhạc (melody) để dễ nhớ dễ hát. Nó khác với Hát Thơ mà thời hiện đại có người khi làm công việc phổ thơ, đã gắn những nốt nhạc vào từng chữ thơ một cách phi nghệ thuật, khiến bài hát trở nên khô cứng, giai điệu kém quyến rũ và tầm thường hóa công việc phổ nhạc từ thơ.

Nhắc tới bài hát Tiễn Em thì cách đây nhiều năm, người viết hỏi nhạc sĩ Phạm Duy rằng trong nhạc phẩm Tiễn Em có câu “*Nơi em có trăng soi, anh một mình ở lại...*” nếu hát câu nhạc giống như “*Lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế...*” thì chữ “*lại*” trở thành chữ “*lái*”. Cho nên nhiều ca sĩ đã phải sửa chữ “*ở lại*” thành “*thương nhớ*”, “*rét giá*”. Và Phạm Duy trả lời rằng, đúng ra chữ “*lại*” thay vì hát nốt Đô thì phải luyến láy gồm 3 nốt Mi Sol Đô, diễn tả giống như tiếng nấc nghẹn ngào của chàng trai tiễn biệt người yêu.

Vì 2 bài hát phổ thơ Cung Trầm Tưởng là Tiễn Em và Mùa Thu Paris quá nổi tiếng cho nên nhiều người không chú ý đến những bài thơ lục bát đặc sắc của ông trong tập thơ Tình Ca xuất bản năm 1959 như Kiếp Sau: “*Bù em một thoáng trời gần. Đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi. Bù em góp núi chung đôi. Thiêu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ.... Non sông bóng mẹ sầu u. Mòn trông ngưỡng cửa chiều lu mái sầu.*” Chữ “*bù*”, “*sầu u*”, “*chiều lu*” nghe lạ mà hay.

Sau khi Sài Gòn thất thủ tháng 4 năm 1975, thi sĩ Cung Trầm Tưởng bị tù Cộng sản 10 năm và năm 1993 ông mới đến được Hoa Kỳ. Trong thời gian ở tù, không có giấy

bút nhưng ông làm nhiều bài thơ, đọc cho bạn tù nghe và nhờ họ ghi nhớ trong đầu để mai này ra tù mà phổ biến cho đời.

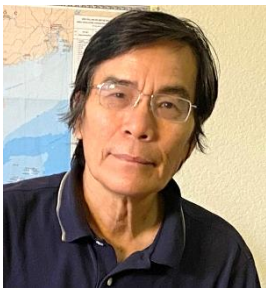
Hai tập thơ *Núi Lầy Quan Tài* và *Lời Viết Hai Tay* được coi là *Tù Sử Thi*, ghi lại một quãng đời gian khổ ngục tù của ông ở Hoàng Liên Sơn năm 1977. Mời đọc mấy dòng thơ trong bài *Vạn Vạn Lý*: “*Chấn song đan u ám. Sần sùi nhóp nhúa đen. Ran ran nhạc đế mèn. Nhòn như cười chẫu chuộc... Võ võ rơi tàn thuốc. Phà khói vào hơi sương. Xa xưa trống lên đường. Tiếng quân hô hào sáng...Mưa về gióng lê thê. Nai kêu nguồn đầu đò. Xưa nay tù ngục đở. Mấy ai đã trở về?”*

Hoặc mấy dòng lục bát “*Áo tù thấm máu đôi vai. Hai chân chém nửa vành tai gió lùa. Ngó tay bỗng thấy già nua. Cửa em thân xác mấy mùa thu qua. Môi cần má hóp thít da. Ngó voi miệng chén canh pha nước bùn. Đêm nằm rộng ruột vai run. Đầu kê tiếng súng chân đùn bóng đêm...”*

Từ một chàng thanh niên đến nước Pháp du học văn minh Tây phương, làm thơ tình yêu nồng nàn; rồi trở về nước làm việc cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, rồi sau 30 tháng 4 năm 1975, vận nước đổi thay, thi sĩ *Cung Trầm Tường* tiếp tục làm thơ trong ngục tù *Cộng Sản*.

Dòng thơ ông sau này đổi khác như ông đã từng nói rằng cảm ơn lịch sử đã giăng cái bẫy bắt ông mười năm ở tù để thơ ông mở ra, có hệ lụy và có trách nhiệm; rằng khi dân tộc rướm máu thì thi sĩ phải đổ máu, phải đảm nhận sự đau khổ của dân tộc, tạo ra ngôn ngữ- ngôn ngữ của đau khổ...

Những dòng thơ tù của *Cung Trầm Tường* là nét rất riêng như cuộc đời thăng trầm của ông, tả nỗi đau của dân tộc trong một quãng lịch sử trầm luân, nỗi đau của những gia đình ly tán vì thời thế đổi thay trong đó có gia đình ông. Dòng thơ tình và dòng thơ tù và tạo nên một hành trình thơ 60 năm, đẹp, thấm, của thi sĩ *Cung Trầm Tường*, nét chất ngất tình yêu cùng nét đớn đau lịch sử.



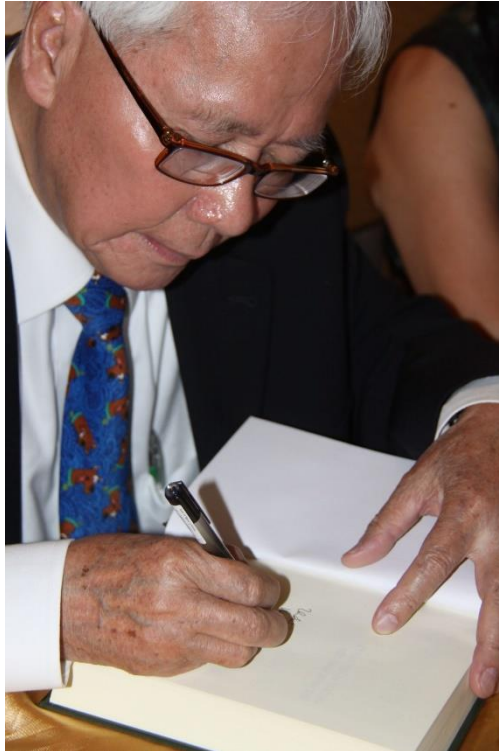
Giã biệt thi sĩ *Cung Trầm Tường*, 90 năm cõi nhân sinh cũng đủ cho ông suy gẫm vận nước. Mỗi người chúng ta sống trong một khoảng năm tháng ngắn so với dòng sinh mệnh của dân tộc. Vườn thi ca Việt Nam có đóa hoa đẹp mang tên ông. Giã biệt ông, xin hát câu “*Lên xe tiễn em đi chưa bao giờ buồn thế!*”

Trần Chí Phúc

Bặt một Cung Trầm

Tưởng niệm Thi sĩ Cung Trầm Tưởng

Trịnh Thanh Thủy - 13 tháng 10, 2022



Cung Trầm Tưởng (ảnh: Uyên Nguyên)

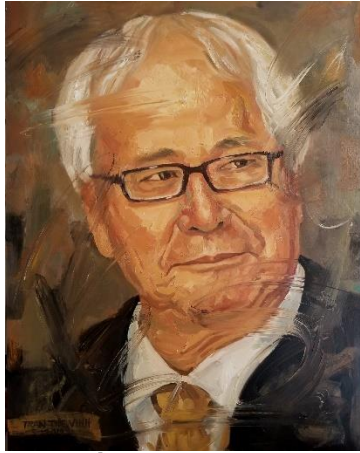
Được tin Thi sĩ Cung Trầm Tưởng mất, tôi bỗng chợt thấy như mình vừa mất một cái gì thật quý báu, như ...”*Chực rớt cái gì dường thủy tinh...*” (thơ Cung Trầm Tưởng) . Có một cái gì đang lóng lánh chợt tắt ngấm vào không gian. Thật vậy, chúng ta vừa mất đi một nhà thơ lớn, một vóc dáng thơ thật thân quen trong thế giới thơ ca mà tôi và nhiều người hằng yêu mến.

Cung Trầm Tưởng cuối cùng rồi cũng già từ nỗi buồn phổ xá. Thôi không còn nghe tiếng bi ai, tiếng guốc gõ nhịp đêm hạ, tiếng xe lăn ngoài tha ma, mà tìm về ánh lửa ấm cúng chập chờn nào đó ở phía bên kia bờ biển ngàn. Mơ hồ đâu đó là tiếng rạn nứt trong như pha lê của một đêm say, tôi cảm được phút chia biệt phải đến, đành nói câu già từ, ngừng giấy bịn rịn. Ừ, ông phải lên đường, phải rời tay rồi, sương thu có rơi,

heo may có lạnh, thì ánh đèn của gã dẫn đường cũng chấp chới đưa ông ra khỏi lòng phố thị để đi về nẻo ngoại ô, phía bên kia trời rồi.

Xin thấp nén hương lòng tiễn ông đi về miền phương ngoại thật thông dong....

Mùa thu Paris đã im hơi, rượu đỏ đã đổ xuống, người em mắt nâu giờ xa ngái, trái sầu cũng rụng theo chiếc lá công viên ngoài kia theo tác giả bài thơ “Mùa thu Paris” bất hủ. Phạm Duy đã đưa “Mùa Thu Paris” và “Tương Phản- Bên Ni, Bên Nó” của Cung Trầm Tưởng vào lòng muôn triệu người Việt, giờ ông đã có dịp gặp lại người nhà thơ lòng mình lên khuôn nhạc của ông, ở một cõi tịnh xa xôi nào đó.



Chân dung Thi sĩ Cung Trầm Tưởng (Tranh họa sĩ Trần Thế Vĩnh)

Tình cờ làm sao, ông lại ra đi vào mùa thu, để lá vàng cùng ào ạt đổ xuống tiễn chân ông. Tôi nhớ những đêm mưa buồn nằm nghe Khánh Ly thổn thức bài “Bên Ni, Bên Nó” mà thấy lòng mình chùng xuống hoang liêu đến vô cùng. Hình ảnh, âm thanh, ngôn từ, ngữ nghĩa của bài thơ tự do khó phổ này đã được Phạm Duy phổ nhạc, tôi thấy phải nói là hay tuyệt vời. Giọng hát Khánh Ly thật cao vút trong âm thanh của dàn nhạc thâu âm trước 1975 ngày ấy, đã thăng hoa được toàn vẹn bài thơ phổ nhạc rất sâu sắc và khó hát này. Có lẽ ít người nghe, biết bài hát này như bài “Mùa Thu Paris”, nhưng với tôi đây là bài hát gây cho tôi nhiều ấn tượng.

Tương Phản

*Đêm chớm, ngày tàn
Theo tiếng xe lăn về viễn phố
Em ơi!
Sương rơi*

Ngoài song đêm hạ
Ôi buồn phố xá...
Hoang liêu về chết tha ma
Tiếng chân gõ guốc: người xa vắng người
Em có nghe dồn giã
Bước ai vất vả
Bóng ai chập chờn
Hồn ai cô đơn
Say sưa tìm về ấm cúng
Em có nghe bi ai
Tình ai ấp úng
Thương ai lạc loài
Ăn mày sáng lạn một ngày mai
Đêm nay say đất lở
Em có nghe rạn vỡ
Ra muôn mảnh ly rơi
Pha lê vụn chuỗi cười
Bên nó dạ thành khoe tráng lệ
Trơ trên giai nhân phô loã thể
Bên ni phố vắng lòng ngoài ô
Em có nghe mơ hồ
Bước ai thao thức
Gỗ nhịp hện hò
In dài ngõ cụt
Bóng ai giang hồ
Bên nó bên ni đêm lạnh cả
Lạnh đêm mà chẳng lạnh vương phòng
Em ơi bên trong
Dù chia ly đôi phút
Đồng mang nhớ đèo mong
Hai tâm hồn giam kín
Bốn mắt xanh bịn rịn
Anh ngồi làm thơ
Anh ngồi bấm đốt con thơ ra đời
Bên ngoài liếp ngõ sương rơi
Bên trong kín gió ấm ơi là tình!...

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành bài hát "[Bên ni, Bên nó.](#)"



Cung Trầm Tưởng ở Luxembourg thời sáng tác bài thơ “Mùa thu Paris -1954” (Ảnh: SD6KQ Blog)

Nói về mình, Cung Trầm Tưởng có lần đã tâm sự, “Tôi sinh ra để làm thơ, mà là thơ buồn, nên tôi chọn tên mình là “Cung Trầm Tưởng”. Ông dùng nhiều thể thơ khác nhau để làm thơ nhưng có lẽ nhiều nhất là lục bát. Những bài thơ ông làm sau 1975, về quê hương, chiến tranh và tù đày trong thời gian 10 năm tù cải tạo, phần lớn là lục bát. Tuy nhiên những bài thơ khiến ông nổi tiếng lại những bài thơ tự do hay 4, 5, 7 chữ trong tập “Tình ca” mà ông làm trước 1975. Trong thơ tình ông tụng ca thiên chức của người nữ, trân quý, âu yếm, dịu ngọt và cảm thông.

Thai Nghén

*Da em thai nghén trái ươm xanh
Xót vị me chua đến ngái mình.
Qua chăm chút mớm giâm mầm mạ
Chực rớt cái gì dường thủy tinh.
Trái hút nhựa san cành uốn trĩu
Lay e có thể sẩy nhân giòn.
Dấu ân cần dựng công trình đỡ,
Sợ đổ dập vui hồn nhú non.*

Anh cúi hôn tay dài nõn ngón,
Mắt hiền diệu ẩn ánh tà hôn.
Anh ôm vóc dáng em mềm lụa,
Gió thổi bay lên tóc ả bông.
Anh giấu em trong cánh tay ngăn,
Rào em cách biệt một không gian.
Quanh em chỉ có hồ êm lặng,
Không thác và không nước lũ ngàn.
Mắt anh đèn bão thấp đêm thâu.
Em ạ, ngực đây em gói đầu.
Vai đây chỗ tựa hồn nao núng
Rồi lặng lẽ chờ phút trở đau.
Cứ ngủ đi em yên thắm mộng.
Đắp trên bụng mẹ yếu và thiêng
Tình anh che chở làm mềm ấm.
Mang nặng đẻ đau ôi! đức mẹ hiền.
Ấm ủ trong em huyền diệu lý
Âm dương giao hưởng, máu chan hoà.
Nay nằm ngậm rễ rau liên ruột,
Mai mở miệng chào tiếng khóc oa.
Mai nở nà tươi phơi ánh sáng
Thiên nhiên kiến trúc một mô hình,
Một kỳ tích viết lên da dẻ
Sức sống bùng bùng nét hiển vinh.
— 1951

Là một người từng học trường Tây và du học tại Pháp, ông đọc thơ Charles Baudelaire và cảm phục người nữ Baudelairien để cảm tác mấy vần tụng ca như sau:

Em ướp trầm hương ngan ngát thánh
Ngồi trong đời cũng ngự ngời trên
Em gần gũi cũng thiêng khôn kể
Dạy dỗ thi ca ý niệm đền
Bát quái thu trong lồng ngực nõn
Ngũ hành tụ lại bàn tay thon
Rốn em trái đất bày phương trận
Vũ trụ trồng ươm mô thức tròn
Là khởi sự cùng là kết thúc,
Đầu nguồn mạch nước, cuối dòng sông,

*Em sinh sôi những áng cầu vồng
Trước Sách Ước đến sau cùng Lịch Sử.*



Hình kỷ niệm cùng bằng hữu. Hàng đứng từ trái: NAG Nguyễn Văn Liêm, NAG Nick Út, Trịnh Thanh Thủy, NB Ông Như Ngọc, NAG Thái Đắc Nhã; Hàng ngồi: MC Trần Quốc Bảo, TS Cung Trầm Tưởng, Khách mời, NB Vũ Phương Dung. (Sept. 12, 2014)

Thơ tù ca nói về tù đày, chiến tranh và thân phận con người, ông viết rất nhiều và may mắn được bạn tù yêu thơ ông đã bảo mật, thuộc lòng hay giấu kỹ và mang giúp thơ ông ra hải ngoại. Nếu không, công an phát giác, ông chỉ còn là một nắm xương khô nằm ở một nơi đèo heo hút gió nào đó của Hoàng Liên Sơn.

Bóng mẹ chiều thu

– Kính dâng Mẹ

*Mẹ gầy guộc đến thăm con hấp tấp,
Quả gánh về chiều sập ở non Tây.
Mưa gió quất lạng tre cong phần phật,
Bóng mẹ mờ lặn khuất giữa mù mây.
Đất lầy lội, đường quê trơn khắp khểnh,
Mẹ long đong lặn độn dáng lưng gù.
Mảnh trời xám kềm gai rào bầu nát,*

Mẹ đi rồi sao xác cả trời thu.
Mẹ là mẹ chú em nào hình sự ?
Dáng lưng gù làm nhớ đến mẹ tôi,
Mẹ nẻo xa mưa nắng ất bồi hồi,
Ai đỡ mẹ đi nghiêng sầu goá bụa ?
Mưa gió quất lưng tre còng vất vả,
Vóc mai kia na ná nét hao mòn
Của mẹ ruột quặn đau cho tiếng khóc
Đến cuối đời lại chong bóng chờ con.

Con của mẹ giờ nằm trong ngục thất,
Vận nước nghèo lại gặp phải thời xui,
Bao thanh xuân hảo vọng bị chôn vùi,
Đồng lúa mới chết non từng nhánh mạ

Trời Nam ấy huyên rơi vàng mấy lá?
Chiều nơi đây trời giá phủ sương đầy.
Xin thử hỏi lòng con như tác cổ
Sao báo đền tình mẹ ngất toà mây.

Con xin hứa, lại một lần nữa hứa
Nợ ơn đời sẽ trả trọn nay mai,
Đỡ mẹ đi thư thái nốt đường dài
Để có một lần vì con mẹ ngẩng mặt.
— Trại tù Hoà Bình 1978

Trong chặng đường dài 90 năm tại thế, ông để lại rất nhiều sáng tác nhất là sau năm 1975. Ông đã gom tất cả lại trong cuốn “Một hành trình thơ 1948-2018”, gồm 7 thi tập. Bạn đọc yêu thơ ông có thể tìm đọc cuốn sách này trên trang web của Việt Tide.

Tiểu sử ngắn

Cung Trầm Tường, tên thật là Cung Thức Cần, sinh tại Hà Nội. (1932-2022) Năm 15 tuổi bắt đầu làm thơ, và có tập thơ đầu tay tên là *Sóng đầu dòng*. Học trung học tại trường Chasseloup Laubat, Sài Gòn. Du học tại Pháp, Trường Kỹ sư không quân ở Salon-de-Provence. Tốt nghiệp trở về nước phục vụ trong binh chủng Không quân của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, với cấp bậc cuối cùng là Trung tá. Dưới chế độ cộng sản, ông bị bắt đưa đi cải tạo 10 năm trong tám trại giam và thả về với thêm ba năm quản chế.

Định cư tại Hoa Kỳ, tốt nghiệp Cao Học Khí Tượng tại Saint Louis University, Hoa Kỳ và Quản Trị An Ninh Quốc Gia và Tài Nguyên Quốc Phòng Hoa Kỳ- hậu đại học.

Hai bài thơ của ông là “Mùa thu Paris” và “Vô đề” (thơ trường thiên) xuất hiện trong tuyển tập *Đất đứng* của nhóm Quan Điểm (gồm Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng) đã làm người đọc chú ý. Ông chủ trương tờ *Văn nghệ mới* và cộng tác thường xuyên cho các tạp chí *Sáng tạo*, *Hiện đại*, *Nghệ thuật*, *Văn*, *Khởi hành*...

Phạm Duy đã phổ nhạc một số bài thơ của ông, đó là những bài “Mùa thu Paris”, “Chưa bao giờ buồn thế” (Phạm Duy gộp lại và lấy tên là “Tiễn em”), “Bên ni bên nớ”, “Khoác kín” (Phạm Duy lấy tên “Chiều đông”), “Kiếp sau”, “Về đây”... Tổng cộng trong 13 bài thơ trong tập *Tình ca* của ông thì 6 bài Phạm Duy chọn phổ nhạc.

Tác phẩm của Cung Trầm Tưởng đã in:

- *Tình ca* (Sài Gòn: Công đàn, 1959)
- *Lục bát Cung Trầm Tưởng* (Sài Gòn: Con đường, 1970)
- *Lời viết hai tay thơ tù cải tạo* (Bonn: Imn, 1994)
- *Bài ca náu quan tài thơ tù cải tạo* (tác giả tự xuất bản, Minnesota, Hoa Kỳ, 2001)
- *Một hành trình thơ* (Falls Church, Virginia: Tiếng Quê Hương, 2012)



Cung Trầm Tưởng, Phạm Duy, Ng Cao Yên – thời trẻ

Xin Tiền Một Tài Hoa 🙏🌹

(tác giả không tên – bài từ trên mạng)

😞🙏 Trung tá **Cung Thức Cần**, trưởng phòng kế hoạch của binh chủng **Không Quân Việt Nam Cộng Hòa** vừa tạ thế. **Thọ 90 tuổi.**

Ông được người đời biết đến nhiều qua bút danh **Cung Trầm Tường.**

Ông là người Hà Nội, di cư vào Nam năm 1949, làm thơ từ năm 15 tuổi.

Ông học trường Tây, đỗ tú tài, học Đại Học được một năm thì đi du học ở Pháp, ngành Kỹ Sư Không Quân. Không thuộc về diện "bay bổng".

Về nước, ông phục vụ trong ngành Không Quân. Và lại đi du học Hoa Kỳ một lần nữa, 1962, để học về Khí Tượng.

Cấp bậc cuối cùng năm 1975 của ông là Trung Tá.

Dù thuộc binh chủng Không Quân, nhưng ông "kẹt" lại Việt Nam ngày 30-4-1975.

Ông bị 10 năm tù cộng sản, quản thúc 3 năm.

Năm 1993 ông và gia đình được định cư ở Hoa Kỳ diện H.O

🙏🍀 Với một kẻ hậu sinh và thô lậu, ít học như cá nhân chúng tôi, không đủ khả năng và tư cách để viết về Ông ấy.

Trong những nhà thơ tiền bối của nước Việt Nam Cộng Hòa, cá nhân chúng tôi "cảm" cổ nhà văn Hoàng Hải Thủy hơn. Vì ông ấy có một chút gì "giang hồ trí thức". Cách hành văn, kiến thức của cổ nhà văn Hoàng Hải Thủy cho người ta một cảm giác rất gần.

Trái với nhà thơ Cung Trầm Tường.

Ông ấy thuộc về lớp nhà thơ "Quý Tộc". Văn chương của Ông, siêu thực và lãng mạn. Cách dùng chữ của cổ nhà thơ, thì những kẻ phàm phu tục tử như chúng tôi phải vắt óc ra mà suy nghĩ.

Tuổi trẻ miền Nam, có ai mà không ngheu ngao một lần câu:

"Lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế... Trời mùa Đông Paris, suốt đời làm chia ly..."

Thật ra lời thơ của ông không như bài nhạc mà cổ nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc.

Ông làm bài thơ này lúc ông còn quá trẻ. Tuổi 20, đẹp trai phong độ, dù là dân thuộc địa, nhưng cũng đã làm cho những em tóc vàng sợi nhỏ, mắt nâu đem lòng yêu.

Trường phái thi ca lãng mạn đã được nhà thơ Cung Trầm Tường nâng lên tột đỉnh.

Và nó đã trở thành một khuynh hướng cho lớp người thời đó.

🌹 *Đem chuông đi đấm xứ người
Đấu không thanh lịch cũng người Tràng An.*

Người Hà Nội xưa có khác.

Chiến cuộc kết thúc bẽ bàng trong tủ nhục.

Văn học miền Nam với những tài hoa như nhà thơ Cung Trầm Tưởng, bị đày đọa trong tù. Và đây là thời điểm Hồn Thơ Bật Máu.



Nếu nhà thơ Tô Thùy Yên với trường thi Ta Về, trong đó có câu:

Vĩnh biệt ta, mười năm chết đập

Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn xưa...

Mười năm mặt đập soi khe nước

Ta hóa thân thành cỏ vượn xưa...

Thì cổ nhà thơ Cung Trầm Tưởng với những lời thơ phẫn nộ hơn mà Cựu Trung Tá Võ Ý gọi là Nộ Thơ. Cái gì đã làm cho một hồn thơ lãng mạn như Ông Cung Trầm Tưởng phải phẫn nộ. Chúng ta hãy cùng nhau đọc những lời Nộ Thi của cố Trung Tá.

** Đòi tù bất trắc mây vô định*

Lá cỏ ngày nào sẽ rụng rơi

Phiến tròn sẽ gãy khô từng phiến

Giữa chốn hoang vu tịch mịch đời."

Và đây là một nét riêng của nhà thơ lãng mạn Cung Trầm Tưởng, dĩ nhiên khi trở thành tù nhân của cộng sản, họ bị đày đọa, bỏ đói, bịnh tật không thuốc men, bắt lao động khổ sai, mục đích là dùng cực hình để giết dần mòn những người thua trận, họ phải phẫn nộ:



Cái đau vì nắng rần rần

Vì thâm thù mới rần rần gớm hơn

Mồ hôi tuột cán cuốc trơn

Nắm cho chặt nổi căm hờn này nghe

Một nhát quắm sâu dang đứt phứt

Nghe vùi hun hút một phiến âu

Hai nhát tông bay rên xiết nửa

Nghe chôn u uất bốn buồn rầu

Một quắm, hai tông, ba phạt núi

Bốn tông năm quắm sáu băng rừng

Từng ấy rừng băng chân cứng đá

Mai về đập vỡ cửa lao lung

Hãy chặt chặt sâu tông phứt phứt

Hãy phang phang gắt quắm ào ào

*Mai về đạn nháy ngay nòng súng
Trực chỉ đầu thù nổ thật mau.*



Lời thơ thật phần nộ phải không các bạn. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay. Nhà thơ Tô Thùy Yên trong trường thi Ta VỀ, có nói lên niềm mơ ước rằng khi chiến tranh tàn, toàn dân cùng chung sức chung lòng dựng lại giang sơn:

*Tường tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta ngựa đá đã qua sông
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc bể dâu này...*

Chỉ có những tâm hồn trinh bạch mới nghĩ được như thế, nhưng không, đòn thù của những người thắng trận, bủa xuống đầu anh em. Không thù hận mới lạ? Hơn 200 ngàn tù nhân thuộc diện Quân Dân Cán Chính miền Nam bỏ xác trong tù. Không hận mới là lạ!



Nhà thơ lãng mạn Cung Trầm Tưởng có những lời thơ như thế này về chế độ:

** Nó công vua Lê và Chúa Mác
Về quê cha, giết mẹ hiền lành
Tang sô bạc trắng đầu con trẻ
Cổ nút sân trường, chợ vắng tanh.**

Nhà thơ Tô Thùy Yên nói về đất Bắc trong những ngày tháng đó:

*Chỉ có thể trời căm đất nín
Đời im lìm đóng vầng xanh xao*

Thì nhà thơ Cung Trầm Tưởng lại đi vào chi tiết hơn:

**Bàn thờ gỗ tạp chung ba ảnh
Mốc ẩm thời gian mất nhạt nhòa
Giấy chứng nhận chồng là liệt sĩ
Hai con: bươm mộng về cùng cha
(một nhà có ba cha con cùng bỏ xác ở miền Nam)*

Nhà thơ Tô Thùy Yên khi được thả về:

*Ta về nghe tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
..... Ta gọi thời gian sau cánh cửa*

*Nỗi mừng ràn rụa mắt ai sâu
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Hè nhà bụi chuối thức canh trâu...*

Thì nhà thơ Cung Trầm Tưởng lại rõ ràng và tách bạch hơn:

**Đêm Kinh Tế Mới ngủ bờ
Về thành phố cũ ngủ nhờ sân ga
Ngủ công viên, ngủ tha ma
Xóa tên "hộ khẩu" ngủ nhà vạ gian
Ngọn đèn lý lịch ly kỳ
Cha là "Ngụy" phạm trường quy con rồi*



Nguyệt Ánh với nhạc phẩm Cái Cò:
*Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo nuôi chồng nuôi đủ đàn con
Cái cò ngày nay không còn gánh gạo
Bán giọt máu đào khoai sắn cầm hơi..*

Thì Cung Trầm Tưởng:
*Có chồng mà tưởng như chồng mất
Hương nhang đã cháy ở trong lòng
Em là dòng dõi nàng Tô Thị
Nghìn năm hóa đá vẫn chờ mong
Tóc vấn phong ba em đứng mũi
Một thuyền lèo lái cõi Càn Khôn*

Và thê thảm hơn:
*Liêm thù lại hái thêm cô phụ
Chồng chết nằm co mảnh chiếu tù...*

Những tù nhân chính trị thuộc hàng ngũ Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa là những tinh hoa của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa. Cho dù ở phương diện nào Họ cũng hơn hẳn những người thắng cuộc. Từ văn thơ đến quân sự, hành chánh, giáo dục, điều hành quốc gia. Nhưng có lẽ là vận nước lâm vào thời mạt vận. Ông Cung Trầm Tưởng là một người trong thế hệ đó, một thế hệ sắp mai một. Những chuyến tàu thiên cổ đang chờ Họ. Nhưng đó cũng là chuyện bình thường Sinh Lão Bệnh Tử.

*Đất gọi người đi buồn biết mấy
Sông dài chỉ chảy một dòng trôi.*



Cầu Cho Linh Hồn Cố Trung Tá Yên Nghỉ

Cọc chết để da. Nhà thơ chết để lại cho đời những vần thơ bất hủ.

Bài viết của kẻ hậu sinh thất phu này như một nén nhang lòng tiễn đưa Trung Tá.

*Gió lên như địch thổi
Đưa ai qua trường giang
Nay cô liêu bạt ngàn
Tiễn ta vào bất tử
Đau thương là vinh dự
Chân đi hất hồng trần
Anh hùng phải quên thân
Hy sinh là tất yếu.*



Rest In Peace Cố Trung Tá



Nhớ Cung Trầm Tưởng

Nguyễn Đức Tùng ♦ 13.10.2022



Nhà thơ Cung Trầm Tưởng

Khi một thi sĩ ra đi, người để lại điều gì? Để lại những câu thơ lộng lẫy, làm giàu cho tiếng Việt.

Khi tôi lắng nghe một bài thơ của Cung Trầm Tưởng, và những lời của ông trong ca khúc phổ thơ, tôi nhìn thấy tác giả, người trẻ tuổi những năm sáu mươi đi giữa châu Âu nhớ về đất nước mình. Tình yêu ấy từ xa, mà rất gần. Hầu hết chúng ta đều ao ước được dấn thân vào đời sống, vào sự vận động của dân tộc, trên những mảnh đất riêng biệt nơi chúng ta sinh ra. Lịch sử biến động, những số phận hào hùng và bi thảm, để lại dấu ấn sâu trong thơ Cung Trầm Tưởng, giữa những nhà thơ miền Nam khác, trôi dạt. Có cần thiết không, tan tác chia lìa để tìm lại với nhau? Tôi không biết, nhưng từ những ngày đầu, từ khi xa Hà Nội, Cung Trầm Tưởng đã mang theo trong tim mình những ám ảnh thật đẹp về quê hương. Thơ tình của các nhà thơ Việt thường khởi đầu từ quê hương, từ người con gái mà ta gặp lần đầu tiên trên góc phố, bên giếng nước. Nhưng Cung Trầm Tưởng là người đầu tiên bắt đầu từ một tình yêu phương Tây.

*Người em mắt nâu
Tóc vàng sợi nhỏ*

Đó là sự kết hợp mới mẻ, gần như đầu tiên, Đông và Tây trong thơ Việt. Trước đó trong thơ tiền chiến, chúng ta chưa gặp những hình ảnh ấy. Nhưng tình yêu ấy không hoàn toàn xa lạ với chúng ta, với tâm hồn Việt Nam. Tôi có nhiều dịp trò chuyện trên điện thoại, và một lần gặp ông ngoài đời, tôi thấy ông là một người hiền lành, chất phác, cả tin. Trong thơ ông có cả hai thứ ấy: một tài hoa ngôn ngữ và những xúc cảm đậm thắm, chất phác lạ lùng. Ngôn ngữ Cung Trầm Tưởng ở những bài hay nhất bao gồm lối nói hồn nhiên và những chữ xuất thần, các hình ảnh liên tưởng, gần như bước nhảy (leap associations), gần như siêu thực.

Tính nhạc trong thơ, sự trùng điệp, phép luyến láy, nói chung là nhịp điệu, là phương cách duy nhất mà con người như những nạn nhân của lịch sử có thể nuôi dưỡng trầm tích quá khứ. Ông hình như lúc nào cũng có một điều gì muốn bày tỏ, thơ có khuynh hướng biểu hiện rõ ràng. Những bài thơ về sau là một loại thơ làm chứng của người đi qua những thăng trầm chiến tranh và sau chiến tranh. Có một sự pha trộn khó giải thích của khuynh hướng lãng mạn, chịu ảnh hưởng của thơ Pháp, và một ngôn ngữ hiện đại, đôi khi dị thường. Cung Trầm Tưởng làm thơ nhiều, càng về sau càng nhiều, nhưng ít được phổ biến. Càng về sau, ông càng nghiêng về một loại trữ tình tự sự. Đó là thơ nhân chứng pha lẫn những đức tin tôn giáo, pha lẫn tình yêu và tình dục, các nguyên mẫu văn hóa và các giai thoại.

Trong thời đại của thơ tự do, ông vẫn thường xuyên trở lại với lục bát, và giữ được sự trầm tư, tiết kiệm, như trong những bài đầu tiên.

*Tặng em một gã lo xa
Vành trăng tươm tất, bình hoa bày bàn*

Bây giờ thì nhà thơ không cần phải lo xa nữa, ông để lại cho chúng ta một vành trăng ngôn ngữ thật tươm tất, một bình hoa tình yêu mỗi người có thể dùng bày bàn buổi sáng trắng tinh.

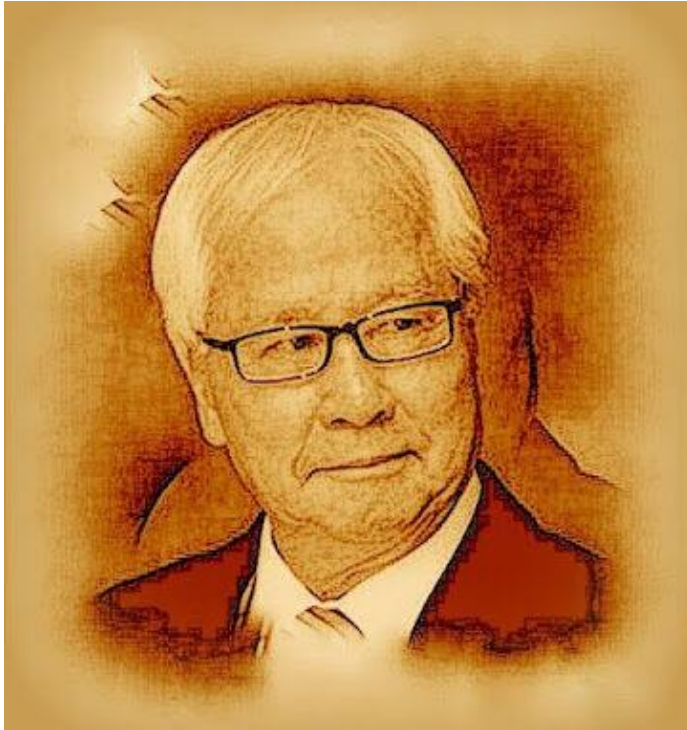
Nhớ ông, là nhớ một thi sĩ. Được nhân gian nhớ như một thi sĩ, có gì hơn thế nữa?

Nguyễn Đức Tùng

Thanksgiving, 10. 10. 2022

CHIỀU THƠ NHẠC CUNG TRẦM TƯỜNG TRONG BÙI NGÙI THƯƠNG TIẾC

Khánh Lan - October 18, 2022



THI SĨ CUNG TRẦM TƯỜNG (1932-2022)

Nào ai có thể đoán trước được rằng **CHIỀU THƠ NHẠC THÍNH PHÒNG CUNG TRẦM TƯỜNG** do Liên Nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật & Tiếng Thời Gian (NVNT & TTG) tổ chức ngày 20 tháng 11, 2019 đã là ngày cuối cùng mà anh em trong nhóm hội ngộ cùng thi sĩ Cung Trầm Tường. Dù là đã bao lần nhà văn Việt Hải và nhóm dự định làm một chuyến đi chơi và thăm người thi sĩ tài ba họ CUNG. Tiếc thay NVNT & TTG chưa thực hiện được ước nguyện thì thi sĩ đã ra đi, ra đi trong sự thương tiếc của mọi người và thế giới thi ca đã mất đi một một nhà thơ đáng kính. Xin ghi lại đây những kỷ niệm năm xưa cùng thi sĩ.

NHỚ VỀ CHIỀU THƠ NHẠC CÙNG THI SĨ CUNG TRẦM TƯỜNG NĂM NAO

Khánh Lan biên soạn



Từ trái sang phải:

Hàng thứ 1: NS Bích Ty, GS Quyên Di, GS Dương Ngọc Sum, KTS Nguyễn Văn Liêm, TS Cung Trầm Tường, NV Việt Hải, CS Minh Tâm, Minh Châu, NS Dương Hồng Anh, CS Thúy Anh, Tổ Đoàn, Mai Hương.

Hàng thứ 2: CS Nhật Uyên, CS Thụy Lan, NS Quốc Sĩ, phu nhân của NV Việt Hải: Lệ Hoa, NV Khánh Lan và phu quân của CS Thúy Anh

Những hạt mưa đầu mùa nhẹ nhõm với tiết trời lạnh lạnh, như nhắc nhở chúng ta “**Nàng Thu**” đang hiện diện nơi đây và sắp sửa ra đi, để nhường lại cho những ngày đông lạnh giá sắp đến. Và như một sự tình cờ ngẫu nhiên, Liên Nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật & Tiếng Thời Gian đã tổ chức buổi chiều nhạc thơ để chào đón một nhà thơ rất thân quen, mà hầu như tất cả chúng ta đều biết đến từ đầu thập niên 60: Thi sĩ Cung Trầm Tường khi ông ghé qua Orange County, California.

Đây cũng là buổi họp mặt lần thứ năm mà Liên Nhóm NVNT & TTG đã chào đón Thi sĩ Cung Trầm Tưởng, từ miền Minnesota lạnh lẽo về thăm thành phố “Tiểu Saigon”. Buổi nhạc thơ được tổ chức tại Cordoba Plaza Club House, thành phố Westminster, California trong bầu không khí ấm cúng và thân mật.

Mặc dù chương trình bắt đầu lúc 4:00 giờ chiều, nhưng mới 3:30, đã có khá đông những thân hữu yêu thơ Cung Trầm Tưởng, xếp hàng chờ sẵn ngoài cửa. Ngoài sự hiện diện của các thi sĩ và văn sĩ, như Nhà thơ Dương Hồng Anh, Nhà thơ Hồng Vũ Lan Nhi, Nhà thơ Cát Ngọc, Nhà thơ Tha Nhân, Nhà thơ Việt Cường, Nhà thơ Bích Ty, Nhà Văn/Giáo sư Dương Ngọc Sum, Nhà Văn Việt Hải, Nhà Văn/Giáo sư Quyên Di, và Nhà Văn Nguyễn Quang Huy, Nhà Văn Võ Ý ... còn có sự góp mặt của ký giả Uyên Vũ (báo Người Việt), Ca sĩ Thúy Anh, KTS Nguyễn văn Liêm, NAG Lê Hùng, v.v...



NV Việt Hải và Khánh Lan



TS Cung Trầm Tưởng và Khánh Lan

Mở đầu chương trình, Khánh Lan giới thiệu và chia sẻ cảm nghĩ của mình về tập thơ **“Cung Trầm Tưởng, Một Hành Trình Thơ, 1948-2008”**. Tập thơ này được xuất bản tại Virginia, Hoa Kỳ, năm 2012 và tái xuất bản lần thứ nhất tại California, Hoa Kỳ, năm

2019. Thi sĩ Cung Trầm Tưởng cho biết đây là tập thơ cuối cùng và ông rất hài lòng và hãnh diện khi cho tập thơ này ra đời.

Trong tập thơ, thi sĩ Cung Trầm Tưởng ghi rõ chi tiết của từng giai đoạn, những cảm xúc của mình theo dòng thời gian, qua những thăng trầm của cuộc đời cũng như vận nước nổi trôi trong suốt 60 năm qua. Thi sĩ Cung Trầm Tưởng cũng không quên ghi lại những điểm son trong đời và những cảm xúc của mình qua những chặng đường gian khổ, đau thương, nhớ nhung, uất ức, tuyệt vọng, phẫn nộ và hận thù mà ông đã đi qua.

Ngoài hai bài thơ bất hủ, có thể nói là vượt thời gian và làm nên tên tuổi của ông, là bài “Mùa Thu Paris” và “Chưa Bao Giờ Buồn Thế”, không thể nào không nhắc đến những vần thơ, mà Thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã sáng tác trong trại tù tại Hoàng Liên Sơn vào mùa thu năm 1977. Những vần thơ nặng nét đau khổ và tuyệt vọng của người thua cuộc, đã làm thay đổi hoàn toàn những suy nghĩ trong thể thức sáng tác thơ của ông, những vần thơ lãng mạn khi xưa, vội vàng xếp lại để nhường chỗ cho những lời thơ sắc xảo, cay đắng và chai cứng như sau:

*Áo tù thấm máu đôi vai
Bàn chân nứt chém, vành tai gió lùa
Môi cắn má hóp thịt da
Ngô voi miệng chén, canh pha nước bùn.*

Nhưng cũng không thể nào sánh được với những vần thơ mà Thi sĩ Cung Trầm Tưởng đặt tên cho nó là “Nộ Thơ” khiến người nghe qua phải rùng mình khiếp sợ:
*Mai về đạn nháy ngang nòng súng
Trực tri đầu thù mổ thật nhanh.*

Chiều nhạc thơ tiếp tục với những bài hát nổi tiếng của Thi sĩ Cung Trầm Tưởng, đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc như “Tiễn Em” và “Mùa Thu Paris”, qua sự trình diễn của ban hợp ca Tiếng Thời Gian. Ca sĩ Thúy Anh với nhạc phẩm “Mình Ở Ở Lại Đùng Về” và “Paris Có Gì Là Không Em”. Ca sĩ Nhật Uyên với bài “Bên Ni Bên Nó”. Cũng không quên nhắc đến Nhạc sĩ Nguyễn Vũ (phu quân của Ca sĩ Thúy Anh), Nhạc sĩ/Guitarist Quốc Sĩ và Nhạc sĩ Keyboardist Tú Phạm đã giúp cho phần âm nhạc trở nên sôi động.

Tiếp theo phần văn nghệ là phần nhận định của nhà văn Việt Hải (anh cũng là con chim đầu đàn của Liên Nhóm NVNT & TTG) về hai bài thơ tiêu biểu thuộc thể loại

“Thơ Mới” của thi sĩ Cung Trầm Tưởng: “Núi Và Suối, Một Huyền Sử” và “Phồn Thực Ca”.

Trong bài “Núi Và Suối, Một Huyền Sử”, Thi sĩ Cung Trầm Tưởng kể lại khi ông ở trại tù Hàm Tân, tức trại Z30D, thuộc tỉnh Bình Thuận, nơi có suối nước trong và rặng mây tào, đã cho ông nguồn cảm hứng để sáng tác bài thơ này.

*Đáy mắt có chiều sâu tráng lệ
Tháp chàm ảnh ảo ngâm hoàng hôn.*

Bài thứ hai là “Phồn Thực Ca”, Thi sĩ Cung Trầm Tưởng kể lại thời trai trẻ, khi ông còn là một phi công, trong một công tác ở miền tây, ông đã gặp và để ý đến một cô giáo dạy học tại đây, có nhan sắc tuyệt vời và hình bóng ấy đã đi vào hồn thơ của người thi sĩ trẻ, tạo nên nguồn thơ cảm hứng và ông đã sáng tác bài thơ ca tụng vẻ đẹp của cô giáo như sau:

*Em ướp trầm hương ngân ngát thánh
Ngồi trong đời cũng ngự ngai trên...*

Nhà Văn Việt Hải kết thúc bằng nhận xét như sau, anh nói, thơ của Thi sĩ Tagore và Thi sĩ Cung Trầm Tưởng có điểm tương đồng về những triết lý thâm trầm của vũ trụ, con người, cuộc sống, hạnh phúc, tình yêu, đề cao con người và triết lý nhân sinh.

Chiều nay, cũng là buổi chiều mừng sinh nhật và chúc thọ Thi sĩ Cung Trầm Tưởng tròn 90 tuổi. Nhà Văn Việt Hải nhắc đến bài thơ Đêm Sinh Nhật mà thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã sáng tác khi ông 29 tuổi, tại Đa Kao, Saigon. Bài thơ viết theo thể loại 6-8, nói lên nỗi cô đơn của Thi sĩ Cung Trầm Tưởng. Đêm ấy, 50 năm về trước, cũng có mưa rơi như chiều nay, nhưng hôm nay, Thi sĩ Cung Trầm Tưởng không còn cảm thấy cô đơn, vì quanh ông, đã có rất nhiều người yêu mến ông và yêu mến cả thơ của ông nữa. Bài thơ “Đêm Sinh Nhật” được thi sĩ Bích Ty diễn ngâm để mừng sinh nhật thứ 90 của ông.



Mừng Sinh Nhật TS Cung Trần Tường



Từ trái sang phải:

Hàng 1: CS Mạnh Bồng, MC Thụy Trinh, Minh Châu, CS Thụy Lan.

Hàng 2: Lệ Hoa, TS Cung Trần Tường, NV Nguyễn Quang, NV Việt Hải, NS Bích Ty

Sau bữa ăn tối, Thi sĩ Cung Trầm Tưởng say sưa phát biểu về những sáng tác, quan điểm, nguồn cảm hứng, nổi xúc động của ông qua thơ văn. Ông nói về những kỷ niệm khi ông du học tại Paris, nơi ông đã sáng tác những bài thơ có nhiều phong thái lãng mạn, qua những ảnh hưởng bởi đời sống, văn hóa Âu Tây, nhóm văn học hiện sinh (Existentialisme) và nhóm thơ triết học (Philopoésie)...Thi sĩ Cung Trầm Tưởng tâm sự, “*Thơ là sự chuẩn mực từng từ ngữ thích hợp, cho tỏa sáng ý tưởng mình muốn nói*”.

Và sau cùng, Nhà Văn Quyên Di bình luận về chủ đề “Thi sĩ Cung Trầm Tưởng, Một Gương Mặt Văn Học Của Việt Nam”. Ông nói: “Thi ca Cung Trầm Tưởng có những ý tưởng tôn giáo triết học. Qua lăng kính tín ngưỡng, Phật giáo/Công giáo đều được thể hiện qua ý niệm tình thương và sự sống.”

Nhà Văn Quyên Di kết thúc buổi “Chiều thơ nhạc Cung Trầm Tưởng” với một câu chuyện thật hay và dí dỏm “Ai Đã Tạo Dựng Nên Người Đàn Bà?”



Từ trái sang phải: CNS Lâm Dung, CS Ngọc Quỳnh, MC Bích Trâm, Lệ Hoa, MC Thụy Vy, TS Cung Trầm Tưởng, Thanh Hương, Khánh Lan, Minh Tâm, CS Thụy Lan, Minh Châu và CS Mạnh Bồng.

Buổi chiều thơ nhạc đã chấm dứt trong niềm hân hoan và luyến tiếc. Thi sĩ Cung Trầm Tưởng nói, “*Tôi vô cùng xúc động khi có được những giây phút hạnh phúc như thế này, xung quanh những người bạn thân quý và thương mến tôi cũng như thơ của tôi*”.

Trước khi ra về, Thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã ký tặng bạn bè hiện diện trong buổi chiều thơ nhạc tập thơ “**Cung Trầm Tưởng, Một Hành Trình Thơ-1948-2008**”.

Ghi dấu lại một ngày vui.

Khánh Lan *tường trình từ thành phố Westminster, 2019*

Kiếp luân hồi là điều mà tất cả chúng ta trên cõi nhân gian đều phải trải qua, NT Cung Trầm Tưởng đã ra đi và để lại niềm thương tiếc cho thế giới thi ca nói chung và Liên nhóm NVNT & TTG nói chung. Kính mong hương hồn của Nhạc Sĩ sớm được siêu thoát, trở về cõi vĩnh hằng.



***Thi Sĩ ra đi mùa Thu, mùa Thu không trở lại.
Đếm lá úa mùa Thu, mưa sâu hoen trên mi.***

Vĩnh biệt nhà thơ Cung Trầm Tưởng



Đại lễ cầu siêu cho hương hồn thi sĩ Cung Trầm Tưởng



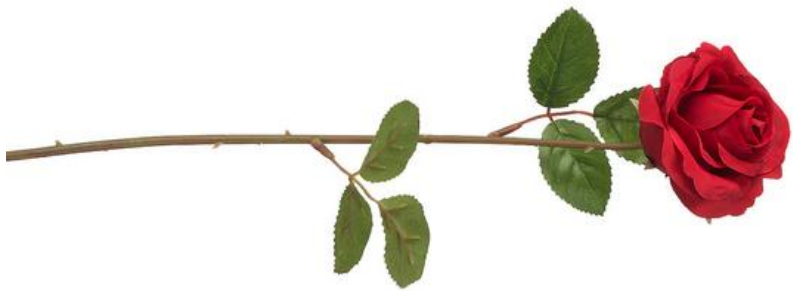
Vĩnh Biệt TS Cung Trầm Tưởng

TS Cung Trầm Tưởng đã đáp chuyến tàu vĩnh hằng lúc 4:27 chiều ngày 09 tháng 10, 2022 vì bệnh viêm phổi và nhịp tim yếu quá.



CHUYẾN TÀU VĨNH HẰNG

Khánh Lan, California Oct. 18, 2022



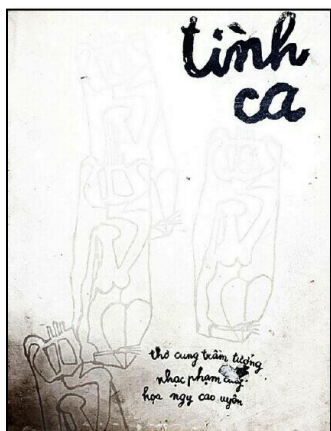


Cung Trâm Tường, Phạm Duy, Nguyễn Cao Uyên

Xem toàn bộ tập Tình Ca:

https://issuu.com/vietnamthuvien/docs/tinh_ca_cungtramtuongphamduy_1959_w

Quá trình hợp tác Thi-Nhạc-Họa (bài của Văn Trang trong tạp chí Trẻ số 2, 1959)



Tập “Tình Ca” trong tay, tôi đến gặp thi sĩ **Cung Trầm Tường** đúng lúc anh đang sáng tác thơ. Anh ngừng đầu lên, vừa cười vừa nói hồn nhiên:

– À, lại nhà báo!

Tôi mạnh dạn đi thẳng vào vấn-đề:

– Trước khi viết một bài về “Tình Ca”, mong anh, Phạm Duy và Nguyễn Cao Uyên cho biết ý kiến về...

Tôi chưa kịp nói hết Cung Trầm Tường đã lanh lẹ cắt đứt:

– Có ngay!

Tôi tiếp tục:

– Tình Ca là tập đầu tiên ở Việt Nam, trong đó thơ, nhạc, họa đồng-hành với nhau. Anh nghĩ gì về sự hợp tác tay ba ấy?

– Hồi ở Paris, tôi đã có ý định thực hiện sự hợp tác tay ba này. Điều khó khăn đầu đầu là tìm được một hồn nhạc và một nét vẽ cảm, mền thơ mình.

– Anh đã tìm được hồn nhạc Phạm Duy và nét vẽ Nguyễn Cao Uyên?

– Phải, hai người bạn thân này. Ngoài là nhạc sĩ và họa sĩ, còn có một tâm hồn rất thi sĩ. Tôi chẳng cần biện minh hộ, anh cứ thưởng thức tác phẩm của họ là hiểu ngay. Ngoài ra, họ cũng từng sống những phút giờ như tôi, nghĩa là từng chờ đợi ở vườn Lục-Xâm, từng tiễn đưa ở một nhà ga Ba-Lê...

– Thế anh có để cho họ tự do khi phổ thơ hay họa thơ anh?

– Có chứ, hoàn toàn tự do. Tôi không hề ép buộc họ trong một công thức nào hết.

– Tôi hiểu rồi. Vì vậy Phạm Duy đôi khi chỉ giữ hồn thơ anh, còn tự do đổi lời cho hợp âm điệu.

Chúng tôi tạm ngừng để uống trà. Cung Trầm Tường chưa kịp đặt chén xuống thì tôi đã vội hỏi:

– Lúc này, anh chỉ mới nói đến điều khó khăn đầu tiên. Vậy còn điều khó khăn nào nữa?

– Điều khó khăn ở sau là phương diện kỹ thuật. Theo tôi, phổ thơ, họa thơ là một kỹ thuật khó khăn. Về kỹ thuật Phạm Duy, kỹ thuật Nguyễn Cao Uyên, tôi không hề đặt dấu hỏi. Anh nên gặp họ thì hơn.

Tôi đến gặp **Phạm Duy** đúng lúc anh vừa đọc xong một quyển khảo luận về nghệ thuật điện ảnh. Về mặt anh còn đang thắc mắc về một điều gì xa xôi, thì tôi đã đi thẳng ngay vào vấn đề:

– Mong anh cho biết ý kiến về sự hợp tác của anh trong Tình Ca

– Hợp tác thì chưa đúng hẳn, đồng sáng tác thì hơn. Về phương diện thơ phổ nhạc, tôi bao giờ cũng quan niệm có cảm mến thơ thì mới phổ nhạc...

– Nghĩa là như anh Cung Trầm Tưởng đã nói với tôi.

– Phải. Cảm, mến thơ vì qua âm điệu, ý hồn, mình đọc được chính cảnh ngộ của mình. Tôi cảm, mến thơ Cung Trầm Tưởng bởi đã ghi lại cho tôi những kỷ niệm về Ba-Lê.

Lúc này, sau cặp mắt kính cận thị lờ mờ, mặt Phạm Duy lộ một vẻ buồn man mác. Tôi vừa nhìn tập Tình Ca vừa nói:

– Cảm, mến xong rồi, anh tính chuyện sáng tác ra sao?

Phạm Duy trả lời nhanh nhẹn:

– Phổ nhạc cho thơ là cả một kỹ thuật khó khăn. Tôi chỉ tóm tắt những điểm chính:

Thoạt đầu tìm một thể nhạc, thích hợp và bài thơ rồi chia bài thơ thành từng đoạn.

Phân tích âm điệu, tìm tòi nét nhạc; sau cùng ghép lại, sửa đổi cho sáng tác tròn trặn, nhạc và thơ song hành cùng nhau.

– Anh có thể cho biết một vài ví dụ trong “Tình Ca” được không?

– Chẳng hạn trong “Mùa thu Paris”, tôi cố tâm dùng thể Musette để gợi lại không khí các buổi khiêu vũ chủ nhật của sinh viên Paris. Trong “Chiều Đông” tôi lại chuyển sang thể Blue nhịp hai để diễn tả cảnh tàu đi xuống tỉnh, ga ở lại với băng nguồn tuyết núi. Theo tôi, như vậy thích hợp hơn...

Tôi phải xuống tận Biên Hòa mới gặp được họa sĩ **Nguyễn Cao Uyên**. Ở đó, tôi được dẫn đi xem xưởng họa của anh, lập trong một biệt thự xinh xắn.

Sau một hồi bàn luận về hội họa, chúng tôi đã chuyển sang chuyện hợp tác trong Tình Ca. Nguyễn Cao Uyên cũng như Phạm Duy đã cảm, mến thơ Cung Trầm Tưởng trước khi vẽ. Anh nói như sau:

– Trong Tình Ca, tôi diễn tả thơ bằng một nét vẽ rất tượng trưng. Theo tôi, như thế thì mới có vẻ “thơ”

– Anh có thể dẫn chứng bằng một ví dụ không!

– Chẳng hạn trong “Mùa thu Paris” tôi chỉ diễn tả cảnh mùa đông vườn Lục-Xâm-Bảo bằng một pho tượng trợ trợ và dăm cành cây xơ xác, còn cảnh “ngóng em kiên khổ phút giờ” hay “không em buốt giá từ tâm”, theo tôi vẽ mặt ưu tư của một sinh viên ngồi chờ ghé đá là đủ diễn tả.

– Có người cho các trình bày bìa “Tình Ca” của anh hơi “siêu tả chân”. Có đúng vậy không?

– Sao lại “siêu tả chân”! Tôi chỉ muốn tượng trưng Tình Ca bằng một trái tim thơ, thơ nhạc họa bằng một người đàn bà và một cái bút lông. Có thể thôi!

XEM TOÀN BÀI VIẾT: <https://saigonhonews.com/van-hoa-van-nghe/cao-thom-lan-gio/ve-tap-thi-nhac-hoa-tinh-ca/>

Nói chuyện với nhà thơ Cung Trầm Tưởng

*Bù em góp núi chung đôi,
thieu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ*

...

Thơ Cung Trầm Tưởng. Phạm Duy phổ nhạc. Thái Thanh diễn tả *mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu*. Câu thơ dội lên như một gắn bó cổ âm với hiện tại, như một biệt sắc Cung Trầm Tưởng. Đó là Cung Trầm Tưởng những năm 55-60.

Cung Trầm Tưởng còn đúc kết niềm đau lưu vãng của người tù cải tạo. Tình yêu, hiện sinh, tù ngục trở thành những thực tại trong thơ Cung Trầm Tưởng và nhà thơ, trong dịp ghé Paris đã dành cho thính giả RFI hai buổi nói chuyện về hành trình thơ và đời của ông.

Trong phần đầu, Cung Trầm Tưởng nói về thời kỳ **Tình ca Paris** trong hành trình sáng tạo của mình.

Thụy Khuê (TK): Thưa anh Cung Trầm Tưởng, trở lại Paris sau gần nửa thế kỷ xa cách, anh thấy thế nào? Có ngỡ ngàng không?

Cung Trầm Tưởng (CTT): Trước khi đến Paris cách đây khoảng 47, 48 năm, tôi đã được hấp thụ nền văn hóa Pháp bởi vì tôi xuất thân từ một trường trung học Pháp; cho nên khi trở lại Paris, tôi cũng ngỡ ngàng nhưng không ngỡ ngàng như những người không biết gì về quá trình văn hóa Pháp. Nhưng đồng thời tôi là người Việt Nam, cho nên tôi vẫn nhìn Paris từ chỗ đứng của một người Việt Nam. Tôi không thấy mâu thuẫn giữa hai điều đó. Lẽ dĩ nhiên thời trẻ, bồng bột, tôi chỉ nhìn -Paris- phảng phất qua bối cảnh một tình quê hương -tôi không dám nói là tình yêu nước- từ xuất phát điểm đó, tôi có thể nói là tôi yêu Paris vô vàn. Yêu Paris nào? Cảnh vật? Đồng ý. Nhưng còn yêu Paris qua con người. Lúc ấy tôi mới trưởng thành, đầy sự sống, tôi chỉ nhìn thấy tình yêu đôi lứa. Đó là xuất xứ thâm kín nhất, bí mật nhất của những *Chưa bao giờ buồn thế, Mùa Thu Paris...*

TK: Những "*Chưa Bao Giờ Buồn Thế*" (tức là *Tiến Em*), "*Mùa Thu Paris*", "*Kiếp Sau*" và "*Khoác Kín*" (tức là *Chiều Đông*) là những bài thơ của anh mà anh Phạm Duy đã phổ nhạc. Những tác phẩm này phần nào đã ghi dấu một thời kỳ, thời kỳ mà những

nhà thơ như Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng... từ Pháp, đem theo tư tưởng Tây phương về như món quà tặng cho lớp trẻ. Và những tư tưởng này đã gây dấu ấn sâu đậm trong đời họ?

CTT: Lúc làm những bài đó, tôi rất hồn nhiên, nhưng sau mất đi rồi, đặc biệt là ở trong tù, khi tôi gặp những anh bạn, tuổi tác vào bậc đàn em tôi, xuất thân từ Đại Học Văn Khoa -Sàigòn- bảo rằng: "*Anh đã du nhập vào Việt Nam một kích thước về Tây phương khác hẳn với Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Mạnh Tường.... Chính chúng em đã yêu văn hóa Pháp chỉ vì những bài thơ Mùa Thu Paris, Chưa Bao Giờ Buồn Thế*" (mà anh Phạm Duy đã phổ nhạc thành bài Tiến Em). Nếu Thụy Khuê bảo rằng nó đánh dấu một giai đoạn hay một thời đại, thì có lẽ cũng đúng thôi. Lúc đó Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Hoàng Anh Tuấn,... chúng tôi làm rất hồn nhiên. Vậy nếu có gì tốt đẹp, và có gì không tốt đẹp, làm hư cả một thời đại trong giai đoạn cực kỳ hưng man của đất nước Việt Nam thì tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

TK: Thưa anh, những sáng tác đầu tiên của anh đã nảy sinh trong những hoàn cảnh nào?

CTT: Tôi là người Bắc vào Sàigòn. Tôi cũng đã có một khái niệm mơ hồ nào đó về nước Pháp và đặc biệt là văn hóa Pháp. Sang Paris tôi không ngỡ ngàng lắm. Nhưng càng sang Paris tôi thấy rằng tôi không thể là người Pháp nổi. **Tôi là người Việt Nam.** Dù đã được hấp thụ nền giáo dục, văn hóa Pháp từ lúc nhỏ. Điều đó, đối với tôi là một tiếng gọi vô cùng da diết: Tôi phải tìm đủ mọi cách để trở về nguồn.

Khi sang Paris, tôi gặp một thiếu nữ Pháp, gọi là cùng cung bậc tình cảm với mình. Đó là một chuyện có thể gọi là phối hợp, phối ngẫu rất hồn nhiên. Có thể thôi. **Nhưng tôi phải diễn tả bằng tiếng Việt.**

Đấy là những xuất xứ của những bài thơ đầu đời -nếu có thể được- của sự nghiệp thi ca của tôi. Và tôi không ngờ rằng nó có những hệ lụy với cả một thời đại.

TK: Thời kỳ 50-60 là thời kỳ của Hiện Sinh. Và ảnh hưởng của Tượng Trưng, Siêu Thực vẫn còn. Trong lúc anh làm thơ, anh cứ làm tự nhiên thôi hay là có sự tìm hiểu về những lý thuyết mới của thi ca hoặc tìm hiểu những con đường mới của tư tưởng lúc bấy giờ?

CTT: Có chứ. Tôi đã đọc những thơ của René Char, Paul Eluard,... cái hồi quang của Mallarmé. Tôi rất sợ. Điều hợp hồn tôi nhất là Eluard! Tôi đọc Whitman, tất cả.... Lúc học lycée tôi đã nghiền ngấu những thứ như Sartre, Camus,... Chủ nghĩa Hiện Sinh của thời hậu chiến Âu Châu ngấm vào tôi. Tôi hoàn toàn bị hợp hồn bởi chủ nghĩa Hiện Sinh. Lúc đó tôi chỉ phát hiện được Sartre, nhất là **L'être et le néant**. Sau này tôi đọc Heidegger. Có thể nói là tôi đã xuất phát từ chủ nghĩa Hiện Sinh. Đấy là mặt lý luận. Nhưng khi vào thơ, tôi phải hóa sinh nó, phải luyện kim nó, luyện đan nó. Lúc đó tôi không hiểu, nhưng có thể là tôi đã mang vào thơ ảnh hưởng của tư trào Pháp quốc

và Âu Châu thời đó. Tôi mang vào thơ qua nẻo tình yêu đôi lứa. Tôi nghĩ, trong đó cũng có ảnh hưởng gốc gác của tôi một chút. Tôi không theo đạo, nhưng tôi tin vào một sức mạnh siêu hình. Ví dụ có người hỏi tôi là **không em buốt giá từ tâm** tức là từ tim? Nhưng sau tôi nghĩ **từ tâm** có thể là một thuật ngữ Phật giáo đúng hơn chứ Thụy Khuê? Có chủ nghĩa Hiện Sinh bởi lúc đó mình sống với thời đại. Lúc đó, Tây học về mà tôi nói tôi không bị ảnh hưởng của Sartre, Camus thì không đúng. Tôi đã từng đi xem **Huis Clos**. Có cả những cô tóc vàng sợi nhỏ. Chúng tôi không hư cấu 100%. Thơ của tôi không xuất phát từ **le non-être** mà từ **l'anti-être**, hay gọi theo thuật ngữ thời đó, **le néant** là mặt nào đó của **l'être**. Tôi hoàn toàn hệ lụy với những điều đó.

TK: Giữa Sartre và Camus anh gần ai hơn?

CTT: Sartre và Camus? Tôi nói thật, lúc đó tôi là ông cụ non. Tôi thích Sartre vô cùng. Mà thích nhất là **L'être et le néant** chứ không phải **La nausée**. Tôi đọc đến những cái cuối cùng của cuối cùng, tận cùng của tận cùng. Dù tôi học Bac Math nhưng tôi rất thích philo. Đọc **L'être et le néant**, tôi thấy ghê gớm quá. Tôi thấy ông này có nhiều xảo thuật quá. Tôi biết chứ nhưng mình không lý luận được. Cách hành văn của ông ấy ghê gớm quá, tôi sợ quá.

Lúc đó tôi phát hiện ra là style của Sartre bị ảnh hưởng văn phong của Marx. Nhưng vấn đề là mình phải nhuyễn hóa để thành thơ Việt Nam. Tôi đã từng làm thơ Pháp, tôi xé hết.

TK: Trở lại thời kỳ anh về nước, anh và các bạn anh đã có những đóng góp trong việc làm mới lại thi ca Việt Nam. Bây giờ, nhìn lại thời kỳ ấy, anh thấy những gì anh đã làm được, và những gì anh chưa làm được?

CTT: Bây giờ xét lại tôi cũng có một đóng góp khiêm tốn, tích cực về việc làm mới thơ Việt Nam như Thụy Khuê vừa nói. Đối với tôi, thơ là căn bản của ngôn ngữ, cũng như căn bản của cuộc sống là hơi thở, oxy, khí trời. Tôi còn nhớ trong một buổi thảo luận tại tòa soạn Sáng Tạo khoảng năm 1960, anh Thanh Tâm Tuyên hỏi tôi sao bây giờ ông vẫn còn làm thơ lục bát. Tôi không muốn lý luận, tôi bảo rằng: Tôi thấy thơ lục bát vẫn chưa hoàn tất, tôi muốn tiếp tục con đường ấy. Bây giờ nghĩ lại, sau những lục bát của Nguyễn Du, Huy Cận, Bùi Giáng v.v... tôi cũng có một đóng góp thật khiêm tốn. Và chưa xong. Chưa xong. Nhưng ô hỡi, thi ca còn mắc nợ lịch sử. Tôi có bổn phận phải trả món nợ lịch sử đó. Vì thế năm 75, **tôi quyết định ở lại! Tôi muốn ở lại.** Đó là một quyết định với tất cả những hệ lụy của nó. Tôi nghĩ rằng nếu không có những năm tạm gọi là gian truân, thống khổ... thì ngôn ngữ Cung Trầm Tưởng chưa tới độ mà hôm nay tương đối tôi đã có thể thỏa hiệp với mình, mình đã đạt tới một mốc điểm nào đó. Tôi sợ rằng nếu không có sự hội nhập, dấn thân nhầy nhụa vào lịch sử để thăng hoa lên thì có thể nói rằng tôi đã tới ngõ cụt của thi ca. Tôi vẫn thắc mắc

ở một điểm: Thi ca là gì? Đối với tôi, **Thi ca là một nghệ sự**. Không giải quyết được **nghệ sự** đó thì xé tất cả đi.

Trong bài **Tựa** tập thơ **Lời Viết Hai Tay**, *Ainsi parlait le poète*, Cung Trầm Tưởng viết:

"Đời tù là phi lý của phi lý. Để đương đầu với nghịch cảnh sảm sỡ, trớ trêu dị hợm, để không bị kéo xuống tầm tất yếu, ngã vào hư vô, để không tự tử, người thơ tù phải học làm con vật siêu hình, đào tìm ý nghĩa sâu thẳm nhất, cơ bản nhất, cụ thể nhất của sự việc trần gian.

Thơ là một đam mê, một lao về, một rượt đuổi khôn nguôi những cánh chim hồng khó bắt, những câu hỏi xanh lớn hơn bất cứ trả lời nào."

Những lời trên đây có thể xem như một tuyên ngôn của Cung Trầm Tưởng về thơ và tù. Sau đây Cung Trầm Tưởng nói chuyện về cái phi lý của phi lý đã gây dựng nên thơ.

*

TK: Sau 75, tự ý anh quyết định ở lại. Ở lại và bị đi tù mười năm. Bây giờ nhìn lại, anh thấy người ta "cho" anh đi tù vì anh là phi công hay vì anh là nhà thơ?

CTT: Cả hai cái đó cụm lại. Phi công chỉ là mặt nổi của vấn đề. Cái mà người cai tù của chúng tôi khó chịu nhất, họ ghét nhất, dị ứng nhất là **văn học nghệ thuật**. Cái họ gọi là **phản động của phản động**.

Thì hai cái đó cộng lại và tôi có được mười năm tù. Tôi nói chữ có, bởi vì có lẽ phải vậy thì mới chín mười.

TK: Nhưng thơ anh, phần lớn là thơ tình, thì có gì mà phải hệ lụy, mà phải nặng tội?

CTT: Đúng. Nhưng chỉ lúc đầu thôi. Thật ra lúc Thụy Khuê đọc *Mùa Thu Paris Chưa Bao Giờ Buồn Thế*, kể cả *Khoác Kín...* đã có một cố gắng mò mẫm tới một chân trời, một ngôn ngữ khác. Tôi jeter một cái base là lẽ lối sống hiện sinh, mình tự chọn cho mình một lối sống trong một bối cảnh tuyệt đối tự do. Như Sartre nói, nếu tôi không làm, **Con người bắt buộc phải tự do**. Và tôi mang hệ lụy đó. Ở trong tù, lời đó vẫn còn giá trị. Vì thế trong bài *Ainsi parlait le poète* của tôi, viết cho lần tái bản **Lời Viết Hai Tay**, tôi muốn, qua đó, đục phá những cánh cửa để nhìn vào những phương trời như là kính vạn hoa. Kính vạn hoa ở đây là vấn đề ngôn ngữ. Đối với tôi, ngôn ngữ là

máu mủ của tôi. Hơn thế nữa, đó là phương tiện để giải thoát. Hơn thế nữa, đó là phương tiện mà *nếu không có nó, tôi đã phải tự tử.*

TK: Trong mười năm tù, anh sáng tác trong những điều kiện như thế nào? Cả về vật chất lẫn tinh thần? Vì có lần, anh cho biết, lúc đó anh gầy lắm, còn có 30kg?

CTT: Đầu tiên về vật chất thì tôi thấy rằng tôi không có bút, không có giấy. Bởi vì tôi không được quyền. Nếu tôi ăn cắp thì nguy hiểm lắm. Trong hoàn cảnh, có thể nói là nghịch cảnh, như vậy, tôi phải sáng tác bằng cái đầu. Lúc ấy tôi có nói rằng: "Làm thơ như chơi cờ tướng." Tôi chơi cờ với tôi. Tôi chơi cờ với nàng thơ. Nhưng sức tôi có hạn. Cho nên một hôm có anh bạn bảo tôi rằng:

- "*Ông phải sống để làm thơ cho chúng tôi.*"

Tôi trả lời:

- "Tôi có thể đảm nhận trách nhiệm ấy. Tôi phải làm thơ. Nhưng còn sống thì tôi biết thế nào? Đời tù như ngọn đèn yếu ớt, leo lắt trước cơn bão thổi. Tôi cố làm thơ cho các ông. Nhưng tôi chỉ xin các ông một điều: Sức tôi có hạn, trí nhớ tôi có hạn. Ai nhớ cho tôi?"

"Ông cứ làm thơ, chúng tôi sẽ có một bộ trí nhớ tập thể."

Vì vậy trong **Lời Viết Hai Tay**, 50% là nhờ bộ nhớ tập thể đó. Tôi vô vàn cảm ơn.

TK: Thưa anh, như vậy, các bạn nhớ hộ, rồi sau đó, mọi sự tiếp diễn ra sao?

CTT: Sau đó mình phải viết trên giấy trong một hoàn cảnh éo le là sau mười năm tù, tôi bị tám năm quản chế. Lúc nào trước cửa nhà tôi cũng có một ông công an, giả vờ làm thợ sửa xe đạp, phu xích lô. Nhưng không hiểu tại sao, lúc đó tôi mê thơ hơn là tôi sợ. Tôi viết, sau đó có người mang tôi đến chỗ khác, người ta nhớ hộ. Chính trong lúc đó tôi viết thêm hai tác phẩm cuối cùng. Bộ ba đó tôi gọi là **Tâm Sử Thi**. Tôi viết lịch sử bằng tâm thức qua nẻo của thơ. Tôi phải làm bằng lục bát vì không những đó là sở trường của tôi mà lại dễ nhớ. Và tôi đưa cho một anh bạn, nguyên là tình báo quân đội. Và anh ấy có một "bộ nhớ" tuyệt vời hơn cả bộ nhớ của computer/ordinateur. Anh thuộc lòng. Anh đã đem ra ngoài.

TK: Thưa anh, bài **Nguyệt Thục** mang những hình ảnh đẹp và có dấu ấn của đời tù, anh đã làm trong bối cảnh như thế nào?

CTT: Ở một dãy núi đá vôi, lạnh lắm của vùng Hòa Bình, có một cánh đồng chiêm. Ban đêm anh em đói quá, không biết làm gì. Ở cánh đồng chiêm cách đó mấy trăm mét, họ đang tát nước. Mình nghe. Mấy anh bạn bảo:

"*Ông Cung Trầm Tưởng, ông có thấy cái này không? Ông làm hộ một bài thơ.*"

Thì tự nhiên mình thấy có nhiệm vụ. Lúc đó mình chỉ đọc một vài câu thôi, sau đó phải hoàn chỉnh lại. Đó là cảnh một đêm tù đói lắm, một số anh bạn lại bị phù thũng. Vậy mình phải hư cấu để sống! Mình nói: Đói quá mà lại không có thực phẩm, *ta ăn trăng!*

Đây là bài **Nguyệt Thực**:

*Tiếng ai tát nước đồng đêm
Voi voi nước cạn, thêm thêm sóng lòng
Ánh trăng quện nước gàu sòng
Trời loang loãng cháo dưới dòng sao Tâm*

...

Lúc đó chỉ nhìn thấy cái gì sền sệt: Cháo. Nhìn trăng chỉ thấy cháo. Phản xạ!

...

*Gàu ai cứ tát nước voi
Men trắng đầy hũ, ta mời ta tôi
Ngày xưa uống rượu hương hò
Ngày nay loãng máu, ta bồi dưỡng trắng.*

TK: Thưa anh, có phải kinh nghiệm tù đầy đã làm anh thay đổi quan niệm thơ của anh? Từ thời kỳ đầu, thơ có đối tượng là tình yêu, và bây giờ, thơ phải dính liền với lịch sử, thơ anh dần thân hơn?

CTT: Tất nhiên thôi. Ở lại, tôi phát giác ra thêm một kích thước gọi là lịch sử. Nhưng ô hời, thơ đâu phải chỉ là lịch sử. Cho nên kể cả ngay trong **Lời Viết Hai Tay** đã có những cố gắng mò mẫm để đi ra khỏi cái mà tôi gọi là "**ngục tù lịch sử**". Lịch sử là gì? Lịch sử là cái gì thật là ngu xuẩn, con người tạo ra để nhốt giam chính mình! Nhưng tôi cũng khá hiểu được là: "Cái này không được", phải tìm ra cái khác. Vì thế cho nên tôi có viết rằng: cơ bản, **thơ vượt lịch sử**.

Thơ mà không vượt lịch sử thì chưa phải là thơ. Phải nhày nhựa trong lịch sử! Nếu nhân loại, hay đặc biệt dân tộc Việt Nam phải đau khổ thì người thi sĩ phải đau khổ cùng với dân tộc. Ở tù! Nhà tù ấy là nhà tù của lịch sử chứ không phải của chế độ. Nhưng **lịch sử đâu có phải là cứu cánh của nghệ thuật**. Đây tôi chỉ nói về nghệ thuật thôi, tất nhiên còn nhiều vấn đề khác nữa. Lịch sử nhiều khi nó là cái bêtise. Rất buồn là con người tạo ra lịch sử để rồi bị giam tù bởi lịch sử. Tôi đủ thông minh để vượt qua. Tôi không có niềm tin về siêu hình tôn giáo, tôi phải dùng con đường nghệ thuật mà trong đó tôi thấy, là thơ.

Thơ là phương tiện để tôi tự giải thoát tôi. Lúc đó tôi đã ý thức được nhờ kích thước lịch sử của triết học. Tôi không sợ Sartre bằng Heidegger. Về cái historicité, Sartre chỉ nói một câu theo kiểu mẫu văn hoa của Pháp là: L'homme est un animal historique. Nhưng Heidegger nói về cái temporité. Tôi thấy thơ bắt buộc phải như vậy. Nhưng cuối đời, Heidegger không tìm ra ngôn ngữ. Tôi thử dùng ngôn ngữ thơ để nói

cái tính cách vượt qua lịch sử. Có thể thôi. Bởi rằng thực ra, lịch sử là gì? **Lịch sử là trạm quá cảnh đóng con dấu máu đỏ của tang thương trên quyền hộ chiếu của thi sĩ khách. Xong rồi lại lên đường.**

TK: Vì thế mà ra nước ngoài anh vẫn tiếp tục làm thơ, tức là tiếp tục dần thân theo một nghĩa khác?

CTT: Vẫn có với tôi một tiếng gọi: Tôi phải tiếp tục lên đường. Và muốn như vậy, tôi phải tìm về ngọn nguồn của ngọn nguồn. Là Paris. Tôi phải trở lại. Tôi đã tự nói với tôi ngay từ năm 1976, khi tôi vào tù, rằng tôi sẽ trở lại. Và đến hôm nay, 1999, tức là 33 năm sau, tôi đã đạt được ý nguyện đó. Và nếu xét từ bối cảnh đày đọa ngục đó, hôm nay ngồi đây nói chuyện với Thụy Khuê. Đó là một phép lạ.

TK: Rút cục môi trường ngục tù đã đem lại những gì cho thơ anh?

CTT: Thơ tù đối với tôi là một quá độ cần thiết phải có, không có cái đó thì không tiếp tục nổi. Bởi sau cuộc rong chơi của tình yêu lứa đôi, chủ nghĩa hiện sinh... mình thấy đó vẫn chỉ là những cuộc rong chơi. Nhưng **nếu dân tộc bị rớm máu, người thi sĩ phải bị đổ máu.**

Tôi cảm ơn vô cùng lịch sử đã giăng cho tôi cái bẫy là tôi phải mười năm ở tù, để thơ tôi có những kích thích khác, có hệ lụy và có trách nhiệm

TK: Kinh nghiệm của anh đã khó khăn, anh có nghĩ rằng những ngày sắp tới, người làm văn, làm thơ có thể vượt qua được những khó khăn hiện nay không?

CTT: Khó khăn hơn nhiều! Tôi nghĩ rằng muốn đạt tới địa đàng phải đi tới tầng thứ chín của địa ngục rồi làm cái xẹt xuyên ánh tinh cầu. Ngộ. Ngộ trong nghịch cảnh của lịch sử. Của thời gian.

Bên này nó ru ngủ ta bằng đủ thứ, dễ dãi quá. Thừa mứa quá. Tôi không dám nói là tôi thù ghét, nhưng tôi cảm thấy rằng con người tôi dị ứng với cái đó. Thành ra, thơ trong tù, khi tôi nói về vấn đề muốn trở lại cái nôi thứ hai của tôi là nếp sống, lối suy nghĩ của Tây phương, là tôi muốn nhìn qua khung cảnh Paris. Dù rằng tôi đã đi học cả Mỹ nữa. Tôi vẫn si mê Paris.

Nhưng tôi đến Paris không phải vì cô đầm Michèle. Tôi đến Paris qua nẻo đường của diaspora vietnamien à Paris một thuở nào, và vẫn muốn tiếp tục con đường đó.

TK: Thừa anh, câu chuyện đã dài, xin anh một lời kết trong ý nghĩa thơ Cung Trầm Tưởng.

CTT: Thơ phải có quan hệ máu mủ, quan hệ ruột thịt với lịch sử. Nhưng xong rồi, mình phải lên đường. Siêu hình xuất phát từ thân phận. Thân phận phủ đầy sử tính, đúng không? Ô hỡi, sử tính là gì? Là khốn khổ. Là nhầy nhụa. Là đau thương. Và lịch sử hiện đại tù đầy. Phải qua nẻo đó thì may ra thơ mới thoát được. Không phải là thơ

anh với em, lừa dối.

Người thi sĩ phải đảm nhận cái đau khổ của dân tộc mình. Qua ngôn ngữ. Tạo ra ngôn ngữ. Ngôn ngữ của đau khổ. Thành ra tôi có làm bốn câu thơ -Tôi luôn luôn rất dại. Tôi luôn luôn bị lừa. Nhưng phải bị lừa thì mới biết được là bị lừa- Cuối cùng là bốn câu thơ lục bát:

*Mai sau thịt thắm da mềm
Cái yêu khác trước cái nhìn khác xưa
Cái tin vô có xin chừa
Sống sao cho xứng lũy thừa thương đau*

Tôi phải tích cực chứ. Tôi muốn có một câu kết, không phải đi đến chỗ nowhere. Tất cả những sự tạm gọi là hy sinh là để hái gặt được một mùa: Mùa gặt mười năm. Tất cả là một récolte, mùa gặt mà người ta đọc. Mà đọc là gì? Theo tiếng latin, grec là đi cấy một mùa màng mà cái thằng poète nó trồng hộ anh.

TK: Xin cảm ơn anh Cung Trầm Tưởng.



Thuy Khuê

Paris, tháng 10/1999

Thi Ca Cung Trầm Tưởng

Càng Mang Sắc Thái Triết Học Và Tôn Giáo

**** Quyên Di ****

Hình như càng về sau, thơ Cung Trầm Tưởng càng mang sắc thái triết học và tôn giáo. Đọc thi tập Bốn “*Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định,*” người ta thấy rõ điều ấy.

Bài thơ “*Một Người Bầu Trời Chiếc Lá và Dòng Sông*” nằm trong thi tập Bốn là một thí dụ điển hình.

Trước hết là một cái nhìn về vũ trụ quan.

Bầu Trời là Thiên mà Dòng Sông là Địa. Chiếc Lá là tượng trưng của vạn vật. Còn Người là “*nhân linh ư vạn vật.*” Một tựa đề thôi cũng đủ vẽ ra bối cảnh của đại vũ trụ mà trong đó Người là tiểu vũ trụ.

Triết học nhị nguyên phân biệt phần hồn và phần xác, tâm linh và nhục thể, trắng và đen, tốt và xấu. Người là **Tôi** và Chiếc Lá cũng là **Tôi**. Một **Tôi** tâm linh từ trên cao nhìn xuống và một **Tôi** nhục thể gian nan trên dòng đời như chiếc lá trôi sông. Ở đây dòng sông cũng chính là dòng đời. Chính cái dòng đời ấy thoáng cho người ta thấy hai bến sông: bến mê và bến giác theo Phật giáo.

*“Một người soi bóng xế mùa xuân,
Nhìn lá trôi sông luống tằm ngàn.
Hỏi người dưới có phong ba lắm?
Thế sự trên này còn vương chân.”*

Điều thâm thúy của con người là hai mảnh “*tâm linh*” và “*nhục thể*” kiếm tìm nhau mà không gặp được nhau, không ráp lại “*hai thành một.*” Và, điều bi thảm tột cùng của Người (tiểu vũ trụ) là không tìm được và hoà nhập được với Đại vũ trụ (cũng được hiểu là Đấng Sáng Tạo – Creator.) Đó chính là hoả ngục.

*“Tôi bỏ dòng sông đi choáng váng,
Mất người bản rập hoá bơ vơ.”*

Trong bài thơ “*Một Người Bầu Trời Chiếc Lá và Dòng Sông,*” người đọc cảm nhận triết học Phật Giáo: Tự giác ngộ để tự cứu mình. Chính vì thế, con nhà Phật dựa vào hùng lực và tuệ giác. Chớ ai nói Phật giáo là đạo chán đời, yếm thế. Bởi vậy, để tự giác ngộ, con người phải trải qua biết bao lần quán chiếu (nhìn thật sâu vào mình, soi rọi chính Tâm của mình để hiểu nó từ chính bản thân mình):

*“Thân xác tôi da liền thịt gắn,
Hình bóng người tôi kiếm triền miên.”*

Khác biệt lớn lao nhất giữa triết học Phật giáo và thần học Ki-tô giáo là Ơn Cứu Chuộc. Trong khi Phật giáo chủ trương “*chỉ chính tôi mới cứu được tôi*” thì Ki-tô giáo cho rằng tôi vốn tội lỗi và yếu hèn, không thể tự tôi cứu tôi nên tôi cần một đấng Cứu Thế. Và vì yêu thương tôi (cũng như yêu thương toàn thể nhân loại,) Thiên Chúa Ngôi Hai đã xuống thế làm người, chịu khổ nạn, chịu chết để cứu chuộc tôi. Ngài là đấng Cứu Thế.

Với nền thần học ấy thì trong bài thơ này, “*Người*” chính là Ngôi Hai Thiên Chúa, đấng tự xưng là Con Người (Son of Man.) Con người đang đi tìm Tôi (Chiếc Lá) để cứu chuộc tôi. Còn tôi thì cố gắng vươn lên tới gần Ngài, cho đến khi Hai thành Một. Phaolô nói: “*Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Ki Tô sống trong tôi*” (Gl 2, 20).

Thế thì, với triết học Phật Giáo, tôi tự giác, **Tôi biết Tôi, Lá và Người** là một. Tôi xin tặng Cung thi sĩ mấy câu thơ:

*“Lá một hôm kia vèo trong gió,
Rời bỏ dòng sông kiếm bầu trời.
Thanh sắc mau phai hay buồn ủ, (1)
Cũng là **Tôi** cả, cũng là **Tôi**.”*

Còn với thần học Công Giáo, Chúa Ki-tô chịu đóng đinh, chịu chết, xuống ngục tổ tông an ủi các thánh tổ tông rồi sau đó Phục sinh. Là môn đệ Đức Ki Tô, tôi cũng đi theo con đường Thầy đi. Tôi lại tặng Cung thi sĩ mấy câu thơ:

*“Câu-rút thân tôi chịu đóng đinh, (2)
Lâm-bô thăm viếng để phục sinh. (3)
Nhị nguyên hai nét nay chập một,
Để mãi **Tôi** là **Tôi** hiển linh.*



(1) Cung Trầm Tường viết trong bài thơ này: *“Ngày vui thanh sắc mau phai rụng, phút buồn ủ lại mãi màu tro.”*

(2) Câu-rút: Phiên âm chữ “*cruz*” trong tiếng Bồ Đào Nha, có nghĩa là cây thập tự.

(3) Lâm-bô: “*Limbo*” trong thần học của Giáo Hội Công Giáo (Latin: *limbus*) là một ý tưởng sơ khai về tình trạng thế giới bên kia của những người chết.

Quyên Di

Cung Trầm Tường (1932-2022)

Từ chuyện tình lãng mạn đến hồn thơ (thế sự) lưu đầy

**** Đỗ Trường ****



Cung Trầm Tường (ảnh: Uyên Nguyễn)

Nhà thơ Cung Trầm Tường vừa qua đời ngày 9 Tháng Mười, tại tiểu bang Minnesota. Ông sinh năm 1932 tại Hà Nội, vào Sài Gòn năm lên 17 tuổi. Ông du học tại Pháp và Hoa Kỳ, tốt nghiệp bằng Kỹ Sư. Ông từng là Trung Tá Không Quân Quân Lực VNCH.

Tháng Tư, tiết lập xuân dường như mới bắt đầu ở châu Âu. Mặt trời le lói ở đâu đó, làm cho thời tiết ấm dần lên. Sau nhà, mận và anh đào trong vườn đã bắt đầu trở bông. Trước khung cảnh, và cái không khí nhẹ nhàng như vậy, không hiểu sao bất chợt, tôi nhớ đến trời Paris với nỗi buồn mùa đông, cùng thu vàng lá đỏ của Cung Trầm Tường.

Cái rung cảm ấy, buộc tôi ngồi vào bàn viết, và đi tìm cái hồn vía của thi sĩ này. Vâng, cái trữ tình mang mang hồn Tây Phương đó đã trộn vào thơ ca Cung Trầm Tưởng. Và ngay từ năm 1957, Cung Trầm Tưởng bỏ Paris trở về Sài Gòn, (như một cơn gió) ông đã thổi hồn vào thơ ca miền Nam lúc đó vậy. Và cái luồng gió ấy mang theo những khát khao mới lạ, Cung Trầm Tưởng đánh đúng vào tâm lý người đọc, người nghe. Nhất là khi những trang thơ đó được Phạm Duy phổ nhạc, có nhiều ca sĩ trình diễn.

Và dường như, Cung Trầm Tưởng là thi sĩ đầu tiên (?) đã đưa cảm xúc từ người tình Tây Phương của mình vào thơ một cách chân thực, và lãng mạn: “*Mùa thu nơi đâu?/ Người em mắt nâu/ Tóc vàng sợi nhỏ/ Mong em chín đỏ trái sầu*” (Mùa Thu Paris). Và cũng chẳng ngoa tẹo nào, nếu nói, Cung Trầm Tưởng là một trong những chiếc cầu nối, hay Âu hóa những nét đặc trưng vào thi ca Việt.

Cung Trầm Tưởng tên thật là Cung Thức Cần, sinh năm 1932 tại Hà Nội. Năm 1952 ông thi vào Trường Không Quân Salon de Provence, Pháp quốc. Học xong, về Sài Gòn, ông trở thành một Sĩ Quan Không Quân. Sau 1975 ông bị cải tạo tù đầy đúng mười năm.

Đến với thi ca rất sớm, nhưng Cung Trầm Tưởng viết không nhiều. Cho đến nay, ông mới cho xuất bản năm tập thơ: *Tình Ca* (1959), *Lục Bát Cung Trầm Tưởng* (1973), *Lời Viết Hai Tay* (1993), *Bài Ca Níu Quan Tài* (2001), *Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định* (2002). Và *Cung Trầm Tưởng, Một Hành Trình Thơ 1948 – 2018*, như một tuyển tập vậy thôi.

Như những nhà thơ cùng thế hệ, thơ ca Cung Trầm Tưởng được gắn với từng giai đoạn nổi trôi của đất nước, và cuộc sống, thân phận của con người. Tuy nhiên, với tôi những bài thơ hay của Cung Trầm Tưởng đều ở giai đoạn khi ông ở Paris, hay thời chiến, hoặc những năm tháng trong tù. Giai đoạn định cư ở nước ngoài, Cung Trầm Tưởng vẫn miệt mài sáng tạo, song dường như bút lực không còn được như trước nữa. Có lẽ, do tuổi tác, trí lực cũng như môi trường sống chẳng? Có thể nói, ông là một nhà thơ tài hoa. Và từ chuyện tình lãng mạn đến hồn thơ (thể sự) lưu đầy trong cái chất trữ tình đã làm nên hồn vía thi ca Cung Trầm Tưởng.

Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau

Tuy làm thơ từ năm 1947, nhưng phải đến thập niên 1950, khi sống và học tập ở Paris thi ca Cung Trầm Tưởng mới hình thành đường nét với cá tính riêng biệt. Và tình yêu cùng khung trời Paris đã là chất liệu làm nên những trang thơ lãng mạn trữ tình ấy. Do vậy, nếu không có cái thuở ban đầu chạm vào mùa thu Paris, và những chiều đông lá

đồ chia ly, thì có lẽ thi ca Cung Trầm Tưởng còn luẩn quất ở đâu đó, chứ chưa hẳn ông đã có sự nghiệp, tên tuổi vạm vỡ như hôm nay.

Và *Mùa Thu Paris* là một trong những bài thơ như vậy của Cung Trầm Tưởng. Có thể nói, *Mùa Thu Paris* cùng với *Trở Lại Paris* của Hoàng Anh Tuấn và *Paris Có Gì Lạ Không Em* của Nguyễn Sa là những bài thơ hay nhất viết về Paris, mà cho đến nay, tôi đã được đọc (có một điều đặc biệt, cả ba thi sĩ này đều sinh năm 1932 tại Hà Nội, và du học cùng thời ở Paris).

Trước mùa lá đỏ, ta cảm như Cung Trầm Tưởng đã giam mình trong em, hay đang tự giam mình vào Paris: “*Mùa thu! mùa thu/ Mây trời âm u/ Yêu người độ lượng/ Trông em tâm tưởng, giam tù*”. Và với *Mùa Thu Paris*, có lẽ Cung Trầm Tưởng đang Việt hóa hồn vía Paris vào thơ chăng? Bởi, dường như ta đã thấy Paris phẳng phát đâu đó trong cái hồn Tứ ngôn thơ. Và nếu ta tách rời từng câu, thì lời thơ chỉ là những câu nói (khẩu ngữ) thường nhật mà thôi. Song ghép tổng thể, nó trở nên da diết đến lạ lùng.

Đây là một trong những đặc điểm mang nét đặc trưng thơ Cung Trầm Tưởng vào thời điểm đó. Và câu kết của mỗi khổ thơ, ông bắt ngờ đổi từ thể tứ ngôn sang lục ngôn. Với thủ pháp này, không chỉ làm cho câu thơ mới lạ, sinh động, mà còn kéo dài không gian, tâm trạng từ cảnh sang tình của thi nhân vậy. Tuy nhiên, thủ pháp này, ở cùng thời điểm, ta cũng bắt gặp trong thơ Đinh Hùng với *Hương Phấn Mê Linh*, hay *Tìm Bóng Tử Thần...* Và *Mùa Thu Paris* được lặp lại nhiều lần song không cho người đọc cảm giác mệt mỏi. Bởi, mỗi lần như vậy, ta thấy xuất hiện những tình tiết, trạng thái, tâm lý khác nhau:

Mùa thu Paris
Trời buốt ra đi
Hẹn em quán nhỏ
Rưng rưng rượu đỏ tràn ly
(...)
Mùa thu âm thầm
Bên vườn Lục-Xâm
Ngồi quen ghé đá
Không em buốt giá từ tâm
(...)
Mùa thu Paris
Trần dâng đôi mi
Người em gác trọ
Sang anh, gót nhỏ thăm thì...

Và mùa đông đến, sự chia ly, nỗi buồn của Cung Trầm Tưởng được nhân lên gấp bội. Buồn đến độ, một trăm ngày xa cách mà ông tưởng chừng suốt đời phải chia ly. Và *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* là một bài thơ viết trong hoàn cảnh, tâm trạng ấy của Cung Trầm Tưởng.

Cả bài thơ như một thán từ: “*Lên xe tiễn em đi/ chưa bao giờ buồn thế/ trời mùa đông Paris/ suốt đời làm chia ly...*”. Để dòng (thơ) chảy theo những cảm xúc tự nhiên, sinh động, Cung Trầm Tưởng vẫn giữ thủ pháp hoán chuyển thể loại, với những câu thơ ngắn, dài. Do vậy, thơ ông giàu nhạc tính. Và mỗi khổ thơ của *Mùa Thu Paris*, hay *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* như một điệp khúc trải sẵn trên khuôn nhạc cho Phạm Duy sau này vậy. Đi sâu vào đọc, ta có thể thấy Cung Trầm Tưởng thường mượn cảnh vật, thiên nhiên để so sánh, sự việc, hành động hay bộc lộ cảm xúc, diễn biến nội tâm của mình:

“*Ga Lyon đèn vàng/ tuyết rơi buồn mênh mang/ cầm tay em muốn khóc/ nói chi cũng muộn màng*”. Và không chỉ đưa từ ghép mới (xóm/ học) dân dã vào trong thơ: “*Hỡi người yêu xóm học!*”, mà Cung Trầm Tưởng còn sử dụng các biện pháp ngắt nhịp, xuống dòng tạo nên tiết tấu bất thường, đồng điệu với tâm trạng: “*Đường anh đi tràn ngập/ Lệ em buồn*”. Có thể nói, ngay từ những ngày đầu cầm bút, Cung Trầm Tưởng đã không ngừng tìm tòi, tạo một lối đi riêng. Và dường như, ông đã thoát khỏi sự ảnh hưởng thi ca tiền chiến, trừu tượng, đến gần hơn với thuyết hiện sinh:

...Tiễn em về xứ mẹ
Anh nói bằng chiếc hôn
Không có gì lâu hơn
Một trăm ngày xa cách
(...)
Hỡi người yêu xóm học!
Để sương thấm bờ đêm
Đường anh đi tràn ngập
Lệ em buồn...
(...)
Tàu em đi tuyết phủ
Toa em lạnh, gió đây
Làm sao em không rét?..”
(Chưa Bao Giờ Buồn Thế)

Tuy *Mùa Thu Paris* và *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* đã làm nên tên tuổi Cung Trầm Tưởng, và đi vào lịch sử thi ca, âm nhạc. Song nó chưa phải là những bài thơ hay nhất của ông. Với tôi, ở giai đoạn đầu này, hai bài thơ hay nhất của Cung Trầm Tưởng thuộc thể Lục bát: *Khoác Kín* và *Kiếp Sau*. Đây cũng là hai bài thơ toàn bích nhất trong sự nghiệp sáng tạo của ông.

Trong kho tàng văn học sử có không ít các nhà thơ, nhà văn đã mượn sân ga và con tàu để bộc lộ tâm trạng của mình. Song có lẽ, trải qua sự sàng lọc của thời gian chỉ còn lại: *Những Bóng Người Trên Sân Ga* của Nguyễn Bính, *Những Ngày Nghỉ Học* của Tế Hanh, và *Khoác Kín* của Cung Trầm Tưởng.

Thật vậy, đọc *Khoác Kín* ta thấy được nỗi cô đơn của nhà thơ, đang mùa tuyết đổ ở miền Đông Nam nước Pháp, mà cái u tịch ấy ngỡ như ở quê nhà vậy: “*Với mây trên nhọt ánh tà/ Với đèn xóm hạ cũng là tịch liêu*”. Vẫn thủ pháp mượn cảnh vật thiên nhiên miêu tả, bộc lộ diễn biến tâm trạng, hay nói cách khác Cung Trầm Tưởng đã trộn hồn người vào cảnh vật, thiên nhiên, cùng biện pháp tu từ so sánh: “*Phường xa nhíp sắt bon bon/ Tàu như dưới tỉnh, núi còn vọng âm.*”

Ta có thể thấy, lục bát Cung Trầm Tưởng không sa đà vào kể lể, và dường như đã thoát ra khỏi cái lục bát rề rà truyền thống cũ. Và với phép ẩn dụ, Cung Trầm Tưởng mượn hình ảnh cái rét của chiều đông nói về nỗi buồn cô đơn lạnh lẽo, tự co (cài, đóng) tâm hồn mình lại: “*Tôi về bước bước đăm chiêu/ Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm*”.

Tôi nghĩ, “*Tâm tư khoác kín*” một cụm từ mới, rất đắt khi được đặt đúng văn cảnh và tâm trạng. Có một điều đáng tiếc, bài *Khoác Kín* khi phổ thành bản *Chiều Đông*, nhạc sĩ Phạm Duy đã sửa hai câu kết này: “*Mình tôi nhíp bước đăm đăm/ Tâm tư khoác kín chiều căm lạnh nhiều.*” Như vậy, dường như đã mất đi hình ảnh, tâm trạng mang tính ẩn dụ ấy và hờn vĩa câu thơ, hoặc bài thơ đi theo chiều hướng khác.

Thật vậy, hơn một lần tôi đã viết: thơ hay dứt khoát phải có từ mới, hoặc cụm từ mới. Từ hay cụm từ mới không có nghĩa người viết chế, nghĩ ra, mà do cách sử dụng từ ngữ. Nhiều từ, cụm rất cũ, nhưng người viết đặt hoặc ghép trong câu đúng văn cảnh nào đó, gây bất ngờ cho người đọc, nó trở thành câu mới, nghĩa mới. Nhà thơ tài năng, ngoài kiến thức ra, dứt khoát phải là người có trí tưởng tượng và sự liên tưởng phong phú. Vâng! Có thể nói, Cung Trầm Tưởng là nhà thơ tài năng như vậy. Và *Khoác Kín* là một trong những bài thơ điển hình nhất chứng minh tài năng ấy của ông:

*...Minh tôi với tuyết non cao,
Vội còn phố tịnh buốt vào xương da
Vội mây trên nhọt ánh tà
Vội đèn xóm hạ cũng là tịch liêu.
Tôi về bước bước đăm chiêu,
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.*

Và người thi sĩ trở về Sài Gòn để lại người tình Paris mang mang sầu vạn kiếp. Bù em là một động từ, hay là cái tứ để cho Cung Trầm Tưởng viết nên: *Kiếp Sau*. Thoảng đọc tưởng chừng như có sự vay trả. Chẳng vậy mà khi phổ nhạc, Phạm Duy đã đổi thành: *"Đến Em"*. Nhưng không phải vậy. Bù em chỉ là cái cớ để nhà thơ đi đến tận cùng tình yêu và cảm xúc mà thôi. Vẫn thể lục bát, *Kiếp Sau* tuy ngôn ngữ mộc mạc, địa điểm, thời gian mang tính cụ thể, song có giọng điệu thiết tha, đầy ắp hình ảnh ẩn dụ làm cho câu thơ sâu sắc, và sinh động: *"Bù em một tháng trời gần/ Đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi/ Bù em góp núi chung đồi/ Thiêu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ"*. Và ngoài hình ảnh, phép tu từ, ta còn thấy sự liên tưởng rất phong phú trong thơ Cung Trầm Tưởng: *"Thôi em xanh mắt bỏ câu/ Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau..."*. Vàng, có kiếp sau đâu mà nhà thơ dám thề non hẹn biển như vậy với em (hình ảnh hoán dụ của: vàng tơ sợi nhỏ).

Có thể nói, cùng với Nguyễn Sa, Hoàng Anh Tuấn, thơ Cung Trầm Tưởng đóng góp không nhỏ cho nền Văn Học Miền Nam ở giai đoạn cuối thập niên 1950, và những năm đầu thập niên 1960. Sự đóng góp này không hẳn bởi số lượng tác phẩm, mà vì không gian và cái sinh khí, diện mạo mới cho thi ca. Do vậy, tuy là bước khởi đầu, song đây là giai đoạn quan trọng nhất của sự nghiệp sáng tạo Cung Trầm Tưởng.

Chiến tranh- tâm trạng người lính

Dù là một Sĩ Quan Quân Đội, nhưng ngay năm đầu Cung Trầm Tưởng đã nhận ra sự băng hoại đạo đức xã hội và con người bởi chiến tranh: *"Sống là một thứ đi buôn/ Mang thân bán vốn, còn hồn cho thuê"* (Thân Phận). Cho nên, thơ ca Cung Trầm Tưởng thường mang tính châm biếm, giễu nhại ở giai đoạn này. Và dưới ngòi bút của ông hình ảnh bọn liên minh ma quỷ, đầu xỏ cường quyền bán mua chiến tranh, bán mua con người hiện lên rất rõ nét. Nhất là vào năm 1968/Mậu Thân với xác người cùng máu nhuộm đỏ miền quê, và những thị thành. Việt Nam 1968 là một bài thơ có tính châm biếm như vậy của Cung Trầm Tưởng. Cái sự lừa bịp, xảo trá, hoang tưởng bày phô sặc sỡ ấy, đọc lên ta phải rùng mình và khinh bỉ:

Mũ áo xanh xang chờ xem một thiên đường nhuộm phẩm

*Người sống say mê bằng những sấm ngữ viết hoa
Đến cái chết cũng là dịp để bày phô sắc sỡ
Những màu cờ ảo hoạn
Những áo mị hương hoa
Một liên minh đàn đúm
Sum suê lái xác với buồn hòm*

Khi đã nhận ra bản chất cuộc chiến, cùng sự lươn lẹo của giới thượng tầng, thì cái tư tưởng chán ghét chiến tranh bộc lộ rõ trong thơ Cung Trầm Tưởng. Với ông cuộc chiến tương tàn này, dưới góc độ nào cũng đều vô nghĩa. Do vậy, đến với: Chúc thư của một người lính vô danh, ông trực diện chọc thẳng vào cái ung nhọt ấy, thông qua nghệ thuật châm biếm, lối nói mỉa mai. Ở đó, ta không chỉ thấy cái sự khinh bỉ trước bộ mặt giả dối lưu manh của những kẻ say máu, bán mua chiến tranh, mà còn bật lên nỗi đau mất mát của những người dân vô tội. Và đây cũng là bài thơ điển hình nhất cho cái tư tưởng ấy của Cung Trầm Tưởng ở giai đoạn này:

*...Nếu vì cuồng vọng một người
Một triệu người phải ngã xuống
Vải tang số không đủ để quán đầu
Mượn sầu triệu nàng goá phụ
Vật vờ triệu mụn con cô
Tôi xin các người đừng đến cú đầu mặc niệm
Tỏ tiếc vong linh người chồng / cha vẫn số
Rời ra về ngồi ký lệnh trưng quân
Lấy thịt đồng bào làm mồi cho súng ngoại
Bởi giết chóc này vô luân và phi lý...*

Và khi các văn nghệ sĩ đi sâu vào khai thác sự đổ nát, chết chóc ở nơi chiến trường, thì Cung Trầm Tưởng đi vào những linh hồn âm mốc đằng sau cái chết nơi hậu phương. Ông đã mượn nơi Nghĩa Địa để nói về chia ly, phận người trong cái không gian u buồn. Với thể xác linh hồn đã bị bào mòn bởi thời gian, Có điều đặc biệt, dù trong thơ không hề nhắc đến bom rơi đạn nổ, nhưng không hiểu sao, tôi vẫn thấy không khí chiến tranh, gửi mùi tử khí ở đó.

Tôi không rõ, Cung Trầm Tưởng viết bài thơ *Nghĩa Địa* này vào năm nào, và ở đâu? Song có thể nói, đây là một trong những bài thơ hay nhất ông viết trong thời chiến. Hình ảnh, từ ngữ sâu lắng, gợi cảm, mang mang hồn cổ thi ấy, một lần nữa cho ta thấy, những bài thơ hay của Cung Trầm Tưởng thường ở thể lục bát. Và dù viết về tình yêu hay thiên nhiên, hiện thực xã hội thì cái chất trữ tình vẫn thấm đẫm trang thơ ông:

... Bãi nhãn nhàu vết lằn xưa
Một xe thổ mộ nằm trơ gỗ gầy

—
Chiều nhòa về xứ không tên
Thời gian hoá đá chồng lên tuổi đời
Ngồi trông vút bóng chim dơi
Rồi ghé lạnh cả đất trời thâm sâu
Sương – khăn – sớ lấy phủ đầu
Che hồn ẩm mốc mối sầu âm dương.

(Năm Tháng Lưu Đà - cùng những vần thơ hiện thực trữ tình)

Với tư tưởng chán ghét, và khinh bỉ bọn người xảo trá mua bán chiến tranh như vậy, không hiểu sao, sau Tháng Tư 1975, Cung Trầm Tưởng lại tin vào cái món hòa giải, hợp nhất. Tuy nhiên, ngay những ngày đầu ở nơi chuồng người miền núi phía Bắc: “Áo tù thấm máu đôi vai/ Bàn chân nửa chém, vành tai gió lùa”. Cung Trầm Tưởng chợt nhận ra, và vứt bỏ ngay. Rồi đồng đội, và nghị lực sống cho ông sự can đảm đi đến tận cùng: “Bài học rút ra thật dứt khoát/ Nó, tôi chẳng thể đội chung trời/ Nó còn tôi mất, đơn sơ vậy/ Nó mất tôi còn, chỉ thế thôi.” Đói rét, cùm gông chắc chắn người tù cải tạo nào cũng phải trải qua. Và người tù Cung Trầm Tưởng đã trộn lộn cái đói rét, khổ đau ấy làm nguyên liệu sống để viết nên: Nguyễn Cầu Mùa Thu. Một bài thơ không chỉ có giá trị hiện thực, mà còn có giá trị lịch sử:

“...Môi cần má hóp thịt da
Ngô voi miệng chén canh pha nước bùn
Đêm nằm ruột rỗng vai run
Đầu kê tiếng súng chân đùn bóng đêm”

Gian khổ đắng cay là thế, song tinh thần, khí phách nhà thơ vẫn ngay thẳng như vầu, như tre vậy. Đọc Biểu tượng viết trong những ngày cùng cực đó, Cung Trầm Tưởng làm tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ trong bài *Đập Đá Ở Côn Lôn* của cụ Phan Chu Trinh: “Tháng ngày bao quản thân sành sỏi/ Mưa nắng càng bền dạ sắt son.” Vâng! Không có ý so sánh, nhưng những nhà thơ lớn dường như có chung một ý trí và khí phách như vậy chăng?

“Lòng ta đứng vững như vầu
Thân ta lóng thẳng giữa bầu trời xanh

—
Đổi thay lá mới, đậm đà lóng tươi
Vầu đanh như thép sáng ngời

Nắng mưa thì cũng trọn đời đứng ngay”
(Biểu Tượng)

Tôi đã đọc nhiều thơ văn viết ở trong tù cải tạo, song có lẽ chưa ai viết nhiều về những người mẹ, người vợ như Cung Trầm Tưởng. Vẫn thể Lục bát, ở đó không chỉ là lời cảm thương, mà còn như một lời ru của người tù cải tạo gửi đến những người vợ vậy. Cho nên, đọc *Đường Vào Thiên Thu* của Cung Trầm Tưởng, tôi cứ ngỡ mình đang ngồi ở Thành Nam đọc *Thương Vợ* của cụ Tú Xương. Viết về những người mẹ, người vợ, có lẽ không thể thơ nào cho người đọc nhiều cảm xúc như Lục bát. Một thể thơ sở trường của Cung Trầm Tưởng, và ông luôn tìm tòi làm mới nó:

*“Chín mùa thua thiệt đời em
Gian truân chuyện kể nghìn đêm chưa vừa
Đội nghìn nắng, gọi nghìn mưa
Gương em tiết phụ thời xưa chờ chồng.”*
(Đường Vào Thiên Thu)

Đi sâu vào nghiên cứu ta có thể thấy, Cung Trầm Tưởng viết không chỉ bằng cảm xúc, mà còn bằng cả trí tuệ. Do vậy, thơ ông sinh động, trữ tình và có bố cục khá chặt chẽ. Đọc Vạn vạn lý, dù ở bóng tối tù đày, ta vẫn thấy được cái tâm trạng, hồn khí an nhiên tự tại trong sự suy tưởng đậm tính triết lý của Cung Trầm Tưởng. Thật vậy, trích đoạn với những hình ảnh, lời thơ tuyệt đẹp dưới đây, sẽ cho ta thấy rõ điều đó:

*“Ngồi trùm lằn bóng tối
Nhìn mây đi lang thang
Mây giăng xám hàng hàng:
Trời vào đông ảm đạm
(...)
Vỗ vỗ rơi tàn thuốc
Phà khói vào hơi sương
Xa xưa... trống lên đường
Tiếng quân hô hào sáng
(...)
Mưa về gióng lê thê
Nai kêu nguồn đầu đò
Xưa nay tù ngục đở
Mấy ai đã trở về?”*

Sau mười năm cải tạo cả thể xác lẫn tâm hồn, vừa ra tù Cung Trầm Tưởng viết ngay bản tổng kết, bằng *Bài Ca Níu Quan Tài*.

Có thể nói, đây là một trong những bài thơ thể sự hay nhất mà tôi đã được đọc. Vẫn khuynh hướng sử thi, Cung Trầm Tưởng kéo lùi thời gian, cho người đọc thấy được cái quái đản của một học thuyết hoang tưởng: “*Kinh bang sao chép Nga Tàu/ Bình quân là chặt cái đầu cao hơn*”. Từ đó, sinh ra một đám kèn kèn, làm cho ta phải rùng mình khi đọc: “*Một bầy táng tận lương tâm/ Ăn hồ, ăn giẻ, ăn vắn ngày công/ Ăn tranh trẻ đói lọt lòng/ Ăn lương tiếng khóc khép vòng tử sinh*”. Và cái số phận hẩm hiu của người tù cải tạo cho đến những con cháu... hậu nhân: “*Ngón đòn lý lịch lý kỳ/ Cha là “nguy”, phạm trường quy con rồi*”. Có thể nói, thơ thể sự, xã hội Cung Trầm Tưởng từ ngữ mộc mạc, song đậm đặc hình ảnh hoán dụ, làm cho giọng điệu, lời thơ nhẹ nhàng, sâu sắc, do vậy đến được với mọi tầng lớp người đọc.

Dường như càng khổ đau, ưu phiền, Cung Trầm Tưởng càng đến gần hơn với tư tưởng, triết lý Phật giáo. Mỗi câu thơ của ông như tự răn mình và răn đời vậy. Sự thay đổi nhận thức đó, giúp cho Cung Trầm Tưởng tĩnh tâm và có cái nhìn khách quan, nhân bản hơn. Ấu đó cũng là quãng đường đi từ lãng mạn trữ tình đến với tâm thức chân thực, tính phản kháng, hay bóc trần góc khuất của cuộc sống cũng như thơ văn Cung Trầm Tưởng vậy. Và tôi xin mượn bốn câu thơ trích trong bài *Điểm Tâm Xuân Hoàng Liên Sơn* (của ông) để kết thúc bài viết này, cũng như làm sáng tỏ thêm chân dung nhà thơ tài hoa, chí khí Cung Trầm Tưởng:

*Mai sau thịt thắm da liền,
Cái yếu khác trước, cái nhìn khác xưa,
Cái tin vô cớ xin chừa,
Sống sao cho xứng lũy thừa thương đau.*



Đỗ Trường - Leipzig, 2022

Tâm tình với nhà thơ Cung Trầm Tưởng

*** Đinh Quang Anh Thái ***



Mấy ngày qua, trời Cali có lúc sũng nước, không khí se lạnh và trần mây xám xịt. Rõ ràng là thời tiết mùa Thu. Buổi sáng đầu tuần, nhà thơ Cung Trầm Tưởng từ Minnesota đến Quận Cam và ghé thăm tòa soạn Người Việt. Nhà thơ đã dành cho Đinh Quang Anh Thái cuộc nói chuyện thân mật sau đây.

-ĐQATHái: Thừa nhà thơ, mùa Thu Cali, mùa Thu Minnesota và mùa Thu Paris khác nhau ra sao ạ?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Khác chứ. Thu Paris là mùa Thu của kỷ niệm vì lúc đó mình hãy còn trẻ; Thu Minnesota rực rỡ vì lá úa vàng xen lẫn lá đỏ, lá tím...; còn Thu Cali giúp tôi tìm lại được không khí Thu của Hà Nội.

-ĐQATHái: Mùa Thu Hà Nội vẫn còn trong tâm tưởng của nhà thơ?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Thu Hà Nội tuyệt vời, không thể nào quên.

-ĐQATHái: Bài thơ “Mùa Thu Paris” của ông đã vang lừng hơn nửa thế kỷ qua trong lòng nhiều người; nhà thơ đã cảm hứng trong tâm trạng và bối cảnh nào khi viết bài thơ này?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Lúc đó là năm 1954, tôi đi du học bên Pháp và ở vào tuổi vừa mới ngoài 20. Trước khi đặt chân đến Kinh Thành Ánh Sáng, tôi đã có một mối tình, và cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi những nhà thơ Pháp thời bấy giờ. Khi sang Paris, tiếng Pháp tôi cũng tương đối vì tôi đã chuẩn bị trước khi đi, cho nên, trong bối cảnh đó, tôi hội nhập ngay vào môi trường sống ở Paris, và trôi ngay vào không khí trữ tình của mùa Thu Paris. Bài thơ ra đời trong bối cảnh và tâm tình đó. Lẽ dĩ nhiên, phải có một cô tóc vàng sợi nhỏ nên dòng thơ mới bật lên.

-ĐQATHái: Mối tình với một nhan sắc tóc vàng sợi nhỏ trong bối cảnh trời Thu Paris, bây giờ hồi tưởng lại, nổi xúc động có còn đọng chút nào không ạ?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Xúc động quá đi chứ. Lúc bấy giờ, tâm hồn mình thật là lạ, trong trắng, ngây thơ, nhìn đời qua lăng kính lý tưởng, thành ra, mối tình với người con gái tóc vàng sợi nhỏ đó là một kỷ niệm khôn nguôi. Đôi lúc, tôi cũng không hiểu được là làm sao mà mình lại làm được một vần thơ ‘thơ’ đến như vậy.

-ĐQATHái: Thời trai trẻ, nhà thơ cũng là một sĩ quan Không quân?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Vâng, lúc đó tôi thi vào khóa sĩ quan Không quân bên Pháp, nhưng không phải là phi công lái máy bay. Và bài “Mùa Thu Paris” được viết trong giai đoạn đó.

-ĐQATHái: Trong tình khúc “Tiễn Em” do Phạm Duy phổ từ thơ của Cung Trầm Tưởng, có câu “tiễn em người xóm học”; xóm học là gì, thưa nhà thơ?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Bài thơ của tôi tựa là “Chưa Bao Giờ Buồn Thế”, anh Phạm Duy bảo tôi là để cho nó có tính cách được phổ biến hơn thì anh xin phép đổi là “Tiễn Em”. Trong đó ông có nhắc lại vài lần tiễn em, tôi bảo ông là không có gì trở ngại. Bài thơ có câu “hỡi người yêu xóm học, để sương thấm bờ đêm, đường anh đi...”, xóm học là khu đại học ở Paris.

-ĐQATHái: Trong bài “Chưa Bao Giờ Buồn Thế”, ông viết “tiễn em về xứ mẹ”, thì “xứ mẹ” có phải là Việt Nam không?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Không. “Xứ mẹ” trong bài thơ là ở miền Nam nước Pháp. Mùa Đông Paris thời đó không khí thường bị ô nhiễm; và phổi nang – người con gái gây cảm hứng khiến tôi làm bài thơ – không được mạnh và nang lại bị suyễn nữa, vì thế bác sĩ khuyên là trong ba tháng mùa Đông, nang nên đi về miền Địa Trung Hải để hưởng không khí trong sạch. Ba tháng xa cách, thế nhưng thời đó tuổi trẻ lắm lúc đam mê và cũng hơi cường điệu, tôi có cảm tưởng xa nhau biệt, nên mới trải tâm sự thành bài thơ.

-ĐQATHái: Xin tò mò hỏi ông, người con gái trong “Chưa Bao Giờ Buồn Thế” và trong “Mùa Thu Paris” đều là tóc vàng sợi nhỏ chứ không cùng quê nhà với ông?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Lúc đó thì tôi thích cái gì mới lạ và rõ ràng, đó là cái bông bột tuổi trẻ; bây giờ thì tóc huyền mắt đen là nhất.

-ĐQATHái: Có điều gì về mùa Thu Paris, thời nhà thơ từng sống mà chúng tôi không biết để hỏi ông?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Tôi viết về người con gái tóc vàng sợi nhỏ, có người hỏi tôi tại sao không là mắt xanh; tôi không hiểu tại sao mà tôi lại thêm chữ sợi nhỏ vào nhưng rõ ràng, tôi đã gây ra một hình tượng thơ quyền rũ.

-ĐQATHái: Trong tâm cảnh nào khiến cho nhà thơ viết nên bài “Bên Ni Bên Nó” cũng được Phạm Duy phổ thành nhạc?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Bài này dựa trên bối cảnh có thật thời đó là năm 1950 ở Đa Kao. Lúc bấy giờ tôi 18 tuổi, sống ở Đa Kao. Cuối phố là một nghĩa địa. Bài thơ có câu “tiếng chân gõ guốc người xa vắng người”; thời đó có những người lao động người ta đi guốc, thế thì tại sao người xa vắng người nhỉ? Lúc đó một cậu bé 18 tuổi như tôi linh cảm rằng cuộc chiến tranh này khiến con người với con người xa cách nhau. Đó là tôi linh cảm và vô tình viết ra .

-ĐQATHái: Sự linh cảm đó là một điều tiên tri?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Có thể. Nói rõ hơn là một tiên cảm, nó rất là mỏng lung, mơ hồ. Linh cảm của một thi sĩ nó lạ lắm.

-ĐQATHái: Lúc sáng tác bài đó, thi sĩ không thấy được trọn vẹn sự tiên cảm và mãi cho đến sau này mới lý giải như vậy?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Đúng, nhưng cái sợ mông lung đó nó ở trong tiềm thức của mình. Lắm lúc người ta làm thơ bắt đầu bằng tiềm thức, nó in vào trong tâm mình lúc nào không biết, vì thế mới có linh cảm về đất nước Việt Nam trong khoảng thời gian mấy chục năm nay sau này. Nó có một kích thước lịch sử ẩn náu trong tiềm thức của người thi sĩ và bật lên một cách vô tình thôi

-ĐQATHái: Ngôn ngữ trong bài thơ đó mang một chút hơi hướng miền Trung hay rõ hơn là xứ Huế, vì “bên ni và bên nó”?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Thời đó tôi cũng có quen một cô thiếu nữ ở Huế và tôi mê lắm, cùng học trung học. Tôi có vợ chồng một anh bạn, cùng học một trường, anh có một đứa con sắp ra đời, và tôi là cha đỡ đầu cho đứa bé đó. Từ cảm hứng đó tôi mới làm bài này, trong có câu “bấm đốt ngón tay chờ đợi/chờ ngày con thơ, thơ ra đời”.

-ĐQATHái: Trong thơ của thi sĩ có cả rượu, có cả tình yêu đổ vỡ?

-Nhà thơ Cung Trầm Tưởng: Vâng, thời đó có phong trào vũ trường. Tôi mới tốt nghiệp xong tú tài thì đã đi khiêu vũ rồi nhưng vẫn còn rụt rè trước sắc đẹp của thể xác. Lúc đó mình chỉ là một cậu thanh niên mới ra đời thôi nên mới viết “Bên nó dạ thành khoe trắng lệ, tro trên giai nhân phôi lửa thể, bên ni phở vẳng ôi lòng ngoại ô”.

-ĐQATHái: Cám ơn nhà thơ đã đến thăm và trò chuyện với Người Việt.



Đinh Quang Anh Thái

Về một bài thơ lạ và độc đáo của Cung Trầm Tưởng: Râu Xanh

Diễm Nguyễn - 10 tháng 10, 2022

Thơ yêu của Râu Xanh

Có lẽ không nhiều người biết đến bài thơ tình này của Thi Sĩ Cung Trầm Tưởng, bởi vì khi nghe nhắc đến tên tuổi “Cung Trầm Tưởng”, quý khán thính giả yêu mến thi nhạc đều nghĩ ngay đến những bài thơ tuyệt tác của Cung Thi Sĩ đã được cố nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và trở nên giai điệu vượt thời gian như Mùa Thu Paris, Kiếp Sau, Bên Ni Bên Nớ vv... Nhưng đó chỉ là một số ít trong vô số những bài thơ tình bất hủ mà Đại Lão Thi Sĩ Cung Trầm Tưởng (nay đã sắp 90) từng viết trong suốt “70 năm kiếp tầm nhả tơ” của mình.

Bài thơ tình được bắt đầu bằng một cái tựa rất tượng hình, ... rậm rạp và ... hung hãn: RÂU XANH

“Râu Xanh” ở đây chính là “Con Yêu Râu Xanh”, một nhân vật trong truyện ngắn nguyên bản bằng tiếng Pháp “Barbe-Bleue” (tiếng Anh là Bluebeard) trích từ tập truyện cổ tích ‘Những Câu Chuyện Của Mẹ Ngỗng’ (Tales of Mother Goose/Les Contes De Ma Mère l’Oye) của tác giả người Pháp Charles Perrault, xuất bản vào giữa thế kỷ 17.

Ôi! Nhân vật ấy mới đáng sợ làm sao!

Một “Con Yêu Râu Xanh” nổi tiếng vì “quá đổi yêu mến” những người đẹp kiêu diễm nên đã tìm mọi cách để được thoả mãn lòng mình. Vậy thì tại sao thi sĩ lại chọn đưa nhân vật nguy hiểm này vào thơ?

Chính vì điều này mà bài thơ trở nên thu hút những người hiếu kỳ như tôi.

Thơ khác với văn xuôi bởi những “ẩn dụ”. Ẩn dụ như má lúm đồng tiền ẩn hiện duyên dáng trên gương mặt của cô gái mà khi bắt gặp đúng khoảnh khắc sẽ làm ngây ngất lòng người. Cung Thi Sĩ đã dùng bút pháp thi ca của mình một cách táo bạo để ví von nỗi lòng Râu Xanh với tâm trạng của một người tình đang ngóng đợi người yêu của mình đến thăm.

Chàng chờ đợi và nôn nóng...
*Đến anh thì đến hôm nay,
Lỡ mai gió lật chở đầy mưa qua.*

... nôn nóng đến mức trong đầu lo lắng băng quơ đến viễn ảnh rủi ro của ngày mai.

... rồi lại nôn nóng đến độ tưởng tượng ra hình bóng kiều diễm và gợi tình của người yêu.

*Đến anh thân thể lụa là,
Dài đuôi con mắt, ngắn tà váy kiêu.*

Chàng mơ màng hình dung ra sự hiện hữu của nàng từ lớp lụa là mềm mỏng cho đến ánh mắt long lanh.

“Đến anh” là cách viết gọn của một nửa mệnh đề “Nếu... có ĐẾN thăm ANH”. Vì vậy, nửa mệnh đề còn lại theo ngữ pháp Việt ít được hiểu là “Thì...”, vì vậy ý thơ nửa như thăm cầu mong, nửa như thăm căn dặn người yêu: Nếu có đến thăm anh, thì... đuôi mắt đa tình ấy xin “dài” thêm, còn chiều dài của chiếc váy kiêu sa kia thì nên “ngắn” bớt!

*Đến anh lưng thắt chiết yêu,
Sẻnh tâm phá giới con điều ái ân.*

Xin mở ngoặc ở đây để được diễn giải rằng “Chiết Yêu” là tên của một loại chén bát kiểu rất đẹp. Kiểu chén bát này loe rộng ở miệng bát nhưng thắt nhỏ lại ở đáy bát khiến cho khi nhìn nghiêng sẽ có hình dáng của một hình tam giác mà phần thắt nhỏ gọi cho người ta nghĩ đến một... vòng eo. “Chiết Yêu” và một vòng “Eo”... sử dụng “uyên ngữ vô thanh” có lẽ không ai tài tình bằng Cung Thi Sĩ, bởi chỉ cần nhìn mặt con chữ đã gợi nên trong lòng người đọc những thanh âm gợi cảm biết bao!

Một lần nữa, chàng Râu Xanh đa tình lại thăm căn dặn người yêu, “Nếu” có đến thăm anh, “Thì” xin em hãy chuẩn bị “tâm thức” để cùng anh thả “con điều” kia bay cao... Trời ạ! He he...

Hai câu thơ kế tiếp lại càng thú vị hơn nữa!

*Gót gòe rút chín phân vân
Để sau một hoá mười lần đến anh.*

“Gót gòe” ở đây là sự gòe vục, e dè và phân vân nơi bước chân của cô người yêu mà tác giả đã phỏng đoán tâm lý: Không biết có nên đi hay không? Điều gì sẽ chờ đợi ở nơi ấy? Vì vậy, thi sĩ đã viết một cách đầy thuyết phục, tự tin và hứa hẹn đúng kiểu

dụ dỗ của... Râu Xanh: Nếu như có nghề vực thì xin em hãy “rớt đi... chín phần mười” (đừng phân vân nữa!) bởi vì anh biết sau này sẽ từ “một hóa mười lần” em đến thăm anh (tự tin chưa!)

Nhắc đến “Râu” hẳn hầu hết chúng ta đều từng nghe một câu ‘chơi chữ’ vui vui “râu rĩ râu ria ra rậm rạp”. Trộm nghĩ, trong bối cảnh của bài thơ thì có lẽ ta nên đổi thành “rạo rọc râu ria ra rậm rạp”... bởi thi sĩ đã viết tiếp:

*Chờ em anh để râu xanh,
Lòng xây bốn bức tường thành giam em.*

Nhân vật Râu Xanh trong chuyện cổ tích Pháp là một bá tước giàu có nên ông ta sống trong một lâu đài có thành quách kiên cố bao quanh. Nhưng với Cung Thi Sĩ, “bốn bức tường thành” ở đây được “xây” lên từ “lòng ngóng đợi” để được đón người yêu đến và nhốt kín nàng vào vòng tay tình yêu mạnh mẽ của chàng.

“Lòng” chàng thì đã vậy, còn “hồn” thì sao nào?

*Hồn anh em thấp lên xem
Ác như một chiếc lồng đèn kéo quân.*

Ah! Thì ra là vậy. “Con Yêu Râu Xanh” là hiện thân của sự hung ác mà. Nhưng “hung ác” ở đây qua chiếc đũa thần của thi ca bỗng hoá thân thành “mãnh liệt” trong tình yêu. Sự mãnh liệt đó thi sĩ đã ví von qua hình ảnh của “chiếc lồng đèn kéo quân”, mà khi nhắc đến đèn kéo quân thì trong đầu chúng ta đã cảm thấy rộn ràng như đang xem...”phim hành động”, bởi tướng-sĩ-người- ngựa đuổi nhau chạy vòng quanh vô cùng lung linh và huyền ảo. Một lần nữa, sự huyền diệu của “uyên ngữ” trong thơ Cung Trầm Tưởng lại lấp lánh rộn ràng âm sắc.

Lần lượt, thi sĩ đã trang trải nỗi niềm tâm sự của mình từ “lòng” đến “hồn” và bây giờ là “tình”.

*Tình anh sương giá đầy sân
Cần em mái phủ cho thân ấm nhờ.*

Ôi! ôi... đến lúc này thì còn đâu hình ảnh của một “Con Yêu Râu Xanh” hung ác nữa, mà chỉ còn lại một khoảng sân trống lạnh và nỗi mong chờ thống thiết “cần” em... cho anh “nhờ”. Chùng như mọi thứ giáp sắt, khiên đao đều đã bỏ xuống quy hàng để chờ đợi tình yêu của nàng.

Bởi cần có hai bàn tay mới làm nên tiếng vỗ, hoặc theo quan niệm của trời Âu “It takes two to tango”, cho nên chàng thi sĩ ân cần đưa nàng vào thế giới thi ca của mình mà ví von:

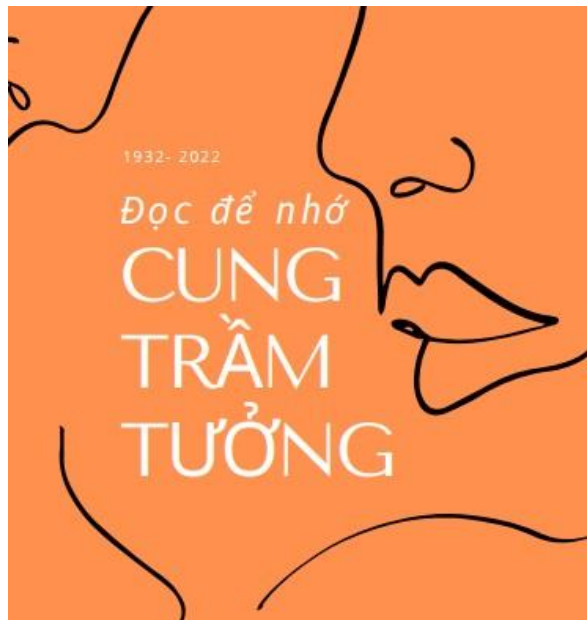
*Chuyện mình mới nửa trang thơ
Phải hai cùng viết bài thơ vẹn tình.*

Và cuối cùng đúc kết bằng một câu thơ lập lại để nhấn mạnh nỗi lòng, mà giờ đây như một lời trần tình khéo léo: Anh không phải là Râu Xanh, mà chỉ vì...

Chờ em anh để râu xanh...

RÂU XANH

*Đến anh thì đến hôm nay,
Lỡ mai gió lật chờ đầy mưa qua.
Đến anh thân thể lụa là,
Dài đuôi con mắt, ngắn tà váy kiêu.
Đến anh lưng thắt chiết yêu,
Sếnh tâm phá giới con điều ái ân.
Gót gờ rớt chín phân vân
Để sau một hoá mười lần đến anh.
Chờ em anh để râu xanh,
Lòng xây bốn bức tường thành giam em.
Hồn anh em thấp lên xem
Ác như một chiếc lồng đèn kéo quân.
Tình anh sương giá đầy sân
Cần em mái phủ cho thân ấm nhờ.
Chuyện mình mới nửa trang thơ
Phải hai cùng viết bài thơ vẹn tình.
Chờ em anh để râu xanh.*



[Ebook tưởng niệm nhà thơ Cung Trầm Tưởng](#)

Báo Saigon Nhỏ xin gửi tặng đến những người yêu mến những vần thơ của Cung Trầm Tưởng một tập ebook (nhấn vào link ở trên), gói gọn những gì gợi nhớ, để hiểu về một nhà thơ đứng giữa ngã tư đường của thiên đàng hoa mộng và đọa đày trần gian, trải lòng mình xuống khắc khoải với đời.

Bản thiết kế PDF được đặc biệt thích ứng với các loại smartphone và tablet, để có quý độc giả có thể tiện mang theo, đọc ở bất cứ đâu.

ĐỌC “MỘT HÀNH TRÌNH THƠ” CỦA CUNG TRẦM TƯỜNG

**** Trịnh Bình An ****

Khoảng năm 1959, tạp chí Sáng Tạo (Sài Gòn) cho ra đời một ấn phẩm có tên “*Tình Ca*”. Đó là một tuyển tập thi-nhạc-họa với 13 bài thơ của Cung Trầm Tưởng, trong đó 6 bài được Phạm Duy soạn thành ca khúc. Bìa và phụ bản của Ngy Cao Uyên. “*Tình Ca*” ngay lập tức được giới thưởng ngoạn hào hứng đón nhận. Những vần thơ tình tứ của mối tình gái Pháp-traoi Việt như thổi một luồng gió mới vào tâm hồn bạn đọc. Người ta được nhìn, được cảm, ngay cả được thở, cả một vùng trời lãng mạn Paris với công viên Luxembourg lá rụng, với ga Lyon đèn vàng, với những quán rượu ly đỏ rưng rưng; giữa khung cảnh thơ mộng ấy là người tình tóc vàng sợi nhỏ... Cái tên Cung Trầm Tưởng nhanh chóng tràn vào giới thanh niên trí thức thời bấy giờ cùng không khí lãng mạn của phong trào thơ mới.

Một mối tình! Bắt đầu của “*Một Hành Trình Thơ*” là như thế. Một bắt đầu thật lãng mạn, thật tình tứ, thật... thơ. Nhưng cuộc đời không như là mơ, cuộc đời có lúc thành cuộc đi đày, và người thơ có lúc thành người tù. Tháng Tư 1975, dù là một Trung Tá Không Quân có thể dễ dàng ra đi ngay từ đầu nhưng Cung Trầm Tưởng đã chấp nhận ở lại, chịu 10 năm tù cải tạo. “*Hành Trình Thơ*” từ đó rẽ sang một bước ngoặt khác.

Trong tù, Cung Trầm Tưởng không ngừng làm thơ. Tuy không có giấy, không có bút để ghi lại nhưng thơ của ông được những người bạn tù thay nhau học thuộc lòng. Tập thơ “*Lời Viết Hai Tay*” ra đời trong tù, lưu giữ được là nhờ “*bộ nhớ tập thể*” thân tình ấy. Với ông, những năm tháng ngục tù chỉ tiếp thêm sức sống cho thơ: “*Thơ tù đối với tôi là một quá độ cần thiết phải có, không có cái đó thì không tiếp tục nổi. Bởi sau cuộc rong chơi của tình yêu lứa đôi, chủ nghĩa hiện sinh... mình thấy đó vẫn chỉ là những cuộc rong chơi. Nhưng nếu dân tộc bị róm máu, người thi sĩ phải bị đổ máu.*” (*)

“*Một Hành Trình Thơ*” gồm 7 thi tập: Sóng Đầu Dòng–Tình Ca và Quá Độ, Lời Viết Hai Tay, Bài Ca Núi Quan Tài, Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định, Thi Bá-Con Tắc Kè và Bà Góa Phụ, Mỗi Dặm Đường Một Nghìn Vần Thơ, và, Vi>Sáng Ký Về Người Tình Đầu. “*Một Hành Trình Thơ*” còn tuyển đăng những bài khảo luận về thơ của Cung Trầm Tưởng như: Một Bản Thể Luận Bồng Bềnh Về Thơ, Ainsi Parlait Le Poète, Vì Sao Nhiều Người Việt Lưu Vong Thường Hay Làm Thơ? v.v.

Đến với “*Một Hành Trình Thơ*” ta sẽ tìm được gì?

Thứ nhất, cái đẹp của tiếng Việt.

Mọi người hẳn đều đồng ý rằng tiếng Việt rất giàu có về âm thanh và hình ảnh (mà ta thường gọi là tượng thanh, tượng hình). Ta cũng thấy đặc tính ấy được nhiều người biết áp dụng vào thơ, văn họ viết; nhưng ta vẫn sẽ bất ngờ với cách Cung Trầm Tưởng dùng tiếng Việt. Đọc Cung Trầm Tưởng (CTT) là luôn luôn ngỡ ngàng với tiếng Việt, những chữ tầm thường nhất bỗng trở thành tuyệt nhất.

Trâu phì phò, vịt quác ao tanh;

Lồm bồm ì òm lũ trẻ ranh.

Trăm mái nhà trùm một phận ẩm,

Thêm trăm tủi cực cũng cam đành.

(Thi Bá Bỏ Ân, Trở Về Phố Thị Gặp Tên Ma Thuật – Cung Trầm Tưởng)

Ở đây, ta gặp lại bút pháp tả cảnh sinh động của Nguyễn Khuyến, Tú Xương. Ta sẽ ngậm ngùi trước cảnh sống cùng quẫn trong bài thơ, nhưng ta vẫn sẽ có một cảm giác khoan khoái, đó là khoái cảm về cái đẹp khi thấy chữ “*ẩm*” được dùng hay quá, hay cả về hình lẫn về thanh. Về hình, “*ẩm*” gợi lên cảm giác buồn bã, u ám như trong “*ẩm thấp*” “*ẩm ương*”; “*ẩm*” đi sau “*ao tanh*” vẽ lên một cảnh tượng hôi hám, lạnh lẽo, dính dớp của làng xóm nghèo. Về thanh, “*ẩm*” tạo nên một tiếng buông tồm, như có vật gì đó rơi và chìm ngay xuống, nó lột tả cái số phận đen tối của những cảnh đời không lối thoát.

Thơ Cung Trầm Tưởng cho thấy tiếng Việt quả rất phong phú về khả năng mô tả sự vật. Một số câu thơ dùng chữ rất thường nhưng có sức gợi hình độc đáo là: “*Âm u lấm vẩn hôn*”, “*Cực chưa chấm dòng*”, “*Hận thù vắt nhọt mặt gà mái*”, “*Chân vẫn bước, nhưng lòng đang bò sát*”, “*Hắn đi trong thế giới mốc meo vàng*”, “*Hè ngồi loáng như dao*”, “*Ngủ lung liêng đốm lửa phà*”, “*Một chiếc hôn ngậy bên lên la đà*”, “*Đã ghi bầu bóng hút hơi*”, “*Chân dung một mối thương sầu bồng mang*”, “*Oái oăm mấy cũng thừa ừ* – *Éo le lấm cũng không từ éo le*”, v.v.

Thứ hai, đọc thơ Cung Trầm Tưởng để thấy cái chí bất khuất.

Như đã nói ở trên, nếu không có những người bạn tù che chở thì Cung Trầm Tưởng

không tài nào giữ được những bài thơ ông làm trong tù. Nói cách khác, Cung Trầm Tưởng không làm thơ cho riêng mình, ông làm thơ cho những người lính Việt Nam Cộng Hòa dũng cảm, những con người thân hàng chữ chí không hàng.

Nhờ sao Kháng hẳn sao Khuê

Hỏi thiên cơ lối ngược về sao Tiêu.

Ngược về tít tận phiêu diêu,

Lỡ hư vô có thì liều hư vô.

Được thì hốt hết thiên thu,

Thua làm mây vẩn rối bù đầu non.

(Lác Đác Những Giọt Sương Đêm – Cung Trầm Tưởng)

Khí thơ cuộn cuộn như một Cao Bá Quát ngang tàng. Những chữ thô ráp, bình dân như “liều”, “lỡ”, “được”, “hốt hết”, “thua”, được cài đặt với những chữ trau tượng, bóng bẩy như “hư vô”, “thiên thu”, “đầu non” để diễn tả cái chí khí tự do phóng đạt dù thân thể đang chịu cảnh gông cùm.

Thứ ba, cái sức sống mãnh liệt.

Hãy ưỡn ngực hít sâu vào khí sớm,

Chẳng thuộc riêng ai trời đẹp của muôn lòng.

Mùa xuân đến đều chia cho muôn khắp,

Kẽm gai nào rào chắn được trời trong!

(Tặng Phẩm Mùa Xuân – Cung Trầm Tưởng)

Có vắng ta đi xe vẫn hốt

Lá đêm qua rụng lối còn nồng,

Người vẫn còn nhau cho ngày mới

Như cầu cũ vẫn dẫn qua sông.

(Có Vắng Ta Đi ... – Cung Trầm Tưởng)

Thứ tư, thơ Cung Trầm Tưởng trước sau vẫn là đời thường và... tình yêu .

Thơm tho nên nã tủy xương pha

Thống ái cuồng dâm nọc nõn nà,

Một rót rầu phiền nhờn chán ngán,

Nồng dòng tu kín, tanh bê tha.

(Lễ Đen – Cung Trầm Tưởng)

Anh ôm em ấm mình đây;
Gió lay lóc phỏ, mưa lầy lội tim.
Tóc rong rêu chảy vai mềm,
Lời xô lũ luyến quỳnh chìm môi mê.
(Tình Đắm – Cung Trầm Tưởng)

Thứ năm, lý luận phê bình thơ.

Trong “*Một Hành Trình Thơ*”, bên cạnh những bài thơ, những trường thi, còn là một số khảo luận về thơ. Nếu nói thơ là thịt da thì vẫn là bộ xương. Một bộ xương thẳng thớm tạo nơi bám vững chãi cho da thịt, từ đó mới có thân thể xinh đẹp; không thể có người đẹp nhưng lưng lại khòm hay mỹ nhân mà hông bị lệch. Với khả năng lý luận mang tính khoa học của một chuyên viên khí tượng và quản trị an ninh, Cung Trầm Tưởng mổ xẻ thơ, ông không coi thơ là thứ “*bất khả phân tích*”, ông tìm hiểu bản thể thơ như một “*phạm trù tinh thần*”. Nhận định dưới đây của Cung Trầm Tưởng hẳn sẽ hữu ích cho nhiều người, người làm thơ, người đọc thơ, và cả người phê bình thơ:

Muốn được nhận vào hội quán của nền Văn Hóa Thứ Ba, thơ bắt buộc phải đổi mới cả về ngôn ngữ lẫn thể giới quan và cung cách thẩm mỹ của nó. Điểm tể nhị là làm sao đừng để ham muốn đổi mới và phô trương kiến thức làm nhòe tính trong sáng cần có của cảm hứng khi làm thơ. Một bài thơ hay giống như một ly rượu đầy, hiểu như sự khai triển của nó đã đạt tới mức lý tưởng, ở đó có một cân bằng tối ưu giữa ngôn ngữ và tư tưởng. Chỉ một chút phụ gia tư tưởng thôi, thường do ham muốn phô trương kiến thức gây ra, sẽ làm cho bài thơ lộ vẻ cố dụng, ý nặng hơn lời, và như vậy không chỉ phá vỡ tính nhất thể phải có của ngôn ngữ tư duy và tư tưởng hành ngôn mà còn phá vỡ chính cái trạng thái viên mãn vốn là tư chất của bất cứ bài thơ hay nào.

(Cái Vốn Phải Là Như Thế – Cung Trầm Tưởng)

Cung Trầm Tưởng cũng nhắc tới vấn đề “*thơ phỏ nhạc*”. Dù một số bài thơ của ông được nhiều người biết đến một phần cũng nhờ Phạm Duy phỏ nhạc nhưng Cung Trầm Tưởng vẫn cho rằng “*cái giá mà thơ phỏ nhạc thường phải trả là nó bị đẩy vào hậu trường hoặc bị xuống cấp thành một người phụ diễn mờ nhạt cho âm nhạc*” (trích đoạn bài phỏng vấn của VietHome Magazine).

Liệu những người thường tự hào “*yêu thơ*” có tách được mình ra khỏi cái bẫy “*thơ phổ nhạc*” không? Thời buổi này người yêu thơ đang hoang đã khó thì người làm thơ chân chính càng khó hơn, nhưng chúng ta có thể vui mừng vì nền thơ ca Việt Nam đã có được một người thơ chân chính, Cung Trầm Tưởng.

Xin vô phép, ghép vài đoạn thơ lục bát của ông để làm chơi một màn “*lấy Cung Trầm Tưởng*”.

*Vật vờ lạc cõi nhân sinh,
Bài thơ cô phạm làm kinh gọi hồn* (For Rent)

*Phăng phăng nước chảy đá mòn,
Một thời dài vắng, mắt còn sát nhau.* (Bài Ca Níu Quan Tài)

*Nhìn, nghe, nghĩ, nhớ đào sâu;
Bóc tang thương nỗi, moi giàu cổ kim.* (Bài Học Phát Âm Võ Lòng)

*Đu đưa võng mép thêm huyền,
Buông luôn bất túc triền miên ngôn từ.* (Ngẫu Hứng Hồ Sao)

“*Thơ ca là một rong chơi lãng mạn mà thâm trọng*”. Cung Trầm Tưởng đã gắn thơ mình liền với số phận nổi trôi của đất nước, và ông – người thơ, nhờ đó cũng có dịp xuyên suốt một hành trình. 60 năm thơ Cung Trầm Tưởng phải chăng cũng là 60 năm sống, làm người-Việt-Nam?

Trịnh Bình An

Bài đã đăng trên trang nhà DCVOnline

(*) . [.Nói chuyện với nhà thơ Cung Trầm Tưởng. Thụy Khuê, RFI, 10/1999.](#) (bấm vào để xem)

– Sưu tập về tạp chí Sáng Tạo. Blog Trần Hoài Thư.

– [Cung Trầm Tưởng – Một Hành Trình Thơ. Bắc Đẩu Võ Ý.](#) (bấm vào để xem)

– [Phỏng vấn Cung Trầm Tưởng. Mặc Lâm, RFA, 01/05/2010](#) (bấm vào để xem)

Cung Trầm Tường, Nhà Thơ Của Việt Nam Cộng Hòa

**** Bắc Đẩu Võ Ý ****



Chân dung Cung Trầm Tường (tranh Trần Thế Vinh)

I/ Dẫn Nhập

Trước 04/1975, thơ của Cung Trầm Tường đầy những hình ảnh âm thanh và lời thơ (Cung Trầm Tường gọi “con chữ”, là máu thịt của tác giả) đều mang tính sáng tạo, lãng mạn. Nhiều người còn tìm thấy trong thơ của ông đầy những từ ngữ vừa tân kỳ vừa phảng phất hồn ca dao mà nữ tác giả Thụy Khuê gọi là cổ dao: (Một Hành Trình Thơ – trg 121)

Theo bà, khi tập Tình Ca ra đời (1954-1965), gồm 13 bài thơ mà Phạm Duy đã chọn 6 bài để phổ nhạc. Đó là các bài *Mùa Thu Paris*, *Kiếp Sau*, *Về Đây*, *Chiều Đông* (nguyên bản Khoác Kín), *Bên Ni Bên Nớ* (nb Tương Phản), và *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* (nb Tiễn Em).

Người miền Nam ít nhiều đã nghe qua một lần các bài nhạc phổ thơ nêu trên. Ngày nay, người dân hai miền, nếu có dịp, đều ngân nga “*lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế*”, nói lên tính phổ cập của thơ Cung Trầm Tường và nhạc Phạm Duy.

Sau 30/04/1975, Cung Trầm Tưởng đi tù cộng sản 10 năm. Trong tù, ông vẫn làm thơ (trong đầu) và thơ ông, ngoài tính cá biệt hằng hữu, còn mang *tính uất hận và tính sử thi*, ghi lại một giai đoạn oan khiên của dân tộc.

Tập thơ *Lời Viết Hai Tay* được thai nghén trong các trại tập trung lao động khổ sai từ Nam ra Bắc như Long Giao, Suối Máu, Hoàng Liên Sơn và Hàm Tân.

Sau khi ra tù (1985), Cung Trầm Tưởng ra mắt *Lời Viết Hai Tay* và *Bài Ca Níu Quan Tài* tại Đức và Mỹ vào thập niên 1990.

Ông tiếp tục sáng tác những tập thơ mang tựa đề rất lạ như:

- Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định
- Thi Bá – Con Tắc Kè và Bà Góa Phụ.
- Mỗi Dặm Đường Một Nghìn Vần Cho Thơ
- Sáng Ký Về Người Tình Đầu.

Năm 2008, Cung Trầm Tưởng ra mắt “Cung Trầm Tưởng – Một Hành Trình Thơ – 1948 – 2008” (MHTT) do Tiếng Quê Hương phát hành gồm 7 tập mà tập khởi thủy từ trước 1975 mang tên *Sóng Đầu Dòng, Tình Ca và Quá Độ*.

Một Hành Trình Thơ được tái bản năm 2018, trong đó Cung Trầm Tưởng gọi ba tập *Lời Viết Hai Tay*, *Bài Ca Níu Quan Tài* và *Thi Bá, Con Tắc Kè và Bà Góa Phụ* là ***Tâm Sử Thi***

Xin nhắc:

1/ Lời Viết Hai Tay

“Khi hai tay bị còng khóa số 8, khi hai chân bị cùm gông thiết diệp, khi thân xác bị trói gù lưng tôm, cái tâm người thơ cũng trực tiếp bị xúc phạm, nhức nhối và khốn khổ. Tâm chập vào thể, ra một nhất nguyên. Người thơ tù biệt giam – tù của tù – lấy cái đầu viết hộ cho hai tay bị còng, làm thơ như chơi cờ tướng.” (Cung Trầm Tưởng, MHTT, trang 130)

2/ Bài Ca Níu Quan Tài

“Nhan đề Bài Ca Níu Quan Tài được chuyển sát nghĩa từ từ Hán Việt ‘vãn ca,’ tức hát níu quan tài. Vẫn còn có nghĩa là một điệu hát buồn dùng để khóc than. Sự kết hợp nhuần nhuyễn của ba động tác khóc, hát và níu đã cung cấp cho người khóc Việt Nam một khả năng lột tả tối ưu nỗi đau ê chề, bẽ bộn của cảnh sinh ly tử biệt... Vì được viết bằng cái tâm nên sử thi này không thể không là một bản cáo trạng về tội ác của cộng sản” (Cung Trầm Tường, MHTT, trang 293)

3/ Thi Bá – Con Tắc Kè và Bà Góa Phụ

Tiếng kêu của Con Tắc Kè trong đêm vắng, biểu thị cho nỗi cô đơn. Bà Góa Phụ là nạn nhân của chế độ. Khi tuyệt vọng và cô đơn, Bà Góa Phụ mới phát hiện tiếng kêu của Con Tắc Kè, bà hàn huyên tâm sự với nó. Con Tắc Kè như thông cảm nỗi đau khổ của bà. Con Tắc Kè chính là hóa thân của Thi Bá. Tóm lại, người thi sĩ sinh ra là để ca ngợi và tô điểm cuộc sống, người thi sĩ cũng luôn tìm cách làm vui đi nỗi khổ của thế nhân.

Tập sử thi này được hình thành như một **vở kịch thơ** mà “lời thoại” được đẽo gọt qua từng “con chữ” rất Cung Trầm Tường, vừa bình dị vừa bác học.

Chúng tôi ước mong quý bậc cao nhân để tâm đọc và bình giải tập thơ có tựa đề kỳ lạ và độc đáo này.



Nhà thơ Cung Trầm Tường trong chương trình của Jimmy Show (ảnh The Jimmy TV)

II/ Đặc Điểm Trong Thơ Cung Trầm Tưởng

Qua “Một Hành Trình Thơ” này, chúng tôi xin ghi nhận những đặc tính như sau:

a/ Tính Liên Tục: Tập thơ là một hành trình liên tục và xuyên suốt 60 năm, ghi nhận những thăng trầm của đời người, của dân tộc và lịch sử. Tính xuyên suốt tạo thành một dòng thơ cá biệt, có thể gọi là “Cõi Thơ Cung Trầm Tưởng”: *“Riêng bản thân người viết dựa vào kinh nghiệm sáu mươi năm làm thơ của mình, nhận thấy có một liên hệ nhân quả giữa những chữ thơ gieo đầu đời và mùa gặt thơ mai sau.”* (Cung Trầm Tưởng, MHHT, trang 30).

b/ Tính Sáng Tạo: Tính sáng tạo hiển hiện trong mỗi bài thơ, nó cũng hiển hiện trong mỗi “con chữ” trong mỗi câu thơ ông viết ra. Ba Thi Tập 5, 6 và 7 chính là ba thi tập mang tính sáng tạo toàn diện. Nếu hiểu sáng tạo là tạo một ngôn ngữ mới, thì Lục Bát Cung Trầm Tưởng mà nhà thơ Viên Linh gọi là “Lục Kinh Bát Quái,” là một thí dụ điển hình: *“Tôi về bước bước đăm chiêu/ Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm/”* (...) (Khoác Kín, MHTT, trang 73).



Cung Trầm Tưởng thời trẻ (ảnh SD6KQ Blog)

c/ Tính Trữ Tình và Lãng Mạn: Tính trữ tình và lãng mạn vẫn hiển hiện sau 1975. Khi VietHome phỏng vấn về tính trữ tình trong thơ tù, Cung Trầm Tưởng trả lời: “*Có chứ, và khá nhiều đấy. Chất trữ tình nó ở trong máu mình rồi, có muốn cai nó cũng không được*” (...). Xin dẫn một số câu thơ: “*Nhớ em trông ngóng hằng đêm/ Màn lay tưởng tóc, gối mềm tưởng da/Em về giữa lúc khuya sang/ Mênh mông đức hạnh, dịu dàng ưu tư/ Em đoan trang dáng hiền từ/ Tóc rùng thu liễu rũ bờ vai thương*”. (Đường Vào Thiên Thu, MHTT, trg 211)

“*Tôi làm chiếc ghế lót trắng đêm/ Mời cô ngồi xuống nồng hơi lạ/ Để đá như da cũng biết mềm/ (...)*”(Những Dấu Chân LIZ, MHTT, trang 457).

d/ Tính Nhục Thê: Cõi Thơ Cung Trầm Tưởng xuất hiện nhiều bất ngờ mà một trong những bất ngờ thú vị là Tính Nhục Thê: “*Chúng ta chỉ có đời này thôi để hưởng thụ/ Để ăn bùi, uống lịm, làm tình/ Và làm ra sản phụ/ Bú mớm lớn tương lai/ Cát lợp một vòm đài cho linh hồn trú ngụ.*” (Nhả Tụng Cho Một Thân Xác, trang 459)

“*Con chim mào đỏ về hong nắng/ Phút ấy đời trai chỉ một lần/.../Rúc tiếng còi sương, đêm khuya rách/ Một hồn con gái rớm tình yêu/ Gối chăn nồng bén hương thân thể/ Biển dưới Trường Sơn khóc mỹ miều*” (Những Dấu Chân Liz, trang 450).

Tính nhục thê trong thơ Cung Trầm Tưởng mang tính ẩn dụ, thôi thúc người đọc vận dụng đến trí tưởng tượng những câu thơ trau chuốt, bóng bẩy để rồi khi đã vỡ ý ra thì lại cảm thấy sung sướng, hả dạ và thích thú.

e/ Tính Phẫn Kháng: Khi VietHome phỏng vấn về tính phẫn kháng trong tù, Cung Trầm Tưởng lại trả lời: “*Cũng như thơ của nhiều người tù khác, thơ của tôi có những vần phẫn kháng và chống kháng mãnh liệt. Giáo Sư Nguyễn Ngọc Diễm gọi những vần thơ này của tôi là nô thi. Tôi tự nghĩ rằng, nếu không làm những vần thơ phẫn uất như vậy, tôi sẽ là một kẻ đạo đức giả*”. (...)

Xin trích dẫn một số câu thơ điển hình cho dòng nô thi của tôi: “*Cái đau vì nắng rần rần/ Vì thâm thù mới mười lần gớm hơn/ Mồ hôi tuột cán cuốc tron/ Nắm cho chặt nổi cãm hờn này nhe!.../ Một nhát quắm sâu dang đứt phựt/ Nghe vùi hun hút một phiên âu/ Hai nhát tông bay rên xiết nửa/ Nghe chôn u uất bốn buồn rầu.../ Môt quắm. Hai tông. Ba phạt núi/ Bốn tông. Năm quắm. Sáu băng rừng/ Từng ấy rừng băng chân cứng đá/ Mai về đập vỡ cửa lao lung/ Hãy chặt chặt sâu tông phất phất/ Hãy phang phang gắt quắm ào ào/ Mai về đạn nhảy ngay nòng súng/ Trục chỉ đầu thù nổ thật mau!*” (MHTT, trang 558)

III/ Nghĩ Về Tâm Sử Thi

Theo thiển ý, Tâm Sử Thi là một bài thơ hay nhiều tập thơ, được thi nhân ghi lại những cảm xúc bén nhạy bằng vần điệu, đề cập đến những sự kiện tiêu biểu của một giai đoạn đặc biệt của lịch sử mà nhiều người cùng cảnh ngộ cùng thời với thi nhân đã trải qua và cảm nhận. Nhiều người cùng cảnh có thể là một cộng đồng hay một dân tộc.

Tâm Sử Thi cũng có thể là lời tự sự, hay một bức tranh vẽ lại những nét chính của toàn cảnh. Qua đó, Tâm Sử Thi phản ánh cảm nhận tập thể. Tập thể ở đây là đồng đội và đồng bào uất ức khôn cùng của thi nhân sau ngày 30/04/1975.

Đồng đội trong lao tù cộng sản (tù trong) và đồng bào (ở đây là toàn thể Dân Cán Chính của Việt Nam Cộng Hòa) đã bị cộng sản đối xử dã man hung hiểm sau khi chúng cưỡng chiếm miền Nam (tù ngoài).

“Họ lựa chọn lựa chọn ở lại với lịch sử, áp sát vào lòng thời đại để nghe bằng mắt, nhìn bằng tai và nói bằng trái tim đập nhịp đập của cộng đồng, dân tộc và nhân loại”. (Ainsi Parlait Le Poete – Cung Trầm Tưởng, trg 129)

Từ đó, tính sử thi trong thơ Cung Trầm Tưởng cũng là tính Dân tộc. Tính Dân tộc bao gồm con người Việt, không gian Việt và đấu tranh Việt

1/ Con người Việt

Con người Việt bao gồm nhiều sắc dân đã từng sống trên hoặc bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, cùng chung phong tục tập quán, cùng chịu những cay nghiệt của lịch sử, cùng vinh nhục theo vận nước, cùng no đói theo những thác ghềnh kinh tế, cùng đòi hỏi dân chủ nhân quyền dưới mọi chế độ chính trị, nhất là cùng ngôn ngữ để diễn đạt những nồng ấm tình người của văn hóa Việt.

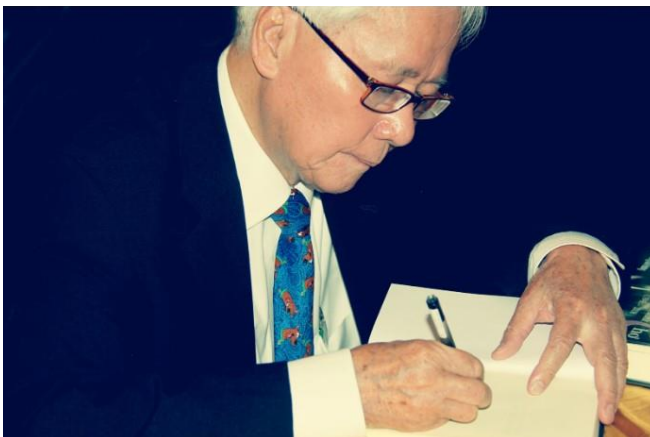
2/ Không gian Việt (thiên nhiên)

Là non sông gấm vóc Việt hình chữ S nằm bên bờ Thái Bình Dương, kéo dài từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, do tổ tiên Việt bao đời phát triển gìn giữ và trao lại cho con cháu đời nay.

3/ Không gian Chính trị

Là những đấu tranh chống lại ngoại xâm, chống cộng sản miền Bắc xâm lăng miền Nam, chống lại kẻ thống trị, áp bức để đòi tự do bình đẳng và nhân quyền.

Trở lại, “*thơ tù của Cung Trầm Tưởng mang tính cách võ về, động viên, phấn khích, xoa dịu, chữa bệnh, chống đối, cõng bạn qua sông, đưa đôi vai cho những mảnh đời phé tạt nương vịn, làm tên phu đòn biết khóc, đào huyết, chôn quan, truy tiễn bạn bằng một cây lau phát thay cờ hiệu*” (MHTT, trg 135).



Nhà thơ Cung Trầm Tưởng (ảnh Diễn Đan Thế Kỷ)

IV/ Dân Tộc Tính Trong Thơ Cung Trầm Tưởng

1/ *Cung Trầm Tưởng và chủ nghĩa tam vô*, lợi ngược dòng lịch sử:

Nó cõng vua Lê và chúa Mác/ Về quê cha giết mẹ hiền lành/ Tang sô bạc xóa đầu con trẻ/ Cỏ ngút sân trường, chợ vắng tanh (MHTT – trg 206)

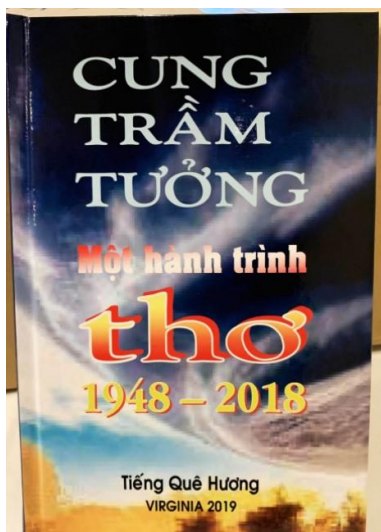
Tháng 5 trời hạn nắng/ Nứt đá, nẻ đồng khô/ Quê thiêng để rơi Hồ/ Khởi đầu lịch hành quyết. (MHTT – trg 235).

“Hàng năm cứ tháng 9/Hồ hóa kiếp hồ tinh/ Thổi bùa lên gọi quỷ/ Trút mưa xuống Ba Đình” (MHHT – trg 229).

“Xung phong uống máu thù phanh xác”/ Lời hát đeo như một bớt chàm/ Nó tắm trong nôi da xáo thịt/ Sinh làm nô Bắc, tử binh Nam” (MHTT – trg 515)

2/ Cung Trầm Tưởng và đồng đội: Tình chiến hữu là có thật ngay trong trại tù tập trung lao động khổ sai của cộng sản:

Cám ơn chim công/ Cõng ta qua sông/Máy mùa nước lũ/ Lặn đạn mưa ròng/...”Công bay lên trời/ Vẫn nhìn nhớ đất/ Công chuyên cày quật/ Vẫn không quên trời/Lên trời tìm Đạo/ Xuống đất tìm Nhân/ Tim thấy chân thân/ Trong trời đất thuận”. (MHTT – trg 192)



Tập Một Hành Trình Thơ của Cung Trầm Tưởng (ảnh Ngươi-Viet)

Cung Trầm Tưởng từng khiêng bạn tù đi chôn cất và lòng ông như đứt đoạn với những vần thơ bi tráng:

”Gió lên như địch thổi/ Đưa ai qua trường giang/ Nay cô liêu bạt ngàn/ Tiễn ta vào bất tử”...

”Đau thương là vinh dự/ Chân đi hát hồng trần/ Anh hùng phải quên thân/ Hy sinh là tất yếu”...

”Mưa về gióng lê thê/ Nai kêu nguồn đầu đó/ Xưa nay tù ngục đở/ Máy ai đã trở về”/...”Đã đi trăm hùng vĩ/ Xong pha lăm đoạn trường/ Về làm đá hoa cương/ Gởi đời sau tạc tượng”/...(MHTT – trg 164)

3/ Cung Trầm Tưởng và nỗi thống khổ của đồng bào miền Bắc

“Bàn thờ gỗ tạp chung ba ảnh/Mốc ẩm thời gian mắt nhạt nhòa/Giấy chứng nhận chông là liệt sĩ/ Hai con: bướm mộng về cùng cha” (MHTT, trg 529)

4/ Cung Trầm Tửu và nổi thống khổ của đồng bào miền Nam.

Sau khi cưỡng chiếm miền Nam, CS áp dụng một chủ trương tàn bạo sát máu với người dân, “*một thứ bạo lực nguội vì không có khói và lửa. Một thứ lẳng tri tân thời, có kế hoạch làm chảy máu trắng, nên hữu hiệu hơn một phát súng hành quyết nóng vội tại pháp trường*”. (MHTT, trg 286)

“Đau vì búa, đięng vì liềm/ Cái đau đói bụng đánh chìm trí khôn”

“Lạnh từ trận gió bắc lay/ Buốt cha công mẹ, căm bầy con thơ”

“Đêm Kinh Tế Mới ngủ bờ/ Về thành phố cũ ngủ nhờ sân ga/ Ngủ công viên, ngủ tha ma/ Xóa tên hộ khẩu ngủ nhà vạ gian”

“Ngón đòn lý lịch ly kỳ/ Cha là ngục, phạm trường quy con rồi”

“Kinh bang sao chép Nga Tàu/ Bình quân là chặt cái đầu cao hơn/ Tiến là tại chỗ giậm chân/ Dìm miền Nam xuống cùng bản nấc thang”

“Một bầy táng tận lương tâm/ Ăn hờ, ăn giẻ ăn vắn ngày công/ Ăn tranh trẻ đói lợt lòng (1)/ Ăn lường tiếng khóc khệp vòng tử sinh” (2)/

Ghi chú (1,2): đầu cơ sữa trẻ sơ sinh và nhà hòm quốc doanh độc quyền

5/ Cung Trầm Tửu và kiến thức dân gian và bác học.

“Chào lim lựng trời tựa/ Lấy lừng rừng bạch dương/ Phi lao lớn phi thường/ Chào hào hùng trắ bá”/.../ “Chào glai-on ngôi nhất/ Rất đắ uất kim hương/ Chào thiên lý thuần hương/ Chào anh đào văn vẻ”/

“Chào đứng ngay thân bách/ Chào bắt khuấy xương rồng/ Chào phượng điệp sâu đông/ Chào thiết tha thược dược”

“Chào ném lao phi yến/ Thế vận hội vàng anh/ Chào khứu khách đua tranh/ Vành khuyên giòn kỷ lục”

“Nước nguồn gom làm suối/ Suối cuốn góp làm sông/ Dem sông ra làm biển/ Biển sâu muối mặn nồng/ Hóa thành giông, thành chớp/ Mang mưa trở lại nguồn”

*Mưa nuôi đời phồn thực/ Làm thành thế giới xanh/ Người ngoan đất cũng lành”
Vì Trời hằng muốn thế/ Trời Đất chỉ biết cho/ Nên Đất Trời bất tử”* (MHTT, trg 565)

...
*“Trời Lý Bạch lấp lánh/ Trăng, ta và bóng ta”/.../ “Hỏi trời Vương Phạm Chí/ Sinh ta để
làm gì/ Hận ca Bạch Cư Dị/ Miên miên vô tuyệt kỹ”/.../ “Lầu trơ bóng Thôi Hiệu/ Hạc
vàng khuất từ lâu”/.../ Bến sông đứng tần ngần/ Một linh hồn Đỗ Phủ”/.../ “Mạnh Giao
bút sôi nhịp/ Áo con kịp ngày đi”/.../ “Chinh nhân nhạc ngựa ruổi/ Bản hùng ca Vương
Hàn”/.../ “Trương Duy xoay đột ngột/ Trời siêu thực rẽ sang”/.../ “Quạ kêu trắng bàng
bạc/ Trương Kế thả hồn phiêu/ Hóa đêm thành cảm giác/ Gieo bốn câu Phong
Kiều”/.../ “Rồi lại Bạch Cư Dị/ Lòng rĩ xót âm thanh/ Ôm cây đàn nghiệp dĩ/ Vuốt đau
Tỳ Bà Hành”/.../ (MHTT, trg 200)*

6/ Cung Trầm Tưởng và tù phụ

Người phụ nữ Việt Nam từ ngàn xưa đã hứng chịu bao gian truân vì chồng con vì đất nước, một đất nước triền miên chiến tranh với thù trong giặc ngoài. Đặc biệt trong cuộc chiến ý thức hệ vừa qua, những bà mẹ, bà vợ của người tù lao động khổ sai dưới dạng cải tạo, sự gian truân của họ thành cấp số nhân:

“Liềm thù lại hái thêm cô phụ/ Chồng chết nằm co manh chiếu tù” (MHTT, 159)

*“Mưa gió quất lưng tre cong phần phật”/.../ “Đất lầy lội, đường quê trơn khắp khênh/
Mẹ long đong lận đận dáng lưng gù”* (MHTT, 203)

*“Có chồng mà tưởng như chồng mát/ Hương nhang đã cháy ở trong lòng/ Em là dòng
dõi nàng Tô Thị/ Nghìn năm hóa đá vẫn chờ mong”/.../ “Tóc vấn phong ba em đứng
mũi/ Một thuyền lèo lái cõi càn khôn”* (MHHT, trg 207)

*“Da nhăn, thịt lõm, xương lòi/ Bảy mươi tuổi mẹ khóc đòi chồng con/ Trả tôi mảnh đất
vuông tròn/ Ruộng vườn là lẽ sống còn của tôi”/.../ “Tôi không đòi đẹp đòi cao/ Tôi đòi
trả giọt máu đào tôi nuôi/ Tôi đòi trả xác chồng tôi/ Dâu hèn cháu mọn các người
không tha/ Tôi đòi trả mả mẹ cha/ Dừa thôn yêu dấu, xoài nhà mến
thương”/.../ (MHTT, trg 324)*

V/ Tạm Kết

Trong Lời Tựa của tập thơ “Lời Viết Hai Tay” Cung Trầm Tưởng có ghi: “Người thơ xưa nói lên tâm thức bộ lạc. Người thơ tù ‘cải tạo’ bây giờ, một nạn nhân kiêm chứng nhân, nói lên tâm thức cộng đồng của những người tù cải tạo”.

Cộng đồng ở đây là quân dân miền Nam, là Việt Nam Cộng Hòa.

Dùng thơ để diễn đạt tâm tình riêng là chuyện bình thường. Trong Tâm Sử Thi, Cung Trầm Tưởng đã dùng thơ để diễn đạt tình và cảnh của người tù trong “trại cải tạo” lẫn đồng bào ở ngoài xã hội (tù ngoài) do cộng sản áp đặt, qua sáu dẫn chứng vừa nêu, là cả một “quá trình động não” phi thường!

Không phải chỉ có “nộ thi”, thơ Cung Trầm Tưởng còn là chứng nhân, là một chiến sĩ văn hóa, mang sứ mạng “giúp nhau viết lại từng trang sử” về một chế độ tàn bạo nhất trong lịch sử.

“Thơ bị nhốt, thơ gào ánh sáng/ Xé toang tấm tối, vạch ngu lằm/ Bây giờ thơ phải cùng tay súng/ Giải phóng con người bị hãm giam”/ Hãy gắng cùng nhau gìn trí nhớ/ Giữa rừng dày đặc lưới điều ngoa/ Giúp nhau viết lại từng trang sử/ Trả bút cho nhân chứng thật thà” (MHHT, 252).

Không riêng gì Tâm Sử Thi mà cả Một Hành Trình Thơ 60 năm (1948-2018) của Cung Trầm Tưởng, là một đóng góp đáng kể cho văn học Việt Nam, cho một dân tộc có truyền thống hiếu học (nhất sĩ nhì nông), cách riêng, qua mấy vần lục bát truyền cảm nói về *chữ nghĩa* trong Bài Ca Núi Quan Tài, diễn đạt lúc người tù trở về:

.../ “Giá còn sách gắm hằng thân/ Mẹ vui giấu lúc lửa Tần bùng thiêu/ Hỏi thăm con đủ trăm điều/ Nhấn đàn bán vốn, sách liều cất chôn/ Sách là máu dưỡng trí khôn/ Chữ là một nửa thân hồn cha con/ Chữ thành ra nước hóa non/ Bia tan đá nát, tiếng còn truyền lưu/ Quỷ dù trăm chước nghìn mưu/ Sách còn ghi trận phục cừu nhuốc nhơ”/.../ (MHTT, trg 331).



Là một bạn tù của Cung Trầm Tưởng, tôi từng **vịn câu thơ** của ông để đứng dậy trong ngục tù. Tôi cũng học theo nhân cách của *cây vầu* trong bài Biểu Tượng của Cung tiên sinh: “*vầu đanh như thép sáng ngời, nắng mưa thì vẫn trợn đời đứng ngay*”.

Đó cũng là cách vinh danh một thi sĩ cũng là một chiến sĩ của Việt Nam Cộng Hòa, của Dân Tộc Việt Nam không cộng sản.

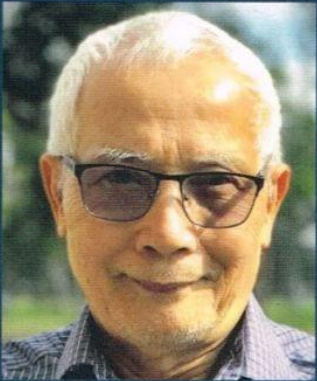
Bắc Đầu Võ Ý - 05/2022



TẢN MẠN VĂN HỌC – Nhã Lan / Hồn Việt TV - October 2022

**Thơ Cung Trầm Tưởng Qua Từng Giai Đoạn Cuộc Đời –
Nhã Lan nói chuyện với Với Không Quân Bắc Đầu Võ Ý**

https://www.youtube.com/watch?v=C9H-_MaZtKQ



VÕ Ý sinh năm 1940 tại Đà Nẵng. Chánh quán Phú Vang, Thừa Thiên.

- Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 17 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
- Cựu Khóa Sinh Chỉ Huy Tham Mưu Trung Cấp Không Quân 1970.
- Cựu Khóa Sinh Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp Liên Quân Long Bình 1974.
- Cựu Trung Tá Phi Đoàn Trưởng Phi Đoàn 118 Bắc Đầu Không Đoàn 72 Chiến Thuật/ Sư Đoàn VI Không Quân Pleiku.
- Cựu tù nhân chính trị 1975-1988.
- Định cư tại Saint Louis, Missouri tháng 6/1992.
- Hiện nghỉ hưu tại Little Saigon, Trung California.

BÓNG HÌNH “CON TẮC KÈ” TRONG THƠ CUNG TRẦM TƯỜNG

Nguyễn Diễm Nga – California, November 17th, 2019

Kính thưa quý vị quan khách hiện diện nơi đây để chúc mừng và chào đón “Cung Trầm Tường – Một Hành Trình Thơ”.

Quả là một điều hết sức mạo muội và là một vinh dự lớn lao cho kẻ hậu bối “trẻ người non dạ” như cháu được góp mặt nơi đây, cất tiếng nói của thế hệ thứ hai cảm nhận về dòng thơ của Thi Nhân Cung Trầm Tường.

Cảm nhận đầu tiên của cháu là sự tri ân.

Nếu như bố cháu còn sống thì bố cháu kém bác Cung Trầm Tường 4 tuổi. Bố cháu là một Không Quân, cũng từng đi du học giống như bác Cung Trầm Tường, và ngày nay, trong album gia đình vẫn còn lưu lại tám ảnh bố cháu chụp chung với một bóng hồng ngoại quốc. Cháu đoán bố cháu rất mê thơ Cung Trầm Tường, nhất là hai câu:

Thôi em xanh mắt bỏ câu

Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau

Bởi vì bố cháu cũng “xin hầu kiếp sau”, và nhờ vậy mới có cháu đứng trước mặt quý vị ngày hôm nay. Xin đa tạ bác Cung Trầm Tường.

Kính thưa quý vị,

Trước hành trình bảy mươi năm “Thơ tỉ lệ xuôi với vóc đời” của thi nhân và đúc kết trong bảy tập thơ tâm cỡ, cháu cảm thấy mình thật nhỏ nhoi. Mỗi một tập thơ của Cung Trầm Tường đều chứa đựng những tư tưởng lớn, thâm thúy và trầm mặc như thi danh của ông. Một nhà thơ người Mỹ, ông Carl Sandburg ví von: “Poetry is like an echo asking a shadow to dance” và Cung Trầm Tường đã diễn dịch rằng “Thơ như một hồi vang mời một bóng hình nhảy múa với”. Vì vậy, mỗi tập thơ của ông đều có những “bóng hình” ẩn hiện lung linh. Cháu trộm nghĩ, chắc chắn không thể thiếu những “bóng hồng”, phải không quý vị?

Tuy nhiên, để “bắt” được những cái “bóng”, những “shadow” tư tưởng trong thơ Cung Trầm Tường không phải là điều dễ dàng. Cháu rất ngưỡng mộ những ngòi bút tiền bối tên tuổi đã có những cảm nhận và phân tích rất độc đáo góp trong mỗi chương của quyển thơ này mà cháu tin khi đọc quý vị sẽ rất thích thú.

Phần cháu “sinh sau đẻ muộn” nên mãi mới tìm được một hình bóng khá ngộ nghĩnh, thú vị và dường như có khả năng lẫn trốn rất kỹ nên hình như chưa ai nhắc đến. Đó chính là “con tắc kè” trong tập thơ thứ năm mang tên “Thi Bá – Con Tắc Kè – Và Bà Góa Phụ”.

Thưa quý vị, dường như hình bóng “con tắc kè” đã thấp thoáng trong Cung Trầm Tường từ những năm 1965. Nhà thơ từng tự sự trong bài thơ mang tên “Lẩn Thẩn” như sau:

*Tặng em một gã lo xa
Vành trăng tươm tất, bình hoa bày bàn...
và
Chi li toan tính đủ điều
Còn trời, còn đất, còn kêu tắc kè.*

Thế nhưng phải đến cả chục năm sau cái tiếng kêu tắc kè ấy mới hiện hiện rõ nét.
*Có lúc ngôn từ ta bất cập
Trước điều mắt thấy và tai nghe
Nỗi niềm ghen ghen đầu ùn tắc
Ta gửi lời trong tiếng tắc kè*
Tiếng kêu khắc khoải ấy trong đêm thâu thoát nghe như không tròn vành, rõ chữ: “Áp
úng goài rồi lại í a” – như ngôn ngữ của người câm.
Vâng,
*Chứng câm này mắc do nhân định
Người chẳng buồn nghe chuyện của người.*

Đó là nỗi đau đớn thẳng thốt không thoát thành lời khi chứng kiến “người với người”
đổi đời với nhau hơn mười năm trong lao tù Cộng Sản. Những năm tháng ấy thi nhân
bất đắc dĩ hành nghề mộc.
*Tiếng Việt gì kêu như tiếng Tàu
Hận thù tháo chốt thành tru ngao,
Liếc rảnh cỗ máy cưa phàm phạp
Kẻ rống người gào chẳng hiểu nhau.*

Trong cái môi trường tù đày và bị đối xử thiếu nhân tính “mười mấy năm hoen gỉ tiếng
người”, tắc kè phải “Mắt lia thay mép lạnh như tiền” và chọn sự im lặng ban ngày để
khẳng định lập trường của mình “Miễn trả lời người ỏi á đèm”. Tắc kè ẩn mình dưới
một lớp áo mà thi nhân cho rằng “Da sần sùi cần trần ai”. Cấu trúc sinh học đặc biệt
của tắc kè lại nằm ở đôi bàn chân xòe rộng với những ngón có khả năng bám chặt
vào vào cành lá, thân cây trơn ướt để sống còn trong môi trường khắc nghiệt – phải
chăng đó chính là “Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định” – Đây cũng
là tên gọi thi tập thứ tư của Cung Trầm Tưởng.

Nhà văn Bắc Đẩu Võ Ý, một người bạn tù của thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã giải thích
như sau: Khi người tù vác một vật nặng trên vai (như bó nứa, khúc gỗ...) đi xuống
những “dốc mỡ” trơn trượt. Muốn được an toàn, bàn chân anh ta phải bám ngang dốc

đề lần từng bước đi xuống. Nếu đi thẳng thì rất dễ chúi mũi trượt té. Một cách nghĩ khác, đi ngang vừa thấy phía trước là tương lai, vừa nhìn được phía sau là quá khứ. Tương lai thì đen tối và đầy mai phục và quá khứ như là điểm tựa cho sự sống. Còn Phiếm Định là bất trắc, là bất ổn. Có thể tác giả muốn biểu hiện một sự ham muốn sống, cố giữ một thế đứng thẳng và vững cho dù có bị lâm vào những hoàn cảnh đầy thử thách, bấp bênh, hiểm nghèo, bi đát. Trong bối cảnh này, Thi Bá đến với con tắc kè như một cứu cánh.

Cháu đã thức đến ba giờ sáng để nghiên ngẫm phần Lời Tựa: “ Một Bản Thể Luận Bồng Bềnh Về Thơ” mà Cung Trầm Tưởng đã viết “tặng các thi nhân và những người đọc yêu thơ”. Ở đây, người thi sĩ cầm bút viết như một nhà văn – hơn thế nữa – như một nhà triết học sâu sắc, ông phân tích THƠ “về mặt vĩ mô, qua lăng kính chiếu diệu của quang học hiện đại”. Là một người đọc yêu thơ thuộc thế hệ thứ 2 xin đón nhận món quà quý báu, cháu vô cùng tâm đắc với những điều mà thi nhân viết tặng như sau:

- Bài thơ từ lúc đến tay người đọc bắt đầu một định mệnh mới: nó sống đời sống một tặng phẩm. Từ là vật sở hữu của người thơ gửi tặng ta là người đọc, bài thơ dần dà chiếm ngự hồn ta, ở lại với ta, rồi thuộc về ta và hoá thành một châu báu trang điểm hồn ta.
- Khi ta “Gọi yêu” bài thơ là ôm nó vào và giữ nó ở lại với lòng ta để nó thuộc vào lòng ta, tức ta thuộc lòng nó... tức là nó ở lại với ta suốt đời
- Chiều sâu của thơ tỷ lệ thuận với khả năng biểu đạt – chủ yếu bằng ẩn dụ.

Kính thưa quý vị, “Con Tắc Kè” và “Thi Bá” chính là những ẩn dụ tuyệt vời giữa “Thi Nhân” và “Thơ”.

Cháu xin trích đoạn lời của nhà văn Hoàng Yên Lưu: “Nhà thơ ném trái cơn gió bụi và tình cảm phóng ngoại bằng cơn phẫn nộ và thơ ca là phương tiện để thể hiện cơn bất bình này như thi nhân đã viết: Làm thơ là để giải phóng ảm ức, tìm một quân binh phiếm định trong một bất trắc triền miên. Ức chế càng tích lũy, càng o ép, ach ách như chữa trâu, sự lâm bồn càng khó khăn, đau đớn toạc sè, và thơ ra đời như một chiến thắng hân hoan.”

Ngài “Thi Bá” đã xuất hiện đúng lúc hoá kiếp cho những tiếng kêu “í a” trong đêm thâu của con tắc kè trở thành một thứ “uyên ngữ vô thanh” được chào đời.

Tắc kè! Đừng giả vờ ngờ điếc

Xác nhập thơ tôi cũng biết gào

Nhưng... ai sẽ nghe và hiểu được thứ “uyên ngữ vô thanh” đó?

Áp úng goài rồi lại í a,

Đêm ra thủ thi cùng hoa nhà

*Tắc kè tặc lưỡi hiên hàng xóm:
Một tắc tường, nghìn dặm cách xa!*

Trước, con tắc kè chỉ biết ra thủ thi cùng hoa dâm bụt – một tĩnh vật – nhưng “một tắc tường, nghìn dặm cách xa” – tuy gần mà xa vì hoa dâm bụt không thể hiểu được hết nỗi lòng của tắc kè. Sau, nhân vật Bà Goá Phụ xuất hiện cùng với tiếng thở dài xen lẫn tiếng chõng tre kéo cà kẻo kẹt từ ngôi nhà kế bên.

*Thưa bà, tôi mới qua hầu chuyện
Trưởng lão đông lân, Thánh hạnh đàn,
Thi bá khuya sang làm lãng tử
Tàng hình đi cứu khổ nhân gian*

*Ngài dặn tôi rang ngô túc tắc
Làm quà biếu tặng bà cô đơn
Chỉ thăm giao với ai không ngủ
Biết lắng nghe trăng chuyện với vườn*

Kính thưa quý vị, “bóng hồng” đã xuất hiện!

“Bà Goá Phụ” chính là người đọc tri âm tri kỷ mà thi nhân “Tắc Kè” hằng mong đợi. Bởi vì họ cùng là nạn nhân của những hệ lụy chiến tranh và chế độ Cộng Sản, họ có cùng một nỗi lòng.

Chắc quý vị không xa lạ với điển tích “Đàn Bá Nha – Tiếng ca Tử Kỳ”. Cũng giống như vậy, thi nhân và Thơ “ước muốn được gặp một người đọc ân cần, am tất và điệu nghệ để phát tiết tối đa cái tinh hoa tiềm ẩn của nó, để hạnh phúc của nó được vẹn toàn.”

Điều đáng nói ở đây chính là nét đẹp nhân bản từ trái tim thi nhân biểu hiện nơi lựa chọn “bóng hình người goá phụ” để làm ẩn dụ “hồng nhan tri kỷ”. Những bóng hình “giai nhân phô lỏa thể” trong “Tương Phản” khi xưa giờ đây đã phôi phai. Ở giai đoạn này của cuộc đời, cái đẹp mà ông cảm nhận được chính là nét đẹp thuỷ chung vằng vặc của những người chinh phụ:

*Mai rơi khúc sáo nào nề,
Hành hành khứ khứ ngựa về yên không.
Cờ xa khuất cõi bụi hồng,
Khuê phòng goá phụ khóc chồng tử ly.*

Ánh mắt của nàng đẹp lắm!

*Mắt nàng nắng quái từ bi
Bình vong ưu thảo lưu ly ánh chiều*

Cái ánh nhìn “lưu ly” trong đôi mắt của người chinh phụ đã ngời lên nhiều lần trong những bài thơ của Cung Trầm Tưởng, như trong bài “Và Em”:

*Tóc vấn phong ba em đứng mũi
Một thuyền lèo lái cõi càn khôn
Đau thương nhuộm mắt em kỳ diệu
Ngời tỏ lưu ly tuyệt bích hồn*

Phải chăng đó chính là thứ “uyên ngữ vô thanh” mà Thi Bá đã “khai tâm” và “hóa kiếp” từ tiếng kêu đêm của Con Tắc Kè?

Kính thưa quý vị, đó là những cảm nhận trong phạm vi hiểu biết hạn hẹp của một con ếch thuộc thế hệ thứ hai nơi đây giếng thi ca.

Và nếu quý vị có thắc mắc “Tắc Kè” và “Bà Goá Phụ” tâm sự những gì, xin mời quý vị tìm đọc.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đã lắng nghe!

Nguyễn Diễm Nga – California, November 17th, 2019



Diễm Nga & Cung Trầm Tưởng

Cung Trầm Tường, sự thăng hoa

Nguyễn Đức Tùng - 19.05.2017

(Trong loạt bài *Độc Thơ*) - tặng BS Nguyễn Duy Sản

Nhịp điệu, thời tiết, mùa màng cây cỏ, sự tuần hoàn của hủy diệt và hồi sinh là động lực của thơ Cung Trầm Tường. Từ những bài đầu tiên, khác với các nhà thơ cùng thời, Cung Trầm Tường chọn đi con đường riêng, mở rộng biên giới của ngôn ngữ trong giới hạn của thơ có vần điệu. Lịch sử của một nhà thơ khác với tiểu sử một cá nhân. Lịch sử ấy gắn liền với nơi chốn người ấy sinh ra, lớn lên, sống và viết, nhưng không theo trật tự thời gian. Yeats, thi sĩ nước Anh, nói rằng vào năm mười tám tuổi bạn trở thành chính bạn, và từ đó về sau suốt cả đời còn lại, bạn chỉ thêm vào các chi tiết. Cung Trầm Tường làm những bài thơ đầu tiên vào khoảng tuổi ấy hoặc trẻ hơn. Nhưng suốt cả đời sau không chắc ông chỉ bổ sung các chi tiết, mà còn có thể đi qua những khúc quanh ghê gớm.

Giai đoạn làm thơ trong tù, mười năm sau 1975, là giai đoạn đặc biệt, khi ngôn ngữ Cung Trầm Tường chuyển hóa thành một ngôn ngữ khác, vừa hiện thực hơn vừa huyền ảo hơn.

*Nắng nhói như kim khêu thương tích
Thuyền mây từng mảng vỡ lên đênh
Trong trăm nghìn mảnh trời kia vỡ
Có một đời ta trôi bấp bênh*

Chủ nghĩa siêu thực ảnh hưởng tới nhiều nhà thơ miền Nam thời ấy, thật ra là sự phát triển đến cực đoan của chủ nghĩa lãng mạn. Một nhà thơ siêu thực xem bài thơ là sự kiện, là vật thể độc lập, và như vậy ngôn ngữ tồn tại như một bằng chứng của tình yêu và đời sống. Sự bất ngờ của ngôn ngữ Cung Trầm Tường trong một số bài thơ ông viết những năm cuối của miền Nam, hay trong trại cải tạo sau này, thể hiện sức tưởng tượng dồi dào, là khởi đầu của khuynh hướng siêu thực.

*Diễn chế thơ bằng ngôn ngữ đôi,
Ý nâu xen lẫn nghĩa hung vàng.
Như trong xanh hứa của màu mặn
Nghe vỡ eo sèo trái nẫu đen.*

Căn cước cá nhân và căn cước tập thể là những khái niệm quan trọng. Đó là sự mô tả khả năng của chúng ta tham dự vào số phận người khác, hạnh phúc và khổ đau của người khác, ta vào những bi kịch cá nhân và đất nước, cùng chia sẻ gánh nặng của đau đớn, bệnh tật, hoạn nạn, sự thua cuộc, nói cho cùng là danh dự của người viết.

*Mưa rơi, đêm lạnh Sài Gòn
Mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi*

Quê hương là nơi bạn chờ dịp để trở lại. Khi chúng ta còn trẻ, những tác phẩm ở lại với chúng ta lâu hơn tác giả của chúng. Khi chúng ta lớn lên, những tác giả ấy tìm cách quay lại, ở lâu hơn tác phẩm, như bạn cũ tìm nhau, cuộc đời đi tìm cuộc đời. Mặc dù nổi tiếng sớm, có nhiều bài thơ được phổ nhạc, nhưng trước 1975, Cung Trầm Tưởng làm thơ không nhiều. Sau đó, số lượng sáng tác của ông vượt lên, trở thành một trong những người viết nhiều nhất vào giai đoạn tù đầy.

*Lều dựng thô sơ đứng đưng đầu
Lối vào nhót nhát rét bùn bầu
Ngó ăn trong rá còn loang máu
Của ngón tay đan đứt vì vầu*

Theo tác giả, vầu là một loại tre, thân to, mình mỏng nhưng rắn, dùng để làm nhà. Khi lần đầu tôi đọc cùng lúc những bài thơ thời Paris của Cung Trầm Tưởng và những bài ông viết sau này, tôi gặp khó khăn nối kết chúng vào nhau. Có một đứt đoạn tàn nhẫn, có lẽ không phải của ngôn ngữ mà của đời sống. Về sau tôi dần nhận ra chính sự đứt đoạn ấy, giữa một ngôn ngữ lãng mạn và một ngôn ngữ hiện thực pha lẫn siêu thực, là sự đứt đoạn tất nhiên, là bước nhảy vọt của ý thức, và như vậy là chuyển biến tất phải xảy ra ở một người sống hết mình với lịch sử đất nước.

*Bao thanh xuân ảo vọng bị chôn vùi
Đồng lúa mới chết non từng nhánh mạ*

Điều gì cho phép chúng ta nghĩ rằng ngôn ngữ của một nhà thơ là gắn bó với kinh nghiệm cá nhân, thay vì, tiếng nói cộng đồng? Đó không những là mối quan hệ giữa người viết và đề tài mà còn là phong cách tiểu sử. Một ngày mùa thu năm 2014, khi đứng trong cửa sổ một khách sạn nhỏ ở Aix-en-Provence, trời mưa vừa dứt, tôi bỗng nhớ đến mấy câu thơ sau đây của ông.

*Chân phương lòng thấy nao nao
Vội muôn thương mến lên cao hôn trời*

Đó là sự chuyển hóa siêu việt (transcendence). Ông viết bài thơ này năm 1954. Hơn hai mươi năm sau, 1977, nhà thơ sẽ phải viết những câu khác, ở Hoàng Liên Sơn, cũng mùa thu.

*Lá rơi rừng ngập lá rơi
Quanh tôi thu đến bằng trời kín mây*

Có vẻ như sự chung kết đã được báo hiệu. Một cách lặng lẽ, không tuyên ngôn ồn ào, sử dụng thể thơ bình dân, lục bát, Cung Trầm Tưởng từ sớm gieo vào thơ Việt những hạt giống đầu tiên của lối viết mới, lối nghĩ mới, vượt ra khỏi khuynh hướng tiền chiến, lãng mạn và tượng trưng. Bằng cách nào? Bằng ngôn ngữ bất chợt, rời rạc, xuất thần, lối nói hồn nhiên, các bước nhảy liên tưởng (leap associations), các hình ảnh gần với siêu thực. Thơ như một tấm gương phản chiếu chính mình: trong những bài thơ thời trẻ có hạt giống của những bài ông sẽ viết sau này, trong những bài viết sau này, nhất là giai đoạn lao tù, có bóng dáng của bài thơ thanh xuân.

Nếu một người đã từng:

*Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa đông Paris*

Thì có lúc sẽ:

*Ngày tiễn em về nghĩa đoàn thể
Núi chơ vơ đứng sững é chề
Trong từng chiếc lá thu vàng rụng*

Lịch sử của tự do của dân tộc chúng ta là lịch sử của thất bại, tan rã, mất mát. Vậy thì thơ ca và ngôn ngữ có thể làm được gì? Nhà thơ phải giữ cho được trong ngôn ngữ của mình kiến thức, tư tưởng, tình yêu, sự bao dung và phản kháng, cảm hứng và chiêm nghiệm, và truyền lại điều ấy bằng ngôn ngữ và ký ức. Chúng ta chỉ làm được một điều duy nhất: chống lại quên lãng. Âm nhạc, sự trùng điệp, sự hiệp vần, phép luyến láy, nhịp điệu, nói chung là sự lập đi lập lại, là đặc tính cố hữu của thơ ca, và là phương pháp duy nhất mà con người như những nạn nhân có thể nuôi dưỡng ký ức trong trầm tích quá khứ. Hàng trăm năm. Sau khi các cấu trúc chính trị đã biến mất.

*Kể từ đó trên phong nhiều trái đất
Những mùa vàng ủ đọt cuối đường hoa*

(Sài Gòn 1988- Saint Paul 2008)

Khuyh hướng sử dụng các thể thơ như sự lưu giữ ký ức, từ rất sớm, ở Cung Trầm Tường là đặc biệt lâu bền, khuyh hướng này trở thành chiếc cầu nối quan trọng giữa hai thế giới, cũ và mới, thanh bình và hỗn loạn, tự do và tù tội, lãng mạn và hiện thực, ca ngợi và phản kháng, khuôn mặt của tình yêu và khuôn mặt trong gương của nó. Ông là nhà thơ của hai thế giới ấy, cùng lúc.

*Đời ngoài mỗi lúc một cao thêm
Khi ta mỗi lúc một xương mềm*

Đó là sự chiêm nghiệm. Lịch sử của người Việt trong thế kỷ qua là lịch sử của đấu tranh, ly tán. Thơ lục bát, các thể thơ có vần là phương cách nối kết chúng lại, các mảnh rời ấy của lịch sử và tâm hồn. Mặc dù không phải bao giờ cũng thành công, và tránh khỏi gượng ép, nhìn chung Cung Trầm Tường nối kết những thế giới khác biệt của ông và nâng sự liên kết này lên thành thăng hoa. Dù cũng lấy cái nhìn phi lý làm trọng tâm, cho cuộc đời là sự nghịch lý, tồn tại là bi kịch, như từ thời du học ở Pháp, Cung Trầm Tường đứng riêng một góc giữa các nhà thơ khác. Ông hình như lúc nào cũng có một điều gì để nói, sắp nói. Ngôn ngữ được sử dụng trước hết như phương tiện biểu đạt, và nhà thơ như một kẻ sinh ra trong hoàn cảnh bất ngờ, may mắn hoặc bất hạnh, chứng kiến khung cảnh ấy, bi kịch ấy, bí mật ấy. Ông có nhu cầu muốn làm chứng, có sự chân thành bảo vệ đối với sự thật và các nạn nhân. Vì vậy nhiều bài thơ của ông có tính chính xác; việc sử dụng chữ trong một câu, sự ngắt dòng, sự chọn lựa thể thơ, tuy không phải không có ngẫu hứng, đã diễn ra với nhiều dẫn đo, cân nhắc. Dù không phải là người hay sử dụng ngôn ngữ đường phố, có vẻ như ông sẵn sàng đưa vào thơ thứ tiếng nói bình dân, thân mật, tự nhiên một cách bất ngờ. Điều sau cùng này, không phải dễ nhận ra.

*Lên xe tiễn em đi
chưa bao giờ buồn thế
trời mùa đông Paris
suốt đời làm chia ly*

*Tiền em về xứ mẹ
anh nói bằng tiếng hôn
không còn gì lâu hơn
một trăm ngày xa cách*

*Ga Lyon đèn vàng
tuyết rơi buồn mênh mang
cầm tay em muốn khóc
nói chi cũng muộn màng*

Hình ảnh của lá cỏ, tuyết, dòng sông, đèn vàng, sỏi đá, tuổi trẻ, Paris và miền Nam nước Pháp, thiên nhiên với nét hoang dã, đêm tối, tạo nên không gian của nhà thơ. Đó là một trong những bài thơ rất sớm của Cung Trầm Tưởng, dễ hiểu, trong suốt, ngôn ngữ đẹp, nhưng vẫn chứa lãng đãng nỗi nghi ngại bất an, một tình yêu đầy lo âu khó giải thích. Ngôn ngữ trong bài thơ không cầu kỳ, không có từ Hán Việt, có sao nói vậy, mà đẹp. Như vậy, tiếng Việt, sau nhiều thế kỷ phát triển, đã có thể biểu tả một tâm trạng phức tạp, một cảnh đời khá xa lạ, tận phương Tây, mà vẫn đủ sức chuyên chở tâm tình người xa xứ, sầu mộng, xao xuyến.

Freud cho rằng quá trình thăng hoa là một trong những thành tựu lớn nhất của tâm trí con người. Đã khắc sâu vào tâm khảm từ nhiều năm trước, nhưng khi tôi đến đó, đèn trên sân ga Lyon không vàng mà đỏ rực trong tuyết. Tôi tin rằng nó chỉ đỏ với tôi. Thơ viết ở Paris, về một tình yêu ở nước Pháp, mà vẫn hoài niệm. Hoài niệm vốn là cốt tủy của người Việt. Cung Trầm Tưởng từng nhắc đến quan niệm của Paul Valery: “Bài thơ là một sự ngập ngừng kéo dài giữa âm và nghĩa” (Le poème, hésitation prolongée entre le son et le sens). Có những sửa đổi của nhà thơ qua nhiều năm sẽ còn để lại tranh luận, như:

*Ga Lyon đèn vàng
Tuyết rơi buồn mênh mang*
Sửa thành:
*Ga Lyon đèn vàng
Tuyết rơi cuồng mênh mang*

Hay là:
*Trời mùa đông Paris
Suốt đời làm chia ly*
Sửa thành:
*Trời mùa đông Paris
Rét cắt nghìn phân ly*

Riêng tôi, tôi thích những câu thơ cũ. Vì nhạc tính trong chúng cao hơn. Chữ của chúng tự nhiên hơn.

Thơ tình Cung Trầm Tưởng, một số bài được Phạm Duy phổ nhạc, sẽ còn ở lại với những người yêu nhau, những người trẻ tuổi hoang mang vào đời. Một bài thơ trừu tượng có thể là một bài thơ tình hay một bài thơ đầy kỷ niệm. Tuy nhiên, bài thơ ấy hẳn phải đi qua bộ lọc giữa một bên là lý trí một bên xúc cảm. Có một sự pha trộn khó giải thích giữa thơ lãng mạn, chịu ảnh hưởng phần nào của thơ Pháp thời trước và thơ thế sự, thời sự. Có một sự trộn lẫn giữa những câu thơ thô ráp, gần như vụng về, và những câu bay lượn, xuất thần. Ông là một người kể chuyện, về những hoàn cảnh gần như cực đoan, sự say mê, cái chết, sự lạc đường, tội ác, chiến tranh. Nhà thơ là người có đức tin tôn giáo, tôi nghĩ; và các hệ thống ký hiệu và tượng trưng, các biểu tượng, là gần gũi với tác giả. Câu chuyện về cuộc đời mình từ những ngày mới lớn, du học, trở về miền Nam phục vụ trong không quân, tù đầy, định cư ở nước ngoài là những chặng đường được kể lại không những bằng câu chuyện mà còn bằng các nguyên mẫu văn hóa và giai thoại. Và có khi thoảng mùi tình dục.

*Em vào lớp lãnh sương bay
Và se sắt thổi heo may đầy giường*

Một lối viết được sinh ra từ khoảnh khắc đặc biệt, tựa như những tai biến trong đời bạn hay giây phút bùng tỉnh. Nhà thơ lãng mạn trở thành người viết hiện thực. Sự thay đổi như thể chính nó là biểu hiện của sự phản kháng trước hết đối với tính chất thơ mộng, lý tưởng hóa của văn chương.

*Mai sau thịt thắm da liền
Cái yêu khác trước cái nhìn khác xưa
Cái tin vô có xin chừa
Sống sao cho xứng lũy thừa thương đau*

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng thường xem thơ mình như một quá trình (*). Tôi nghĩ như thế là hợp lý vì những biến đổi nội tại trong thơ ông phù hợp với lịch sử mấy mươi năm của đất nước.

*Thành quách điêu tàn gạch đống đau
Tường xiêu cửa mất mái u sầu
Mười hai năm xéo dầy viên ngọc*

Đó còn là một buổi chiều tôi đi dọc bờ sông, đi qua những vườn cây xanh biếc, ngát thơm, nhớ đến thơ ông.

Cố tri khóm hạnh bây giờ

Có phải là cây hoa *almond* hay không mà tôi thấy chúng buông lá ngọn bên tường vôi trắng. Không phải ý nghĩa, mà chính là một chữ, âm điệu chữ ấy, như một sự vật, trong mối quan hệ với ngôn ngữ Việt, làm nên thi tính, tính thơ, của chúng.

*Em về giữa lúc khuya sang
Mênh mông đức hạnh dịu dàng ưu tư*

Thơ tràn ngập nơi chốn. Về căn nhà chúng ta, khu phố cũ, hàng xóm. Về những đồ đạc trong nhà, cửa sổ sơn lam, buổi sáng mặt trời lặn, hàng hiên mưa, người thanh niên ngồi nghe gió thổi trên trang giấy. Thơ ông như cửa một người tình, một người lính, một người tù, một công dân. Đó là bốn loại thơ, bốn chặng đường, bốn chủ đề.

*Hãy uốn ngực hít sâu vào khí sớm,
Chẳng thuộc riêng ai trời đẹp của muôn lòng
Mùa xuân đến đều chia cho muôn khắp
Kẽm gai nào rào chắn được trời trong*

Những kinh nghiệm cá nhân hòa cùng với những sự kiện tạo nên thứ bi ký của chiến tranh và hòa bình. Nhờ nghệ thuật so sánh và ẩn dụ, ông mang người đọc đến gần hơn bằng hình ảnh đặt bên nhau:

*Bãi nhãn nhàu vết lằn xưa
Một xe thô mọ giờ trở gổ gầy*

Mối quan hệ phức hợp giữa hiện thực và giấc mơ không bao giờ được giải quyết xong. Thơ Cung Trầm Tưởng đầy những mảnh ghép của hiện thực và giấc mơ, cũng như thời gian giữa ngày và đêm, giữa ánh sáng và bóng tối, sự tương tác của chúng là bất tận. Thơ kể về sự luân chuyển đất trời, mới mùa xuân hoa trái đã tàn tạ cuối đông, rồi trở lại, cũng như diễm phúc của tình yêu và trừng phạt của xa cách. Thơ không thể dành cho mọi người, vì không phải ai cũng có khả năng đáp ứng với nhịp điệu, không phải ai cũng có nhu cầu và năng lực nhìn vào đời sống bên trong của mình. Để có khả năng nhìn vào đời sống bên trong, một người cần có ít nhất hai thứ: niềm vui thú đối với ngôn ngữ cũng như một người có sở thích đối với thể thao hay hội họa, có người không, và khả năng xem xét đời sống của mình từ phía khác, và từ điểm khác trong thời gian. Cung Trầm Tưởng tìm nhiều cách để vượt thoát hoàn cảnh, và để tự chứng minh, vì nhu cầu của đời sống tâm linh và của hướng thượng, lịch sử phải trải qua mát mát, lấy chính cuộc đời mình làm trải nghiệm lịch sử, khi ông quyết định ở lại. Thơ Cung Trầm Tưởng có những bài giản dị và những bài phức tạp,

cần tập trung chú ý, như thể điều mà tác giả muốn đề cập tới bị che khuất đâu đó giữa những chữ.

*Thơ là nho mà cũng là sim,
Mỗi chữ buông sang tiếng hạc cầm.
Như trong vó cật của ngựa bạch
Có nhạc chim hồng vĩ cánh cam.*

Trong thời đại của thơ tự do, nhà thơ vẫn trở lại với lục bát, và làm mới chúng bằng trước tác hồn nhiên. Đối với nhiều người, thơ có khả năng biến đổi (transformative power), sau những kinh nghiệm đau xót, nhà thơ không thể không thay đổi cái nhìn đối với cuộc đời, sự rung cảm, sức nghĩ, sự khôn ngoan, sự thông thái minh triết. Chúng ghi dấu ấn lên thơ Cung Trầm Tưởng: đời sống nội tâm của chúng ta là lớn lao, vừa phản chiếu hiện thực bên ngoài vừa vận động theo quy luật riêng. Nhà thơ muốn không những ghi lại hiện thực ấy mà còn chuyển hóa chúng thành diễn biến tâm linh. Thành sự cứu chuộc.

*Đời tù bất trắc mây vô định
Lá cỏ ngày nào sẽ rụng rơi
Phiến tròn sẽ gãy khô từng phiến
Giữa chốn hoang vu tịch mịch đời*

Chúng ta không biết đâu là sự quan sát đâu là sự khổ đau (**). Người đọc nhìn thấy sự băng qua của thời tiết, sự chuyển động của mùa màng, nỗi xúc động nén lại. Tôi muốn nói khác hơn: tính trừu tượng trong thơ Cung Trầm Tưởng đã được cụ thể hóa, và biến đổi đi dưới sức ép của ngôn ngữ. Mặc dù có sự tương thích giữa hoàn cảnh xã hội và đời sống nội tâm, vì trong khi đời sống bên ngoài được phản chiếu vào nội tâm, thì một cá nhân, một cách vô thức, cũng tìm cách thể tồn tại thích nghi. Bi kịch lịch sử do vậy chính là bi kịch cá nhân và ngược lại. Ý thức tập thể, những tâm trí được tập hợp lại, chỉ mở rộng các kinh nghiệm của bi kịch. Không phải chỉ những nhà hình thức chủ nghĩa mới tin rằng âm điệu của thơ góp phần làm nên ý nghĩa của chúng.

*Đêm mùi cỏ dao
Thở nồng trang sách
Gió cuốn ào ào
Mùa tất bật*

Là những câu được khắc vào không gian, làm nên không gian, cho một hay nhiều thế hệ. Và trong trường hợp cực đoan, như trong thơ phổ nhạc, hay ca khúc Trịnh Công Sơn chẳng hạn, chính âm nhạc đã *tạo thêm* hoặc *tạo ra* ý nghĩa cho các ca từ. Cả hai, đến lượt chúng, sinh ra một trường hiện thực khác. Đối với một số nhà thơ, văn chương đi ra từ đời sống hàng ngày, là sự ghi chép của hiện thực, văn chương và đời sống đi song song với nhau, như hai tấm gương chiếu vào nhau, như hai đoàn tàu chạy cùng một chiều, cùng một tốc độ, hình ảnh của các cửa sổ đối với nhau không thay đổi. Đối với một số nhà thơ khác, đời sống đầy biến động, thơ là cái bật lên từ biến động bất thường, từ những hoàn cảnh cực đoan, do đó cái bình thường không có chỗ đứng trong thơ của họ. Như việc sử dụng các ẩn dụ phức tạp của các nhà thơ gần đây. Sự phức hợp ấy tạo ra bởi hình ảnh giàu có và liên kết rối mù, chông chéo, không thể giải thích một cách dễ dàng.

*Đàn đúm, đập diu chợ bắc qua
Lam len xen tím, lục leo chàm
Gió như máu tươi nuôi cơ thể
Nhiệt đới choang choang bật choé hồng*

Thơ như thế đã tràn ra khỏi mạch thơ vần điệu, mà ôm lấy thơ tự do.

Trong thơ Cung Trầm Tưởng, thấy dấu vết của tình dục, mối quan hệ phân tâm học, những biến đổi gần như ảo ảnh, những chuỗi kết hợp ngôn ngữ đáng ngạc nhiên ở một người thuộc thế hệ của ông. Thơ có những thăm dò sâu vào tình yêu, tình dục, nghi lễ của tình yêu, nghi lễ của tình dục. Không phải ngẫu nhiên mà có một bài thơ của ông được đặt tên là *Lễ Chiều*, hình như được viết trong những ngày ông còn ở trên rừng núi, đang tù tội.

*Khi anh đến thăm em thì trời hừng ảm
Nước suối hoen trong hang những nhũ thạch mềm*

Tuy nhiên không chỉ âm điệu hay từ ngữ là đặc tính quan trọng nhất của bài thơ, thậm chí là những đối tượng nghiên cứu độc lập, mà chính sợi chỉ xuyên suốt bài thơ, tức ý nghĩa của nó, làm nên sức mạnh, sự hấp dẫn. Bài thơ nói về điều gì, trong hoàn cảnh nào, nói với ai, bởi ai. Bài thơ bắt đầu khi anh đến thăm em. Hoặc khi *ngày vỡ ngọt từ múi quả cam*, hoặc khi *thơ là nho mà cũng là sim*, khi một người *chúm môi huýt náo tang thương*. Có một pha trộn rất mạnh giữa khuynh hướng vần điệu và khuynh hướng văn xuôi hoá.

*Nhìn nhau thấu đáy Kỳ Cùng
Cho sau còn ngấn thủy chung thì thâm*

Trong khi thơ văn điệu có tính dân tộc thì thơ tự do có khả năng vượt qua biên giới, giao hòa với các dân tộc khác. Nhà ngôn ngữ học Jakobson cho rằng hình ảnh và ngôn ngữ thơ ca đã được tạo ra trong các thể có văn ngay từ xưa, giữa những người không biết đọc, biết viết, vì đó là hình thức không những để dung chứa thông tin lớn, mà còn là cách thuận tiện giúp ghi nhớ dễ dàng. Ngôn ngữ của ông là ngôn ngữ của chuyển giao, của tượng trưng, biểu tượng. Điều gì nối kết chúng với nhau để tạo nên câu chuyện kể? Ký ức đến trước, ngôn ngữ đến sau. Nhưng ký ức là diễn trình, không phải là kho tàng, có khởi đầu, có biên giới, ngôn ngữ không phải chỉ là những ký hiệu như các mã số, chỉ định một lần là xong. Cả hai đều tự mình lớn lên, được sáng tạo mỗi ngày, nuôi dưỡng và phá hủy cùng lúc. Tôi muốn nói lại: ký ức của chúng ta, ngôn ngữ của chúng ta có thể được nuôi dưỡng, có thể được dung nạp, hay có thể bị ghét bỏ, bị xua đuổi, bị huỷ diệt, tùy theo những kẻ làm chủ xã hội là ai. Sự đứng im, cái chết, hay sự bất lực của mỗi cá nhân và mỗi công dân, không tạo ra tiếng động hay âm nhạc: kẻ thù của con người, trong mỗi con người, muốn bạn im lặng.

*Người về trong lúc tàu đi
Rớt nhanh một nét tường vi hoang đường*

Bất kể lịch sử đã xảy ra như thế nào, sự thật đã xảy ra như thế nào, các thế hệ người đọc, liên tiếp nhau, sẽ không tin vào chúng. Họ chỉ tin vào một lịch sử được kể lại một cách chính thức. Chỉ có một thứ văn học duy nhất đối với thế hệ trẻ là văn học được phép. Các nhà thơ thực sự chống lại điều ấy. Dễ hiểu là khuynh hướng phản kháng của Cung Trầm Tưởng bộc lộ rõ hơn trong thời kỳ lao tù. Tuy nhiên, đó vẫn là loại thơ trữ tình cá nhân, nặng tính tiểu sử hơn là phán xét chính trị, là những ghi chép hiện thực hơn là lời kêu gọi và sự suy tưởng xã hội. Trước sau ông vẫn là nhà thơ trữ tình, với cái nhìn bi quan xuyên suốt nhiều năm trước đến sau này. Ngay trong những bài thơ sớm nhất ở miền Nam, nỗi buồn của ông vẫn riêng biệt, lạ lẫm:

*Chim tập nập về reo chuông báo thức
Chiếc đồng hồ rạo rục của tâm tư*

Sự tiếp cận với hiện thực hình như không đồng đều, chưa kể có những thời gian dài không thấy ông sáng tác. Ngôn ngữ Cung Trầm Tưởng một mặt dịu dàng, đầy âm điệu, đẹp, một mặt gai góc, thể nghiệm, huyền bí. Sự kết hợp như vậy là lạ lùng, như một bức tranh nửa tối nửa sáng, như một ý thức nửa tươi trẻ nửa già dặn, khi dòng sông thời gian vừa trôi nhanh vừa chảy sâu.

*Đứng sao cho vững tâm hồn
Sống sao cho cái u buồn thẳng hoa*

Cung Trầm Tường có những nỗ lực để tránh lặp lại mình, với những mức độ thành công và không thành công khác nhau. Điều gì đáng nhớ lại, điều ấy là quan trọng nhất. Lịch sử được nhớ lại bởi các câu chuyện cá nhân nhiều hơn bởi các sự kiện khách quan. Ý thức được điều ấy, cầm giữ sự thật trong tay, quay trở lại tìm kiếm khi đánh mất, dò đường theo chúng, nuôi dưỡng chúng, là ý thức cao nhất của người làm thơ trong một xã hội nhiều nhương.

*Em xanh gương nước ao hồ hạ
Bảo đến miền em chết dịu hiền*

Trong khi các nhà thơ khác tìm cách nén chặt bài thơ của mình, loại trừ các yếu tố thừa, làm cho năng lượng của một bài thơ tăng lên, thì trong nhiều trường hợp, Cung Trầm Tường làm ngược lại, hoặc bằng cách mở rộng biên giới của một bài thơ, đưa vào chúng nhiều dữ kiện của đời sống, những chi tiết cá nhân và riêng tư mà nhiều nhà thơ khác có thể loại ra, hoặc bằng cách liên kết các bài thơ với nhau, trong một chủ đề hay một dải băng tần các xúc cảm. Như một hệ quả, trong thời gian ngắn, ông có thể làm nhiều bài thơ cùng lúc, chúng vừa khác nhau, vừa phối hợp, như một chuỗi các bài thơ, hay một hình thức mà nhiều nhà thơ hiện nay gọi là trường ca. Tôi đang nói đến khả năng liên kết các sự vật, sự liên tưởng gần và liên tưởng xa, giữa các hình ảnh, giữa hình ảnh và nhịp điệu, giữa quá khứ và hiện tại, các khía cạnh khác nhau của đời sống. Sự liên tưởng ấy bao giờ cũng có mặt ở các nhà thơ, nhưng ở Cung Trầm Tường là đều khắp, mạnh mẽ. Sự liên tưởng là khả năng chuyển động, như một thực thể chỉ tồn tại trong sự chuyển động. Thơ ông nhắc chúng ta về điều này: thế giới là hỗn loạn, lịch sử là không công bằng, nhưng tình yêu mà Thượng đế ban cho chúng ta là tặng phẩm quý giá nhất, sẽ tồn tại như viên ngọc sáng ngời, trên tay mỗi người, truyền đi, một cách có điều kiện. Vì tình yêu bị tác động bởi con người, hoàn cảnh, sự hèn nhát và lòng dửng cảm, tội ác và sự làm chứng.

*Sum suê cây tửa tân hình học
Duỗi cánh tay thần đẩy mây lên cao*

Tình yêu ấy nếu sống qua thời gian, sẽ trở lại, chiếu sáng. Trong một thế giới ngày càng thay đổi, sự dị thường ngày càng được dung nạp, sự di chuyển từ phía này qua phía khác, sự đảo lộn và xem xét lại, ngày càng dễ xảy ra. Đọc thơ Cung Trầm Tường trong tâm thế ấy, trong sự chấp nhận tính nối kết tương đối, một trật tự ngày càng rời rạc, sự tự làm mới, tự hủy và trở lại, có lẽ là cách đọc đúng đối với nhà thơ này, tôi

ngĩ. Đã có một lần, thơ ông vui về xiết bao, hạnh phúc xiết bao, nhưng ngay trong ngày ấy, chúng ta không để ý rằng ông cũng từng đau xót, chúng ta không nhìn thấy, không đọc được. Bây giờ người đọc của ông sau bấy nhiêu năm đã trưởng thành hơn, tất nhiên, và sẽ có lúc họ quay trở lại, như một người đi xa thế nào cũng có lúc trở về căn nhà cũ, nhìn ngắm chỗ ngồi, bậc cửa, vết mực trên tường, hòn đá vỡ, không phải chỉ để nhớ lại, mà còn để đi tìm câu hỏi cho giây phút hiện tại. Bởi vì ký ức làm nên sự tỉnh thức. Ký ức làm nên tỉnh thức: đó là thơ Cung Trầm Tưởng. Thơ tình yêu và thơ thời tù đầy đau biển. Thơ phản kháng và thơ triết học. Ngôn ngữ Cung Trầm Tưởng có tính tượng trưng, ký ức về tuổi thơ, và tình yêu như một ký ức, bao giờ cũng được biểu hiện như những hình ảnh hoặc chói sáng hoặc êm đềm quyến rũ. Hình ảnh ấy chính là biểu tượng.

*Mời em đến cuối cùng ta
Ngát ngây chiêm trống đậm đà trăm mê
Cành vườn lá tược sum suê
Cẩn đôi trái cấm môi tê sẵn sờ*

Trong khi tình yêu mơ hồ như sương khói thì cái nhìn có tính trẻ thơ vào thế giới lại trong suốt, càng trong suốt khi người ta tới gần. Sự bất ngờ trong lục bát Cung Trầm Tưởng, một thể thơ vốn gồm âm điệu khó thay đổi, khó làm mới, chính là sự ngỡ ngàng của tuổi thơ trước thế giới, của trái tim đang yêu trước cái đẹp, trước trái tim khác.

*Trái mai sau trái thơm nồng
Lời thơ nhân ái về đong đầy hồn*

Lục bát là sự lặp lại ở mức cao các vần, các nhịp điệu, và trong nhiều trường hợp, hình ảnh và ý tưởng. Sự lặp lại ấy tạo ra lý thú, tạo ra một thứ tiếng nói thì thầm, bí mật, yêu dấu, của một tuổi thơ đã mất, được dừng lại, được gọi về. Trong thể lục bát, sự di chuyển giữa các thời quá khứ, hiện tại, tương lai trở nên dễ dàng, có lẽ vì thể thơ ấy trong khi ràng buộc về hình thức thì lại cho phép sự rời rạc và mơ hồ về hình ảnh và ý tưởng. Như một người mất quê hương, một đứa trẻ mất cha mẹ, không nhớ gì ngoài ký ức hình ảnh mà chỉ có thơ ca mới mang lại. Đó là định nghĩa của biểu tượng. Tính chất tượng trưng của thơ Cung Trầm Tưởng xảy ra không chỉ vì bút pháp hình ảnh mà cũng vì cái nhìn, ý thức, tâm trạng trẻ thơ ấy. Các đứa trẻ sau này khi lớn lên, vì họ cũng phải lớn lên, mãi ngạc nhiên không hiểu vì sao thế giới này lại đổ vỡ đến thế, kẻ thù lại độc ác đến thế, bạn bè lại hèn nhát đến thế. Điều khác biệt là, sự bi phẫn chỉ dừng lại một lúc với chúng ta, rồi quay đi, trả lại cho chúng ta cái thi vị của đời sống, vẻ đẹp của con người, sự cả tin của thời thơ bé. Sự cả tin ấy là sự kiện tâm

linh, là một niềm tin tôn giáo, là khả năng nhìn thấy trong đau khổ hôm nay bóng dáng hồi sinh của ngày mai, của sự đi tới, của luân chuyển của vòng đời, bất tuyệt.

Nguyễn Đức Tùng

19.05.2017

Chú thích:

(*) Cung Trầm Tưởng, *Một Hành Trình Thơ*, NXB Tiếng Quê Hương, Virginia 2012. Khi trò chuyện với tác giả bài này, và trong một thư riêng, nhà thơ Cung Trầm Tưởng cũng nhiều lần nhắc đến khái niệm “hành trình” của sáu mươi năm sáng tạo, với những bài thơ theo ông là tiêu biểu như: Thai nghén, Mùa thu Paris, Nguồn cơn, Tiếng gọi đầu năm, Kỳ cùng, Bài ca níu quan tài, Khoảng cách, Núi và Suối một huyền sử, Ngôn ngữ đôi, Tận cùng Mán, Sáng ký về người tình đầu.

(**) Trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê, ông nói: “Người thi sĩ phải đảm nhận cái đau khổ của dân tộc mình. Qua ngôn ngữ. Tạo ra ngôn ngữ. Ngôn ngữ của đau khổ.”

<http://thuykhue.free.fr/stt/c/nc-ctt.html>



Lục Bát Cung Trầm Tường, Một Đóng Góp Lớn Cho Văn Học Du Tử Lê - Sept. 2nd 2012



Cung Trầm Tường và Du Tử Lê (07-2012)

Giữa thập niên (19)90, trong một buổi ra mắt sách ở quán café Tao Nhân, nằm trên đường Westminster, thành phố Garden Grove, miền Nam tiểu bang California, mở đầu phần phát biểu của mình, cố nhà văn Mai Thảo đã làm một so sánh chói gắt về sự xuất hiện của tác giả thi phẩm được giới thiệu trong đêm, với sự xuất hiện của hai tác giả nổi tiếng rất sớm, trong sinh hoạt văn chương miền Nam, trước Tháng Tư, 1975.

Đại ý tác giả “Ta thấy hình ta những miếu đền” nói rằng, vào những năm cuối thập niên (19)50, có hai tiếng thơ đã tạo chấn động vang dội, ngay khi những bài thơ thứ nhất.

Trừ những người trẻ, tham dự buổi giới thiệu tác phẩm vừa kể, vốn không có cơ hội biết nhiều về sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam những năm (19)50, (19)60; kỳ dư, các tân khách còn lại, khi nghe nhắc tới Cung Trầm Tường, đa số đã liên tưởng tới thơ bốn chữ, năm chữ và, lục bát của họ Cung. (1)

Liên tưởng tức thì này, không có nghĩa tất cả những vị đó đều đọc, nhớ thơ Cung Trầm Tường qua tạp chí Sáng Tạo. Họ biết, nhớ, thuộc và, yêu mến tiếng thơ này, qua một số ca khúc của nhạc sĩ Phạm Duy, phổ thơ Cung Trầm Tường. Thí dụ, ca khúc “Mùa Thu Paris,” hay “Tiễn Em” (Phạm Duy đổi từ nhan đề gốc “Chưa Bao Giờ Buồn Thế”...

Nếu ký ức chưa tệ hại đến mức phản bội tôi thì, tôi nhớ đó là năm 1959, giữa bối cảnh hiu hắt, “thiếu niềm tin” của độc giả trong lãnh vực thi ca, thi phẩm “Tình Ca” của Cung Trầm Tưởng ra đời.

“Tình Ca” của Cung Trầm Tưởng chỉ có tổng cộng 13 bài mà, hết 6 bài được nhạc sĩ Phạm Duy soạn thành ca khúc; với bìa, phụ bản rực rỡ, mới lạ của họa sĩ Ngý Cao Uyên (cũng về từ Pháp, như Cung Trầm Tưởng,) đã là một xuất hiện “lộng lẫy,” như khi lục bát Cung Trầm Tưởng xuất hiện trên tạp chí Sáng Tạo vậy. (2)

“Tình Ca” Cung Trầm Tưởng còn “lộng lẫy” hơn nữa trong đêm ra mắt ở nhà hàng Anh Vũ. Với con số 3+1 là Cung Trầm Tưởng, Ngý Cao Uyên, Phạm Duy và, tiếng hát Thái Thanh, buổi ra mắt tựa dự báo một bình minh khác, cho sinh hoạt thi ca miền Nam, thời đó.

Không biết tôi có quá lời chằng, khi nói rằng, đó là thời điểm họ Cung “đánh cắp” tất cả mọi ngọn đèn rực rỡ nhất của tiền trường sân khấu sinh hoạt thi ca miền Nam. Tất cả mọi ngợi ca đổ dồn về ông, như nước chảy về chỗ trũng. Những vòng nguyệt quế tìm đến ông, tựa đó là điều gì không thể tự nhiên hơn..

Cùng lúc, hiện tượng hay phong trào khát khao có được một lần được thấy “mùa thu Paris” (như trong thơ Cung Trầm Tưởng,) trở thành cơn sốt trên 40 độ C. trong tâm tưởng của nhiều người trẻ thành phố:

*Mùa thu đêm mưa
Phố cũ hè xưa
Công trường lá đổ
Ngóng em kiên khổ phút, giờ*

*Mùa thu âm thầm
Bên vườn Lục-Xâm
Ngồi quen ghé đá
Không em buốt giá từ tâm*

*Mùa thu nơi đâu?
Người em mắt nâu
Tóc vàng sợi nhỏ
Mong em chín đỏ trái sầu...*
(Trích “Mùa Thu Paris, CTT)

Hay ước nguyện cuối cùng trước khi nhắm mắt, không chỉ của giới trẻ mà, của rất nhiều văn nghệ sĩ thời đó là, một lần được đứng dưới những ngọn đèn vàng của ga

Lyon! Được thấy sông Seine (qua thơ Nguyên Sa,) hay được đặt chân vào một quán rượu ở Paris. Khi Paris qua thơ của hai nhà thơ này trở thành những mơ ước khôn cùng...

Paris càng trở nên quyến rũ hơn nữa, khi ca khúc “Tiễn Em” phổ cập quần chúng:

*Lên xe tiễn em đi
chưa bao giờ buồn thế
trời mùa Đông Paris
suốt đời làm chia ly
(...)
Ga Lyon đèn vàng
tuyết rơi buồn mênh mang
cầm tay em muốn khóc
nói chi cũng muộn màng
(...)
khóc đi em. khóc đi em
hỡi người yêu xóm học
để sương thấm bờ đêm...”*
(Trích “Chưa bao giờ buồn thế,” CTT)

Những hình ảnh lãng mạn, mới mẻ như những khối thuốc nổ cực mạnh, gây chấn thương nặng nề tâm thức người nghe/ đọc, như “Người em mắt nâu/ Tóc vàng sợi nhỏ,” hay “Ga Lyon đèn vàng/ tuyết rơi buồn mênh mang”... đã nhức nhối “bám trụ” trong sâu, kín tâm tư của nhiều người.

Hoặc chỉ với bốn chữ “người em xóm học,” lần đầu tiên xuất hiện trong thơ Việt Nam, tự thân cũng đã đủ làm thành cơn bão mang tên những mơ ước nghìn trùng, hạnh ngộ hãn hữu, của những người một đời chưa bước khỏi biên cương đất nước.

Nhưng với văn giới miền Nam thời đó, đỉnh điểm tài hoa thi ca Cung Trầm Tưởng vẫn là những bài thơ lục bát của ông.

Nói tới lục bát Cung Trầm Tưởng, tôi không rõ họ Cung có biết, những người bạn một thời Sáng Tạo, đã gọi ông một cách yêu mến là ...“Bà Huyện Thanh Quan thời đại mới”?

Người kể lại chuyện này là cố nhà văn Mai Thảo. Sinh thời, trong những cuộc họp mặt văn nghệ giới hạn tại nhà riêng một vài thân hữu, dù không ai hỏi, chủ nhiệm Sáng

Tạo vẫn thường nhắc tới những bằng hữu trong nhóm Sáng Tạo của mình. Nhất là những người bạn còn trong tù. Hơn một lần, ông kể:

“... Anh em Sáng Tạo thích lục bát Cung Trầm Tửu Đường lắm. Dù nó chỉ làm được ít bài rồi thôi. Chúng tôi từng gọi nó là ‘Bà Huyện Thanh Quan thời đại mới’...”

Mọi người lắng nghe. Bất ngờ. Thích thú. Cũng trong bất ngờ, tôi hỏi tác giả “Đêm Giã Từ Hà Nội,” khi anh em Sáng Tạo “sắc phong” cho Cung Trầm Tửu Đường là một thứ “Bà Huyện Thanh Quan thời đại mới” thì họ y cứ trên những tương đồng nào, giữa hai cõi giới thi ca đó?

Vẫn nụ cười móm mém hóm hỉnh và, cái nheo mắt tinh quái, cố nhà văn Mai Thảo lúc lắc đầu, trước khi trả lời:

“... Ờ... thì anh em thấy lục bát của nó mượt mà, óng ả như nhung lụa vậy mà...”

Có thể tác giả “Mười Đêm Ngà Ngọc” không chờ đợi nơi tôi một câu hỏi, như thế! Như số anh em có mặt buổi tối vừa kể, cũng không chờ đợi nhà văn Mai Thảo trả lời, như vậy!

Tôi không biết số bằng hữu hiện diện trong họp mặt kia, cảm nhận ra sao về lục bát Cung Trầm Tửu Đường. Tuy nhiên, tôi nghĩ, ai đó, nếu có một kiến thức căn bản về thể thơ lục bát, cùng sự hiểu biết thấu đáo về những biến chuyển, vận hành trải qua nhiều giai đoạn của thể thơ truyền thống này, sẽ phải nhìn nhận rằng, đóng góp vào sự đổi mới lục bát của Cung Trầm Tửu Đường, những năm (19)50 là một đóng góp lớn cho văn học miền Nam, nói riêng, Việt Nam, nói chung.

Phác Họa Mấy Thời Kỳ Lục Bát Và, Thơ Cung Trầm Tửu Đường

Là người Việt Nam, ai cũng biết lục bát là một thể thơ truyền thống, đặc biệt của riêng văn học Việt Nam. Mặc dù gần đây, có người đưa ra “phát kiến” cho rằng, không chỉ Việt Nam mà, một vài dân tộc khác, cũng có thơ lục bát hoặc một thể thơ tương tự như vậy.

“Phát kiến” này, theo tôi không có cơ sở vì hai yếu tính căn bản sau đây
Thứ nhất, vì đặc tính của ngôn ngữ Việt Nam là đơn âm/ Monosyllabic, nên lục bát mới có thể giữ đúng cấu trúc 6 chữ cho câu thứ nhất và, 8 chữ cho câu thứ hai.

Thứ nhì, ngoài Việt Nam, chúng ta biết, có ngôn ngữ của một số dân tộc khác, cũng là

loại đơn âm. Nhưng, vì những ngôn ngữ đơn âm kia, không có 5 dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng (như của Việt Nam,) để ứng hợp với luật Bằng/ Trắc căn bản, bắt buộc mà, thể thơ lục bát đòi hỏi. Chúng ta cũng biết, các chữ có dấu huyền hoặc không dấu, thuộc “Vần Bằng.” Những chữ có dấu sắc, hỏi, ngã nặng thuộc “Vần Trắc.”

Cụ thể, luật thơ lục bát được quy định như sau:

Bằng bằng, trắc trắc, bằng bằng (cho câu sáu.)

Bằng bằng, trắc trắc, bằng bằng, trắc, bằng (cho câu 8.)

Tuy nhiên, luật thơ lục bát cho phép người làm thơ được miễn trừ luật bằng, trắc ở những chữ thứ nhất, thứ ba và, thứ năm. (Giới làm thơ quen gọi là luật “nhất, tam, ngũ bất luật.”

Thí dụ hai câu thơ mở đầu “Đoạn Trường Tân Thanh” của Nguyễn Du:

“Trăm năm trong cõi người ta

“Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.”

Tóm lại, với niêm luật bắt buộc để Lục bát là... Lục bát, tôi không nghĩ và, cũng không tin có một nền văn học nào khác trong nhân loại, cũng có một thể thơ lục bát, giống Việt Nam.

Khi nói, Lục bát là một thể thơ truyền thống, đặc biệt của riêng người Việt Nam, tôi muốn nhấn mạnh, thể thơ này xuất hiện rất sớm trong lịch sử văn học của chúng ta hàng nghìn năm trước. Nó xuất hiện dưới dạng ca dao, tục ngữ khi chữ quốc ngữ trở thành phổ thông.

Nhưng, chúng ta vẫn phải đợi tới khi Nguyễn Du Tiên sinh chọn thể thơ Lục bát để ký thác tâm sự mình, qua trường thiên “Đoạn Trường Tân Thanh,” (dân gian quen gọi là “Truyện Kiều,”) lúc đó, Lục bát mới chính thức trở thành một thể thơ có đầy đủ tính văn học ở mọi khía cạnh.

Đặt qua một bên nghệ thuật tả cảnh, tả tình, tâm lý, triết lý, tâm sự, phản ảnh xã hội, thời đại sống của mình v.v... căn bản Lục bát của Nguyễn Du Tiên sinh là “Kể Truyện.” Vị cha già của Lục bát Việt Nam, (nếu tôi được phép gọi như vậy,) là một nhà văn kể chuyện (Story Teller) cực kỳ tài hoa, uyên bác.

Nói cách khác, Lục bát của Nguyễn Du Tiên đã sinh trở thành “khuôn vàng thước ngọc” ảnh hưởng vào dòng chảy Lục bát của văn học Việt mấy trăm năm sau.(3)

Tiêu biểu cho sự kiện này là nhà thơ Nguyễn Bính, một nhà thơ nổi tiếng từ thời Tiền chiến. (4)

Không kể những bài Lục bát dài hàng trăm câu trở lên, như bài “Lỡ Bước Sang Ngang,” ở những bài Lục bát khác ngắn hơn, như bài *Trăng sáng vườn chè*, vồn vện chỉ có 10 câu, nhưng nó vẫn là dạng kể một câu chuyện.

Một trong những bài lục bát cuối cùng của sự nghiệp thi ca đồ sộ của tác giả “Lỡ Bước Sang Ngang,” bài *Tình giãc chiêm bao*, đăng trong giai phẩm *Trăm Hoa*, Hà Nội, 1956, cũng vẫn ở dạng kể truyện, rất có lớp lang, thứ tự:

“*Chín năm đốt đuốc soi rừng,
Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân.
Cửa xưa mảnh trúc còn ngân
Góc tường vẫn đọng trăng xuân thuở nào...*”

Tuy nhiên, cùng thời gian đó, khi Huy Cận, tác giả *Lửa Thiêng* xuất hiện thì, ông đã cho Lục bát một gương mặt, một chiếc áo mới. Nói cách khác, Lục bát Huy Cận, đóng vai trò chấm dứt chu kỳ Lục-bát-kể-truyện kéo dài từ thời Nguyễn Du.

Lục bát Huy Cận chẳng những không nhắm mục đích kể lể thứ tự các sự việc mà, nó cũng không mô tả một biến chuyển tâm sinh lý nào. Nó là một chuỗi hình ảnh nối tiếp nhau qua tương tác rất máu thịt với chữ, nghĩa. Tôi muốn nói tới nỗ lực vận dụng những con chữ một cách tân kỳ, sáng tạo. Để tự thân hình ảnh và, chữ nghĩa sẽ mang tới cho người đọc những cảm ứng sâu, rộng khác nhau, tùy tâm hồn, trình độ mỗi người đọc.

Với Lục bát mới của Huy Cận, độc giả không còn bị nhốt trong những ý, tình được định hướng sẵn bởi tác giả. Người đọc cũng không bị trói tay, chân trong một không gian với một khí hậu bất biến.

Vì không gian trong Lục bát Huy Cận là không-gian-mở, nên những liên ảnh (link-image) trong thơ của tác giả *Lửa Thiêng* cũng không diễn biến theo một trật tự cố định nào.(5)

Thí dụ, Huy Cận mở đầu bài *Thu Rừng* của mình bằng hai câu:

“*Bỗng dưng buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.*”

Rồi bất ngờ ông “giới thiệu” với những người đọc, một sinh vật:

“*Nai cao gót lẫn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về.*”

Con nai trong hai câu thơ trên, không hề là hình ảnh đại diện hay “thay mặt” cho tác giả. Nó cũng không giữ một vai trò mang tính ẩn dụ (metaphor) nào. Nó là chính nó. Nó là một phần của cái *không gian buồn bã* - - Như một điểm nhấn (making a point) sinh động trong bài thơ (bức tranh) đẫm ướt mùa thu này.

Cũng thế, mở đầu bài thơ *Thuyền Đi*, Huy Cận viết:

“*Thuyền đi, sông nước ưu phiền;
Buồm treo ráng đỏ giông miền viễn khơi.
Sang đêm thuyền đã xa vời;
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh buồn.*”

Ông dẫn người đọc đi thẳng vào bài thơ (đúng hơn vào không gian thơ) của ông mà, không cần một rào đón, chuẩn bị tâm lý nào cho người đọc. Suốt bài thơ, người ta cũng không thấy dù thấp thoáng chủ thể (nhân vật) như Lục bát cũ.

Ngay bài *Buồn Đêm Ma*,” một trong vài bài Lục bát được nhiều người biết đến nhất của Huy Cận thì, nhân xưng đại danh tự “*Ta*,” xuất hiện duy nhất một lần trong bài thơ, cũng không phải là cái “*Ta*” của chủ thể. Hay cái “*Ta*” của nhân vật. Mà cái “*Ta*” phiếm-chỉ trong bài thơ, chỉ là chiếc cầu nối, giữa trời đất, và cảm thức nhỏ bé của con người trong bao la mà thôi. Người đọc không thấy một Huy Cận riêng tư nào trong toàn thể bài thơ:

“*Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la...
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn...*”

Lại nữa, nếu phải đi tìm một “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt cõi giới Lục bát Huy Cận thì đó là tinh thần hoài cổ, rất gần với khí hậu thơ Bà Huyện Thanh Quan thuở trước:

“*Đồn xa quân quai bóng cờ
Phát phơ buồn tự thời xưa thổi về*”
(Trích “Chiều xưa”, Huy Cận.)

Nó đúng như tinh thần hai câu thơ nổi tiếng của ông:

“*Một chiếc linh hồn nhỏ
Mang mang thiên cổ sầu.*”
(Trích “Ế Chè,” Huy Cận.)

Theo tôi, đó là những nét đặc thù trong Lục bát Huy Cận. Còn lục bát Cung Trầm Tưởng thì sao?

Trường Phái Lục Bát Cung Trầm Tưởng

Tôi không biết có phải định mệnh đã mang đến cho sinh hoạt văn chương của chúng ta, một hạnh ngộ giữa lục bát Huy Cận và, lục bát Cung Trầm Tưởng? Hay đó là “bước trùng” của hai tài thơ lớn ở thể thơ truyền thống, đặc thù Việt?

Với tôi, Cung Trầm Tưởng không chỉ đi tiếp con đường lục bát Huy Cận mà, họ Cung còn đẩy vận hành của một chu kỳ lục bát tới chỗ rớt rạo của nó. Hai chữ “rớt rạo” tôi dùng ở đây, xin hiểu theo nghĩa Cung Trầm Tưởng, bằng vào tài hoa và trí tuệ của mình, đã hoàn tất một thời kỳ lục bát. Đem lục bát ra khỏi bóng rợp của giai đoạn lục bát-kể-chuyện, kéo dài mấy trăm năm, kể từ khởi điểm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

Tuy vẫn xây dựng lục bát của mình trên căn bản nhịp chẵn: 2- 2 - 2 cho câu sáu và, 2 – 2 – 2 - 2 cho câu tám:

“Bù em/ góp núi/ chung đồi (2-2-2)

“Thieu nương/ đốt lá cũng rồi/ hoang sơ” (2-2-2-2)

(“Kiếp sau,” CTT.)

Hoặc nhịp đều 3-3 cho câu sáu, 4-4 cho câu tám:

“Ôi thông xanh/ ôi hồng đào (3-3)

“Phong rêu mấy thuở / hồn nào không đau” (4-4)

(“Thu ngày,” CTT.)

Nhưng lục bát Cung Trầm Tưởng đã vượt khỏi cái không gian núi, đồi, cồn, bãi, sông, nước, mây, gió, trăng, sao... của lục bát Huy Cận:

“Bỗng dưng buồn bã không gian

“Mây bay lững thấp giăng màn âm u

(H.C.)

Hay:

“Canh khuya tạnh vắng bên cồn

“Trăng phơi đầu bãi, nước dồn mênh mang.”

(H.C.)

Theo tôi, những hình ảnh như núi, đồi, cồn, bãi, sông, nước, mây, gió, trăng, sao... đó, nếu không đi liền với những liên tưởng là những hình ảnh, những biểu-ngữ (signifier) hoặc những hoán dụ (metonymy) thì chúng chỉ là những sáo ngữ, đã bị “cliché.” Chúng thiếu sinh khí. Rời xa đời thường. Không cùng nhịp đập thời đại. Không chủ thể. Và, khi toàn bộ hồn vía bài thơ chỉ bằng lăng những đám mây hoài cổ thì, nó sẽ khó có được cho nó tính nhân loại!

Cung Trầm Tường, ngược lại. Chẳng những ông công khai ném mình ra “tiền trường” của thổ-ngôi bài thơ với một thời gian, không gian chuẩn xác:

*“Mưa rơi đêm lạnh Saigon
“mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi”
 (“Đêm sinh nhật,” CTT.)*

Mà, ông còn đem hình ảnh tạp của đời thường, hợp hôn với những ý niệm siêu hình vào trong thơ của mình, như:

*“Bãi nhãn nhàu vết lãn xưa
“Một xe thổ mộ giờ trơ gỗ gầy.”
 (“Đất Nghĩa một chiều mưa,” CTT.)*

Hoặc:

*“Quả đào chín vỡ làm đôi,
“Tôi nhân tiền sử nằm phơi trần trướng.”
 (“Nằm xanh,” CTT.)*

Hoặc nữa:

*“Bát cơm miếng chấy khô vàng,
“Miếng chua khó nuốt, đĩa đàng khó lên.”
 (“For rent,” CTT.)*

Hay, đời thường một cách nhân loại hơn:

*“Trời hay thu khóc ủ ê?
“Cổ cao áo kín đi về đường tôi.”
 (“Đêm sinh nhật,” CTT.)*

Với “cổ cao áo kín đi về đường tôi,” họ Cung đã san bằng khoảng cách giữa thi sĩ và người đọc. Nó là phản ứng tự nhiên của con người (dù ở đâu,) trước thời tiết.

Thêm nữa, mỗi con chữ trong câu thơ “cổ cao/ áo kín/ đi về/ đường tôi,” nếu đứng riêng, chúng là những biểu-ngữ xác tín cá tính chủ thể. Nhưng khi đứng chung trong dòng chảy của một nguồn mạch ngữ nghĩa thì, chúng lại là một liên lập hình ảnh vừa ẩn dụ (metaphor) vừa hoán dụ (metonymy) như một xâu chuỗi lấp lánh tu từ (rhetoric).

Chỉ cần một chút chú ý, người đọc sẽ gặp được rất nhiều những xâu chuỗi lấp lánh tu từ như thế, trong lục bát họ Cung.

Thí dụ:

*“Mình tôi với phố non cao
Tàu như dưới tỉnh núi còn vọng âm.”*
(“Khoác kín,” CTT.)

Hoặc:

*“Muối nồng vị mặn tình quê
Sóng ôm nguyên gói biển về tặng tôi.”*
(“Quà biển,” CTT.)

Ở đây, tôi xin được mở một ngoặc để nhấn mạnh, bài thơ trên, họ Cung viết từ năm 1962. Nhưng với hai chữ “nguyên gói” thì nó giống như ông mới viết hôm nay, 2012 vậy.)

Cũng vẫn khởi đi từ tài hoa làm mới, làm giàu ngôn ngữ Việt, lục bát Cung Trầm Tường thơm tho những xâu chuỗi tu từ, như:

*“Trời nóng chặt nỗi thu phiên
Hồn cây hồng mộc ngợp miền thu Tây.”*
(“Thu ngâu,” CTT.)

Hoặc nữa:

*“Thôi em xanh mắt bỏ câu
Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.”*
(“Kiếp sau,” CTT.)

Ở 2 câu lục bát trong “Thu ngậy,” thì “nong” là động từ cụ thể. Trên nguyên tắc “nong” phải đi liền với một bổ túc từ cũng cụ thể. Nhưng Cung Trầm Tưởng đã làm một cuộc cách mạng ngôn ngữ (cho riêng ông.) Khi bổ túc từ theo sau động từ “nong” của ông, lại là một cụm từ trừu tượng: “nong... chặt nổi ưu phiền.”

Cũng thế, khả năng khoác cho chữ nghĩa một linh hồn mới của họ Cung, còn rõ ràng, dễ nhận thấy hơn nữa, qua câu thơ:

“Thôi em xanh mắt bồ câu.”

Đơn giản, nếu phải so sánh hay liên tưởng màu xanh đôi mắt người yêu của mình, người ta thường nghĩ ngay tới màu xanh đại dương, màu xanh mây trời... Tôi chưa thấy ai so sánh màu xanh đôi mắt người yêu của mình với màu... xanh của mắt... bồ câu! Mặc dù, tới nay, nhân loại chưa phát hiện một loại bồ câu nào có đôi mắt màu... xanh!

Lại nữa, tôi nghĩ, ngay với thơ lục bát bây giờ, chúng ta cũng khó thấy những câu thơ lãng mạn, pha lẫn chút tự trào, như:

*“Chờ em anh để râu xanh
“Lông xây bốn bức tường thành giam em.”
“Râu xanh,” CTT.)*

Hoặc:

*“Tặng em một gã lo xa,
“Vành trắng tươm tất, bình hoa bày bàn.”
“Lần thân,” CTT.)*

Cũng như nỗ lực nhân cách hóa đẹp tới bất ngờ, như:

*“Sóng dâng còn ngán môi kẻ
“Đêm hôn bãi nhớ, sớm về viễn khơi.”
“Quà biển,” CTT.)*

Tuy nhiên, quan trọng hơn, đáng kể hơn nữa, vẫn theo tôi thì, tài hoa và trí tuệ Cung Trầm Tưởng nằm nơi nỗ lực cởi bỏ giới-hạn-không-gian-lục-bát - - Để từ đó, nhân loại tính hiện ra như một cuộc “giải phóng” triệt để, quyết liệt.

Chúng tôi xin bạn đọc lại một lần nữa câu thơ:

“Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.”

Đó là một câu thơ vẫn mang tính liên lập hình ảnh (vừa ẩn dụ, vừa hoán dụ) như một chuỗi lấp lánh tu từ, rất Cung Trầm Tưởng... Nhưng ở phương diện ngữ-nghĩa thì “tóc vàng sợi nhỏ” là một thứ thể nhận dạng Tây Phương. Cũng ý đó, cụ thể hơn, một năm sau (năm 1957,) ông viết:

*“Thôi Diane điểm kiêu Âu,
“Mẫu hình yếu điệu xin hầu kiếp sau.”*
(“Kiếp sau nữa,” CTT.)

Tóm lại, Cung Trầm Tưởng không chỉ đi tiếp con đường lục bát Huy Cận mà, ông còn đẩy vận hành của thời kỳ lục bát mới, tới những không gian, những ngữ-cảnh, ngữ-nghĩa mà trước đó, lục bát không hề có.

Nếu không có cuộc “giải phóng” lục bát một cách dứt khoát, quyết liệt của họ Cung, đồng nghĩa với nỗ lực kết thúc chu kỳ vận hành của một thời kỳ lục bát, tôi e hôm nay, chưa chắc văn học Việt đã có thể bước qua một thời kỳ lục bát khác nữa, như đã thấy.

Nhìn lại 20 năm văn học, nghệ thuật miền Nam, trong lãnh vực thi ca, chúng ta có khá nhiều nhà thơ thành danh nhờ ứng dụng xuất sắc kỹ thuật, cũng như cải biên (modify) hình ảnh, ý tưởng của một số thi sĩ nổi tiếng của Âu châu - - Nhưng với thể thơ truyền thống, đặc thù lục bát thì, đóng góp của họ Cung cho thể thơ thuần Việt này, là một đóng góp cực kỳ to lớn. Mức độ to lớn ở đây, còn được đo định bằng sự kiện có nhiều nhà thơ đã hân hoan đi theo con đường lục bát Cung TrầmTưởng!

Vì thế, nếu lục bát của họ Cung có được coi là một “trường phái” - - “Trường phái lục bát Cung Trầm Tưởng,” thì tôi nghĩ, cũng không là một lời nói quá!

Du Tử Lê (Sept. 2nd 2012.)

Chú thích:

1. Theo tuyển tập “Cung Trầm Tưởng Một Hành Trình Thơ (1948-2008)” do nhà Tiếng Quê Hương, Hoa Kỳ, ấn hành 2012 thì, nhà thơ Cung Trầm Tưởng tên thật là Cung Thúc Cần, sinh ngày 28 Tháng Hai, 1932 tại Hà Nội. Ông là cựu sĩ quan cấp tá của

quân chủng Không Quân Việt Nam Cộng Hoà. Sau 10 năm tù cải tạo và 3 năm bị quản chế, ông cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1993.

2. Họa sĩ Ngy Cao Uyên, tên thật Nguyễn Cao Nguyên, tốt nghiệp ngành Cơ Khí Không Quân tại Pháp, như Cung Trầm Tưởng. Ông là chủ tịch đầu tiên của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, Saigon, 1966. Ngy Cao Uyên hiện cư ngụ tại tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ.

3. Theo Wikipedia thì tác giả *Truyện Kiều* sinh năm 1765, mất năm 1820. Ngoài *Truyện Kiều* Nguyễn Du còn để lại một số tác phẩm tiêu biểu như: *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*. *Văn Tế Sống Hai Cô Gái Trường Lưu*. *Thác Lờ Trai Phường Nón* (bằng chữ Nôm). Ba tập thơ chữ Hán là: *Thanh Hiên Thi Tập*, *Nam Trung Tọa Ngâm*, và *Bắc Hành Tọa Lục*.

4. Nhà thơ Nguyễn Bính tên thật là Nguyễn Trọng Bính. Ông sinh 1918, mất năm 1966)

5. Nhà thơ Huy Cận tên là Cù Huy Cận. Ông sinh năm 1919, mất năm 2005.



Từ trái qua: Phó Ngọc Văn, Du Tử Lê, Cung Trầm Tưởng, Ngọc Dũng, Ngô Phi Đạm

Cung Trầm Tưởng – Tiếng Việt, Lời Thơ

**** Bùi Ngọc Tuấn ****

Chúng ta may mắn nói tiếng Việt Nam, bởi vì tiếng Việt đơn âm và giàu thanh điệu. Những nguyên âm với 5 dấu giọng; Sắc Huyền Hỏi Ngã Nặng, một âm tiếng chẳng những thay đổi ý nghĩa mà còn chuyển nhạc điệu. Ví dụ thường dùng nhất là chữ: Ma, Mà, Mả, Mã, Mạ. Ngoài trừ chữ l, 4 nguyên âm kia còn đổi thanh và nghĩa như A thành Ầ hay Ẫ, E thành Ê, O thành Ơ, thành Ô, U thành Ư.

Tiếng Việt lại còn giàu trong cách diễn tả, cùng một ý mà có nhiều cách diễn tả khác nhau, bằng nhiều tính từ khác nhau, mang theo những âm điệu khác nhau, gọi lên những hình ảnh khác nhau và cũng vì thế mang nhiều cường độ khác nhau. Những chữ kép còn hoán chuyển vị trí, gọi lên những ý tình, những cung bậc khác nhau, như thiết tha và tha thiết, say đắm và đắm say, ngơ ngẩn và ngẩn ngơ, quên lãng và lãng quên, ai dám nói rằng cảm thông đồng nghĩa với thông cảm...

Vì thế tiếng Việt là một ngôn ngữ của thơ, vì thế người nói tiếng Việt nào cũng yêu thơ, đọc thơ, làm thơ. Những thi sĩ chẳng những có nhiều vần điệu, có nhiều tính từ, nhiều cách diễn tả khác nhau để xử dụng mà lại còn nhiều vật liệu để tạo ra nhiều cách diễn tả giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu khác nhau, du dương hơn, xoáy động hơn.

Với những ngôn ngữ khác: người ta đọc thơ, còn với tiếng Việt, ngoài đọc thơ người ta còn ngâm thơ. Tuy nhiên, nên để ý rằng, tiếng Việt nói: “soạn nhạc”, “viết văn”, nhưng không nói “viết thơ” mà nói “làm thơ”. Vì sao thế? Vì thi sĩ, thường bị dày vò, bần khoản, trắc trở lâu mới làm được bài thơ. Cái quá trình làm thơ thường rất dài, thường rất nhiều tìm kiếm, chọn lựa, thay đổi, vứt bỏ. Người đọc có được bài thơ hay không biết rằng lời thơ nhẹ nhàng hay nồng nàn, đắm say hay đau xót đã từng làm thi sĩ trăn trở rất nhiều mới nên. Người xưa nói làm thơ là lao tâm khổ tứ là vì thế. “Viết” là bày tỏ ý tưởng, “Làm” là sáng tạo, là dựng lên một cái gì trước đó chưa hề có. Vì là ngôn ngữ của thơ cho nên tiếng Việt mới không nói “viết thơ” như những ngôn ngữ khác, mà nói chính xác là “làm thơ”. Có những vần thơ Cung Trầm Tưởng làm xong, đăng báo, xuất bản, nhưng vẫn cứ tiếp tục sửa đổi.

Những thi sĩ có tài là những phù thủy của ngôn từ. Trong số đó, Cung Trầm Tưởng là một trong những phù thủy của ngôn từ tài ba bậc nhất. Thơ Cung Trầm Tưởng từ khởi đầu, đến bây giờ, xuất 60 năm tràn đầy những tác phẩm mà tiếng Việt được xử dụng tài tình và được sang tạo tài tình.

Ngày trước, đề nghị ca tiếng Việt, thi sĩ Trần Tuấn Kiệt, trong lời mở đầu của tác phẩm Tiếng Đồng Nội đã viết rằng: Cấm dịch tác phẩm này sang bất kỳ một ngôn ngữ nào khác. Để người đọc phải đọc bằng tiếng Việt, ngôn ngữ đẹp nhất của nhân loại. Ông chắc không sai.

Thơ Cung Trầm Tưởng cũng thế, cũng là những tác phẩm tuyệt vời nghị ca tiếng Việt. Tôi xin nói về Cung Trầm Tưởng bằng vài chữ giản dị: “Cung Trầm Tưởng, tiếng Việt, lời thơ”.

Sao biết thế nào là một vần thơ hay? Vì khi đọc thơ, ta có niềm rung động chẳng? Hãy phân tích ra xem. Để làm gì? Đọc thơ để cảm xúc chưa đủ sao? Phân tích để nâng trí hiểu biết ngõ hầu nhận biết được niềm cảm xúc, và hơn thế nữa, để nâng cao niềm cảm xúc lên nhiều cung bậc cao hơn, để nâng trình độ thưởng ngoạn thơ cao hơn.

Những yếu tố chính của bài thơ hay là gì? Thơ Cung Trầm Tưởng có những yếu tố gì?

Thơ hay vì giàu với 5 yếu tố:

1. Ý – thơ không ý thì trơ trẽn
2. Tình – thơ nghèo tình thì nông cạn, thiếu sức cảm xúc
3. Nhạc điệu – thơ kém nhạc điệu thì kém du dương, kém sức lôi cuốn
4. Hình ảnh – thơ không hình ảnh thì nghèo nàn, không khơi động được trí tưởng
5. Cách tạo chữ – kém tạo chữ thì không làm giàu được nhạc điệu, hình ảnh, không đầy động được ý tình.

Hãy đọc thơ Cung Trầm Tưởng, suốt từ khởi đầu, từ 60 năm trước, vần thơ nào của ông cũng phong phú đủ 5 yếu tố trên. Không những phong phú mà thôi, mà phong phú với sự sáng tạo riêng, đặc biệt Cung Trầm Tưởng. Đúng đầu, một mình, một cõi.

Tôi không bao giờ gặp Cung Trầm Tưởng ở Việt Nam, ông lớn tuổi hơn tôi, và ngoài thơ ra, chúng tôi sống trong hai thế giới khác nhau. Khi anh đã dựng nên sự nghiệp, tôi vẫn lang thang như một chàng phiêu lãng. Nhưng khi gặp nhau ở Minnesota lần đầu tiên, khoảng 10 năm trước, tôi thấy như gặp lại bạn xưa. Cũng chính vì trong bao năm qua tâm tư tôi tràn ngập thơ Cung Trầm Tưởng. Là một nhà thơ, cuộc đời là ngôn ngữ, tâm tình là ngôn ngữ, nên Cung Trầm Tưởng cũng giao tình bằng ngôn ngữ.

Trong bài thơ: “Nửa đêm đàn vọng cung trầm, buồn như ly khách” tôi có vài câu thơ như:

*Vời đêm vọng lệ tìm nhau
Nhưng giòng tâm tưởng, nhưng câu lặng hồn*

Và

*Đêm trường thoáng gió ngoài sân
Trăng lu, sương nhạt, đàn ngân cung trầm*

Khi viết tặng tôi tập “Một Hành Trình Thơ”, Cung Trầm Tưởng viết rằng:

‘Thân tặng Thi Sĩ Bùi Ngọc Tuấn của “đàn ngân cung trầm”, “những dòng tâm tưởng, những câu lặng hồn”. Cung Trầm Tưởng, Minnesota ngày 5/5/2012’

Thủa đó, tôi còn là một gã thiếu niên ở Saigon, Cung Trầm Tưởng ở Pháp về, xuất bản tập thơ “Tình Ca”, với tranh Ngy Cao Uyên là phụ bản, với nhạc phổ của Phạm Duy. Gã thiếu niên ấy có những ngày tháng tuyệt vời đọc, cảm và yêu thơ Cung Trầm Tưởng. Yêu bài “Kiếp Sau”. Rồi một tối trời mưa, từ trên đài phát thanh Saigon, vang lên giọng ngâm nồng nàn, tha thiết của Tô Kiều Ngân với bài “Kiếp Sau”. Gã thiếu niên là tôi càng say đắm hơn trong ý, trong tình, trong nhạc điệu, trong hình ảnh, trong lối dùng chữ, tạo chữ tuyệt vời của Cung Trầm Tưởng. Trong 6 bài thơ mà Phạm Duy phổ nhạc trong tập thơ này. 3 bài được hát thường là Bài Tiễn Em (từ bài thơ Chưa Bao Giờ Buồn Thế), bài Mùa Thu Paris, bài Khoác Kín, nhưng bài Kiếp Sau (mặc dù rất hay) nhưng lại hiếm khi được nghe.

Bởi vì sao? Tôi cho rằng cái ý, cái tình trong bài thơ này đòi hỏi nó phải được đọc lên trong nhạc điệu riêng mà Cung Trầm Tưởng đã tạo ra, khó diễn tả bằng âm nhạc. Dù rằng cả thơ lẫn nhạc đều giàu nhạc điệu, hình ảnh. Nhưng hát xong rồi thì điệu hát ngừng, còn thơ đã đọc xong mà vẫn vang vọng mãi. Câu thơ đọc xong, cũng như tiếng cồng vừa đánh rồi mà âm vọng cứ ngân mãi.

Nếu bạn yêu thích những bản nhạc Phạm Duy đã phổ thơ Cung Trầm Tưởng, thì tôi chắc rằng khi đọc nguyên bản những bài thơ đó bạn mới biết rằng những bài thơ ấy hay biết chừng nào. Phạm Duy là một kỳ tài trong số những nhạc sĩ có tài phổ nhạc vào thơ. Nhưng nhạc của âm nhạc dù gần mà vẫn khác cái nhạc điệu linh động, uyển chuyển và vang vọng của thơ.

Đây là lời ca bài “Tiễn Em”:

*Hôn nhau phút này
Chia tay tức thì
Em ơi! Khóc đi em, Khóc đi em
Sao rơi rớt rụng, vai em ướt mềm
Em ơi khóc đi em, khóc đi em.*

Còn đây là đoạn nguyên thủy trong bài thơ “Chưa bao giờ buồn thế”:

*Hôn nhau phút này rồi chia tay tức khắc
Khóc đi em, khóc đi em
Để luồn qua tóc rối
Những vì sao rụng ướt vai mềm.*

Hay câu thơ đầu trong bài “Kiếp Sau”:

*Bù em một tháng trời gần
Đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi.*

Phạm Duy phải đổi thành: Đền em một tháng trời gần, đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi. Trong tiếng Việt chữ “đền” tuy gần nhưng lại không cùng nghĩa như chữ “bù”. Đền là để hoàn lại cái gì đã lấy mất đi. Trong khi đó chữ “bù” lại có nghĩa là bồi thêm, đắp thêm vào cái có sẵn. “Đền” là thụ động, “bù” là chủ động. Về nhạc điệu “Bù em một tháng trời gần” gợi thêm chan chứa tình yêu thương, và nghe du dương tha thiết hơn. Nhưng Phạm Duy không thể đưa nguyên câu thơ đó vào nhạc được. Vì người nghe nhạc không có kíp thì giờ để nhận được cái vang vọng của lời thơ.

Cũng như vậy, một đêm mưa gần đây, trong lúc xa nhà, ở trong phòng một khách sạn miền Tây. Tiếng mưa nhịp đều trên cửa kính. Nằm yên trong bóng tối, chợt tự sâu thẳm trong trí tưởng, vang lên bài thơ Sinh Nhật của Cung Trầm Tưởng, và vọng lên những đêm mưa của hè phố Saigon. Lần nữa, bạn hãy đọc bài thơ này để thấy ý, thấy tình, thấy nhạc điệu, thấy hình ảnh, thấy tài dùng chữ của Cung Trầm Tưởng.

Đêm Sinh Nhật

*Mưa rơi. Đêm lạnh. Sài Gòn
Mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi
Mưa hay trời cũng thế thôi
Đời nay biển lạnh. Mai bồi đất hoang
Hồn tu kín xứ đã mang*

*Chóng hao tâm thể, sớm vàng lượng xuân
Niềm tin tay trắng cơ bản
Cuối hoàng hôn lịm bóng thần tượng xưa
Đêm nay trời khóc trời mưa,
Gió lùa ẩm mực, trời đưa thu về.
Trời hay thu khóc ủ ê?
Cổ cao áo kín đi về đường tôi*
1961

Trong lời bình tác phẩm Tây Sương Ký, Kim Thánh Thán, đời nhà Thanh nói về phép làm thơ, cũng như phép vẽ tranh: “Vẽ mây, nẩy trăng”. Người vẽ giỏi, người làm thơ tài ba, vẽ giải mây mà người xem thấy vàng trăng.

Phép “vẽ mây, nẩy trăng” chính là phương thuật mà khi biết xử dụng, người làm thơ viết được những câu thơ xoáy động lòng ta. Là một phù thủy ngôn ngữ, Cung Trầm Tưởng xử dụng phương pháp này tài tình và tinh tế vô cùng. Hãy lấy một bài, như bài “Thầm Lặng”, trong bài không có một chữ thơ, chữ buồn, chữ cô đơn, chữ sáng tạo... Bài thơ đầy hình ảnh của đời sống xuôi chảy, của sáng nắng, đêm khuya, của hoàng hôn tươi thắm, của rạng đông tươi hồng, của trẻ thơ, của mẹ hiền. Đó là những giải mây, đọc rồi ta sẽ thấy vàng trăng, ta sẽ thấy Cung Trầm Tưởng nói về tâm tư của người làm thơ: một mình lặng lẽ đau đớn với phận người trần đầy khắc khoải giữa giòng sông xuôi chảy không ngừng. Mọi vật thủy đều theo luật “Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàn” riêng nỗi lòng của nhà thơ ngàn đời không đổi. Ngàn đời buồn cho kiếp người, ngàn đời đau cho cuộc đời. Bạn hãy tìm đọc bài thơ ấy, khi ngồi một mình, hay bạn có thể đọc bất kỳ bài thơ nào khác của Cung Trầm Tưởng, bạn cũng sẽ nhìn thấy những vàng trăng của thi sĩ lồng lộng sang sau giải mây bạc vắt ngang trang giấy.

Hình như chỉ có tiếng Việt, đơn âm, giàu thanh điệu mới nẩy sinh được thể thơ lục bát, thể thơ độc nhất dùng yêu vận. Chữ thứ 6 của câu 8 chữ, vần với chữ cuối của câu thơ 6 trên đó:

*Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn – trông sao, sao mờ*

Ca Dao Việt Nam trong nhiều trăm năm (hay nhiều nghìn năm) tràn đầy những lời thơ lục bát của người dân thôn làng, mà đến thế kỷ 19, Nguyễn Du đã thăng hoa trong truyện Kiều. Rồi lục bát được đổi mới không ngừng, với những nhà thơ như Huy Cận của đầu thập niên 1940, của Viên Linh, của Hoài Khanh của thập niên 1960. Nhưng

cũng từ thập niên 1950, Cung Trầm Tưởng là người mang lại sinh khí mới, sắc thái mới, hình ảnh mới, chữ dung mới và cả nhạc điệu mới cho thơ Lục Bát. Từ những bài thơ của 1954, 1956, 1958....1960, 1962, 1965, cho đến những bài thơ mới làm gần đây. Lục bát của Cung Trầm Tưởng vẫn giàu sắc thái mới của Cung Trầm Tưởng mà cũng vẫn đầy sáng tạo, nhạc điệu vẫn đổi mới mà cũng vẫn uyển chuyển, vẫn tràn đầy hình ảnh của đời sống đương thời.

Hãy đọc từ những bài thơ của thời trẻ tuổi, của thập niên 1950 trong tập thơ Tình Ca, hãy lấy một bài, bài nào cũng được, ví dụ bài tôi yêu nhất trong tập này là bài “Kiếp Sau”.

Kiếp Sau

*Bù em một tháng trời gần
Đơm hoa kết mộng cũng ngân ấy thôi.
Bù em góp núi chung đồi,
Thiên nương đốt là cũng rồi hoang sơ.
Bù em phát phối buồn thơ,
Vẫn e gió trở ngược bờ sông thương.
Bù em một tháng thiên đường
Mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu
Non sông bóng mẹ sầu u
Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái đầu.
Thôi em xanh mắt bỏ câu,
Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau
1956*

Hãy đọc những câu thơ của 1954:

*Mùa Đông tuyết xứ hoang vu
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn.*

(hãy chú ý: Mùa Đông tuyết xứ hoang vu chứ không phải là Mùa Đông xứ tuyết hoang vu. Vì nếu nói xứ tuyết hoang vu, thì không những hình ảnh trở nên nghèo nàn mà nhạc điệu cũng trở nên tầm thường. Cùng trong bài này, hãy để ý: “tàu như dưới tỉnh núi còn vọng âm”. Nếu không phải là chữ “như “ mà là một chữ nào khác (đi, xa, bon....) thì là câu thơ tầm thường, câu thơ của một tay mơ. Câu thơ xác quyết, tro trên, nông cạn “Tàu như dưới tỉnh” gọi hình ảnh mơ hồ, tàu đang chạy trong tâm tư người hay tàu đang chạy trên đường. Có thật tàu đang chạy dưới đó không, hay đã xa

rồi, hay chưa đến tình? Tiếng vang vọng của tàu trong thung lũng, trên sườn núi hay tiếng vang vọng của những chuyến tàu của kỷ niệm, trong ý tình? Đọc thơ Cung Trầm Tưởng phải thấy rằng cái rung cảm của mình nảy sinh từ nghệ thuật dùng chữ của Cung Trầm Tưởng đã mang đến những hình ảnh linh động, những tình ý man mác, bao trùm, những nhạc điệu tha thiết mà cuồng sôi.)

Hay của 1956:

*Thôi em xanh mắt bồ câu
Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau*

Hay của 1965:

*Gót gờ rớt chín phân vân
Để sau một hóa mười lần đến anh*

của 1984:

*Mai sau ngủ giấc cây sồi
Làm thiên thu chiếc miếu ngời thờ em*

Hay:

*Mắt chiều hun hút sân ga
Còn cầm tay đã mất và nhớ nhung*

đến Minnesota 1995:

*Ngủ trùm vùng tường hồng hoang
Rung rinh cong tốn thời gian dọn mình*

Thi sĩ Viên Linh, người bạn, người cùng Cung Trầm Tưởng làm sang rục thơ lục bát từ thập niên 1950, 1960 ở Saigon, kể rằng chẳng những bài thơ Sinh Nhật của Cung Trầm Tưởng rung động ông đến mức, mỗi năm đến ngày sinh nhật của mình ông vẫn thường thấy vang vọng trong hồn bài thơ “Đêm Sinh Nhật” của Cung Trầm Tưởng.

Viên Linh còn kể rằng, thơ Cung Trầm Tưởng chấn động ông đến mức năm 1994, khi sang Pháp, Viên Linh đã tìm đến ga Lyon để sống cái tâm tưởng của Cung Trầm Tưởng 40 năm trước:

*Ga Lyon đèn vàng
Tuyết rơi cuồng mênh mang
Cầm tay em muốn khóc
Nói chi cũng muộn màng*

Hình như Cung Trầm Tưởng là thi sĩ độc nhất dùng thơ lục bát để ca ngợi tình yêu với một thiếu nữ “mắt nâu, tóc vàng”. “Người em mắt nâu, tóc vàng sợi nhỏ” đó nay đâu? Trong tâm tư những người yêu thơ Việt, yêu thơ Cung Trầm Tưởng, lúc nào thiếu nữ này cũng muôn đời là một cô gái tuổi đôi mươi thấp thoáng ẩn hiện với vẻ đẹp dịu dàng, muôn đời, muôn kiếp không lớn lên, không thay đổi. Người ta thường nói, người yêu của thi sĩ cũng bất tử như chính thi sĩ là thế.

Cung Trầm Tưởng có những bài thơ Lục Bát dài mười câu, những cũng có những bài dài, rất dài như bài “Bài Ca Núi Quan Tài”, gồm 18 đoạn, mỗi đoạn dài 50, 60 câu hay hơn trăm câu. Bài thơ này được viết sau 10 năm tù cải tạo, và được bạn ông dấu được sang Hoa Kỳ, vào cuối thập niên 1980. Đây là bài thơ ta phải đọc để hiểu để cảm, để cùng đau xót với người Việt, nước Việt, với tấm lòng Cung Trầm Tưởng.

Muốn biết cái hay của tiếng Việt, phải đọc thơ Lục Bát, muốn đọc thơ Lục Bát hay, phải đọc thơ Cung Trầm Tưởng, không phải đọc một bài, mà phải đọc toàn tập. Đọc toàn tập mới thấy được nhiều nhạc điệu luân chuyển, nhiều ảnh hình biến hoá, nhiều ý thiết tha, nhiều tình tha thiết. Đọc thơ Cung Trầm Tưởng để biết cách dùng tiếng Việt.

Cuối thập niên 1930, Phạm Quỳnh từng nói: “Tiếng ta còn, thì nước ta còn” Than ôi! tiếng Việt ta còn không? Ở Việt Nam, và cũng ở trên báo chí, truyền thanh truyền hình ở hải ngoại, chỉ có một thứ tiếng Việt ngớ ngẩn với những chữ tối tăm, lối nói nặng nề, sai cả ngữ pháp. Tiếng Việt vốn trong sáng, nhưng bây giờ, thay vì nói “tốt” người ta nói “có chất lượng”, thay vì nói “ghi tên” thì lại nói “đăng ký”, thay vì nói “có” thì lại nói “sở hữu”, như thay vì nói “cô gái ấy có một gương mặt đẹp” lại nói “cô gái ấy sở hữu một gương mặt đẹp”.

Có phải nước Việt Nam còn mà như mất, vì có phải tiếng Việt đang tàn lụi chẳng?

Xin đọc thơ Cung Trầm Tưởng, để giữ gìn tiếng Việt.

Bùi Ngọc Tuấn

Một Hành Trình Thơ 1948-2008 của Cung Trầm Tưởng

Tuyết Mai – 31/10/2012 Virginia



Trong hơi sương của một chiều Thu ẩm đậm, hơn ba trăm đồng hương yêu thơ đã đến dự bữa ăn trưa và hàn huyên với Thi sĩ Cung Trầm Tưởng, nhân dịp phát hành thi tập “Một Hành Trình Thơ 1948-2008” của ông, vào lúc 11 giờ trưa ngày 28 tháng 10, 2012 tại Nhà hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia.

Trong số hơn ba trăm quan khách này có một số chiến hữu Không Quân và đàn em của Thi sĩ trong QLVNCH. Ngoài ra cũng có sự tham dự của rất nhiều văn nhân thi sĩ và các hội đoàn trong vùng Hoa Thịnh Đốn. Đây là một chương trình văn thơ thật đặc biệt, được tổ chức rất quy mô bởi Ban tổ chức gồm Thi sĩ Hoàng Song Liêm, Luật sư Phạm Đức Tiến, Nhà văn Lê Thị Nhị. Sân khấu được điều hành và trang trí đẹp đẽ do Hoàng Dung, Bùi Dương Liêm; MC Nam Anh giới thiệu; Luật sư Phạm Đức Tiến điều hợp. Chương trình rất sống động, lôi cuốn khán giả theo dõi một cách thích thú từ đầu đến cuối.

Trong phần mở đầu, Nhà thơ Hoàng Song Liêm giới thiệu mối thâm giao giữa ông và Thi sĩ Cung Trầm Tưởng. Cung Trầm Tưởng sinh năm 1932, ở Hà Đông, thuộc Hà Nội. Cả hai Hoàng Song Liêm và Cung Trầm Tưởng đều bắt đầu có thơ đăng trên các báo Hà Nội ở tuổi 16. Cả hai thuộc thời kỳ văn học 1948-1954, thế hệ nối tiếp giữa văn thơ tiền chiến và văn học Miền Nam.

Ở Hà Nội, Cung Trầm Tưởng học ở Trung Học Pháp Albert Sarraut, vào Nam ông học ở Chasseloup Laubat và gia nhập Không quân QLVNCH. Ông tốt nghiệp kỹ sư Không Lưu Khí Tượng ở Trường Võ Bị Không quân Pháp Salon de Provence. Sau đó ông

qua Mỹ, tốt nghiệp ở Đại học St. Louis, Missouri. Ông Hoàng Song Liêm du học ở Mỹ, ngành Kỹ thuật bảo trì phi cơ. Cả hai trở thành đôi bạn thân vì đã biết tiếng nhau từ trước và sau này cùng trong Không Quân, :Cung Trầm Tường là Trưởng Phòng Nghiên Cứu Kế Hoạch, Hoàng Song Liêm là Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến.

Năm 1959, Cung Trầm Tường ra mắt tập “Tình Ca” do Phạm Duy phổ nhạc các bài thơ tình nổi tiếng như “Tiễn Em”, “Mùa Đông Paris”, “Bên Ni Bên Nó”... Năm 1975, Cung Trầm Tường bị tù CS mười năm thêm ba năm quản chế. Ông qua Mỹ năm 1993, định cư ở Minnesota.

Chương trình được nối tiếp với phần trình diễn thơ của Cung Trầm Tường do Phạm Duy phổ nhạc. Sĩ Tuấn trong nhạc phẩm “Tiễn Em”, Tuyết Lan trong “Kiếp Sau”, Nguyễn Xuân Thuởng ngâm thơ “Vô vàn”, Bạch Cúc “Bên Ni, Bên Nó”.

Diễn giả Trần Văn Thế, một cựu sĩ quan trong QLVNCH giới thiệu thơ của Thi sĩ Cung Trầm Tường. Ông Thế nói, đằng sau trái tim nồng ấm, dáng dấp hào hoa, phong cách đa tình, Cung Trầm Tường là một chiến sĩ kiên cường qua “Dòng Sừ Thi Trong Đồi Tù Cộng Sản”. Theo Diễn giả Trần Văn Thế, Cung Trầm Tường là một khuôn mặt, một nhà thơ nổi tiếng trong thế giới thơ của Việt Nam, nhất là trong thập niên 60, với những giòng thơ lãng mạn. Nhắc đến Cung Trầm Tường thời đó, mọi người đều biết nhà thơ với “Mùa Thu Paris, Lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế, Ga Lyon đèn vàng...” Hôm nay, Ông Thế giới thiệu với khán thính giả, những dòng thơ Tù, những dòng Sừ-thi viết trong tù của một người lính, một người tù. Đó là Thi sĩ Cung Trầm Tường. Ông đã bị tù mười năm, qua tám trại tù và không biết bao nhiêu lần bị còng tay biệt giam vì ông như một con thú bị vây hãm bởi lũ thợ săn hung ác: *“Ta như con thú bị vây Khổ sai trong cũi chúng bày chúng chơi”*

Dòng lịch sử của dân tộc đã đưa ông đến những trại tù để nghe chính trái tim mình muốn nổ tung ra vì căm thù, uất hận. Trước những đe dọa, trước sự chết chóc, Cung Trầm Tường đã kiên trì, can đảm và đã làm một cái gì cho lịch sử trong giai đoạn bi thương nhất của dân tộc. CS tìm mọi cách để cấm ông viết, nhưng ông đã quyết tâm cho ra đời hai tập thơ TÙ: “Lời Viết Hai Tay” và “Bài ca Núi Quan Tài”. “Giấy bút tôi ai cướp giật đi Tôi sẽ dùng dao khắc thơ lên đá” (Phùng Quán)

Là một thi sĩ, nòng Thơ là mạch sống, là tim, là máu, đã thôi thúc ông phải viết. Thêm vào đó ý chí bất khuất, đã thôi thúc ông phải làm thơ. Vì hai tay đã bị còng, Ông phải viết bằng tim, bằng óc, nói lên nhiều nỗi băn khoăn, tự vấn với một tâm trạng chao động, phần nộ, căm hờn, khắc khoải, thao thức... Ông đã phấn đấu để hoàn thành sứ mạng lịch sử của một người tù, một người thơ:

“Ta cất cho ta ta một pháo đài Giăng vòng gai kẽm, lập vành đai Sáng nghe, chiều ngóng, đêm phòng ngự Dối tiếng chân ai rảo lên ngoài”.

“Ngữ điệu ngân nga vẫn réo rắt Nàng Thơ giống trống giục ran lòng Đau thương mỗi bên lên tư tưởng Thép đã tôi rồi, đổ bể cong”.

Trong tập thơ “Bài Ca Núi Quan Tài”, Cung Trầm Tưởng viết “Cách trừng phạt của CS là một thứ bạo lực nguội, vì không có khói, không có lửa. Một thứ lạng tri tân thời, có kế hoạch và làm chảy máu trắng, hữu hiệu hơn một phát súng tại pháp trường. Ông đã dùng cái tâm để viết lên Tâm Sử Thi, hay Tù Sử Thi. Đây là một loại thơ viết để khóc cho dân tộc Việt Nam trầm luân, oan khiên, khóc cho gia đình ly tán, những bà mẹ già, những người vợ, những đứa con thơ, những người tù, những người nữ tù khốn cùng mà Cung Trầm Tưởng gọi là “Những Nữ Thần Huyền Sử” *“Có chồng mà tưởng như chồng chết Hương nhang đã cháy ở trong lòng Em là dòng dõi nàng Tô Thị Nghìn năm hóa đá vẫn chờ mong”.*

Diễn giả Trần Văn Thế kết luận, “Cung Trầm Tưởng, Một Hành Trình Thơ” gồm bảy tập thơ gom lại, trong quá trình 60 năm làm thơ, từ những ngày son trẻ với thơ tình lãng mạn rồi đến thơ làm trong thời kỳ oan khiên của dân tộc, và thơ làm ở hải ngoại, người đọc cũng như ông sẽ chú ý nhiều đến hai tuyển tập Tù Sử Thi “Lời Viết Hai Tay” và “Bài Ca Núi Quan Tài”.

Biểu tượng của thơ Cung Trầm Tưởng là biểu tượng lịch sử của Việt Nam trong giai đoạn đau thương nhất, nỗi oan khiên không bao giờ xóa nhòa trong tâm khảm của những người Việt Nam. Chiến sĩ văn hóa Cung Trầm Tưởng đã hy sinh gần suốt cuộc đời mình để viết lên những dòng sử-thi, đã để lại cho chúng ta và thế hệ hậu sinh những chứng tích hùng hồn nhất về lịch sử Việt Nam trong giai đoạn khổ cùng nhất. Một Bản Cáo Trạng mạnh mẽ nhất, trung thực nhất về chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Chương trình được tiếp nối với phần trình diễn những bản nhạc do Phạm Duy, Phạm Mỹ Lộc, Bùi K. Cương phổ thơ Cung Trầm Tưởng. Các bản: Mùa Thu Paris do Thái Ninh trình diễn, Chiều Đông với Nguyễn Cao Thắng, Hoàng Bạch Mai Ngâm Thơ “Lũng Kín”, Hoàng Cung Fa hát “Ta Còn Yêu Ta”, Tam ca Hoàng Cung Fa, Nguyễn Xuân Thuởng, Nguyễn Cao Thắng trong bài “Vạn Vạn Lý”.

Tiếp theo sau, Thi sĩ Cung Trầm Tưởng hội thoại với những người yêu thơ ông. Chương trình được chấm dứt lúc 3 giờ chiều.

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT MÙA THU
VÙNG HOA THỊNH ĐÓN

ĂN TRƯA VÀ HÀN HUYÊN VỚI THI SĨ CUNG TRÂM TƯỜNG

Nhân dịp phát hành

"MỘT HÀNH TRÌNH THƠ"

VÀ THƯỜNG THỨC MỘT CHƯƠNG TRÌNH THƠ, NHẠC
VỚI NHỮNG BẢN NHẠC PHỔ THƠ CHỌN LỌC CỦA
CUNG TRÂM TƯỜNG
DO NHỮNG NGHỆ SĨ VÙNG HOA THỊNH ĐÓN TRÌNH DIỄN

Ngày 28 tháng 10 năm 2012
Từ 11 giờ tới 3 giờ trưa
tại Nhà hàng HARVEST MOON
7260 Arlington Blvd, Falls Church, VA 22042



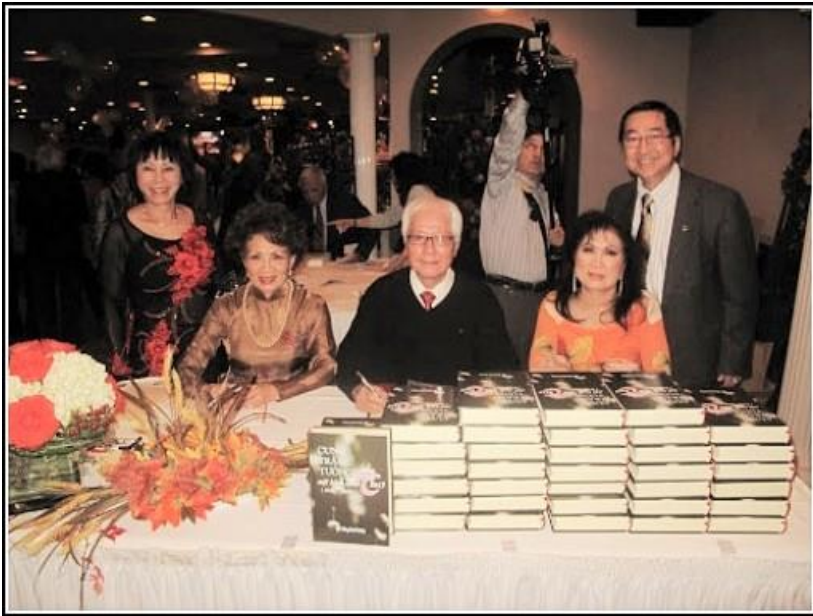
CẦU LẠC BỘ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VÙNG HOA THỊNH ĐÓN KÍNH MỜI

LIÊN LẠC:

HOÀNG DUNG: (571) 234-3837
LÊ THỊ NHỊ: (240) 401-8698

TÂM ĐẠT: (703) 354-2479
HOÀNG SONG LIÊM: (703) 242-9736

Giá vé: \$20.00



Từ trái: Hải Yến, Tâm Đạt, Cung Trầm Tưởng, Trúc Mai, Đào Hiếu Thảo



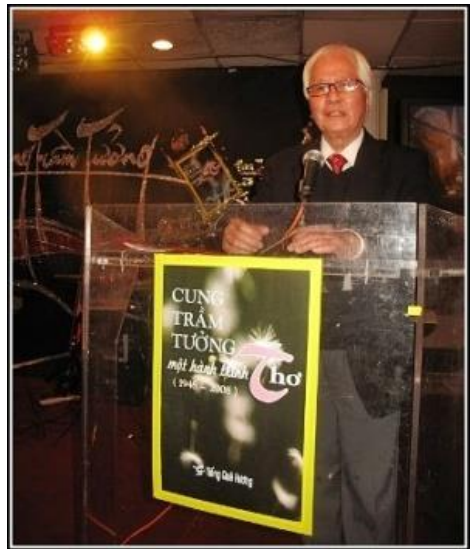
*Hoàng Song Liêm giới thiệu Ban tổ chức:
MC Nam Anh, Lê Thị Nhị, Phạm Đức Tiến, Trần Văn Thế*



Hoàng Song Liêm & Cung Trầm Tưởng



Diễn giả Trần Văn Thế



Tác giả Cung Trầm Tưởng



Cung Trâm Tường, Hoàng Song Liêm, Uyên Thao, Đàm Xuân Linh, Ngọc Trinh, Phạm D Hiền



*Diễm Hoa, ÔB Nguyễn Văn Thành 23, Nguyễn Lâm, Ngọc Dung, Vũ Hối,
Phan Khâm, Đăng Nguyễn, Lê Minh Thiệp*





**Nguyễn Xuân Thường, Hoàng Cung Fa & Nguyễn Cao Thăng hợp ca:
VẠN VẠN LÝ – lời: Cung Trầm Tưởng – nhạc: BKC**

<https://cothommagazine.com/images/stories/tho/CungTramTuong/VanVanLy-BKC-CTT-TamCa.mp3>

PHÓNG SỰ BUỔI RA MẮT SÁCH TẬP THƠ Ở VIRGINIA
SBTNDC thực hiện - 28/10/2012



<https://www.youtube.com/watch?v=BcpL4I9eN6o>

https://www.youtube.com/watch?v=DKRum_GSRD0



Phỏng vấn Thi Sĩ Cung Trầm Tường do Bùi Dương Liêm thực hiện, nhân dịp Thi Sĩ đến Hoa Thịnh Đốn để giới thiệu thi phẩm "Cung Trầm Tường – Hành Trình Thơ 1948-2008"

<https://www.youtube.com/watch?v=3qH0pNBN7qU>

TỪ MÙA THU PARIS ĐẾN MÙA HÈ CALI... 29 tháng 6, 2014



Mùa Thu Paris. Những năm đầu của thập niên 1950, một sinh viên du học vừa mới bước qua tuổi đôi mươi, cô đơn một thân một mình giữa xứ lạ quê người, đứng dưới ánh đèn vàng của ga Lyon hay ngồi trên ghế đá của vườn Luxembourg, mòn mỏi đợi chờ người em "tóc vàng sợi nhỏ" và rồi "tiên em" đi với khung cảnh trời buồn Paris...

Mùa Hè Cali. Trong không gian đầy những cánh hoa jacaranda nở tím rực trời báo hiệu một mùa hè đang về ở quận Cam. Đó đây trên các góc phố, trước các tiệm ăn, những tấm poster trang nhã đã gây sự chú ý của mọi người với một chữ "C" màu trắng được design rất lạ nổi bật trên nền màu xám. Trên góc trái là tấm hình của người đàn ông với mái tóc bạc trắng mà tên tuổi của ông đã gắn bó với nền thi nhạc của Việt Nam từ nhiều thập niên qua: Thi sĩ Cung Trầm Tưởng.

Sau một thời gian dài chuẩn bị, chương trình "Đêm Thơ Nhạc Cung Trầm Tưởng" do Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ tổ chức để vinh danh thi sĩ Cung Trầm Tưởng được khai mạc vào tối ngày Chủ Nhật 29 tháng 6, 2014.

Mặc dầu chương trình trong tờ poster ghi lúc 6 giờ, nhưng từ 5 giờ chiều, quan khách đã bắt đầu có mặt tại nhà hàng Emerald Bay, có lẽ vì đã gần 20 năm trôi qua, khán thính giả của quận Cam mới có dịp gặp lại thi sĩ Cung Trầm Tưởng, tác giả của những

bài thơ tình được nhiều người biết đến như Mùa Thu Paris, Tiễn Em, Kiếp Sau, v.v. Các khán giả nao hức mong được gặp lại thi sĩ Cung Trầm Tưởng cũng như chờ đợi được nghe những bản nhạc mới được phổ nhạc từ những bài thơ chọn lọc của thi sĩ Cung Trầm Tưởng theo như lời giới thiệu của Ban Tổ Chức qua những chương trình Talk Show.



Một tấm banner với hàng chữ quen thuộc "Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ Chào Mừng Quan Khách" với hàng chữ xanh trên nền trắng được treo ở lối vào nhà hàng Emerald Bay. Phía sau chiếc bàn tiếp tân vẫn là những khuôn mặt thân quen với những nụ cười niềm nở của các chị trong Ban Hợp Ca của Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ mà mọi người có thể dễ dàng nhận ra qua những chiếc áo dài đồng phục thường xuất hiện trong các chương trình trước đây. Lần này, các chị trong Ban Tiếp Tân dường như phải làm việc vất vả hơn vì số lượng quan khách đến tham dự chương trình.

Gần 400 quan khách đã hiện diện trong chương trình "Đêm Thơ Nhạc Cung Trầm Tưởng" nên nhà hàng phải kê thêm một số bàn cho các vị khách đến sau. Trong số

những vị khách mời, chúng tôi thấy có những người bạn thân lâu năm với ông như nữ tài tử Kiều Chinh, ca sĩ Bạch Yến, Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh, nghệ sĩ Như Hảo, ông bà thi sĩ Thái Tú Hạp, v.v. cũng như một số đồng các bạn bè trong binh chủng Không Quân của Thi sĩ Cung Trầm Tưởng.

Bắt đầu chương trình là nghi thức chào cờ với Quốc Ca Việt Nam do Ban Hợp Ca của Câu Lạc Bộ phụ trách và phần hát Quốc Ca Hoa Kỳ do ca sĩ Nhã Đoàn trình bày. Sau phần giới thiệu các quan khách tham dự, các MC Ngọc Tịnh, Hạnh Cư và Cao Minh Hưng lần lượt giới thiệu các tiết mục văn nghệ trong khi mọi người thưởng thức các món ăn của nhà hàng Emerald Bay.

Mở đầu chương trình là bài "Hè Về" do nhóm ca Minh Đức trình bày với những trang phục rất thích hợp với khung cảnh vui tươi của mùa hè.

Ban Tổ Chức cũng đã chọn nhạc phẩm "Một Chuyến Bay Đêm" do ca sĩ Bình Trương trình diễn để vinh danh những chiến sĩ Không Quân Việt Nam Cộng Hòa mà thi sĩ Cung Trầm Tưởng cũng đã từng là một sĩ quan phục vụ trong binh chủng này sau khi ông du học ở Pháp về trong thập niên 1950. Tiết mục song ca với tiếng hát của ca sĩ Mỹ Dung và ca sĩ Thuỳ Châu với nhạc phẩm "Mười Thương" với sự phụ diễn của các anh chị trong ban múa đã mang đến không khí tươi vui cho chương trình.

Ca sĩ Ngọc Trọng cũng đã gửi đến khán giả nhạc phẩm "Tuyết Trắng" với tiếng hát trầm ấm của anh. Ca sĩ Ngọc Hà với giọng hát cao vút của chị cũng đã xuất sắc với nhạc phẩm "Nỗi Nhớ", một sáng tác của nhạc sĩ Lê Văn Khoa, và một nhạc phẩm ngoại quốc "Les Feuilles Mortes". Tiếp đó là ca sĩ Bảo Ngọc từ San Jose đã gửi đến khán giả với nhạc phẩm "Suối Mơ". Ca sĩ Huy Tâm cũng đã đưa khán giả trở về với khung trời kỷ niệm của tuổi học trò qua ca khúc "Phượng Tím" được tô điểm với những tà áo và những chiếc nón lá được vẽ lên những đóa hoa phượng rất nên thơ do các chị Băng Tâm, Khánh Lan, Tuyết Nhung và Nhã Loan trong nhóm múa đã bỏ nhiều công sức để sáng tạo và thực hiện. Chương trình được tiếp nối với ca sĩ Lena Lệ Ngọc, một thành viên của CLB Tình Nghệ Sĩ từ Houston với một bài hát "Em Đẹp Nhất Đêm Nay" với một giọng hát rất nhẹ nhàng và lôi cuốn người nghe. Ca sĩ Thạch Hoàng cũng đã dành những lời tâm tình đến với thi sĩ Cung Trầm Tưởng trước khi anh trình bày bài hát "Vài Lần Đón Đưa".

Như thường lệ trong các chương trình của CLB Tình Nghệ Sĩ, các anh chị em trong Ban Hợp Ca đã trình bày nhạc phẩm "Tình Nghệ Sĩ Hành Khúc" trước khi 2 MC Thúy Anh và Hoàng Trọng Thụy mời mọi người bắt đầu bước vào chương trình nhạc thính

phòng với những bản nhạc được các nhạc sĩ của CLB Tình Nghệ Sĩ và thân hữu phổ từ những bài thơ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng.



Sau khi GS Lê Văn Khoa phát biểu những cảm nghĩ của ông về Thi sĩ Cung Trầm Tưởng, ca sĩ Hồng Tước đã trình bày nhạc phẩm "Đêm Mưa" do nhạc sĩ Võ Vĩnh Thuận phổ nhạc. Ca nhạc sĩ Hạnh Cư đã chọn bài thơ rất cảm động với tựa đề "Bóng Mẹ Chiều Thu" của thi sĩ Cung Trầm Tưởng để phổ nhạc và trình bày cùng với phần giao duyên ngâm thơ của thi sĩ Phi Loan và tiếng sáo của nghệ sĩ Ngọc Nôi.

Một nhạc sĩ trong CLB Tình Nghệ Sĩ từ San Jose là nhạc sĩ Ngọc Loan cũng đã tự trình bày nhạc phẩm do chính chị phổ nhạc từ thơ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng với tựa đề "Trong Trời Xanh Cao Vút". Một tiếng hát cũng đã được sự chờ đợi của khán giả trong Đêm Thơ Nhạc là ca sĩ Quang Tuấn với bài hát "Dạ Khúc Chiều Xưa" do Cao Minh Hưng phổ nhạc từ bài thơ "Một Gam Ru Hờ" của thi sĩ Cung Trầm Tưởng sáng tác ở Đà Lạt vào năm 1959 và nhà văn Việt Hải đã thêm một số đoạn thơ để hoàn thành ca khúc này.

Ca sĩ Huỳnh Anh, một giọng hát được mệnh danh là tiếng hát chuyên chở rất thành công những bài hát theo thể điệu rumba hay bolero, tuy nhiên trong chương trình này, anh đã gây ngạc nhiên cho mọi người khi chọn hát bản nhạc "Tiếng Gọi Yêu Thương" của nhạc sĩ Hạnh Cư, phổ nhạc theo thể điệu valse. Đây cũng là một bài thơ do anh Việt Hải tổng hợp từ thơ của các nhà thơ Cung Trầm Tưởng, Bùi Giáng, Rabindranath

Tagore và Khalil Gibran. Xen kẽ trong chương trình là phần phát biểu của anh Phát Bùi, đại diện cho thi sĩ Bùi Ngọc Tuấn, đọc chia sẻ những tâm tình của người anh mình về thi sĩ Cung Trầm Tưởng vì anh Ngọc Tuấn ở xa không thể đến tham dự được.

Cùng với MC Hoàng Trọng Thụy, MC Thúy Anh cũng đã khéo léo chọn những đoạn thơ trong các bài hát được các nhạc sĩ chọn phổ nhạc để giới thiệu nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống và tình cảm của Thi sĩ Cung Trầm Tưởng với những nhân sinh quan ông gửi gắm trong những bài thơ này. Bằng một giọng ngâm rất ngọt ngào, Thúy Anh đã ngâm 24 câu thơ trong bài thơ "Núi và Suối Một Huyền Sử" của TS Cung Trầm Tưởng. Một nhạc cảnh đã gây cảm động cho khán giả đó là khi bài hát "Lời Thề Nguyễn Yêu Thương" được ca sĩ Bình Trương và ca sĩ Thúy Quỳnh dàn dựng và trình diễn. Nhạc phẩm này do nhạc sĩ Võ Tá Hân phổ nhạc từ những vần thơ cũng do nhà văn Việt Hải tổng hợp từ thơ của 3 thi sĩ gồm bài thơ Rondel De L'Adieu (Ca Khúc Biệt Ly) của thi sĩ Edmond Haraucourt, The Mystery of Pain (Bí Mật Của Khổ Đau) của thi sĩ Emily Dickinson, và Núi và Suối Một Huyền Sử - Một Hành Trình Thơ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng.

Ca sĩ Hùng Ngọc cũng đã diễn tả thành công nhạc phẩm "Đường Vào Thiên Thu" do Nhạc sĩ Nguyễn Tuấn phổ từ bài thơ cùng tên của thi sĩ Cung Trầm Tưởng. Ca sĩ Bảo Nam, một tiếng hát rất được mến mộ của các cựu nữ sinh Gia Long đã chọn nhạc phẩm "Kiếp Sau" do nhạc sĩ Trường Sa phổ nhạc. Một điều khác biệt trong bản nhạc này so với bản nhạc đã được phổ nhạc trước đây là ông đã giữ những chữ nguyên thủy trong bài thơ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng. Ca sĩ Thúy Quỳnh trở lại sân khấu với nhạc phẩm "Núi Nhớ" do nhạc sĩ Nguyễn Phan phổ nhạc. Kết thúc chương trình nhạc thính phòng với những bài hát được phổ nhạc từ thơ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng là nhạc phẩm "Đêm Sinh Nhật" do nhạc sĩ Ngọc Loan phổ nhạc và ca sĩ Bảo Ngọc trình bày.

Sau chương trình nhạc thính phòng, thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã cảm động chia sẻ những cảm tưởng của ông về những tình cảm mà CLB Tình Nghệ Sĩ nói chung và các ca nhạc sĩ cũng như bạn bè nói riêng đã dành cho ông, từ buổi họp mặt thân mật tại tư gia của anh Trần Mạnh Chi, đến sự chuẩn bị chu đáo cho chương trình "Đêm Thơ Nhạc Cung Trầm Tưởng". Ông cũng ngỏ lời cảm ơn những nhạc sĩ đã phổ những bài thơ của ông cũng như các ca sĩ đã góp tiếng hát trong chương trình. Nhà văn Việt Hải và Cao Minh Hưng đã thay mặt BTC để cảm ơn các vị quan khách đã tham dự cũng như các cơ quan truyền thông báo chí đã hỗ trợ giới thiệu góp phần vào sự thành công cho chương trình "Đêm Thơ Nhạc Cung Trầm Tưởng". Họa sĩ Lưu Anh Tuấn đã trao tặng thi sĩ Cung Trầm Tưởng một bức tranh do chính anh vẽ với chân dung của

thi sĩ Cung Trầm Tưởng bên cạnh tháp Eiffel của nước Pháp, nơi đã cho ông nguồn cảm hứng để sáng tác nhiều bài thơ đã đi vào lịch sử văn học và âm nhạc Việt Nam. Anh Việt Hải và anh Huỳnh Anh cũng đã thay mặt Ban Tổ Chức trao tặng thi sĩ Cung Trầm Tưởng tám poster được anh Thiên Thạch trình bày rất đẹp với tám bài hát được ghi lại trên tám poster này như một món quà kỷ niệm.

Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ và các quan khách cũng đã cùng nhau hát bài Happy Birthday để tặng cho thi sĩ Cung Trầm Tưởng trong khi ông cắt chiếc bánh kỷ niệm lần sinh nhật thứ 83. Chương trình dạ vũ đã được tiếp tục sau phần cắt bánh sinh nhật với những bước nhảy vui vẻ trong tiếng nhạc tưởng chừng như không muốn dứt.

Những bài thơ từ những thăng trầm trong cuộc đời của ông, từ những ngày du học ở Pháp, những năm tháng trong quân ngũ hay những ngày trong lao tù đã được chấp cánh theo những cung nhạc trầm bổng chắc chắn không chỉ để lại trong lòng những người tham dự trong chương trình đêm nay, mà mãi mãi về sau, để mọi người sẽ nhớ đến một Thi Sĩ đã dâng hiến cuộc đời mình cho quê hương và thi nhạc.

Từ Mùa Thu Paris năm xưa đến Mùa Hè Cali năm nay, nhiều thập niên đã trôi qua nhưng những dòng thơ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã được tiếp tục tuôn chảy với những cố gắng không ngừng của các anh chị em trong Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ trong nỗ lực vinh danh và bảo tồn nền văn hóa Việt Nam ở hải ngoại.





Dạ Khúc Chiều Xưa, Lời: Cung Trầm Tưởng & Việt Hải - Nhạc: Cao Minh Hưng
Quang Tuấn hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=QR94mww3jv4>

Đêm thơ nhạc *Cung Trầm Tưởng*

Paolo

Quang Tuấn

Ngọc Trọng

Huy Tâm

Ngọc Hà

MC: Hoàng Trọng Thủy, Thủy Anh, Ngọc Tinh, Cao Minh Hưng

Hoàng Kim Uyên

Hồng Tước

Huyền Anh

Hạnh Cư

Bảo Ngọc

Thủy Quỳnh

Phi Loan

Bảo Nam

Ban Tam Ca

Ban Họa Ca - Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ

29 tháng 6, 2014
t/ GPB-IAM

VIP: \$35
Reg: \$25

Giá vé bao gồm ẩm thực
 (có chương trình dạ vũ)

Xin liên lạc BTC để mua vé:
 Cao Minh Hưng (714) 403-9315
 Việt Hải (818) 451-5157
 My Dung (Bolsa Florist) (714) 722-5652
 Phạm Hoàng (714) 330-8415

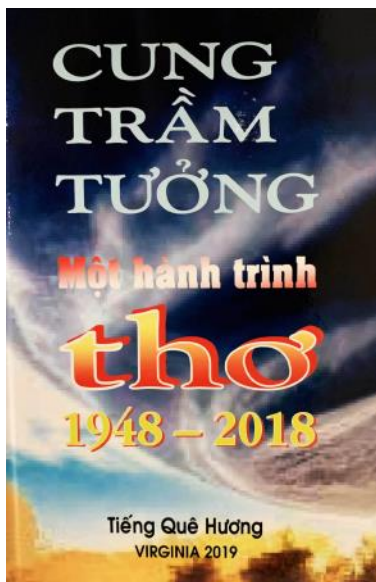
Chris Chi Trinh/Odi Realty
 P.E. BL # 01030371
 Res. & Bus. Developer
 310/828-7499 Cell

Đài Mẹ Việt Nam
 15751 Brookhurst St.
 Woodbridge, CA 92690

Cung Trầm Tường ra mắt ‘tặng phẩm cuối đời’ biểu người yêu thơ

Lâm Hoài Thạch/Người Việt - November 23, 2019

ANAHEIM, California (NV) – “Thơ của Cung Trầm Tường là những cảm nghiệm phong phú trong đời. Khi mới vào tuổi đôi mươi, ông đã có cơ hội sống ở kinh thành ánh sáng Ba Lê vào những năm giữa của thế kỷ trước để viết ra những bài thơ tình còn vang vọng trong lòng người cho đến hôm nay: ‘Lên xe tiễn em đi/ Chưa bao giờ buồn thế/ Trời mùa Đông Paris/ Muôn đời làm chia ly...’”



Ông Nguyễn Văn Liêm, đại diện ban tổ chức, giới thiệu như vậy trong buổi ra mắt sách “Cung Trầm Tường Một Hành Trình Thơ 1948-2018” do Tủ Sách Tiếng Quê Hương, Diễn Đàn Giáo Dân, và Bạn Già Không Quân Nam California tổ chức vào sáng Chủ Nhật, 17 Tháng Mười Một, tại nhà hàng Golden Sea, Anaheim. Nói về nét thơ của tác giả, ông Liêm chia sẻ: “Như Cung Trầm Tường nói, thi sĩ với tư cách một nghệ sĩ dụng ngôn sành điệu, và ông gọi những lời thơ là ‘con chữ’ chứ không phải ‘cái chữ,’ vì nó được khai sinh từ trí tuệ, tư tưởng, con người của thi nhân. Thơ ông được chiết ra những trải nghiệm của hạnh phúc lẫn đớn đau, như bài thơ ông viết tại trại tù Hà Tây: ‘Chuyện đời một pho sách/ Màu mực vẫn còn tươi/ Phải trăm thương nghìn khó/ Mới nên một nụ cười.’”

“Nhưng cho dù sống trong hoàn cảnh khó khăn đầy gian nan thử thách, ông vẫn luôn hy vọng ở ngày mai, như trong bài thơ ‘Đường Lên Xứ Lào’: ‘Chính em hy vọng là tên/ Thuốc thoa thương tích lửa tin cho đời.’ Rồi cuộc đời nổi trôi dẫn đưa ông đến cuộc sống bình yên, an hòa như bao nhiêu quý vị hiện diện nơi đây, như lời kết của tập thơ: ‘Vườn ríu rít gọi nhau chờ nắng tới/ Trời ngoài từng bước ló dạng vừng đông/ Khí ngào ngạt hương thơm, đời xởi lởi/ Nức nở theo phơi phơi ánh trời hồng,’” ông thêm.

Diễn giả nhà văn Trần Phong Vũ cảm nhận về nhân cách và con người qua hành trình 70 năm sống chết với thơ của tác giả rằng: “Tháng Hai sang năm, nhà thơ họ Cung 88 tuổi, hơn tôi chẵn 15 ngày. Với một người bị Cộng Sản cầm tù 10 năm, qua Mỹ năm 1993 lúc đã 61 tuổi, quý vị thừa hiểu đời sống khó khăn đến mức nào. Nhưng nhìn mái tóc bạc kim, thần thái ung dung, diện mạo sáng rõ, toát ra một vẻ an nhiên,

phiêu hốt của một tâm hồn bình an khác thường, tôi hiểu tại sao trong cảnh ngộ cay nghiệt nhất, nhà thơ vẫn giữ được một nhân cách hơn người.”

“Thế hệ tác giả và tôi, sinh sáu, bảy con không phải chuyện lạ. Điều lạ với một nhà thơ lừng lẫy như ông. Qua những lần gặp gỡ riêng tư, tôi nhận ra ông là một người chồng, người cha rất có tinh thần trách nhiệm, ngay cả trong lúc ở tù. Nó không chỉ gói ghém trong những vần thơ tặng mẹ các cháu, như những bài ‘Vô Vàn,’ ‘Mùa Chay,’ ‘Đường Vào Thiên Thu.’ Mà ngay cả những dịp họa hiếm khi có cơ hội nhắn tin cho vợ con. Những lần thế, ông đều lặp lại điều ông từng thủ thi bên tai người bạn đời trước ngày ông đi tù, ‘Dù sống trong cảnh ngộ nào, mẹ ở đâu thì con ở đó.’ Không ngờ, sau khi ra tù và được gọi đi phỏng vấn đề qua Mỹ, cả bảy người con ông đều trót lọt. Chúng đáp ứng được tất cả những điều kiện, mà khó nhất là phải có chung ‘hộ khẩu,’” nhà văn nói tiếp.

“Trong 10 năm khổ sai, ngoài nổi đau mất nước, điều thi sĩ hận nhất là đã bị cướp mất 10 năm để dạy dỗ các con. Cho nên sau ngày ra tù; lúc kẹt trong nước và thời gian ở Mỹ, ông luôn gần gũi, hướng dẫn các con trong đạo làm người. Đây là tinh thần trách nhiệm của người cha, và cũng là nhân cách phi phạm của một nhà thơ lớn,” ông nhấn mạnh.



**Từ trái, Giáo Sư Quyên Di, nữ tài tử Kiều Chinh và thi sĩ Cung Trầm Tưởng.
(Hình: Lâm Hoài Thạch/Người Việt)**

Nhận xét về Cung Trầm Tưởng, theo diễn giả Giáo Sư Trần Huy Bích thì sau giai đoạn làm thơ trữ tình ở tuổi 20-22, sang phần “quá độ” trong giai đoạn 1958-1975, ông gợi lên những tình cảm xót xa, khơi dậy ở người đọc một nỗi buồn thấm thía trước những đau thương của đất nước giữa một cuộc chiến thảm khốc.

Năm 1962, ông viết: “Đêm về thành phố tha ma/ Giời nghiêm tiếng súng từ xa vọng về.” Năm 1968: “Mới đêm nao con vùi khóc với mẹ cha/ Sớm hôm sau pháo rớt chết cả nhà/ Núi đứng câm, sông cũng không ngủi nước mắt.” Cũng năm 1968: “Khi thấy mỗi chúng ta đang đánh mướn/ Trận chiến phá quê hương, giết tình người.”

“Ngày sinh nhật năm 29 tuổi của ông, 1961, ông buồn: ‘Mưa rơi. Đêm lạnh. Sài Gòn/ Mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi?’ của bài ‘Đêm Sinh Nhật,’ 1961. Ít ai viết như thế trong ngày sinh của mình. Nhưng Cung Trầm Tưởng viết. Ông là nhà thơ của ‘trầm tư mặc tưởng,’” Giáo Sư Bích nhận xét.

Cũng theo Giáo Sư Bích, sau biến cố 1975, đất nước bị một tập đoàn tham lam, độc đoán, và tàn ác thống trị, nhiều giá trị tốt lành của dân tộc bị chà đạp, đày ải, giam hãm. Cung Trầm Tưởng khẳng khái chỉ trích chế độ bạo ngược ấy. Những vần thơ bất bình, phẫn nộ của ông, mà ông gọi chung là “tiếng khóc Việt Nam,” là kết quả của tình cảm tự nhiên, nhưng cũng của lý trí, suy tư, rất đáng được chúng ta đọc với lòng trân trọng.

Nhận xét thứ hai của Giáo Sư Bích: “Cung Trầm Tưởng giàu tình cảm, nặng tình nghĩa, và có một tâm hồn đôn hậu. Chúng ta đều biết ở tuổi 22-24 trên đất Pháp trong những năm 1954-1956, ông có một người yêu ‘tóc vàng sợi nhỏ,’ một ‘người em gác trọ’ đã nhiều lần ‘sang anh gót nhỏ thăm thì.’ Chúng ta cùng biết rằng, những khi đợi ở công viên, khi nàng không đến hay chưa kịp đến, ông rất buồn: ‘Mùa thu âm thầm/ Bên vườn Lục Xâm/ Ngồi quen ghé đá/ Không em buốt giá từ tâm.’”

“Năm 1957, khi về Việt Nam để nhận nhiệm vụ một sĩ quan kỹ sư của Không Quân VNCH, vì ông học ở Pháp trong chương trình đào tạo kỹ sư của trường Võ Bị Không Quân Pháp. Ông đã không đem người yêu ấy theo. Khi trở lại Paris sau gần nửa thế kỷ, ông nói với nhà biên khảo Thụy Khuê, ‘Càng sang Paris, tôi thấy rằng tôi không thể là người Pháp nổi. Tôi là người Việt Nam. Tôi phải tìm đủ mọi cách để trở về nguồn.’ Ông cũng đã viết những câu như: ‘Non sông bóng mẹ sầu u/ Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái đầu,’” giáo sư kể.

“Không thể đem người yêu trời Âu về Việt Nam, hai người bắt buộc phải chia tay, ông bù đắp bằng cách để ra một tháng sống với nàng trên một căn gác sát nóc một cao

ốc, một sinh viên không có nhiều tiền, hết sức chiều ý nàng qua bài ‘Bù Em Một Tháng Thiên Đường,’ trong khung cảnh gần sát với trời qua bài ‘Sao Châm Nghìn Nến.’ Rồi ông viết hai bài thơ với những tình cảm chan chứa ‘Kiếp Sau’ và ‘Kiếp Sau Nữa,” ông dẫn chứng.



**Ông Nguyễn Văn Liêm, đại diện ban tổ chức, phát biểu.
(Hình: Lâm Hoài Thạch/Người Việt)**

Sau đó, Giáo Sư Bích đọc bài “Kiếp Sau” mà tác giả cho ra đời năm 1956: “Bù em một tháng trời gần/ Đơm hoa kết mộng cũng ngàn ấy thôi/ Bù em góp núi chung đời/ Thiêu nường đốt lá cũng rồi hoang sơ/ Bù em phơi phơi buồm thơ/ Vẫn e trở gió ngược bờ sông thương/ Bù em một tháng thiên đường/ Mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu/ Non sông bóng mẹ sầu u/ Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái đầu/ Thôi em xanh mắt bồ câu/ Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.”

Giáo sư nói: “Sau này khi phổ nhạc, nhạc sĩ Phạm Duy đã đổi hai tiếng ‘bù em’ sang ‘đền em.’ Bài ‘Kiếp Sau Nữa’ làm năm 1957, cũng có ý tương tự. Tôi xin đọc ít câu: ‘Bù em một tháng tình gần/ Trăng thêu gổ mộng cũng ngàn ấy thôi/ Bù em gác vát lưng trời/ Sao châm nghìn nến sáng rồi bơ vơ/ Mẫu hình yếu điệu xin hầu kiếp sau.’”

“Trong hoàn cảnh như thế mà nói lên những lời từ biệt như thế, là cốt cách của những người không coi chữ tình là nhẹ,” giáo sư kết luận.



**Cô Nguyễn Diễm Nga, ông Phạm Đức Thạnh (trái) và ông Ngô Ngọc Vĩnh.
(Hình: Lâm Hoài Thạch/Người Việt)**

Một diễn giả hãy còn trẻ, đó là Nguyễn Diễm Nga, cô tâm tình rằng: “Trước hành trình bảy mươi năm ‘Thơ tỷ lệ xuôi với vóc đời’ của thi nhân và đúc kết trong bảy tập thơ tầm cỡ, cháu cảm thấy mình thật nhỏ nhoi. Mỗi một tập thơ của Cung Trầm Tưởng đều chứa đựng những tư tưởng lớn, thâm thúy và trầm mặc như thi danh của ông. Một nhà thơ người Mỹ, ông Carl Sandburg ví von: ‘Poetry is like an echo asking a shadow to dance’, và Cung Trầm Tưởng đã diễn dịch rằng ‘Thơ như một hồi vang mời một bóng hình nhảy múa với.’ Vì vậy, mỗi tập thơ của ông đều có những ‘bóng hình’ ẩn hiện lung linh. Cháu trộm nghĩ, chắc chắn không thể thiếu những ‘bóng hồng.’”

“Tuy nhiên, để bắt được những cái ‘bóng,’ những ‘shadow’ tư tưởng trong thơ Cung Trầm Tưởng không phải là điều dễ dàng. Cháu rất ngưỡng mộ những ngài bút tiền bối tên tuổi đã có những cảm nhận và phân tích rất độc đáo góp trong mỗi chương của quyển thơ này mà cháu tin khi đọc quý vị sẽ rất thích thú,” cô nói tiếp.

“Phần cháu ‘sinh sau đẻ muộn’ nên mãi mới tìm được một hình bóng khá ngộ nghĩnh, thú vị và dường như có khả năng lẫn trốn rất kỹ nên hình như chưa ai nhắc đến. Đó chính là ‘Con Tắc Kè’ trong tập thơ thứ năm mang tên ‘Thi Bá Con Tắc Kè và Bà Góa Phụ.’ Dường như hình bóng ‘Con Tắc Kè’ đã thấp thoáng trong Cung Trầm Tưởng từ những năm 1965. Nhà thơ từng tự sự trong bài thơ mang tên ‘Lần Thân’ như sau ‘Tặng em một gã lo xa/ Vành trăng tươm tất bình hoa bày bàn,’ hoặc ‘Chi li tính toán đủ điều/ Còn trời, còn đất, còn kêu tắc kè,’” cô dẫn chứng.

“Thế nhưng phải đến cả chục năm sau cái tiếng kêu tắc kè ấy mới hiển hiện rõ nét: ‘Có lúc ngôn từ ta bất cập/ Trước điều mắt thấy và tai nghe/ Nỗi niềm nghẹn nghịu đầu ùn tắc/ Ta gửi lời trong tiếng tắc kè,’” cô nói thêm.

Trong lời tri ân, nhà thơ Cung Trầm Tưởng nói: “Tôi trân quý và ghi tâm sự hỗ trợ tinh thần và những đóng góp tích cực của các văn, thi, thân hữu hữu khi nghe tôi bày tỏ ý định tập hợp toàn bộ sáng tác của mình thành một hành trình thơ như một tặng phẩm cuối đời gửi biểu những ai nặng tình với thi ca.”

Nữ điện ảnh Kiều Chinh tâm tình: “Đối với tôi, thơ Cung Trầm Tưởng có len lén sự cao vọng, không phải vì danh lợi mà là chữ tình nằm trong quê hương, yêu và tình người.”

Nhà văn Phạm Tín An Ninh thổ lộ: “Tôi rất mê thơ Cung Trầm Tưởng. Đối với tôi, ông là bậc thầy. Vì thế, tôi không thể mạo muội để phê bình thơ của ông!”

Buổi ra mắt sách có phần văn nghệ phụ diễn của Ban Tu Ca Xuân Điềm, Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Phan Châu Trinh Đà Nẵng, Hội Phố Núi Pleiku, ca sĩ Thu Vàng, Thúy Anh, và nhạc sĩ Lâm Đăng. Với sự điều hợp của MC Bích Trâm và Không Quân Võ Ý.

Lâm Hoài Thạch

Bơi trong cõi văn chương Cung Trầm Tưởng

**** Việt Hải Los Angeles ****



Cung Trầm Tưởng & Việt Hải

Trong một bài viết bàn bạc về ngôn ngữ, chữ nghĩa, nhà thơ Cung Trầm Tưởng dùng câu nói của nhà phê bình văn học Pháp Roland Barthes khi đề cập: “C’est le frisson du sens que j’interroge en écoutant le bruissement du langage”. Phải chăng khi ta nghe tiếng xào xạc của chữ nghĩa, ta tự hỏi lòng nổi cảm giác rung cảm ấy? Đối với nhà văn, nhà thơ, hình như mỗi người có những kiểu nói, những chữ viết (từ vựng) riêng, có thể là đặc thù, dù duyên dáng hay ngộ nghĩnh, đó là biểu tượng của họ và từ họ mà ra.

Hôm nọ nhạc sĩ Trường Sa bên Canada email đến chúng tôi bài nhạc Kiếp Sau, phổ từ thơ Cung Trầm Tưởng cùng tựa, do ca sĩ Minh Châu ca, tâm tư tôi dâng lên những thích thú, hay hay như sự đột phá, lạ lẫm. Thơ Kiếp Sau có những câu như:

*“Bù em một tháng trời gần
Đơm hoa kết mộng cũng ngàn ấy thôi
Bù em góp núi chung đồi
Thiên nương đốt lá cũng rồi hoang sơ.
Bù em xuôi có ngàn thơ
Vẫn nghe trác trở bên bờ sông thương...”*

Tôi nói với hai vị thi sĩ và nhạc sĩ là tôi thích 2 chữ “bù em”. Phải chăng thơ là thể văn rút ngắn, thay vì nói dài cho rõ hơn trong văn xuôi là “anh đền cho em...”, nhà thơ dùng kéo tỉa gọn ra thơ. Trong thi ca, sự lạ lẫm về chữ nghĩa lao xao, xào xạc (rustling, bruissement) như thật có đấy, nhiều lắm. Ví dụ nhé, trong bài thơ Ngâm Ngùi của thi sĩ Huy Cận:

*“... Cây dài bóng xế ngắn ngơ
Hồn em đã chín mấy mùa buồn đau?
Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi...”*

Chữ nghĩa lao xao ở các chữ “Hồn em đã chín mấy mùa” hay “trái sầu” trong thơ, nếu diễn dịch rõ nghĩa trong văn xuôi văn chương bút tạp ghi bình phẩm sẽ dài. Trong thơ Nguyên Sa, bài Tuổi 13 tôi thích thú khi chữ nghĩa lao xao:

*“Trời hôm nay mưa nhiều hay rất nắng
Mưa tôi chả về bong bóng vỡ đầy tay
Trời nắng ngọt ngào tôi ở lại đây
Như một buổi hiên nhà nằng dịu sáng”*

Ày, lại chữ nghĩa lao xao ở chỗ “mưa... bong bóng vỡ đầy tay”, rồi “Trời nắng ngọt ngào”, những chữ nghĩa của người thơ là thế, nắng sao lại ngọt ngào, mà không là nắng gay gắt, hay nắng như thiêu đốt cremation của lò thiêu Peek family, nói toạc móng heo như thế còn gì lãng mạn tính, còn gì thơ mộng tính khi mà nắng ngọt ngào vì có em, còn không có em thì như bài Tây Ninh nắng cháy da người, cháy luôn da em <?>.

Nguyên Sa bồi tiếp những lao xao chữ nghĩa như những ví von, những ẩn dụ (metaphor), những so sánh áo vàng lại yêu hoa cúc, chứ không là Áo Vàng như Mai Thảo, tên tựa tác phẩm của Mai Thảo, rồi tại sao áo nằng xanh lại mền lá sân trường, mà không mền màu áo của Con Ma Áo Xanh (Little Green), tiểu thuyết nổi danh của nhà văn Mỹ Walter Mosley. Chữ nghĩa của những lao xao.

*“Áo nằng vàng tôi về yêu hoa cúc
Áo nằng xanh tôi mền lá sân trường.
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím.”*

Thế giới văn học vốn thắc mắc hai vị phù thủy của chữ nghĩa lao xao trong thi ca văn học, Thanh Tâm Tuyền của sự thể *“ôm em trong tay mà nhớ em ngày sắp tới”* và Du Tử Lê của sự thể *“Con để buồn tự tử giữa đêm sương”*. Chữ nghĩa của những lao xao chạy sang thơ Du Tử Lê nhé. Bài Ôn Em của thi sĩ Du Tử Lê lao xao ở chỗ: “Ôn em ngực ngải môi trầm”, rồi lao xao tiếp “Cho ta cỏ mận, trăm lần lá ngoan”...

*“Ôn em thơ đại từ trời,
Theo ta xuống biển, vớt đời ta trôi.
Ôn em dáng mộng mưa vời,
Theo ta lên núi, về đời yêu thương.
Ôn em ngực ngải môi trầm,
Cho ta cỏ mận, trăm lần lá ngoan*

....

Tạ ơn em... tạ ơn em..”

Thật vậy, bần bút tôi trở mắt thò lò, mắc chứng bút rút tóc tai (trichotillomania), khi âm thầm lằm bằm vì những lao xao, bruissement, “Con đế buồn tự tử giữa đêm sương”. Mà tại sao “Con đế buồn tự tử giữa đêm sương”? trong khi ngày xưa tôi là vua đá đế, nuôi cả bầy đế than, đế lửa mà chả thấy con đế nào buồn lại tự tử giữa đêm sương cả, đế thua đế ôm xác bỏ chạy te te như đồng minh tháo chạy vì chứng diarrhea bị Tào Tháo đuổi, hay hiện tượng “hit-and-run” của sự thể Clinton- Lewinsky bị bọn Cộng Hòa truy kích, truy đuổi. Rồi sự thể lạ lẫm “Ơn em ngực ngải môi trầm”, những biểu tượng thiêng liêng của người nữ trong sử mạng truyền giống, nghĩa vụ sinh sản để dòng sông đời còn những đẹp để nối tiếp. Nếu đời này chỉ có những nam giới, những mày râu thôi, eo ơi chán bỏ sừ, chỉ có nam với nam lạng lẽ nhìn nhau nơi khuê phòng, chán chết, văn học romantisme sẽ cụt hứng, như đế chết queo râu. Thế giới này chả chóng thì chầy sẽ triệt sản. Sự thể ca tụng “Ơn em ngực ngải môi trầm”, cũng nên vinh danh những tubib phù thủy sửa sang sắc đẹp, nào những đôi môi trầm khêu gợi, những núi đồi diễm sơn, sự cần thiết cho vẻ đẹp cần có cho âm phái. Thế giới sẽ tận thế, sẽ vô nghĩa khi không có những xô xao của “ngực ngải môi trầm”, đẹp biết bao với những vệ nữ kiều diễm Bo Derek, Dolly Parton, Rachel Welch hay Brigitte Bardot. Còn ngược lại chỉ có nam, tức chỉ có những hệ quả yếm thế, những u buồn của những Al Qaeda, những Hamas, những Taliban mà thôi. Buồn lắm, chán lắm.

Như vậy những ngôn ngữ, chữ nghĩa lao xao trong văn học có cần không? Thưa, rất cần cho sự thăng hoa văn học chấp cánh bay cao...

Thấy mò rồi, xe chạy xa đề tài Cung Trầm Tưởng quá rồi, xin U-turn quẹo lại đi nhe. Bài trường bút, còn tiếp lê thê... Kính mời quý netters nghe giải lao bài tình ca Tương tư 4, nhạc Mặc Thế Nhân, thơ Cung Trầm Tưởng:

Bài nhạc “Tương tư 4” của Mặc Thế Nhân, phổ từ thơ Cung Trầm Tưởng:

Vũ Khanh ca: <https://www.youtube.com/watch?v=o1onvW7yqZs>

*“Phải chi em đừng có chồng và anh còn đơn côi
Thì giờ đây em đâu buồn, anh đâu sầu, đâu lo lắng, đâu phân vân
Chiều qua ru em ngủ, chiều nay em theo chồng
thế hỏi lòng có buồn không?*

*Tiếc thương cũng rồi, đành thôi ván đóng thuyền
Còn đâu ước mơ gì cũng thế
Nhưng lỡ yêu rồi, em ơi biết bao giờ
lòng mới quên được người xưa, hỏi em?*

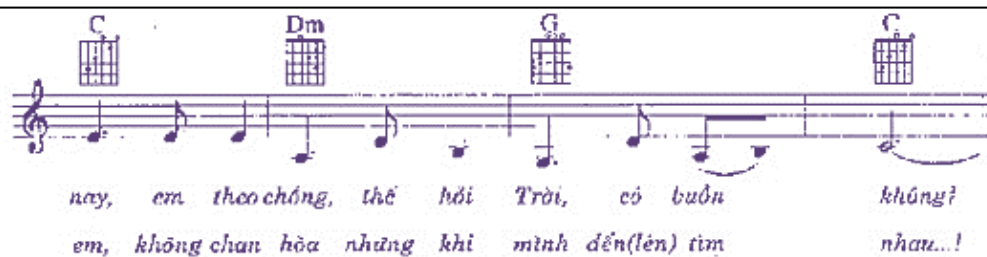
Phải chi em đừng có chồng và anh không là riêng ai
 Thì ngày nay duyên đôi mình không âm thầm, không xa cách, không đau thương
 Lòng anh không than thở, lệ em không chan nhòa,
 những khi mình đến tìm nhau.

Tiếc thương cũng rồi, đành thôi ván đóng thuyền
 Còn đâu ước mơ gì cũng thế
 Nhưng lỡ yêu rồi, em ơi biết bao giờ
 Lòng mới quên được người xưa, hỏi em?"

Roston

Phải chi em đừng có chồng. Và anh vẫn còn đơn
 (Phải) chi em đừng có chồng. Và anh không là riêng
 ai. Thì giờ đây em đau buồn. Anh đau sầu, đau lo
 ai. Thì ngày nay, duyên đôi mình. Không âm thầm, không xa
 vắng, đau phẫn uân. Chiều qua ru em ngủ. Chiều
 cách, không đau thương. Lòng anh, không than thở. Lệ

C Dm G C



nay, em theo chóng, thê hỏi Trời, có buồn không?
em, không chan hòa nhưng khi mình đến(lên) tìm nhau...!

C F C



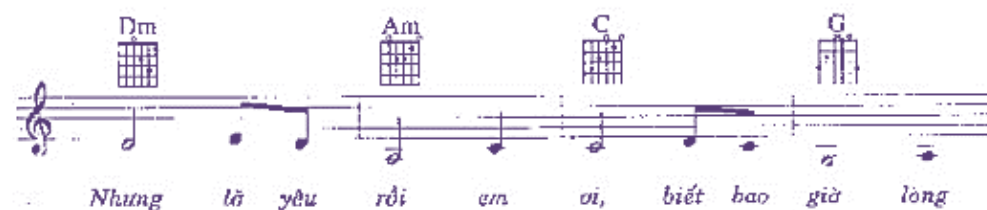
Tiếc thương cũng rồi đành thôi. Ván đóng thuyền còn

F C



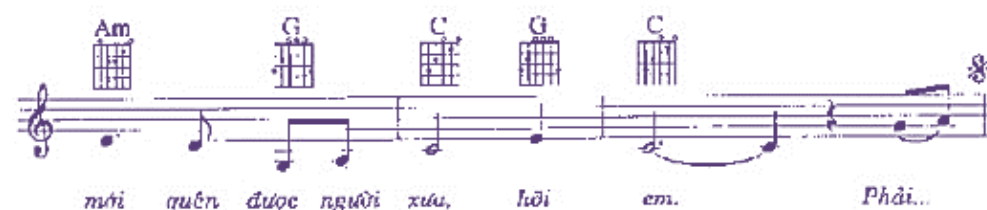
dàu, ước mơ gì, cũng thế...!

Dm Am C G



Nhưng là yêu rồi em ơi, biết bao giờ lòng

Am G C G C



mới quên được người xưa, lười em. Phải...

Lần đầu đọc thơ Cung Trầm Tưởng

Viên Linh - December 3, 2014

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng nổi tiếng nhất từ cuối thập niên '50 tại miền Nam, nhất là lúc nhạc sĩ Phạm Duy phổ mấy bài thơ Mùa Thu Paris và Chưa Bao Giờ Buồn Thế của anh, song lúc đó đối với riêng tôi, anh là chỗ cố tri, bởi năm 1952-53 tôi đọc thơ anh từ bài đầu tiên anh làm năm 17 tuổi, trên tạp chí Phổ Thông Hà Nội, tờ tạp chí dày cộm mỗi số khoảng 200 trang, chủ nhiệm là Lê Văn Kỳ, chủ bút lần lượt là Lê Quang Luật, tới số 15, Vũ Quốc Thúc bắt đầu từ số 16. Hôm toàn tập Thơ Cung Trầm Tưởng (làm trong khoảng 1948-2008) dày hơn 600 trang, ra mắt ở Viện Việt Học tôi chỉ thấy trong đó có 7 bài anh làm từ 1948-1953, thiếu bài thơ mà tôi có.



Các thành viên phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại dự Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế ở Prague, 1994, qua Bonn, Germany ra mắt ba thi phẩm: Lời Viết Hai Tay của Cung Trầm Tưởng (trái), Tiếng Hát Gia Trung của Nguyễn Sỹ Tế (đã quá cố), và Hóa Thân của Viên Linh; bên cạnh là một nữ thi sĩ xứ người. (Hình do tác giả cung cấp)

“Xin chào mừng quý vị yêu thơ,... hôm nay chúng ta dự buổi ra mắt ‘Một Hành Trình Thơ (1948-2008)’ của nhà thơ Cung Trầm Tưởng. Dấu thời gian này có nghĩa đây là tuyển tập 60 năm thơ của anh. Tôi có mặt, và theo chương trình, tôi sẽ nói về tác giả. Anh Tưởng có nhiều bạn thân hơn tôi, trong những năm đi học ở Hà Nội ở Pháp hay

đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ, trong hơn 20 năm phục vụ trong binh chủng Không Quân của Việt Nam, và trong 10 năm di chuyển qua 10 trại tù khổ sai của Cộng Sản, nhưng những người bạn mà có đọc thơ anh, thì có thể ít người đọc anh sớm hơn tôi. Tôi đã tìm trong cuốn sách mới ra của anh đây, phần đầu gọi là Sóng Đầu Dòng (1948-1953) chỉ có 7 bài, mà không có bài Đà Giang.”

“Chỉ có 15 phút để nói về anh, song tôi sẽ đọc bài thơ này lên để người nghe thấy sự khác biệt của thơ Cung Trầm Tưởng lúc đầu và thơ anh qua những bài Phạm Duy phổ nhạc. Mặt khác, tôi đọc thơ Cung Trầm Tưởng ngay khi bài thơ được in ra, năm 1953 ở Hà Nội, chứ không phải sau này đọc lại.”

Số là hồi ấy cậu học trò đệ thất đệ lục CVA đã say mê đọc sách báo – nhưng không phải thứ “sách báo nhằm nhí” như mấy cụ đồ nho chê chữ Quốc ngữ hồi đó thường nói, hay mấy ông Tây học cứ Tây là nhất, Mỹ là nhất, cái gì của Ta cũng muốn chê, đó là những người mà anh Cung Trầm Tưởng trong một bài đăng ở Khởi Hành số 15, tháng 8, 1969, đặt cho một cái tên là Sĩ Què – mà tôi đọc sách báo văn nghệ. Nhờ có một bạn học mà bà mẹ là chủ tiệm sách Bình Minh ở phố Huế, tôi hay ghé nhà bạn chơi, để được đọc sách báo mới ra, nên cái gì đến tay là đọc. Nhờ thế vào tuổi đó cậu bé đã đọc sách báo của người lớn, trong có tạp chí Phổ Thông. Nhờ đọc Phổ Thông trong các năm 52, 53, 54, tôi đã đọc “Từ điển Chữ Việt” của Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, (mục này rất hiếm người biết là nhà kinh tế học nổi tiếng ấy lại viết một mục như thế), và kịch của Nguyễn Sĩ Tế, văn của Vũ Khắc Khoan, thơ của Cung Trầm Tưởng. Lúc ấy tôi khoảng 15 tuổi. [Lúc ấy Nguyễn Sĩ Tế học Luật, và viết kịch].

Thiệt tình mà nói, tôi thích đọc Phổ Thông là vì say mê cái truyện dài Cái Đêm Hôm Ấy do Mặc Đỗ dịch từ một truyện như là “Up to The Hill” của nhà văn nữ người Áo là bà Vicki Baum. Mới vào truyện đã thấy cảnh một thanh niên nhạc sĩ quì xuống ôm chân một người đàn bà đẹp, năn nỉ xin tình yêu, thì tôi coi thường quá, nhưng cứ đọc để xem cái anh chàng này yếu xiù với phụ nữ đến đâu. Lúc ấy mới 15 tuổi nên tôi nghĩ thế, nhưng nếu nhiều hơn năm ba tuổi có khi tôi nghĩ khác chẳng? Ở tuổi ấy tôi đọc bài Đà Giang của Cung Trầm Tưởng.

Đà Giang

Đà Giang Đà Giang

Rừng núi cảnh hoang mang

*Chiều chiều xóm tối
Thú về thăm ngang tàng*

*Hỡi anh da vàng
Vàng màu vàng ệnh!*

*Anh có nghe vang
Con sông hùng vĩ*

Tự bao thế kỷ

Sông ơi,

Cháy mấy dặm đường?

Tự đâu sông xuống yêu thương đồng bằng?

Bài thơ đó khác với tất cả những bài thơ sau này, từ ngôn ngữ đến nội dung, đến tình cảm bên trong. Con người thi sĩ hồi 20-21 tuổi (anh sinh năm 1932), chắc chắn khác con người thi sĩ những năm ở miền Nam sau 1954. Và con người tác giả cũng không phải chỉ là con người thi sĩ, vì tác giả còn viết nhiều thứ không phải là thơ.

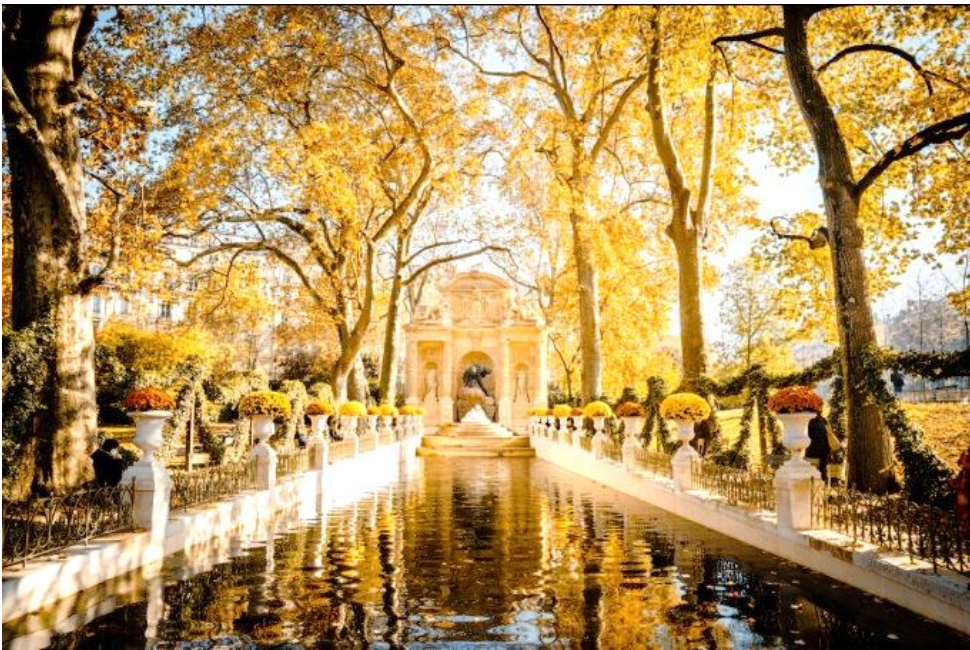
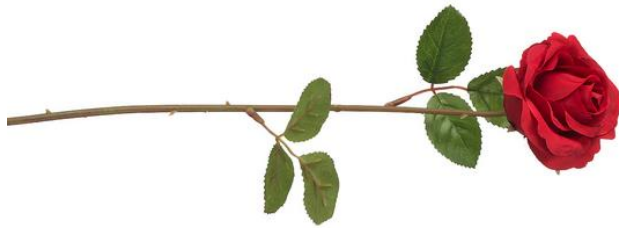
Tiểu sử Cung Trầm Tưởng phần “Hoạt động văn hóa” in trong toàn tập viết: “Hợp tác với các tạp chí Phổ Thông (Đại học Luật khoa) – thật ra là của Hội Ái Hữu Cựu Sinh Viên Luật Khoa, Sáng Tạo, Nghệ Thuật, Văn, Khởi Hành, Thời Tập,”... Trong 6 tờ báo văn học anh kể ra trong sách, tất cả ở Việt Nam, ba tờ do tôi làm thư ký tòa soạn hay làm chủ nhiệm chủ bút, còn ba tờ kia tôi cùng viết với anh là Sáng Tạo, Văn, [anh còn quên kể 1 tờ nữa là] Thế Kỷ 20 của nhà thơ Trần Hồng Châu [Giáo Sư Nguyễn Khắc Hoạch, khoa trưởng Văn Khoa, Đại Học Sài Gòn] làm chủ bút, tôi có gặp anh ở đây. Cho nên gặp nhau nhiều lần, trò chuyện nhiều lần, tác giả Chưa Bao Giờ Buồn Thế hiện ra là một người hăng say trong các câu chuyện. Đặc biệt khi thảo luận, hay viết bình luận, tôi nghĩ đó là một người có thể nói là trực tính, sẵn sàng đối đầu khi phải đi đến tận cùng lẽ phải.

Trong thời gian giữ một mục thường xuyên trên tuần báo Khởi Hành từ năm 1969, là Mục Sổ Hành Trình, Cung Trầm Tưởng viết, cũng có nghĩa là lên tiếng, về những chuyện vừa xảy ra, những vấn đề đang nóng hổi. Anh viết như anh nói. Trong bài “Cuộc Bao Vây Vô Hình,” người ta đọc thấy như thế này: “Không ở bên này thì ở bên kia. Hòa giải cũng là một chọn lựa. Nhưng đứng ngoài cuộc là vô liêm sỉ; im lặng là đồng lõa với tội ác.” (Khởi Hành số 9, 26.6.1969, trang 2.) Dĩ nhiên, một bài có tính cách bình luận thời sự hay bày tỏ quan điểm thì phải đăng ngay nơi trang 2. Khởi Hành ở Việt Nam là báo của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội, thành lập từ 1967, có hơn

700 hội viên, đại tá nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng là chủ tịch hội kiêm chủ nhiệm chủ bút tờ báo, Viên Linh là một ủy viên trong Ban Chấp Hành được bầu làm thư ký tòa soạn, khi đăng những bài như thế chúng tôi thường không ngần ngại đối đầu với mọi phản biện, vì tờ báo tuyên bố ngay từ đầu là một diễn đàn phục vụ cho sự tự do tư tưởng, tự do sáng tác.

Khi kêu gọi các nhà văn hãy tích cực tham gia việc quản trị thị trường xuất bản, Sở Hành Trình do Cung Trầm Tưởng phụ trách viết: “Hiện nay nhiều tác giả phải cúi đầu nhận một giá biểu hèn mọn ấn định bởi một bọn mại bản không hiểu gì về văn chương.” Lúc ấy năm 1969, thị trường sách báo miền Nam như rừng, hàng tháng có khoảng 2,000 cuốn sách đủ loại được xuất bản. Chúng tôi làm chủ đề “Lên tiếng trước bọn gian thương văn nghệ.” Và trong bài “Một cánh cửa mở cho người viết văn,” anh nói thẳng: “Ngành xuất bản và phát hành sẽ thôi là dịch vụ trung gian mại bản, thứ môi giới tiểu xảo, lật lọng, để trở thành một kỹ nghệ hăn hoi.” (“Một cánh cửa mở cho người viết văn,” Sở Hành Trình, Khởi Hành số 10, trang 1). Đăng những bài ấy lên tờ báo do mình chọn lọc bài vở, tôi hoàn toàn trách nhiệm cùng tác giả đối đầu với mọi phản ứng. Trong thời gian các cơ quan văn hóa văn nghệ của Việt Nam Cộng Hòa họp luôn luôn, tiếp xúc và thảo luận, vận động và tranh đấu để thực hiện một điều khoản có dự trù trong Hiến Pháp là thành lập Hàn Lâm Viện, nhưng sau rốt chỉ thành lập được một cơ cấu dung hòa thỏa hiệp, là Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, anh viết bài “Sĩ Què,” đả kích giới trí thức vọng ngoại: “Đừng ngạc nhiên khi thấy trí thức Sài Gòn là những sĩ què chính hiệu.” Trong bài nhà thơ kể lại: “Gần 100 năm thuộc Pháp, Việt Nam không thiếu gì những sĩ què bám vào thể lực ngoại quốc cho con cái đi du học, ở lại nước ngoài, mình thì hưởng cá lợi lộc của ngoại nhân,” trong có câu: “Tôi hiểu Sĩ Què trong ý nghĩa đê tiện nhất: không những mất thăng bằng trong thể xác mà còn vong thân trong tâm hồn.” Trích dẫn như thế là vì tôi đang nói về con người của tác giả Cung Trầm Tưởng. Anh không chỉ là một nhà thơ với âm điệu trầm bổng và chữ nghĩa tân kỳ, anh còn là một cây bút lên tiếng mạnh mẽ về các vấn đề công chính. Văn Nghệ Miền Nam là như thế. (2008-12.2014)

Viên Linh



Vườn Lục Xâm (Luxembourg) - Paris, France

Luyến niệm một Thiên Đàng đã mất!

**** Cung Trầm Tưởng ****



**Cựu Tr/Tá KQ Cung Thức Cần
(Nhà thơ Cung Trầm Tưởng)**

“Mais où sont les neiges d’antan?”

Mà những bông tuyết thuở ấy bây giờ ở đâu?

François Villon

Gửi người bạn điệu đờn Phạm Vũ, le dernier des parisiens toujours pur et fidèle - người Paris cuối cùng mãi mãi thuần khiết và thủy chung.

Với nguyên nhung nhớ về les neiges d’antan -những bông tuyết thuở ấy- và những kỷ niệm tinh khôi khác tôi có được về Paris của những năm 1950, lúc tôi mới chớm tuổi hoa niên. Tuổi của:

Râm ran vô thức hâm lòng ngực

Sứ rỉ nhựa nồng đêm cảm nhung

và của:

Phương phi tình lớn lên như thổi

Trên cánh đu bông bênh Michèle

với những buổi hẹn em quán nhỏ trên tả ngạn sông Seine, giữa một không gian văn hóa đô hội:

***Đẹp đôi cân trong rừng dáng nét
Nhà thơ gótích, tượng Rôđanh
Thi ca hàm súc, âm giao hương
Sâm uất nhân văn, hậu trữ tình***

Tất cả đồng hướng về sự thăng hoa một cứu cánh:

***Tình yêu đôi cánh nâng nhân phẩm
Bến ấm hôn vào thả neo tâm***

và vinh tôn một hạnh ngộ:

***Qua môi tìm đến môi vinh hiển
Tiếng hát thiên thần hiển hiện lên***

Được nuôi dưỡng trong một môi trường văn hóa khoáng đạt lấy các đức tính xử thế của con người như lễ độ, lịch sự, thanh tao, trang nhã, tế nhị, hiếu hòa, niềm nở, trung hậu... làm nền móng cho một tương giao xã hội nhân bản văn minh, phóng khoáng, thuận hòa, tuổi trẻ Paris thuở ấy -đa số có trình độ học vấn từ cấp tú tài trở lên- hòa mình với quần chúng trong các buổi liên hoan nghệ thuật, lễ hội hay các hình thức vui chơi tập thể khác với một tinh thần cởi mở và một phong cách háo hức nhưng không xô bồ, hoan hô nhưng không hò hét, cổ vũ nhưng không thiên vị, đầy ắp nhiệt tình nhưng không buông thả thác loạn, mang mỹ học vào cuộc sống với ở sao cho đẹp và sự hài hòa vào văn hóa hưởng lạc với:

***Cái vui cũng khéo pha nồng độ
Đọc sách công viên, xiếc quảng trường***

Là như thế cung cách ăn ở ỷ nại tôi học được của tuổi trẻ Paris thời hoàng kim, lúc tôi mới tập tễnh bước vào tuổi hai mươi còn hơi mùi sách vở. Và cho đến nay sau hơn nửa thế kỷ có lắm vật đổi sao dời, với sự ngự trị ngày càng quy mô và lấn át của một thứ chủ nghĩa duy vật lấy đồng đô la và những giá trị vật chất nó tạo ra làm hai điều kiện tất yếu hàng đầu để mưu cầu hạnh phúc cho con người, và với sự xâm thực ngày càng thô bạo vào văn học và nghệ thuật của một thứ chủ nghĩa hậu hiện đại máy móc, thô thiển, rờm đời, tôi lại càng luyến tiếc Paris thời hoàng kim ở đó tôi đã may mắn có được những ngày tháng tốt đẹp nhất của đời mình.

Với một tâm thái như vậy, tôi đọc câu thơ dẫn trên của nhà thơ Pháp François Villon (1431-1489) với cảm giác như đang đọc một luyến niệm ca về Paris thuở chưa bị biến

chất bởi những tẻ đoạn của lối sống duy đồ vật như hiện nay. Thuở nó còn nguyên vẹn là chính nó - một chốn ngàn năm đồ hội với tất cả sắc vẻ huy hoàng mà từ ngữ này gọi lên cho chúng ta. Thuở nó còn là một trung tâm giao lưu văn hóa hàng đầu của thế giới, nơi xuất phát và chỗ đổ về của các tư trào tiến bộ và tinh hoa nghệ thuật của loài người. Thuở nó còn là một thứ Tràng An trong truyền thuyết Trung Hoa của các tài tử văn nhân, trai thanh gái lịch đến từ tứ xứ. Thuở nó còn là thành phố ước mơ của tuổi trẻ toàn cầu, đối tượng của ngạn ngữ dân gian “Voir Paris et mourir”- Phải thấy Paris đã rồi mới chết.

Riêng cá nhân tôi đã tìm được ở Paris một không gian nhân sinh thuận lợi-thứ đất lành chim đậu -cho tôi có cơ hội để phát triển đời sống trí tuệ của mình, sống một cuộc sống sung mãn, thanh thản, quảng giao, phóng khoáng, hòa nhã, ở đẹp với mọi người, nhờ đó mà gieo được những hạt mầm tốt cho việc hình thành con người tương lai của mình.

Đối với tôi, những bông tuyết thuở ấy của Villon là một biểu tượng tuyệt vời của những kỷ niệm tinh khôi tôi có được về Paris thời hoàng kim. Chẳng hạn nụ hôn đầu nồng nàn ấm mịn Michele trao cho tôi trong buổi khiêu vũ tại một câu lạc bộ tuổi trẻ ở Xóm Học trong một đêm Giáng Sinh có những bông tuyết trắng trinh nguyên đang nhảy múa ở ngoài trời; hay cuộc liên hoan ca-vũ-nhạc gitan tưng bừng, náo nhiệt, lộng lẫy trong khuôn viên Vườn Lục Xâm một ngày đầu xuân nắng ấm lung linh với:

***Cả nàng là ngút ngàn diên vĩ
Điệp khúc kim cương, biến tấu vàng***

* * *

Về mặt lý luận, triết học là phương pháp tư duy tối ưu để tìm hiểu ý nghĩa uyên nguyên của sự tồn tại của con người và sự vật. Vì vậy, triết học được hơn một nhà phê bình thi ca sử dụng để tìm hiểu bản chất của nó.

Chẳng hạn Jean Paul Sartre đã dùng học thuyết hiện sinh của mình và phân tâm học để phân tích thi phẩm nổi tiếng Les Fleurs du Mal -Những đóa hoa nở từ miền đất xấu- của Charle Beaudelaire. Theo ông, thi phẩm đó có một giá trị nghệ thuật cao nhưng không đích thực, bởi vì nó không phản ánh đúng cuộc sống ngoài đời của tác giả vốn là một tay ăn chơi phóng đảng và mắc bệnh phong tình. Nó thật ra chỉ là một thủ thuật ngôn ngữ tinh vi nhằm đánh lừa người đọc, tạo ra cho họ một cảm giác là tác giả đã ngoi lên khỏi sự sa đọa của mình như một đóa hoa nhô lên từ một ao bùn

nhờ nhuốc, trong khi thực sự ông vẫn tiếp tục tới tận cuối đời cuộc sống ăn chơi đòi trụ của mình. Sartre cho đó là một hành vi thiếu lương thiện.

Còn Martin Heidegger thì đứng trên quan điểm hữu thể học của mình để nhận xét về thi ca của Hoderlin. Theo ông, thi ca đó không những chỉ diễn tả sống động những cảm nghiệm uyên nguyên về ý nghĩa cơ bản nhất của sự hiện hữu của con người mà còn phản ánh trung thực con người thật của tác giả. Một thi ca như vậy thì là sự hát chiếu lên mặt bằng của nó con người sống ngoài đời của tác giả. Nói theo cách nói của hiện tượng luận, nó là sự nói ra hữu cơ của con người thật của tác giả. Với tính cách này, nó là một *poesie authentique* - một thi ca đích thực.

Nói chung, nhận định trên hàm ý rằng một tác phẩm đích thực và tác giả của nó là một nhất thể bất khả phân cách. Một thi ca mà thiếu phẩm chất đích thực thì chưa phải là một thi ca hoàn chỉnh.

Theo nhận xét chủ quan của chúng tôi, đó là lý do tại sao Heidegger cho Hoderlin là thi sĩ của những thi sĩ.

Còn chúng tôi thì dựa vào mối tương quan chặt chẽ mà chúng tôi phát hiện được giữa một số quan điểm hữu thể học của Heidegger và những vần thơ hoài cổ của ba nhà thơ Bà Huyện Thanh Quan, Trần Tế Xương và Villon để tìm hiểu uyên lý, tức nguyên nhân của những nguyên nhân, tại sao những vần thơ đó lại được cho là bất hủ, nghĩa là chúng sẽ ở lại mãi mãi trong trí nhớ bất tận của người đọc của muôn thuở.

Trước khi vào đề, xin thông báo bạn đọc là một số điều chúng tôi trình bày sau đây dựa vào một số giải thích có tính chuyên môn của tiến sĩ triết học Nguyễn Quang Hiệp về hữu thể học của Heidegger đăng tạp chí Khai Thác Thị Trường số 102.

Con người là một hiện thể của hai thực thể vật chất và tinh thần. Thực thể tinh thần được Heidegger gọi là Hữu Thể. Theo ông, Hữu Thể tổng quát gồm có Hữu Thể con người và hữu thể của sự vật. Ông cho rằng có sự khác biệt căn bản giữa Hữu Thể và vật thể, và ông gọi sự khác biệt này là một phân biệt bản thể học -ontological difference. Vì vậy, sự con người bị tha hóa thành một vật thể là hình thức vong thân tồi tệ nhất của nó.

Sau khi chủ nghĩa duy vật Mac-xít bị chôn vùi dưới đồng tro tàn của lịch sử, con người vẫn tiếp tục bị tha hóa thành một vật thể, nhiều khi còn bị coi là một hóa phẩm trên thị trường, bởi một lối sống tân duy vật chủ nghĩa cực đoan khinh thường những giá trị

tin thần và coi trọng những giá trị vật chất như là nền tảng hàng đầu của lối sống hiện đại mà nhiều người cho rằng phải là như thế thì mới văn minh.

Sự Heidegger có ý viết hoa từ Hữu Thể của cụm từ Hữu Thể con người hàm ý rằng Hữu Thể tiềm ẩn trong con người, nhưng con người, nhất là con người thường nhật (the daily we, le on quotidien) thường không nhận ra Hữu Thể, dù rằng nó có một hiểu biết nào đó về Hữu Thể. Nó chỉ nhận ra Hữu Thể khi lâm vào những tình huống bất bình thường được gọi là những tình huống tới hạn -situation limite. Chẳng hạn tình thế ngặt nghèo của một người bị bạo bệnh giáp mặt với cái chết; hoặc tình cảnh đau khổ tột cùng của một người chồng mà người vợ thương yêu vốn là lẽ sống của đời mình vừa mới vĩnh viễn ra đi; hoặc hoàn cảnh rợn rùng của một người bỗng cảm thấy một nỗi chán ngất hiện sinh -ennui existentiel- khiến cho hắn có cảm giác là cả mình lẫn cái khối trời đất quen thuộc của mình như đang bị cuốn tuột vào một lỗ đen hun hút bí hiểm. Mà chỉ trong khoảnh khắc hãi hùng đó, khi lo âu đan xen một sắc màu tuyệt vọng, hắn mới ngộ ra ý nghĩa cơ bản nhất của sự hiện hữu của mình: đó là tính không vĩnh hằng, tính phù sinh của con người. Mà chỉ khi nào cảm thấy mình luôn luôn đứng trước cái chết, con người mới thấy giá trị đích thực-một giá trị hiện sinh-của từng lát giây của cuộc đời.

Chung quy lại, chỉ khi nào con người lâm vào những tình huống tới hạn như trên chẳng hạn, Hữu Thể mới nhô ra khỏi bóng tối kín mít thường che giấu Hữu Thể của cái en soi, tức cái tự thân, của con người để xuất lộ lên màn ảnh ngộ thức của nó.

Cũng như Chúa Trời sinh ra Ngôi Lời Nhập Thể để triển dương Chân Lý của Chúa Trời nơi trần thế, Hữu Thể phải cần đến một tiếng nói đặc biệt nào đó của con người để triển khai Chân Lý của Hữu Thể trong nhân gian. Trong chiều hướng đó, Heidegger thường dẫn thơ của Hoderlin mà ông ngưỡng mộ để diễn giải nội dung của những tư tưởng triết học trừu tượng của mình. Còn chúng tôi thì dựa vào hai câu thơ:

***“Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ”***

của nhà thơ Trần Tế Xương để giải thích nhận định không phải là dễ hiểu đối với một người đọc ngoại đạo của Heidegger theo đó Hữu Thể yêu cầu con người hãy trả lời tiếng gọi của Hữu Thể.

Một tiếng ếch nghe thấy bên tai trong một đêm khuya vắng mà làm cho người nghe phải giật mình tưởng đến tiếng ai gọi đờ thì ắt phải hàm chứa một ý nghĩa nhân sinh hệ trọng nào đó. Ở trường hợp cụ thể của Trần Tế Xương, ý nghĩa này là cái lẽ vô thường của đời người ông bỗng ngộ ra nhờ nghe thấy bên tai tiếng ếch đó. Một tiếng

ếch mà có tác dụng nhân sinh kỳ diệu đến thế thì không là gì khác hơn biểu tượng của một thi ca có chiều sâu tư tưởng phản ánh cái diện mục bản lai của sự hiện hữu của con người. Một thi ca như vậy là một thi ca hữu thể học, và tiếng ếch của nó do đó có giá trị của một tiếng gọi, và tiếng gọi đó chính là của Hữu Thể để nhắc nhở con người về diện mục bản lai trên.

Nhận định trên cho thấy hai câu thơ của Trần Tế Xương là sự trả lời thấu lý tiếng gọi của Hữu Thể. Với tính cách này, nó là một trả lời hữu thể học, với ai đó chính là hiện thể Da-sein ở đó (being there, etant là) của Hữu Thể, và đờ đó chính là biểu tượng của phận người nổi trôi trên một dòng đời đầy bất trắc và lăm đổi thay. Mà phải có cái giật mình sửng sốt kiểu Trần Tế Xương - một cái giật mình siêu hình-thì mới nhận ra chân lý của những chân lý: đó là Chân Lý Hữu Thể. Heidegger gọi sự nhận ra này là sự vén lên tấm màn (unveiling, dévoilement) thường che giấu Hữu Thể nơi con người.

Một ngôn ngữ thơ như vậy không những chỉ đơn thuần diễn tả thấu lý và sống động cái cảm nghiệm uyên nguyên về Chân Lý Hữu Thể mà còn chính là sự xuất lộ ra ngoài ánh sáng của Chân Lý Hữu Thể. Với tính cách này, nó hơn là sự trả lời sâu sắc của con người khi nghe ra tiếng gọi nó của Hữu Thể mà chính là tiếng nói của Hữu Thể.

Thi ca nào mà có một ngôn ngữ hữu thể học như vậy thì được Heidegger gọi là poesie grave-một trầm tưởng thi.

* * *

Ở những bông tuyết thuở ấy của Villon và hồn thu thảo của Bà Huyện Thanh Quan, ta nhận ra hình và hồn của thực thể tinh thần hoài cổ, một góc cạnh của thực thể thi ca. Ta hãy triển khai nhận định khái quát này thông qua việc tìm hiểu cận kề hơn về những sắc thái ý nghĩa của tinh thần hoài cổ trong thi ca.

Bài thơ Thăng Long Thành Hoài Cổ của Bà Huyện Thanh Quan được chọn là đối tượng của việc tìm hiểu này.

Nhìn theo góc độ của hữu thể học, hoài cổ là một thực thể tinh thần, tức Hữu Thể, của con người thơ có tính lịch sử. Ở trường hợp Bà Huyện Thanh Quan, hoài cổ là một hồi tưởng thấm nhuần hương sắc của một ngôn ngữ thi ca trữ tình ưu hạng và hào quang của một lịch sử huy hoàng đã qua đi. Về huy hoàng này được cụ thể hóa thành "lối xưa xe ngựa" và "nền cũ lâu đài", với xe ngựa và lâu đài là hai biểu tượng đậm nét

của lối sống sầm uất và có văn hoá của thị dân thuở Thăng Long còn vừa là một thủ đô ngàn năm văn vật, vừa là một đô hội phồn hoa.

Vẻ đẹp tinh thần của bài thơ xuất phát từ vẻ đẹp tinh tế của tâm hồn Bà Huyện. Nó được tôn lên hàng một vẻ đẹp thi ca bởi cái ngôn ngữ thơ có một sức biểu cảm dồi dào, sâu sắc và một vẻ đẹp cổ điển trang nhã và cân xứng.

Nhìn theo góc độ của hiện tượng luận, vẻ đẹp của ngôn ngữ bài thơ là sự đơm hoa kết trái của vẻ đẹp tinh thần của nó. Vẻ đẹp đó mang lại cho vẻ đẹp tinh thần một sắc thái đặc thù, sống động, và chính nó mới là uyên lý-nguyên nhân của những nguyên nhân-của sự ở lại với thời gian của bài thơ.

Còn nếu nhìn theo góc độ của hữu thể học, thì vẻ đẹp của ngôn ngữ bài thơ là sự xuất lộ ý nghĩa lên mặt bằng bài thơ của thực thể tinh thần hoài cổ. Mà một ngôn ngữ thơ có vẻ đẹp hữu thể học như vậy thì là hiện thể của Hữu Thể. Và với tính cách này, nó được Hữu Thể đến với và chọn làm chỗ nương gửi, nhà ở (abode, demeure) của Hữu Thể.

Sông dâng vào tá túc
Thấu đáo một bờ thơ
Chờ che lời tuất trợ
Nghe Sông có gọi bờ
CTT - 1985.

Nói đến hoài cổ cũng là nói đến sự so sánh phẩm chất của lối sống hiện đại với của lối sống trước kia.

Về mặt vật chất, lối sống hiện đại là một tiến bộ vượt bực so với lối sống cũ. Nhưng về mặt tinh thần, nó là một bước thụt lùi lớn dẫn đến một cuộc khủng hoảng nhân sinh quan nghiêm trọng mà con người đang phải trải qua.

So với con người trước kia, con người hiện đại sống căng thẳng hơn, trần trọc hơn, lo âu hơn, bất ổn hơn, bi quan hơn, tiêu cực hơn, thiếu đích thực hơn, mau quên hơn, vô ơn hơn, bạo động hơn, v.v...Nói vắn tắt, con người hiện đại sống không có hạnh phúc như con người xưa.

Qua lăng kính của nhận định trên, ta thấy được lý do tại sao niềm hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan lại xót xa đến thế. Một người đọc hiện đại mà chưa đánh mất mình thì cảm thấu được vẻ đẹp làm đứt ruột của các vần thơ:

**“Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương”**

và
“Cảnh đó người đây luống đoạn trường” của Bà Huyện.

Nói chung, hoài cổ là sự nuối tiếc về những cái gì tốt đẹp đã qua đi-những bông tuyết thuở ấy của Villon. Chẳng hạn một thành phố cổ có những di tích lịch sử vô giá và một cấu trúc vật thể đặc thù tiêu biểu cho một thời đại văn minh nào đó đã bị chôn vùi bởi sự tàn phá của thiên tai hay nhân hoạ; hoặc một lạc cảnh trần gian ở đó con người có một đời sống sung túc, thái hoà, tràn đầy hạnh phúc và thi ca được tôn lên ngôi nữ hoàng của nghệ thuật, nhưng nay vì một bất hạnh nào đó gây ra bởi lịch sử, nên chỉ còn hiện hữu trong tâm tư hoài cổ của con người, nhất là thi nhân vốn là một tâm hồn đầy ấp những hương xưa sắc cũ vì có trí nhớ thủy chung của một viện bảo tàng vật cổ; hoặc những thuần phong mỹ tục-cái cốt chất tinh thần, tức quốc hồn-của một dân tộc bị xóa sổ bởi chủ trương san bằng quá khứ của một nhà nước độc tài cực tả hay bởi chính sách đồng hoá thô bạo của một đế quốc thực dân xâm lược tự cho mình là bậc thầy của thiên hạ, v.v...

Ở tâm hồn một thi nhân mộ đạo, đạo Thiên Chúa chẳng hạn, ngoài là sự nuối tiếc về một lạc cảnh trần gian như trên, hoài cổ còn là một hoài tưởng siêu hình về một Xứ Trời gọi là Thiên Đàng mà tiền thân thiên thần của thi nhân đã bị đuổi khỏi vì không nghe lời răn của Chúa Trời, nên bị đày xuống trần gian để chuộc tội.

Cái tật mà cũng là thiên tài của thi nhân là, vốn là một nòi nặng tình với quá khứ và chỉ nhớ những cái gì đáng nhớ, thi nhân không thể sao quên được tội gốc ấy mà tiền thân của những tiền thân của mình đã mắc phải, nên những vần thơ thân phận thi nhân làm ra không thể không đượm một sắc màu sám hối đan xen một luyến niệm về thuở mình còn là một thiên thần và tâm hồn mình còn trong trắng ngây thơ như những bông tuyết thuở ấy của Villon.

Mức độ sâu sắc của niềm luyến niệm về một thiên đàng đã mất ấy của thi nhân quyết định tầm vóc của những vần thơ thân phận thi nhân làm ra nhân danh loài người.

Cung Trầm Tường

Minnesota một ngày cuối thu 2017



Thời mới ra tù cộng sản – Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền



*Thời mới qua Hoa Kỳ, thăm bức tường đá đen ở Hoa Thịnh Đốn:
Đình Cường, Cung Trầm Tưởng, Phạm Duy*



**Thanh Hương SBTN Canada
Phỏng vấn nhà thơ Cung Trầm Tưởng năm 2013**

<https://www.youtube.com/watch?v=BXxjIVJ9hLI>



THE JIMMY SHOW – Jimmy phỏng vấn Cung Trầm Tưởng năm 2020

<https://www.youtube.com/watch?v=058tWkuJmaA>

Tròn 60 năm bên nhau – phu nhân nhà thơ Cung Trầm Tưởng vừa ra đi (2017)



Ông bà Cung Trầm Tưởng ở Paris, không rõ năm, nhưng theo trí nhớ của ông thì khoảng 10 năm về trước (nguồn ảnh: gia đình cung cấp)

Tính từ ngày tình yêu chớm nở nên đôi lứa năm 1957 ở Saigon cho đến ngày bà rời dương thế, đã 60 năm thi sĩ Cung Trầm Tưởng sánh bước cùng người phụ nữ mà ông khen là “có từ tâm, không ghen, quên mình đi, chỉ cần thấy chồng con được sung sướng... và có trí nhớ thủy chung”. Đó là những mỹ từ nhà thơ đã dùng để mô tả người bạn đời tròn 6 thập niên của mình khi tâm tình với Thế Giới Nghệ Sĩ buổi chiều cuối tháng 7.

Bà Nguyễn Thị Tịnh, phu nhân nhà thơ Cung Trầm Tưởng, vừa ra đi hồi cuối tuần qua lúc 6 giờ 15 chiều Thứ Sáu 28/7/2017 tại Eagan, Minnesota, hưởng thọ 78 tuổi. Tang lễ được tổ chức từ ngày 2 đến 4/8/2017 tại Klecatsky Sons Funeral Homes ở cùng thành phố ông bà cư ngụ, sau đó hỏa táng.

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng nói với Thế Giới Nghệ Sĩ, vợ ông bị ung thư phổi, khi phát giác thì đã di căn, nhưng bà không muốn chữa trị làm đau đớn cơ thể. Từ 5 năm trở lại đây, bà càng lúc càng yếu dần, cũng không muốn xuất hiện trước công chúng cùng ông. Khoảng một tháng trước, bác sĩ cho biết bà không còn bao lâu nữa. Rạng sáng 28 tháng 7, bà than khó thở, có lúc phải dùng gấp bốn lần liều thuốc giảm đau nên ngủ ngất đi. Chiều hôm đó, ông kể rằng đã đem những hình ảnh cũ đến bên giường bà, gọi bà dậy xem hình đẹp của bà ở Paris, và bà nức lên, ra dấu cho ông là đã nhận biết. Đến 6 giờ 15 thì bà nhẹ nhàng vào giấc ngủ ngàn thu.



Tại một nhà hàng ở Houston, không rõ năm, bà cười vui khi ông đùa: “Mời bà lên xe để tôi làm phu xích lô đưa bà đi chơi nhé” (nguồn ảnh: gia đình cung cấp)

Hình bóng của người vợ hiền ẩn hiện trong thơ Cung Trầm Tưởng không ít, như nhà thơ Bùi Ngọc Tuấn, cũng ở Minnesota, nhận xét trong một bài viết năm 2014: Người thi sĩ kỳ tài của chúng ta, người phù thủy của ngôn từ: Cung Trầm Tưởng, với con đường thi ca dài hơn 60 năm, với những bài thơ làm rung động rất nhiều thế hệ người Việt, mà ta có nói là làm rung động hàng triệu người Việt, cũng không chắc đã sai. Thơ Cung Trầm Tưởng của “trước tình” hay “sau tình” cũng đã hay, mà thơ Cung Trầm Tưởng của “trong tình” lại càng hay. Không phải cái hay của tâm không thôi, mà

còn là cái hay của trí. Không phải cái hay riêng của chủ thể, mà còn là cái hay chung của nhân gian. Đọc những bài thơ “trong tình” của Cung Trầm Tưởng thời trẻ tuổi, để thấy cái nồng nàn, tha thiết của những người trẻ tuổi yêu nhau trong hướng vọng đắm say, đọc những bài thơ “trong tình” của Cung Trầm Tưởng viết trong những thập niên 1980, 1990, cho đến bây giờ, để cả tâm thể chúng ta cùng thăng thốt trong những cơn chấn động kinh hoàng, và rồi cùng nhìn người mình yêu thương, nhìn người bạn đời của mình, nhìn mọi người trên đời mà nhủ thầm tạ ơn chúng ta cùng có nhau.

... chỉ có tình sâu nghĩa nặng tới cỡ Cung Trầm Tưởng, mới viết được cho vợ mình những câu như sau:

*Mai sau ngủ gốc cây sồi
Làm thiên thu chiếc miếu ngòi thờ em*

Ở một đoạn khác, nhà thơ Bùi Ngọc Tuấn ghi nhận:

Hãy nghe Cung Trầm Tưởng nói về người vợ, trong một đời sống còn khùng khiếp hơn cả địa ngục chín tầng, đời sống của những người tù cải tạo dưới chế độ cộng sản:

*Mắt em hôm ấy lệ ngàn
Tóc pha sương hắt gian truân mút mùa
Ngó than gầy thấy nghèo xo,
Cơm quên đòi bữa, lòng lừa lắm cay
Chợt nhìn vết nhẵn đeo tay
Đã quy thành cổ ma chay mẹ chồng*

... Tình yêu của người vợ không bao giờ nhạt phai, càng đắng cay, càng sâu đậm, những ác độc, hung hiểm trên đời không thể mảy may xúc phạm:

*Lệ em thuần phác đưa chàng
Sống thân cách trở, chết ràng hồn nhau
Bồng bênh bồng bển bồng nao...
Chờ em đi thả neo sao biển trời
Mẹ ru con ngủ à ơi!
Nghìn câu vãn tổng góp lời nuôi con
Nếu mai sau Đất Mẹ còn
Nhìn mây khuyên vấn tang Hòn Vọng Phu*

Ông bà Cung Trầm Tưởng có 7 người con, 4 trai 3 gái, và 4 người cháu. Nhà thơ Cung Trầm Tưởng (tên thật Cung Thức Càn) cho biết, gia đình bà theo đạo Công giáo, khi lập gia đình với ông thì thờ cúng tổ tiên, rồi thấm nhuần giáo lý nhà Phật. Mặc dù đã rất yếu, 10 ngày trước khi qua đời, bà bảo con chớ lại ngôi nhà cũ nơi thờ tự bố mẹ chồng và em chồng để cúng giỗ hương linh người em chồng quá vãng, nhà thơ Cung Trầm Tưởng ngậm ngùi kể lại. Và giờ đây, có lẽ bà cũng đã thông dong nơi tiên cảnh sau một đời phụng sự cho chồng, cho con.



Nhà thơ Cung Trầm Tưởng và phu nhân (áo dài xanh, tay cầm bó hoa) trong một buổi vinh danh nhà thơ Cung Trầm Tưởng và các tác phẩm của ông, không rõ năm. Lúc này bà còn khỏe và thường xuất hiện cạnh ông (nguồn ảnh: gia đình cung cấp)

(trích đăng trong tuần báo Thế Giới Nghệ Sĩ số 130 phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2017)

Ngôn Ngữ Và Không Gian Thơ Du Tử Lê

CUNG TRÂM TƯỜNG

08 Tháng Hai 2015 (Bài nói chuyện tại Brian Coyle Center, Saint Paul, Minnesota)



Cung Trâm Tường và Du Tử Lê (07-2012)

Tôi bước ra từ thơ, để đứng đây, nói về tác phẩm *Sông Núi Người Thơm Nổi Nhớ Nhà* của Du Tử Lê. Một công trình đáng kể của người thi sĩ này về hai phương diện: Ngôn ngữ thơ và, không gian thơ.

Nói đến thơ là nói đến ngôn ngữ. Vì ngôn ngữ thơ, tương tự như thương người như thể thương thân. Đối với người làm thơ thì ngôn ngữ chính là máu huyết, là nước mắt, là cốt tủy, là phong cách của một thi sĩ. Dù trong tập thơ này, tác giả đề cập tới một tình yêu da diết, hay bất hạnh thì đằng sau tình yêu đó, vẫn phải máu huyết của người thi sĩ.

Nói về ngôn ngữ thơ của Du Tử Lê phải công nhận rằng Du Tử Lê đã tạo được phong cách riêng cho thơ của ông. Du Tử Lê đã tận dụng các dấu, gồm luôn cả dấu gạch chéo / slash, để xô đẩy câu thơ đầu tiên, dàn trải theo mạch thơ, về một phía, để xác định tính chủ thể, khởi nguồn của bài thơ. Nhưng ở những câu thơ kế tiếp, Du Tử Lê lại xô, dạt chúng về một phía khác, để làm bật lên những ý niệm khác. Chữ thứ hai xô đẩy chữ thứ nhất về nơi chốn cuối. Nó nằm yên ở đó. Nó không chết. Và với câu thơ

kế tiếp hay tới khi cuối bài thơ, chữ tưởng như bị chôn vùi, bị chết lại trở về, hòa nhập hay hoán vị với chữ đầu tiên...

Theo tôi, Du Tử Lê đã thành công với cả hai phần: phần mở vào bài thơ và phần khép bài thơ lại. Chính vì thế mà khi ta đọc thơ Du Tử Lê, ta cảm thấy có một cái gì rất đặc biệt. Ta vẫn thấy thơ của ông, khác với thơ của những người khác. Nó khiến ta phải bần khoản, phải thắc mắc. Phải quay trở lại phần khởi nguồn của bài thơ. Tác giả nói về một sự vật, nhưng đồng thời cũng là tiếng nói của chính sự vật đó.

Tôi gọi đó là đặc tính phủ định trong ngôn ngữ thơ Du Tử Lê. Bởi vì, ông có một khả năng xử dụng ngôn ngữ thơ tài tình. Một ngôn ngữ thơ tuyệt vời. Bây giờ, trong vô vàn ngôn ngữ thơ của nhân loại, chúng ta có ngôn ngữ thơ mang tên Du Tử Lê.



Từ trái qua: Phó Ngọc Vãn, Du Tử Lê, Cung Trầm Tưởng, Ngọc Dũng, Ngô Phi Đạm

Về không gian trong thơ Du Tử Lê, ông dùng dấu gạch chéo / Slash để tạo một không gian cho người đọc tùy nghi sắp xếp, sáng tạo, viết lại, như một tác giả thứ hai. Tuy nhiên, cần nhớ rằng người đọc chỉ toàn quyền trong cái khoảng không gian thơ, quy luật thơ, cõi thơ mà ông đã quy định sẵn mà thôi.

Để dẫn chứng, tôi xin đọc nguyên văn bài thơ mà tôi cho là quan trọng nhất trong thi tập này. Đó là bài: Tình Yêu / Trang Ruột Và,/ Bìa Sách/. Tôi sẽ đọc theo thể điệu Rap, vì thấy nó thích hợp.

Tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống giữa hai gạch chéo / slash
trong một câu thơ

thí dụ:...../...../...../...../

mời những người đọc tôi

hôm nay, ngày mai tham, dự

không phân biệt màu da

chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu

mượn trái tim anh em, bà con để, thờ, thi ca tự thân là những đôi nhiễm sắc thể như
con người

vẫn một: trong / hình dung / tốt lành

thượng đế.

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống

giữa hai gạch chéo / slash

trong nhiều câu thơ

thí dụ:...../...../...../...../

mời những người đọc tôi

hôm nay, ngày mai tham, dự

không phân, biệt tuổi tác, giống tính

chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu

mượn trái tim anh em, bà con để, thờ

thi ca tự thân

là vũ trụ tinh khôi

tất cả mọi người đều có quyền

tùy tiện đặt, để núi, sông / cỏ, cây / thiên nhiên / thánh thần / ma quỷ

tùy tiện chọn việc làm / chỗ ở / người tình / cầu tiêu /chim muông / dã thú

rừng quá quắt giẫm, ngâm biển muối

sớm mai tro /ngấu /giọt nhớ nhà

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống

giữa hai gạch chéo / slash

thí dụ:...../...../...../...../

trong bài thơ

mời những người đọc tôi

hôm nay, ngày mai tham, dự

không phân, biệt cội nguồn, xuất xứ

chúng ta: đồng tác giả
bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thờ
thi ca tự thân là giải ngân hà
mỗi chúng ta
một black hole
hố chôn, dấu thẳm sâu, kín đáo nhất
mọi mơ ước, khát vọng tiền bạc / địa vị / tình yêu / quyền lực
thậm chí ẩn ức sinh lý / loạn luân / bệnh hoạn...

không ai có quyền ngăn, cấm quý vị
điền tên tôi; và, những lời nguyện rửa thô, bạo
vào khoảng trống (vừa đủ)
thí dụ: đ.m. du tử lê và (vấn thí dụ) nên xót thương y / bởi ai cũng cần có cho mình một
bà mẹ
chiếc nhau tôi chôn, xa
buồn hủi, cùi cặn gần quá đối
tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch chéo / slash
trên vách xương, thơ thật bài thơ
thí dụ:...../...../...../...../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt nghề, nghiệp
chúng ta: đồng tác giả
bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thờ
thi ca tự thân
vốn tật nguyện
(mỗi bài thơ một mệnh hệ riêng lăn xuôi triền lờ, hãng)
kề dư thịt da
thiếu tấm lòng để hiểu
sống hay chết cũng chỉ là cách nói
điều đáng buồn: - người biết hỏi người?
tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch chéo / slash
tâm thất trái bài thơ
thí dụ:...../...../...../...../
mời những người đọc tôi

*hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt lý lịch
chúng ta: đồng tác giả
bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thờ
thi ca tự thân
dị ứng mọi khoanh vùng
chỉ có thơ
hoặc không phải thơ
thi sĩ
hoặc lũ hề
(và đám ruồi bu nặng xỉ phèng la, chiêm, trống)
hãy lánh xa bợn gọt đầu, nhỏ răng văn học
tôi sẽ để khoảng trống duy nhất
giữa hai gạch chéo / slash /...../
cho tình yêu ta
(câu thơ không cần viết ra)
chẳng thể có một câu thơ nào
máu huyết / lớn lao / hơn
câu thơ viết ngoài bì cuốn sách /quê hương/ áp, ủ ta: trang ruột.
Du Tử Lê (Jan., 1995)*



MỘT SỐ BÀI THƠ CỦA CUNG TRẦM TƯỜNG:

<https://www.thivien.net/Cung-Tr%E1%BA%A7m-T%C6%B0%E1%BB%9Fng/author-ke2uR9oul9ZzRvgwJTVDbQ>



Nguyễn Thanh Châu sưu tầm:

<http://www.phamcaohoang.com/2018/09/795-cung-tram-tuong-27-bai-luc-bat.html>



Nhà thơ Nguyễn Thanh Châu & nhà thơ Cung Trầm Tường

Trò chuyện đầu tuần với nhà thơ Cung Trầm Tưởng, do Ông Thụy Như Ngọc thực hiện (25/2/2019). Ông đọc tặng thính giả My VietNam Radio 2 bài thơ trong chùm thơ Luyên Thi Cung Trầm Tưởng:

- Cho Một Hồn Không Tuổi
- Một Đóa Hồng Thần Diệu (viết trong ngày Lễ Tình Yêu 2019)

<https://www.youtube.com/watch?v=m0yv5UTUf8s>

Đọc thêm các bài viết Cung Trầm Tưởng đã đăng trên [Việt Tide](#):

- [Ta về không tắm ao ta, câu chuyện ngôn ngữ học, và nhu cầu giải Hán hóa](#)
- [Lửa ấm của một tình bạn mặn đào giữa một mùa đông băng giá](#)

Ngày 1 tháng 6 năm 2022, nhà thơ Cung Trầm Tưởng, một tên tuổi lớn trên văn đàn thi ca Việt Nam, đã cho phép phổ biến toàn bộ các sáng tác trong suốt 7 thập niên của ông trên liên mạng điện toán cho độc giả khắp thế giới dễ dàng thưởng thức. Nhà thơ Cung Trầm Tưởng viết giấy ủy thác công việc này cho cô Ông Thụy Như Ngọc, và diễn đàn đầu tiên đưa toàn bộ thi phẩm của ông lên Internet là trang Tủ Sách Việt Tide.

Giấy Ủy Thác ghi: "Tôi, Cung Trầm Tưởng, tác giả tập Một Hành Trình 70 Năm Thơ Cung Trầm Tưởng (1948-2018) / Nay cho phép cô Ông Thụy Như Ngọc phổ biến rộng rãi tập thơ trên đến độc giả toàn thế giới và để lưu truyền cho hậu thế / Phương tiện sử dụng là liên mạng Internet và dưới hình thức ấn bản sẽ được thực hiện trong tương lai / Làm tại Minnesota ngày 1 tháng 6 năm 2022" - Ký tên: Cung Trầm Tưởng

https://www.scribd.com/document/577332577/cungtramtuong-tho-1948-2018?secret_password=EoyW6tS9s7Ah5GhYaDKF#download&from_embed

Chưa bao giờ buồn thế

Lên xe tiễn em đi
chưa bao giờ buồn thế
trời mùa đông Paris
suốt đời làm chia ly

Tiền em về xứ mẹ
anh nói bằng tiếng hôn
không còn gì lâu hơn
một trăm ngày xa cách

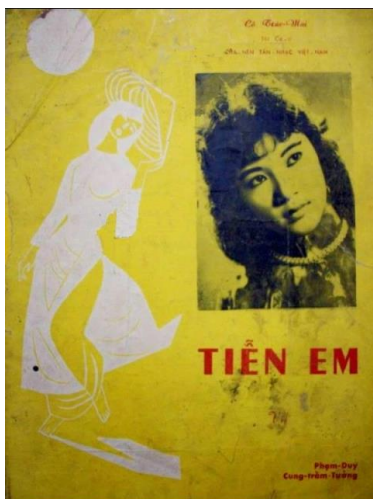
Ga Lyon đèn vàng
tuyết rơi buồn mênh mang
cầm tay em muốn khóc
nói chi cũng muộn màng

Hôn nhau phút này rồi
chia tay nhau tức khắc
khóc đi em, khóc đi em
hỡi người yêu xóm học
để sương thấm bờ đêm
đường anh đi tràn ngập lệ buồn em...

Ôi đêm nay
chưa bao giờ buồn thế
trời mùa đông Paris
suốt đời làm chia ly

Tàu em đi tuyết phủ
toa anh lạnh gió đầy
làm sao anh không rét
cho ấm mộng đêm nay
và mơ ngon trên khắp nẻo đường rầy!

Trời em mơ có sao
mình anh đêm ở lại
trời mùa đông Paris
không bao giờ có sao
trời mùa đông Paris
chưa bao giờ buồn thế!



Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc
thành bài hát *Tiền em*.

Tuấn Ngọc hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=WZQ6w60ClbA>

TIÊN EM

(CHƯA BAO GIỜ BUỒN THẾ)

PHẠM DUY soạn thành Ca-khúc

Từ: CUNG TRẠM TƯỜNG

Vif C

Lên xe tiên em đi chưa bao giờ buồn thế Trời

Am

mùa đông Pa - ri suốt đời làm chia ly...

Tiên em về xứ mẹ anh nói bằng tiếng hôn không còn gì lâu

Dm C

hơn một trăm ngày xa cách... Tuyệt rồi mộng manh

buồn Ca Ly - on đèn vàng cầm tay em muốn khóc nói chi cũng muộn

màng... Lên xe tiên em đi chưa bao giờ buồn thế trời

mùa Đông Pa - ri suốt đời làm chia ly... Hòa

F

nhau phút này chia tay tức thì Em ơi khóc đi em khóc đi

em khóc đi em... Sao rơi rớt rụng Vai

em ước mùa. Em ơi khóc đi em khóc đi em khóc đi em...

Lên xe tiễn em đi chưa bao giờ buồn thế. Trời

mùa Đông Pa - riá xuất đời làm chia ly...

Hỡi em người xóm học sương thắm hè phố đêm trên con đường anh

đi Lệ em buồn vương vấn... Tuyết rơi phủ con tàu. Trong

toa em lạnh đây. Làm sao em không rét cho ấm mộng đêm này.

Nơi em có trăng soi. Anh một mình ở lại. Trời mùa Đông Pa-

riá xuất đời thêm trăng soi... Lên xe tiễn em đi chưa

bao giờ buồn thế. Trời mùa Đông Pa - riá. Xuất đời làm chia ly...

Mùa thu Paris

Mùa thu Paris
Trời buốt ra đi
Hẹn em quán nhỏ
Rưng rưng rượu đỏ tràn ly

Mùa thu đêm mưa
Phố cũ hè xưa
Công trường lá đỏ
Ngóng em kiên khổ phút, giờ

Mùa thu âm thầm
Bên vườn Lục-Xâm
Ngồi quen ghế đá
Không em buốt giá từ tâm

Mùa thu nơi đâu?
Người em mắt nâu

Tóc vàng sợi nhỏ
Mong em chín đỏ trái sầu

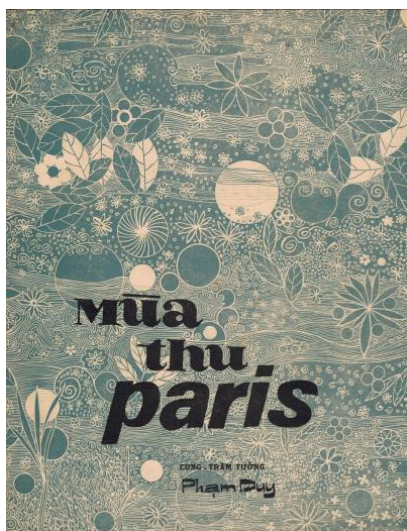
Mùa thu Paris
Trần dâng đôi mi
Người em gác trọ
Sang anh, gót nhỏ thăm thi

Mùa thu không lời
Son nhạt đôi môi
Em buồn trở lại
Hờn quên, hối cải cuộc đời

Mùa thu! mùa thu
Mây trời âm u
Yêu người độ lượng
Trông em tâm tưởng, giam tù

Mùa thu!... Trời ơi! Tình thu!

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành bài hát cùng tên.



Thái Thanh hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=pJrN5HBixs4>

Mùa Thu PARIS

Thơ CUNG TRẦM TƯỜNG
PHẠM DUY soạn thành ca khúc.

MODERATO



Mở đầu...

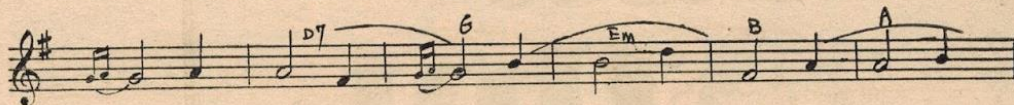
Mùa



Thu Pa - ris. Trời buốt ra đi. Hẹn em quán nhỏ. Hẹn



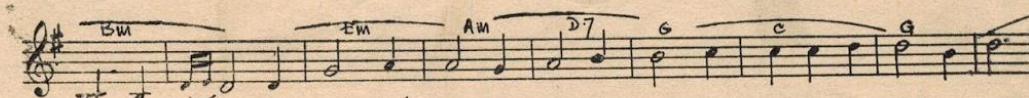
em quán nhỏ Rượu rưng rưng ly đỏ tràn trề... Mùa thu đêm



mưa phố cũ hè xưa. Công - viên lá đỏ, công - viên lá



đỏ, chờ mong em gắng khổ từng giờ... Mùa Thu âm - thầm bên



vườn Lục - xâm ngồi*quen ghế đá. Ngồi quen ghế đá không em đi Buốt giá từ tâm...

G.P. số 783/BTT/PHNT
ngày 22-3-1972

Cấm trích dịch in lại
dưới mọi hình thức



Mùa Thu nơi đâu người em mắt nâu. Tóc vàng sợi



nhỏ. Tóc vàng sợi nhỏ chờ mong em chín đỏ trái sầu Mùa



Thu Pa - ris Trần lấp đôi mi Người em gác trọ. Người



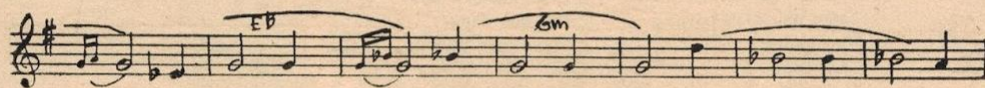
em gác trọ. Phòng anh đôi gót nhỏ thăm thi. Mùa Thu im



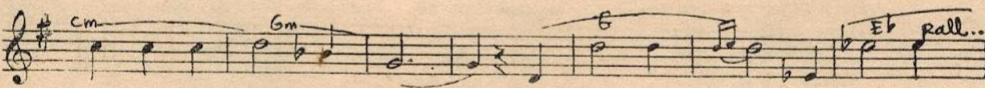
hời. Sơn nhạt đôi môi. Ngày em trở lại. Ngày em trở



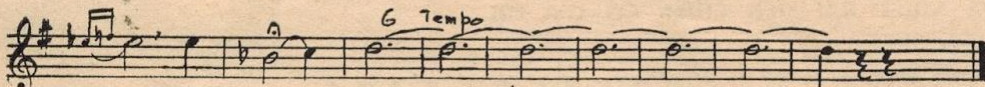
lại Hồn quên em hồi cái cuộc đời Mùa Thu ơi!



Thu trời mây âm u. Yêu người độ lượng Yêu người độ lượng và



trong em tâm tưởng giam tù. Mùa Thu Pa - ris Mùa Thu Pa -



ris Với tình (ư) Thu...

KIỆP SAU

*Bù em một tháng trời gần
Đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi
Bù em góp núi chung đời
Thiên nương đốt lá cũng rồi hoang sơ.
Bù em xuôi có ngàn thơ
Vẫn nghe trắc trở bên bờ sông thương
Quên thôi, bông sẽ phai hường
Mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu
Non sông bóng mẹ sầu u
Mòn trong ngưỡng cửa, chiều lu mái sầu.*

*Thôi em xanh mắt bờ cầu,
Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau...*

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành bài hát cùng tên.

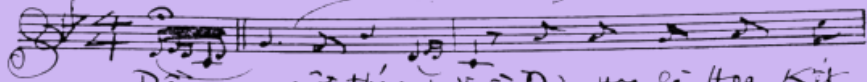
Thái Hiền hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=Kb80oN5xOcU>

Kiếp sau



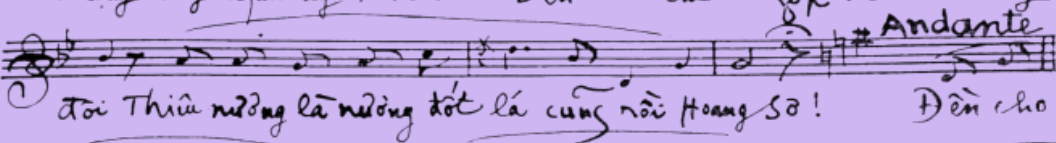
adlib.



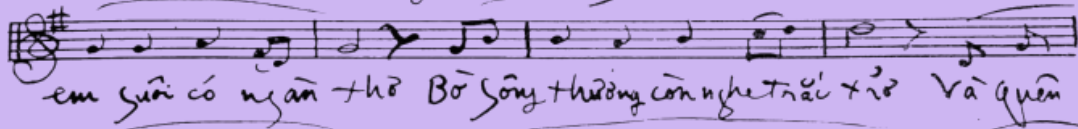
Đền em một tháng trời gần Đóm Hoa là Hoa Két



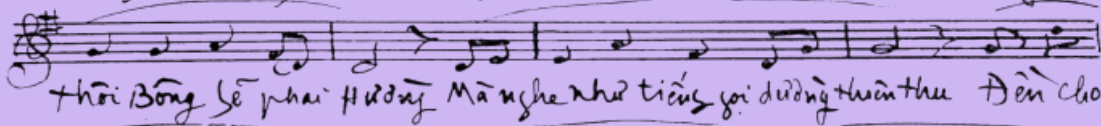
mong cây nây ấy thôi! Đền em lớp núi chung



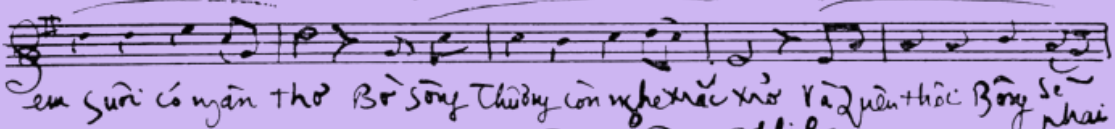
đôi Thiêu nường là nường tốt lá cũng rồi Hoang Sơ! Đền cho



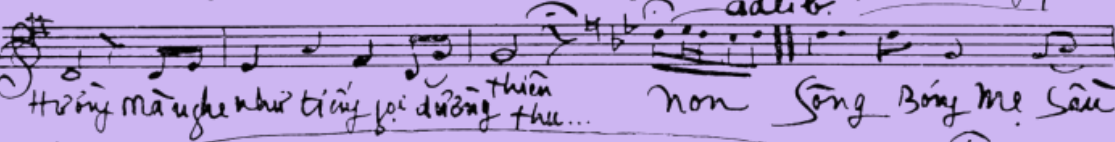
em Sười có nyan thơ Bờ Sông thướt còn nghe trác xỏ Và quên



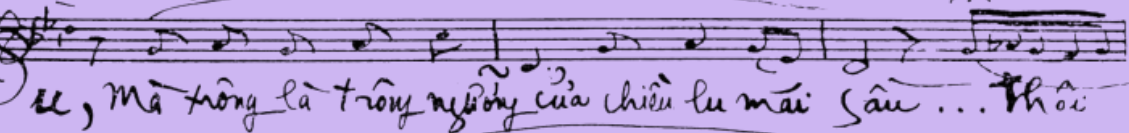
thơ Bông Lê phai Hường Mả nghe như tiếng gọi đường thiên thu Đền cho



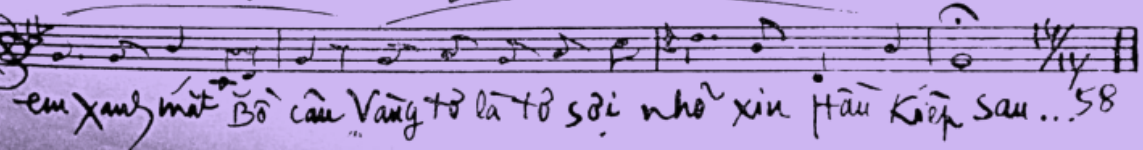
em Sười có nyan thơ Bờ Sông thướt còn nghe trác xỏ Và quên thơ Bông Lê



phai Hường Mả nghe như tiếng gọi đường thiên Non Sông Bông Mạ Sầu



ư, Mả không là trong nyan của chiều lu mải Sầu... Thôi



em Xanh mắt Bờ cầu Vàng tờ là tờ sởi nhớ xin Hân Kiếp sau... 58

TƯƠNG PHẦN

Đêm chớp ngày tàn
Theo tiếng xe lăn về viễn phố
Em ơi!
Sương rơi
Ngoài song đêm hạ
Ôi buồn phố xá...
Hoang liêu về chết tha ma
Tiếng chân gõ guốc: người xa vắng
người
Em có nghe dồn giã
Bước ai vất vả
Bóng ai chập chờn
Hồn ai cô đơn
Say sưa tìm về ấm cúng
Em có nghe bi ai
Tình ai ấp úng
Thương ai lạc loài
Ăn mây sáng lạn một ngày mai

Đêm nay say đất lở
Em có nghe rạn vỡ

Ra muôn mảnh ly rơi
Pha lê vạn chuỗi cười
Bên nó dạ thành khoe trắng lệ
Trơ trên giai nhân phô lỗ thề
Bên ni phố vắng lòng ngoài ô
Em có nghe mơ hồ
Bước ai thao thức
Gỗ nhịp hện hò
In dài ngõ cụt
Bóng ai giang hồ
Bên nó bên ni đêm lạnh cả
Lạnh đêm mà chẳng lạnh vuông phòng

Em ơi bên trong
Dù chia ly đôi phút
Đồng mang nhớ đèo mong
Hai tâm hồn giam kín
Bốn mắt xanh bịn rịn
Anh ngồi làm thơ
Anh ngồi bấm đốt con thơ ra đời

Bên ngoài liếp ngõ sương rơi
Bên trong kín gió ấm ơi là tình!...

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành bài hát *Bên ni bên nó*.

Khánh Ly hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=tsVEe84L0Rk>

BÊN NƠ BÊN NI

THƠ Cung trâm Cường/
Phạm Duy SỰ AN THÀNH CA KHÚC



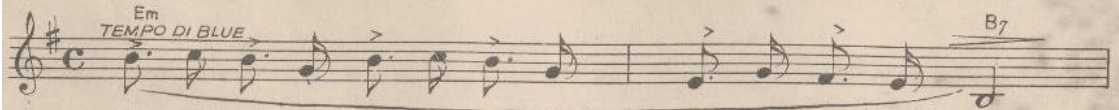
Đêm chớm ngày tàn Theo tiếng xe về (ê) Lăn về viễn xứ... Em hỏi sương



rời ngoài song đêm hạ (ạ) Ôi buồn phôi xá Hoang liêu về chết tha ma...



Tiếng chân gõ guốc xa xa Người xa vắng người Người xa vắng người...



Em có nghe dồn dã bước ai vất và Bóng ai chấp chành?
Em có nghe hồ như bước ai gõ nhịp Bóng ai giăng hồ?

Hồn ai có đờn tim về âm cúng Em có nghe bi ai tình ai ập
 Hẹn ai bên ni dai in ngõ cũ Em có nghe bên ni lạnh như bên

ường Thương ai lạc loài ần mây sáng lan ngày mai Đêm
 nở Phút giây chia lià Trong lòng vẫn phải đeo mong Hai

nay ai say đất lở Em ơi có nghe rạn vỡ Vạn mảnh ly tan theo chuỗi
 tâm linh giam kín lại Bấm đốt ngón tay chờ đợi Chờ ngày con thơ, Thơ cũng ra

cười Bên tè thành phố trắng lè Giai nhân nằm khoe loa thể?
 đời Em ơi ngoài kia liếp ngõ Sương rơi ngoài song khép hờ

Bên ni phố vắng ôi lòng ngoài ô Bên trong kín gió âm ơi là tình.

KHOÁC KÍN

*Chiều đông tuyết lũng âm u
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn
Nhớ ngày tàu cũng đi luôn,
Ga thôn trơ nổi, băng nguồn héo hon.
Phường xa nhịp sắt bon bon,
Tàu như dưới tỉnh, núi còn vọng âm.
Sân ga mái giọt âm thầm:
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào?
Minh tôi với tuyết non cao;
Vội cồn phố tịnh buốt vào xương da;
Vội mây trên nhọt ánh tà;
Vội đèn xóm hạ cũng là tịch liêu.
Tôi về bước bước dẫm chiều,
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.*

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành bài hát *Chiều đông*.

Ý Lan hát:

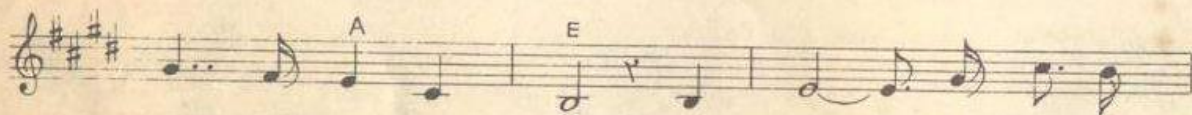
<https://www.youtube.com/watch?v=MwkTAbbdBYA>

CHIỀU ĐÔNG

THƠ : C. C. Cường
Phạm Duy PHỔ NHẠC



Chiều đông tuyết lững âm u Bâng khuâng chiều



tới tiếp thu trời buồn Ngày đi tàu cũng đi



luôn Ga thôn trở nổi băng nguồn héo hơn Phường



xa nhịp sắt bon bon Tàu như dưới tình núi non vọng



âm Nhà ga dột mái lấm râm Máu đi có



nhớ hồi tâm chiều nào Một mình tôi với tuyết non



cao Với cơn phở tỉnh buột vào thịt da Với mây trên nhọt trắng



tà Với đèn xóm hạ cũng là tịch liêu... D.C.

*Chiều đông tuyết lũng âm u.
Bâng khuâng chiều tối tiếp thu trời buồn
Mình tôi nhịp bước dậm dậm
Tâm tư khoác kín chiều cảm lạnh nhiều.*

VỀ ĐÂY

Về đây tôi lại gặp tôi
Lang thang lối cũ, trước đôi sau nường.
Ngô đồng lả ngọn thuần lương,
Trời cao không đỉnh, mền thương không bờ.
Cố tri khóm hạnh bây giờ
Vẫn màu thiên thuở khoác chờ xóm xưa.
Vẫn hanh vàng nắng toả vừa,
Sáo mừng “dạ” với oanh “thưa” nổi niềm.
Tùng bè trầm, hoạ mi kim,
Khoan thai gió cõi phong niêm rữ buồn.
Bờ nghiêng, nắng dốc, đường thôn.
Thiết tha tiếng cũ nghe luồn không trung.
Chân vui lối rộn khôn cùng,
Gần xa đời mở vòng cung thâu vào.
Chân phương lòng thấy nao nao
Với muôn thương mền lên cao hôn trời.

— Aix-en-Provence
1954

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc thành bài hát Về Đây (sau này Phạm Duy lại dùng tựa đề “Đường Xưa Lối Cũ”)

Thanh Lan hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=HprQ3CKbJ7M>

Về đây

Habanera chậm 3
 Về đây tôi lại gặp tôi! Lưng

thang lối cũ trước tôi sau lưng Về đây Ngõ đông Là ngon thuận lương!

Ngõ đông Là ngon thuận lương Trời cao Không định quên thương Không bỏ, Về

đây Ta về về lại gặp ta! Có tri Khốn phận Bây giờ Vẫn mãi

Cố Khóc chờ kiếp xưa Nắng tỏa vủa Hiếu Tung ^{cu} bóng chưa phai năm...

Ngày đi chiều tới Không ^{khôn} nghiêm, thái gió Cời phong năm rừ Bướn, Đường

thuôn thết tha ^{tiếng} cũ nghe luôn Không + rung! Bờ nghiêng nắng dọc ở trong

thuôn thết tha tiếng cũ nghe luôn ^{khôn} xang, Về đây! Ta về rồi mở Vòng

cung... Ta về ở trong rón Bàn chân, yên xa rồi mở. Cánh

cung thâu vào, Về đây Ta về Lòng rón nắng sao! Chầu

^{Đôi} Hết ^{rall} phở trong Lòng thấy nao nao... Muốn thương nghĩ mãi lên cao. 16-11-58



Michelle Phương Thảo – VietArt Center nói chuyện với Cung Trầm Tưởng

Tình Ca Cung Trầm Tưởng: <https://www.youtube.com/watch?v=1sfibtk3JQk>

Tình Ca Cung Trầm Tưởng: Kiếp Sau

<https://www.youtube.com/watch?v=onx34uW6HRA>

Tình Ca Cung Trầm Tưởng: Râu Xanh

<https://www.youtube.com/watch?v=bk-OhxQq71Y>

Tình Ca Cung Trầm Tưởng: Chiều Đông

https://www.youtube.com/watch?v=w4uLQ_o2rYI

Tình Ca Cung Trầm Tưởng: For Rent

<https://www.youtube.com/watch?v=TftSKJ2DxwY>

Cung Trầm Tưởng: Người tù – phần 1

<https://www.youtube.com/watch?v=GzawIqB0eDg>

Cung Trầm Tưởng: Người tù – phần 3

<https://www.youtube.com/watch?v=ee4XXpcC4qQ>



Bác sĩ Lê Xuân Việt, con trai danh ca
Thái Thanh, phát biểu về Cung Trầm Tưởng:

<https://youtu.be/Z8rIDb12vDg?t=2916>



Đường Vào Thiên Thu - Nhạc: Nguyễn Tuấn - Thơ: Cung Trầm Tưởng
<https://www.youtube.com/watch?v=oohwB4G3ICY>



**KIỆP SAU - Thơ: Cung Trầm Tưởng - Phổ nhạc: Trường Sa
Minh Châu (Cali) hát:**
<https://www.youtube.com/watch?v=HbwkiZV7H24>

Kiếp sau

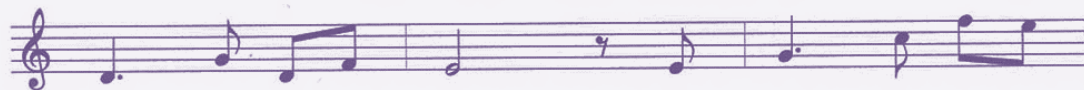
Thơ Cung tràm Tưởng

Nhạc Trường Sa

Chậm rãi .



Bù em một tháng trời gần . Đơm hoa kết



mộng cũng ngàn ấy thôi . Bù em góp núi chung



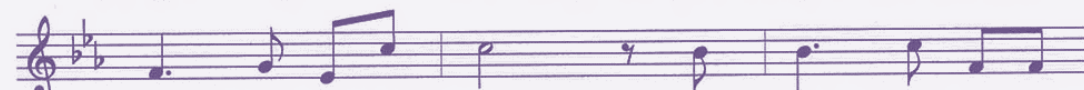
đồi . Thiêu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ . Bù



em suối có ngàn thơ . Vẫn nghe trác trở bên bờ sông



thương . Quên thôi bông sẽ phai hương . Mà xưa tiếng



gọi nghe dường thiên thu . Non sông bóng mẹ sầu



u. Mòn trong ngưỡng cửa, chiều lu mái sào . Thôi



em xanh mắt bờ câu . Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp



1.

sau

bù . . .

2.

sau .

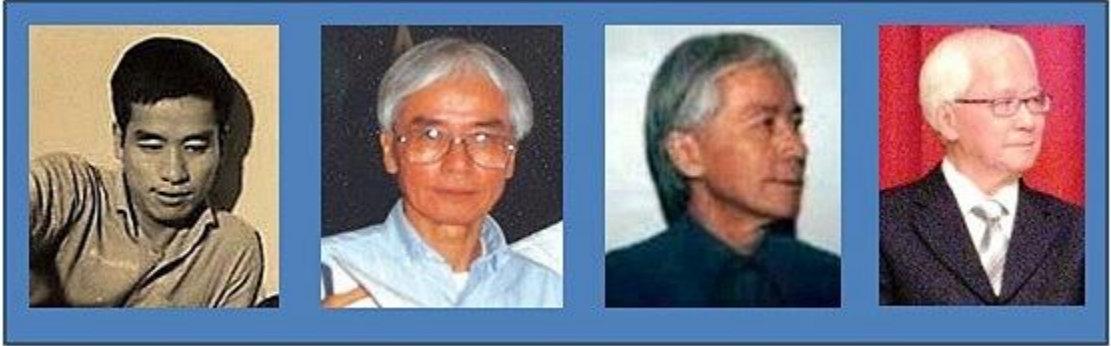


Cung Trầm Tường - 2021



Mùa Thu Paris

Tưởng Niệm Thi Sĩ CUNG TRẦN TƯỞNG (1932-2022)



Biên soạn:

Phan Anh Dũng

(Rockville, Maryland USA)

Thực hiện: 20 tháng 10 năm 2022

Vui lòng gửi thêm tài liệu và ý kiến xây dựng về: dathphan1@gmail.com